

NGUYỄN HỮU KIỆT dịch

Đông Phương Huyền Bí





ĐÔNG PHƯƠNG HUYỀN BÍ

Dịch giả: Nguyễn Hữu Kiệt

GPXB số 39-2008/CXB/15-181/VHTT

QĐXB số 1026/QĐ-VHTT

In ấn và phát hành tại Nhà sách Quang Minh

416 Nguyễn Thị Minh Khai, P5, Q3, TP HCM Việt Nam

NGUYỄN HỮU KIỆT *dịch*
NGUYỄN MINH TIẾN hiệu đính

TỦ SÁCH HUYỀN MÔN

ĐÔNG PHƯƠNG HUYỀN BÍ

Nguyên tác A SEARCH IN SECRET INDIA
của **Paul Brunton**

NHÀ XUẤT BẢN VĂN HÓA THÔNG TIN

LỜI NÓI ĐẦU

Sách này cũng có thể lấy tựa là Ấn Độ huyền bí, vì thực sự là nó đề cập đến những nét huyền bí của Ấn Độ. Sở dĩ Ấn Độ trở nên huyền bí là vì cái tính cách thiêng liêng, cao quí của nó. Thông thường, người ta không ai muốn phô bày trước mắt mọi người những gì mà họ cho là thiêng liêng quí báu nhất. Một bản năng trong tiềm thức xui khiến họ phải ẩn giấu những điều ấy ở nơi sâu kín nhất của tâm hồn. Và nếu họ không thể che giấu tất cả mọi người, thì họ cũng chỉ tiết lộ cho một số rất ít người cùng chung lý tưởng mà thôi.

Đó là nói về trường hợp riêng biệt của một người, của từng cá nhân. Đối với một dân tộc, một quốc gia cũng vậy. Một dân tộc cũng nghe theo tiếng nói của bản năng mà ẩn giấu những gì thiêng liêng quí báu nhất của mình sau một tấm màn bí mật hoàn toàn. Và đó là trường hợp của xứ Ấn Độ. Những gì thiêng liêng nhất của họ cũng là những gì mà họ cố giữ bí mật nhất, không thể tiết lộ ra ngoài cho những kẻ thế nhân phàm tục.

Nhưng sự bí mật, ẩn giấu vẫn luôn kêu gọi sự tìm tòi, khám phá của người có chí nguyện sưu tầm và học

hỏi. Trong Thánh kinh có câu: "Ngươi hãy gõ cửa, rồi cửa sẽ mở; ngươi hãy tìm, rồi ngươi sẽ gặp." Đối với những ai là người có đủ sự kiên gan bền chí, tìm kiếm với hết cả tâm hồn, với một ý chí mãnh liệt, thì tấm màn bí mật kia có ngày cũng sẽ từ từ vén lên.

Ông Paul Brunton, tác giả quyển sách này, là người có cái ý chí đó. Nhưng trước khi đạt được mục đích, ông đã phải trải qua những sự khó khăn không biết là dường nào! Vì ở Ấn Độ cũng như ở các xứ khác, người ta chỉ tìm thấy sự chân thật sau khi đã gạn lọc, chiến đấu và loại bỏ những gì là hư dối bên ngoài. Người đi tầm đạo phải tự vạch lấy một con đường sau khi đã gặp phải rất nhiều những tay pháp sư, phù thủy, đạo sĩ, thuật sĩ... đủ hạng và đủ mọi trình độ.

Những người này đã tập luyện tinh thần và thể xác của họ đến một mức độ phi thường. Nhiều người trong số đó đã khai thác và sử dụng được những sức mạnh mà người ta gọi là năng lực thần bí. Đó là một hạng người lý thú đáng được sự chú ý của các nhà bác học chuyên khảo cứu về những hiện tượng tâm linh. Nhưng họ chưa phải là hạng người đã đạt được chân lý. Họ chưa phải là hạng người tiêu biểu cho đời sống tâm linh thật sự. Họ cũng chưa phải là những người tiêu biểu cho xứ Ấn Độ huyền bí và linh thiêng mà ông Brunton muốn tìm tòi, khám phá.

Ông Brunton đã gặp họ trên lộ trình của ông, đã chú ý và phỏng vấn họ. Nhưng ông đã vượt khỏi hạng người này và tiến xa hơn nữa. Cái mà ông muốn gặp là sự sinh hoạt tâm linh, trong cái sắc thái tinh hoa, cao thượng nhất của nó, và sau cùng ông cũng đã gặp.

Ở một nơi hẻo lánh hoang vu, một nơi thâm sơn cùng cốc, thường là nơi ẩn trú của những bậc thánh nhân hiền triết Ấn Độ, ông Brunton đã gặp một hiền giả có thể tiêu biểu cho những gì mà xứ Ấn Độ vẫn sùng bái, tôn thờ như là điều thiêng liêng nhất của họ. Nhưng nếu Đức Maharichi, hay bậc Đại Hiền, là người đã hấp dẫn ông nhiều nhất, thì ngài cũng không phải là người duy nhất thuộc về hạng người đặc biệt đó. Ở những miền núi cao rừng rậm của xứ Ấn Độ ngày nay, người ta còn có thể tìm gặp được một vài người như thế, nhưng phải nói là rất ít. Chính những người đó mới là tiêu biểu cho cái quốc hồn quốc túy của xứ Ấn Độ, và tiêu biểu cho sự huyền bí của Ấn Độ mà ông Brunton diễn tả trong quyển sách này của ông.

Hy vọng cuốn sách này sẽ mang đến cho bạn đọc những giây phút giải trí thú vị và bổ ích cũng như những bài học sâu sắc về đời sống tâm linh cao quý và hướng thượng.

LỜI TÁC GIẢ

Trong những tác phẩm nói về đời sống ở Ấn Độ, thường có một khía cạnh mơ hồ mà tôi xin cố gắng giải thích để quí vị độc giả được am tường. Những du khách xưa và nay đi du lịch bên Ấn Độ trở về đều có tường thuật những chuyện lạ lùng về các nhà đạo sĩ (*yogi*) hay thuật sĩ (*fakir*) của xứ ấy. Những câu chuyện mà chúng ta vẫn nghe quen tai về hạng người bí mật, thường được gọi là đạo sĩ hay thuật sĩ đó, có chứa đựng một phần nào sự thật chăng? Và có bao nhiêu sự thật ẩn giấu sau những truyền thuyết cho rằng có một nền minh triết cổ truyền của Ấn Độ có thể đem đến cho hành giả sự phát triển quyền năng đến một mức độ phi thường?

Để biết rõ sự thật về những điều này, tôi đã thực hiện một cuộc viễn du dài hạn, và những trang sách này là tóm tắt những kết quả điều tra sưu tầm của tôi. Tôi nói "tóm tắt", là vì sự giới hạn của thời gian và không gian bắt buộc tôi chỉ ghi chép những tài liệu về một vài người đạo sĩ (*yogi*) tiêu biểu và điển hình trong số những người đặc biệt mà tôi chú ý nhất và có thể

khêu gợi sự tò mò thích thú của thế giới Tây phương. Các bạn thử nghĩ xem: Bạn nghe nói về một đạo sĩ chân tu, nổi tiếng là có một sự minh triết thâm sâu và những quyền năng lạ lùng. Để mong gặp họ, bạn liền ra đi, bạn trải qua những ngày nóng như thiêu và những đêm mệt nhọc vì mất ngủ. Khi đến nơi, rốt cuộc bạn chỉ thấy toàn những kẻ mê tín dị đoan, những người nô lệ kinh sách, miệng nói lưu loát nhưng chẳng hiểu gì cả; những người ấy sẽ làm cho độc giả mất thời giờ vô ích, và đối với tôi đó là một việc làm không hứng thú. Vì thế, tôi đã loại bỏ những chuyện đó ra ngoài.

Tôi có thể nói một cách khiêm tốn rằng tôi đã được cái hân hạnh khám phá một trong những khía cạnh của xứ Ấn Độ mà ít người du khách được thấy và hiểu rõ. Trong số những người Âu Tây đến xứ này, thử hỏi có được bao nhiêu người đã chịu tìm hiểu cái khía cạnh đó? Và trong cái thiểu số đó, cũng chỉ có rất ít người có đủ tự do sống len lỏi chung chạ trong đám bình dân để xem xét một cách tỉ mỉ và tường thuật lại một cách rõ ràng, bởi vì họ luôn muốn giữ gìn phẩm cách của họ đối với người bản xứ mà họ cho là thấp hèn. Vì thế mà những văn sĩ Âu Tây đã từng viết về vấn đề này đều bị ngăn cách với những nguồn tài liệu bản xứ, và làm cho những người Ấn Độ hiểu biết thâm sâu về vấn đề ấy phải lánh mặt không chịu đàm luận với họ.

Kết quả của sự kiện trên là người da trắng thường chỉ có sự hiểu biết rất thiếu sót về các nhà đạo sĩ *yogi* và nếu họ có được biết về một vài người, thì chắc chắn rằng đó không phải là những người đạo sĩ chân tu thượng thặng. Những người này chỉ muốn ẩn mình đối với kẻ thế gian phàm tục và thường làm ra vẻ như người ngu xuẩn. Ở Ấn Độ cũng như Tây Tạng, Trung Hoa, họ xô đuổi những du khách Tây phương đường đột đến nơi ẩn trú của họ bằng cách cố ý khoác lấy một vẻ mặt ngu si đần độn.

Có lẽ họ sẽ hiểu rõ hơn chúng ta, nếu họ biết được câu phương châm bất hủ của *Emerson*: "*Làm bậc vĩ nhân, tất sẽ bị hiểu lầm.*" (*Tre grand, c'est tre mai compris*). Dầu sao, đó là những người ẩn sĩ, không thích sống chung lộn với người đời. Dầu cho họ có tiếp xúc với người thế gian, họ cũng không bao giờ từ bỏ thái độ dè dặt kín đáo, trừ phi đã sau một thời gian quen biết lâu dài. Chính bởi đó mà ở phương Tây chỉ có rất ít tài liệu sách vở được ghi chép về đời sống lạ lùng của những đạo sĩ *yogi*, và chính những tài liệu ít oi đó cũng hãy còn rất mập mờ và thiếu sót.

Người ta có thể tìm thấy những sách vở tài liệu của những văn sĩ Ấn Độ, nhưng ta nên đọc những sách vở này một cách thận trọng. Thật là một điều đáng tiếc mà nhận thấy rằng người Ấn Độ thiếu óc phê bình

sáng suốt về những vấn đề này và thường không phân biệt sự đồn đãi với những điều có thật. Bởi vậy, những tài liệu họ ghi chép bị giảm giá trị rất nhiều.

Khi tôi nhận thấy nhiều người phương Đông bị tấm màn mê tín làm cho thiếu sáng suốt, tôi lấy làm cám ơn cuộc đời đã cho tôi có được một sự đào luyện trí tuệ theo phương pháp khoa học Âu Tây và có được một thái độ hợp lý của người làm nghề viết báo. Trong những điều mê tín dị đoan của phương Đông có ẩn giấu tiềm tàng một phần nào sự thật, nhưng người ta không thể khám phá ra sự thật này nếu không có một sự cảnh giác thường xuyên.

Bất cứ chỗ nào tôi đi đến, tôi vẫn luôn duy trì một sự phê phán khách quan và chặt chẽ, nhưng hoàn toàn không có định kiến chống báng hay thù nghịch. Có người khi biết rằng ngoài sự khảo cứu triết học tôi còn thích sưu tầm những điều thần bí, nhiệm mầu, thì họ liền vẽ vời tô điểm những câu chuyện tầm thường của họ với một lớp sơn phết lòe loẹt. Có lúc tôi đã nghĩ tôi có thể dạy cho họ biết rằng sự thật vốn đủ sức đứng vững trên hai chân mà không cần đến những lớp sơn phết bóng bẩy của họ, nhưng tôi không có thì giờ.

Tuy nhiên, tôi cũng lấy làm hài lòng mà có dịp học hỏi về những điều huyền bí của Đông phương ở ngay

tại chỗ. Trong một khối vô cùng hỗn độn và phức tạp gồm rất nhiều những chuyện thần thoại ly kỳ, tôi đã thử lục lạo tìm kiếm những gì có in dấu vết của chân lý và có thể đứng vững sau những cuộc thử thách gắt gao của phương pháp thực nghiệm khoa học. Tôi tự hào rằng có lẽ tôi đã không bao giờ làm được điều này nếu tôi không dung hòa trong cái bản chất phức tạp của tôi hai yếu tố thường vẫn luôn luôn trái ngược nhau: đó là sự hoài nghi của một bộ óc khoa học và sự nhạy cảm tâm linh.

Tôi đề tựa quyển sách này là "Đông phương huyền bí", vì nó nói về một xứ Ấn Độ đã từng thoát khỏi mọi sự tìm tòi trong hàng bao nhiêu ngàn năm, và được che đậy ẩn giấu một cách kín đáo đến nỗi ngày nay những gì còn sót lại cũng đang tuần tự suy vong và biệt tích. Thái độ kín đáo và bí mật của người đạo sĩ *Yogi* về việc giữ gìn những sự hiểu biết của họ có vẻ như ích kỷ đối với quan niệm dân chủ tự do của phương Tây hiện nay, và cũng bởi lẽ đó mà họ đã dần dần biến mất và bị mai một với lịch sử.

Hàng ngàn người Âu sống ở Ấn Độ và có đến hàng trăm ngàn người khác đến viếng xứ ấy mỗi năm. Tuy vậy, ít có ai biết được điều gì về Ấn Độ, ngoài những viên ngọc thạch quí giá và những hạt trân châu đắt tiền mà xứ ấy cung cấp.

Càng ít hơn nữa là những người chịu khó đi tìm những đạo sĩ của pháp môn *Yoga*, và trong một ngàn người Âu, có lẽ không có đến một người sẵn sàng khấu đầu làm lễ trước một nhà tu sĩ khổ hạnh mình trần, da sậm, ngồi thiền ở một nơi đầy chướng ngại đến nỗi cho dù là những người có tâm hồn quảng đại và trí thức cao xa, nếu bất thình lình phải rời khỏi khu cư xá người Âu và lọt vào nơi động đá thâm u đó, cũng sẽ nhận thấy là khó lòng mà sống chung gần gũi với một *yogi* và thông cảm với những ý tưởng của ông ta.

Tuy nhiên, người ta không thể trách một người Âu, dù là chuyên viên, tư chức, thương gia hay du khách, vì quá kiêu hãnh nên không thể cùng ngồi chung một chiếu với một *yogi*. Ngoài vấn đề giữ gìn thể diện của người da trắng, còn có vấn đề khác là hình dáng bề ngoài của những người đạo sĩ thường là dị dạng và không được hấp dẫn. Tránh xa một người như thế chắc chắn là một quyết định an toàn và hợp lý nhất. Vì thế mà thật đáng tiếc khi thấy rằng sau một thời gian nhiều năm lưu trú ở xứ này, phần nhiều người Âu trở về nước với một sự thật thà ngây ngô, không hề biết có những gì nằm phía sau cái trán phẳng lì của một nhà hiền triết Ấn Độ.

Tôi còn nhớ buổi gặp gỡ một người đồng hương dưới bóng mát của pháo đài lớn xây trên đồi tại tỉnh *Tiruchi*. Anh ta giữ một chức vụ quan trọng trong ngành hỏa xa

Ấn Độ đã hơn hai mươi năm. Lẽ tự nhiên, tôi hỏi thăm anh ta về đời sống ở xứ này. Sau cùng tôi hỏi một câu đã quen miệng:

- Anh từng gặp các *yogi* chưa?

Anh ta nhìn tôi bằng cặp mắt vô tư và hỏi lại:

- *Yogi* ư? Con gì vậy? Anh muốn nói đến một loại thú rừng chăng?

Một sự ngờ nghệch như thế có thể tha thứ được đối với một người chỉ quanh quẩn ở xó nhà và chưa từng đi ra khỏi tầm tiếng chuông nhà thờ *Sainte Marie le Bow,* nhưng là sau hai mươi sáu năm lưu trú ở Ấn Độ thì đó quả thật là một điều hi hữu!

Sở dĩ tôi có thể viết được thiên phóng sự này là vì tôi đã biết gạt bỏ sang bên lòng tự kiêu của người da trắng khi tôi sống chung đụng với mọi sắc dân của xứ Ấn Độ; vì tôi đã tiếp xúc với họ trong một tinh thần cảm thông, cởi mở và gạt bỏ mọi thành kiến; và sau cùng là vì tôi đã suốt đời đi tìm chân lý và sẵn sàng chấp nhận những gì xảy đến cho tôi.

Tôi đã phải vạch một con đường đi xuyên qua những đám rừng người dị đoan mê tín, những thuật sĩ giả mạo bịp đời, để có thể ngồi dưới chân của những bậc hiền triết chân tu, và trực tiếp lắng tai nghe những lời dạy chân chính về khoa pháp môn *yoga* Ấn Độ.

Tôi đã từng ngồi xếp bằng dưới đất trong những đạo viện hẻo lánh thâm nghiêm, giữa những người bản xứ màu da sậm và nói những thổ ngữ lạ lùng. Tôi đã từng đi tìm những nhà tu sĩ ẩn dật, lánh đời, những bậc *yogi* thượng đẳng, để lắng tai nghe một cách khiêm tốn những lời dạy khẩu truyền của họ. Tôi đã từng đàm luận suốt nhiều giờ với những nhà bác học *Bà-la-môn* ở thành *Bénarès* về những vấn đề triết học thâm sâu và cổ kính, đã từng giày vò khối óc và quả tim của con người kể từ khi mới bắt đầu biết ngẫm nghĩ suy tư. Thỉnh thoảng tôi cũng đã dừng chân để giải trí bên cạnh những vị pháp sư, phù thủy chuyên làm những phép thuật kỳ dị, và tôi đã từng chứng kiến nhiều việc lạ lùng.

Như đã nói trên, tôi muốn ghi chép những sự việc có thật về những người *yogi* thời nay bằng phương pháp điều tra tại chỗ. Tôi cũng tự hào rằng kinh nghiệm trong nghề làm báo đã giúp tôi gom góp được nhiều tài liệu trong một thời gian ngắn; và thói quen cầm cây bút chì xanh ngồi sửa bài trong một văn phòng tòa soạn đã đào luyện cho tôi một khối óc phê phán chặt chẽ và xác đáng để phân biệt ngọc đá, vàng thau. Sự tiếp xúc với mọi hạng người trong xã hội mà nghề nghiệp phóng viên bắt buộc, gồm cả các giới nam nữ, kẻ sang người hèn, kẻ cùng đinh chí đến nhà triệu phú, đã giúp tôi

biết cách đi đứng len lỏi dễ dàng giữa những đám quần chúng đông đảo và phức tạp của xã hội Ấn Độ để lục lạo tiếp xúc với những người bí mật lạ lùng mà người ta gọi là *yogi*.

Mặt khác, tôi đã từng có một đời sống nội tâm hoàn toàn cách biệt với sự sinh hoạt hằng ngày. Tôi đã dành nhiều thời giờ để khảo cứu những sách vở về khoa huyền môn và thám hiểm những ngõ ngách khó khăn của khoa tâm lý. Tôi đã từng vùi đầu vào những vấn đề xưa nay vẫn được bao trùm trong một tấm màn bí mật hoàn toàn. Thêm vào đó là một sự thích thú tự nhiên đối với những gì thuộc về Đông phương.

Trước cuộc du hành đầu tiên của tôi, phương Đông đã xâm chiếm tâm hồn tôi với một sự hấp dẫn vô cùng mạnh mẽ. Về sau, tôi quay sang việc khảo cứu các kinh điển của Á châu, nghiền ngẫm về những lời bình luận sâu xa của các nhà bác học và những tư tưởng siêu việt của các nhà hiền triết Đông phương mỗi khi tôi tìm được những bản dịch Anh ngữ.

Hai thứ kinh nghiệm sóng đôi trên đây đã tỏ ra rất hữu ích cho công việc tìm tòi của tôi. Nhờ đó, tôi không bao giờ để cho sự thiện cảm của tôi đối với các vấn đề Đông phương làm thiên lệch óc phê bình và xét đoán khoa học trong công việc điều tra sưu tầm. Nhưng nếu

không có mối thiện cảm nói trên thì không bao giờ tôi có thể sống chung đụng với dân bản xứ và len lỏi vào những nơi bình dân mà một người Âu bình thường không thèm đi đến. Còn nếu không có một khối óc phê bình chặt chẽ và lý luận khoa học, tôi đã có thể bị lạc vào đám rừng hỗn độn của sự mê tín dị đoan, mà điều này dường như có nhiều người Ấn Độ đã mắc phải.

Muốn dung hòa những đức tính thường được xem như là tương phản nhau thật không phải là một điều dễ dàng. Tuy nhiên, tôi vẫn luôn luôn cố gắng gìn giữ những đức tánh đó trên một thế quân bình và hợp lý.



Nói rằng Tây phương không có gì phải học hỏi từ xứ Ấn Độ về các phương tiện vật chất kỹ thuật, điều đó có thể không cần bàn cãi nhiều. Nhưng tôi có thể quả quyết không chút do dự rằng chúng ta có rất nhiều điều cần phải học hỏi từ những bậc hiền triết cổ Ấn Độ và một số bậc hiền giả đương thời về mặt tinh thần và đạo đức.

Người du khách Tây phương đi một vòng viếng những thành phố lớn và những nơi cổ tích lịch sử rồi lên tàu về nước, vui lòng quay lưng từ giã một nền văn minh mà họ cho là lạc hậu, dĩ nhiên cũng có lý do

trong sự nhận xét của họ. Nhưng một ngày kia chắc sẽ có một hạng du khách thông minh hơn, thay vì đi tìm tàn tích sụp đổ của những ngôi đền miếu bỏ hoang, hay cung điện cũ của những bạo chúa thời xưa nay đã mai một với lịch sử, hạng du khách này lại đi tìm những bậc hiền giả đương thời, những người có thể tiết lộ cho họ một nền minh triết không hề được giảng dạy ở các trường đại học của phương Tây.

Phải chăng những nhà hiền triết Ấn Độ này chỉ là những kẻ vô công rỗi nghề, ngồi ngáp dài dưới ánh mặt trời nóng như thiêu của vùng nhiệt đới? Phải chăng họ chẳng làm được gì có ích cho thế gian? Người du khách nào chỉ nhìn thấy riêng khía cạnh vật chất thiếu thốn và thái độ có vẻ như tiêu cực vô vi của họ, hẳn là đã không nhìn thấy xa. Người ấy hãy thay thế sự khinh bỉ bằng một chút kính nể, quí trọng, rồi sẽ có thể làm cho những vị hiền triết ấy mở miệng và hé mở những cánh cửa bí mật, diệu huyền.

Đành rằng xứ Ấn Độ đã ngủ im lìm trong suốt hàng bao nhiêu thế kỷ, và có hàng triệu người dân quê Ấn Độ hiện nay vẫn sống trong vòng dốt nát và dị đoan giống như tình trạng của người dân quê Anh quốc hồi thế kỷ 14. Đành rằng những nhà bác học Bà-la-môn ở những trung tâm học thuật bản xứ thường lãng phí thời giờ vô ích để chẻ sợi tóc triết lý ra làm bốn và nói

chuyện siêu hình một cách vu vơ, viển vông chẳng thua gì những nhà học giả phương Tây thời Trung Cổ. Tuy nhiên, vẫn còn một ngành học thuật tuy nhỏ nhưng vô giá, được biết đến dưới cái danh từ *Yoga*, có thể mang đến cho nhân loại những ích lợi cũng quan trọng như tất cả những tiến bộ của khoa học Âu Tây.

Nó có thể đem đến cho thể xác chúng ta một tình trạng sức khoẻ kiện toàn đúng theo ý muốn. Nó có thể đem đến cho nền văn minh tân tiến của chúng ta một trong những điều mà nhân loại cần đến một cách cấp bách nhất, đó là sự bình an trong tâm hồn. Và nó có thể đem đến cho người nào chịu bỏ ra một chút công phu cố gắng cần thiết những phần thưởng quí báu trên địa hạt tâm linh.

Tôi nhìn nhận rằng sự minh triết cao cả đó dường như không phải là của xứ Ấn Độ ngày nay, mà nó thuộc về Ấn Độ của quá khứ, và ngày nay đã không cònnữa thời hưng thịnh của pháp môn *Yoga*, đã từng có lúc qui tụ chung quanh những bậc danh sư nhiều môn đệ xứng đáng. Tôi tự hỏi, phải chăng chính tấm màn bí mật mà người ta dùng để che đậy ẩn giấu pháp môn *Yoga* một cách vô cùng chặt chẽ đó đã giết chết sự phát triển mở mang của nó?

Như thế, có lẽ cũng không phải là một điều ngốc nghếch khi yêu cầu những người phương Tây hãy quay

mắt nhìn về phương Đông, không phải để tìm một tín ngưỡng mới, mà để thâu thập vài điều kiến thức mới lạ, thêm vào số vốn hiểu biết sẵn có của họ.

Khi những nhà Đông phương học như *Burnouf Colebrooke* và *Max Muller* xuất hiện trên diễn đàn học thuật của thế giới và đem đến cho chúng ta vài nghệ phẩm văn chương kiệt tác của Ấn Độ, thì những nhà bác học Âu Châu mới bắt đầu hiểu rằng những dân tộc "dị giáo" ở xứ ấy không phải là ngu đần như họ vẫn lầm tưởng do nơi sự dốt nát của chính họ. Những kẻ tự phụ là khôn ngoan nói rằng nền học thuật Á châu vốn trống rỗng, không có gì bổ ích cho Tây phương, ấy là họ đang tự phô bày sự trống rỗng của chính họ. Có những người tự cho là thực tế thường bảo rằng khảo cứu văn hóa Đông phương là một điều dại dột, nhưng rốt cuộc điều đó chỉ bày tỏ sự dại khờ và nông cạn của chính họ.

Chúng ta có xứng đáng là một dân tộc văn minh chăng nếu quan niệm của chúng ta về cuộc đời lại hoàn toàn bị định đoạt bởi một sự ngẫu nhiên tình cờ, khiến cho ta sinh ra ở *London* thay vì ở *Bombay*? Những kẻ nào khép chặt trí óc đối với những tư tưởng Đông phương tức là tự khép chặt trí óc họ đối với những tư tưởng tế nhị, những chân lý uyên thâm và những sự hiểu biết sâu rộng về các vấn đề tâm linh. Người khôn ngoan hơn chịu khó tìm tòi lục lạo trong kho tàng hỗn

độn cũ kỹ của Đông phương để hy vọng tìm thấy một vài viên ngọc quí, một sự kiện lạ lùng, một vài điểm minh triết quí báu, sẽ thấy rằng công phu tìm kiếm của họ rốt cùng không phải là vô ích.



Tôi lên đường thẳng đến phương Đông để tìm những nhà đạo sĩ và khoa học huyền bí thâm sâu của họ. Tôi cũng nuôi ý nghĩ đi tìm một sự giác ngộ tâm linh và một đời sống siêu việt hơn, tuy rằng đó không phải là mục đích chính của tôi. Tôi đã từng đi dạo trên bờ những con sông linh thiêng của Ấn Độ: sông *Hằng* với dòng nước xám xanh chảy lờ đờ, sông *Jumna* rộng lớn, sông *Godavari* hùng vĩ và ngoạn mục.

Tôi đi châu du khắp chốn và đã được đền đáp trọng hậu: xứ Ấn Độ đón tiếp tôi với hai tay mở rộng, ôm chặt tôi vào lòng, và những bậc hiền giả cuối cùng còn sót lại của xứ ấy đã hé mở những cánh cửa bí mật, diệu huyền trước cặp mắt vô cùng ngạc nhiên của người khách lạ Tây phương!

Tôi có thể nói rằng, chính ở Ấn Độ mà tôi nhận thấy đức tin đã trở lại với tôi. Trước đây không lâu, tôi vẫn còn ở trong số những người xem các học thuyết tâm

linh như một điều ảo tưởng, chân lý như một đám mây mù không thiết thực, và luật nhân quả, nền công lý thiêng liêng, như một sản phẩm giả tạo của những kẻ có đầu óc không tưởng, hư vô. Tôi đã phải chịu đựng một cách khốn khổ những người xây dựng cõi thiên đàng thần học, họ thản nhiên dắt bạn đi chơi một vòng trên cõi ấy, tự xem mình là những người của Thượng đế! Tôi chỉ có sự dửng dưng đối với những hành động quá khích và vô vị của những người ấy.

Bởi vậy, nếu tôi đã bắt đầu suy nghĩ khác đi về những vấn đề đó, ấy là tôi có những lý do chính đáng. Tuy thế, tôi vẫn không theo một tín ngưỡng Á Đông nào, vì thật ra tôi đã từng khảo cứu về những vấn đề ấy từ lâu. Điều mà tôi thâu thập được, đó là một quan niệm mới về những vấn đề tâm linh. Điều này dường như chỉ là nhỏ nhặt không đáng kể và có tính cách cá nhân, nhưng đối với một con người của thế hệ hiện nay, không hề tin tưởng ở thần quyền, thì thiết tưởng đó là một kỳ công đáng kể. Đức tin vào đời sống tâm linh đã đến với tôi bằng một phương tiện độc đáo, làm hoán cải một kẻ hoài nghi, nghĩa là không phải do sự lý luận mà do một kinh nghiệm của tự thân. Và chính một bậc hiền giả trong rừng thẳm, một vị ẩn sĩ vô danh và khiêm tốn đã từng sống trong một động đá suốt sáu năm trường, đã mang lại cho tôi sự chuyển biến sâu xa

và huyền diệu đó. Tôi tin rằng vị này không hề thi đỗ một cấp bằng khoa cử nào, nhưng tôi không chút hổ thẹn mà nhìn nhận nơi đây tất cả sự biết ơn sâu xa của tôi đối với ngài.

Một xứ sở tạo ra được những con người như vậy ít nhất cũng có đủ uy tín để kêu gọi sự chú ý của những người phương Tây tự cho là thông minh, hiểu biết. Đời sống tâm linh của xứ Ấn Độ huyền bí vẫn luôn có thật và ẩn giấu dưới sự che đậy bên ngoài của những cơn giông tố ồ ạt trên trường chính trị.

Tôi đã cố gắng ghi chép lại trong quyển sách này những chuyện có thật của nhiều bậc tu sĩ đã đạt được sức mạnh tâm linh và sự bình an trong tâm hồn, tức là những ân huệ quí báu mà người đời vẫn thường mong ước một cách tuyệt vọng! Trong sách này, tôi cũng ghi chép nhiều chuyện khác nữa, những chuyện huyền bí và lạ lùng đến nỗi có vẻ như hết sức khó tin.

Thật thế, tôi cũng đã lấy làm ngạc nhiên về sự bạo gan của mình, khi tôi dám viết quyển sách này cho một thế giới hoài nghi và không tin tưởng. Tuy nhiên tôi không tin rằng trào lưu chạy theo vật chất trên thế giới hiện nay sẽ tồn tại mãi mãi với thời gian. Người ta đã bắt đầu nhận thấy những dấu hiệu đầu tiên của một sự tiến hóa tư tưởng trong tương lai.

Thật ra, tôi cũng như phần đông người của thế hệ này, không hề tin tưởng nơi những phép lạ nhiệm mầu. Nhưng tôi tin rằng sự hiểu biết của chúng ta về những định luật thiên nhiên hãy còn rất thiếu sót, và tôi cũng tin rằng những nhà bác học tiền phong, hiện đang lần mò từng bước để thám hiểm lãnh vực đó, rồi sẽ có ngày khám phá được những điều mà ngày nay ta vẫn thường xem như những phép lạ nhiệm mầu.

PAUL BRUNTON

CHƯƠNG 1

ĐỊNH MỆNH

Ông giáo sư môn sử địa, tay cầm cây thước dài, bước tới trước tấm bản đồ lớn treo trên vách, trước một lớp học đang buồn ngủ. Ông ta chỉ trên bản đồ một vật lớn hình tam giác màu đỏ, mũi nhọn quay xuống đến gần đường xích đạo, và để kích thích phần nào cái tinh thần uể oải của đám học trò, ông ta nói với một giọng kéo dài và rõ ràng từng tiếng, dường như sắp sửa tiết lộ một chân lý trọng đại:

- Người ta thường nói rằng Ấn Độ là viên ngọc quí nhất của Hoàng gia Anh quốc.

Nghe đến đây, một người học trò với vẻ mặt suy tư đang ngồi mơ mộng, bỗng giật mình và cố gom trí óc vẩn vơ của cậu ta quay trở về thực tế giữa bốn bức vách tường lớp học. Hai chữ "*Ấn Độ*" có một sức hấp dẫn rất mãnh liệt, nó như khêu gợi lên trong trí cậu ta cái hình ảnh xa xăm của một xứ sở lạ lùng, huyền bí.

Khi ông giáo sư môn toán tưởng rằng người học trò ấy đang vùi đầu chăm chỉ giải một bài toán đại số, thì

có ngờ đâu rằng cậu học trò lém lỉnh ấy lại sử dụng bàn viết vào những mục đích xa xôi hơn! Nấp sau một chồng sách được xếp đặt như bát trận đồ, cậu ta say mê vẽ những đầu người quấn khăn, những gương mặt đen sạm và những chiếc tàu buồm chở đầy hàng hoá, thổ sản đầy hương vị phương Đông.

Thời niên thiếu đã qua, nhưng lòng yêu mến xứ Ấn Độ của cậu học trò ngày xưa vẫn không thay đổi. Hơn nữa, mối quan tâm đó càng nới rộng thêm và bao gồm luôn cả châu Á với một sự ám ảnh đến cuồng nhiệt. Anh ta nuôi trong đầu những kế hoạch táo bạo. Anh ta muốn vượt biển trên muôn dặm trùng dương. Anh ta biết rằng, một khi đã lên tàu thì việc đến viếng xứ Ấn Độ chỉ còn là vấn đề thời gian.

Mặc dầu đó chỉ là những kế hoạch suông, nhưng anh ta đã thổ lộ những ý tưởng đó cho những bạn học cùng lớp với rất nhiều danh từ thơ mộng, và sau cùng có một đứa trong bọn bị lôi cuốn theo sự hứng khởi nhiệt thành của anh ta. Cả hai bèn âm thầm bày mưu tính kế và hành động một cách bí mật. Chương trình của họ là vượt qua châu Âu bằng đường bộ, sau đó tiếp tục đi bộ vượt qua xứ Tiểu Á và Ả Rập đến hải cảng *Aden*.

Xin quí vị độc giả đừng vội cười ! Họ tin tưởng một cách ngây thơ và hồn nhiên rằng một viên thuyền

trưởng nào đó bỏ neo ở bến cảng *Aden* sẽ chịu nghe họ thuyết phục. Đó chắc sẽ là một người giàu lòng nghĩa hiệp và cởi mở. Ông ta sẽ cho phép họ xuống tàu, và một tuần lễ sau họ sẽ đặt chân lên xứ Ấn Độ hằng mơ ước!

Họ âm thầm chuẩn bị một cuộc phiêu lưu dài hạn. Họ để dành tiền và sắm sửa cụ bị những đồ hành trang. Họ thăm dò bản đồ và những quyển sách du lịch chỉ nam với những trang màu mè lòe loẹt và những hình ảnh khêu gợi hấp dẫn làm cho dòng máu giang hồ phiêu lưu của họ càng tăng thêm nhiệt độ và sôi lên thành cơn sốt!

Sau cùng, họ đã có thể định ngày ra đi và giao phó tất cả cho định mệnh. Có ai biết được sự gì đang chờ họ ở ngã ba đường? Than ôi! Bao nhiêu nghị lực và lòng sốt sắng nhiệt thành của thời niên thiếu đều lãng phí vô ích! Người đỡ đầu của anh bạn trẻ đã khám phá ra mọi việc và biết rõ tất cả mọi chi tiết của vấn đề. Những sấm sét búa rìu đều giáng xuống vào đúng lúc! Tất cả chương trình đều phải bỏ dở dang, nhưng có ai hiểu thấu nỗi khổ của hai người bạn trẻ?

Tuy nhiên, người chủ mưu cuộc hành trình bất hạnh này vẫn giữ nguyên vẹn lòng mong ước đến viếng xứ Ấn Độ. Nếu sự mong ước đó tạm thời bị dẹp sang một

bên, đó là bởi vì tuổi trưởng thành của một đời người thường đem đến biết bao nhiêu bổn phận đối với gia đình và xã hội, cùng bao nhiêu những sợi dây trói buộc, cầm chân anh ta ở lại.

Thời gian trôi qua. Nhiều trang đã lật qua trên quyển lịch đời, trước khi một cuộc gặp gỡ bất ngờ bỗng đánh thức dậy giấc mộng đã tàn của người thanh niên ấy.

Đó là cuộc tiếp xúc với một người ngoại quốc có gương mặt rám nắng, nước da sậm, đầu quấn khăn: khách là một người Ấn Độ từ phương xa đến!



Người khách lạ bước vào cuộc đời tôi một cách đột ngột. Mùa thu đã hầu tàn, sương mù tỏa khắp không gian, tiết trời lạnh buốt thấm vào da thịt. Tôi cảm thấy chán nản, tuyệt vọng. Sự ngã lòng rủn chí như một cái bóng ma, bóp nát quả tim héo hắt của tôi bằng một bàn tay giá lạnh!

Để thoát khỏi cơn ám ảnh, tôi bước vào một quán nước đèn điện rực sáng, hy vọng rằng ở nơi đây ít nhất tôi cũng sẽ tìm thấy sự dễ chịu của một gian phòng ấm áp. Nhưng tách trà nóng thường khi vẫn hiệu nghiệm thì chiều hôm ấy lại không thể đem đến sự yên tĩnh

thư thái cho tâm hồn tôi. Tôi không thể thoát ra khỏi cơn ám ảnh nặng nề đang giày vò tâm trí. Phải chăng sự âu lo phiền muộn sẽ theo dõi và ám ảnh tôi suốt đời?

Rốt cuộc, trạng thái băn khoăn đó làm cho tôi phải rời khỏi gian phòng ấm cúng mà tôi vừa bước vào. Tôi lại đi lang thang ngoài đường phố, không mục đích nhất định, nhưng theo thói quen tôi lần mò đến tiệm sách của một người bạn làm nghề bán sách cũ.

Cửa tiệm của anh ta cũng cũ kỹ như những chồng sách bày bán bên trong. Chủ tiệm này là một nhân vật lạ lùng, một di sản còn sót lại của những thời đại đã qua. Thời đại máy móc cơ khí của chúng ta không thích hợp với tính chất của anh ta, cũng như anh ta không thể hoà mình để sống một cách hứng thú với thời đại này. Anh ta chỉ bán những loại sách quý và hiếm có, chuyên về các vấn đề siêu hình và khoa học huyền bí. Anh ta hiểu biết khá nhiều, mặc dầu chỉ là những hiểu biết về phần lý thuyết, những vấn đề khúc mắc và khó khăn của khoa triết lý.

Thỉnh thoảng tôi hay ghé lại tiệm sách và thảo luận với anh ta về những vấn đề triết học siêu hình. Chiều hôm ấy, vừa bước vào cửa tiệm, vô tình tôi lật những trang giấy cũ đã trổ ngả sang màu vàng của một quyển sách đóng bìa da, và tôi cầm quyển sách lên để nhìn kỹ hơn vì cái tựa ngoài bìa làm cho tôi chú ý.

Người chủ tiệm nhận thấy sự thích thú của tôi với cái nhìn thoáng qua sau cặp kính trắng. Anh ta bèn nêu ra một đề tài thảo luận đúng với nội dung quyển sách tôi đang cầm trong tay, nói về vấn đề luân hồi. Và theo cái đà của thói quen, anh ta luôn nắm ưu thế trong câu chuyện. Anh ta nói trôi chảy dễ dàng, và dường như anh ta hiểu biết tất cả mọi khía cạnh hiểm hóc của vấn đề lạ lùng này, còn hơn cả tác giả quyển sách. Thỉnh thoảng, anh ta còn dẫn chú đến những tác phẩm khác mà anh ta thuộc như lòng bàn tay.

Bỗng nhiên, tôi nghe từ phía sau như có tiếng động. Tôi quay lại nhìn thì thấy một người dong dỏng cao xuất hiện từ trong bóng tối của phía sau nhà sách, là nơi chứa những loại sách quý hiếm. Người lạ mặt là một người Ấn Độ. Ông ta tiến đến gần chúng tôi với một dáng điệu sang trọng quí phái và nói với người chủ tiệm:

- Xin lỗi ông nếu tôi làm phiền. Câu chuyện của các ông vừa nói làm cho tôi chú ý, vì tôi cũng rất thích vấn đế này. Tôi vừa được nghe ông kể tên những bậc triết gia cổ Hy Lạp, Ai Cập và vài vị cố đạo Gia Tô như là những người đầu tiên chủ trương thuyết luân hồi. Tôi cũng tin rằng những triết gia thời cổ đã hiểu rõ về vấn đề ấy. Nhưng các ông có biết thuyết luân hồi từ dâu mà có và nguồn gốc của nó ở đâu chăng?

Anh ta ngừng một lúc, nhưng không để cho chúng tôi kịp nói gì, anh ta liền tiếp theo ngay với một nụ cười nhã nhặn:

- Tôi xin phép được nói ngay: chính xứ Ấn Độ từ nghìn xưa đã phát minh ra thuyết luân hồi trước nhất. Những dân tộc bản xứ chúng tôi đã xem thuyết ấy như một chân lý căn bản từ những thời đại cổ xưa nhất trong lịch sử.

Gương mặt của người này làm tôi chú ý. Đó là một gương mặt khác thường mà người ta có thể nhận ra ngay giữa hàng trăm người Ấn Độ khác. Cặp mắt tinh anh, một quai hàm lớn, vầng trán cao khác thường biểu lộ một sự thông minh, nước da sậm hơn mức trung bình. Đầu ông ta quấn một chiếc khăn rất đẹp, có nhận một viên ngọc quý chớp sáng trong bóng tối. Ông ta mặc một bộ Âu phục may rất khéo và hợp thời trang. Lời nói có vẻ rất tự tin của ông ta dường như không làm hài lòng người đối thoại và người chủ tiệm, đứng khuất phía sau quầy hàng, liền mở cuộc phản công:

- Làm sao có thể như vậy được, vì vùng Cận Đông xưa kia gồm những trung tâm văn hóa phồn thịnh nhất của nền văn minh nhân loại từ trước Công nguyên. Những triết gia thông thái nhất thời cổ phải chăng đều đã xuất hiện ở những xứ thuộc vùng Cận Đông, từ

Athenes đến *Alexandrie*? Như vậy hẳn là học thuyết của các bậc hiền triết đó đã từ phương Tây tiến về phương Đông và sau cùng được lưu truyền đến Ấn Độ.

Người Ấn Độ mỉm cười một cách khoan dung:

- Không phải thế, thưa ông. Ngược lại, chính phương Tây đã nhận lãnh những tư tưởng triết học cao siêu nhất từ phương Đông.

- Không thể! Đâu có lẽ nào nền văn minh tiến bộ của Tây phương lại nhận lãnh những tư tưởng triết học từ một xứ Đông phương còn lạc hậu? Không thể như vậy được, thưa ông!

Người khách lạ đáp:

- Vì sao lại không thể được? Ông hãy xem lại bộ sách *Apuleus* thì sẽ thấy rằng *Pythagore* đã từng sang Ấn Độ học đạo với các bậc danh sư *Bà-la-môn*, và khi trở về nước mới bắt đầu dạy thuyết luân hồi. Đó chỉ là một trong rất nhiều bằng chứng khác. Ông nói rằng Đông phương lạc hậu ư? Hàng nghìn năm về trước, những nhà hiền triết Ấn Độ đã từng nghiền ngẫm, suy tư về những vấn đề siêu hình trừu tượng nhất, vào lúc mà người Âu châu hãy còn chưa biết gì cả về những vấn đề ấy.

Người lạ mặt im lặng một lúc và nhìn chúng tôi một cách chăm chú, có lẽ để dò xem phản ứng của chúng

tôi. Người chủ tiệm tỏ ra rất lưỡng lự phân vân. Tôi chưa hề thấy anh ta bị cạn lời và chịu khuất phục trước một kẻ đối thoại như thế bao giờ. Về phần tôi, tôi chỉ lẳng lặng nghe và không xen vào câu chuyện giữa hai người.

Câu chuyện đến đây thình lình chấm dứt và không ai nói thêm một lời nào để phá tan sự im lặng. Người Ấn Độ chọn một quyển sách quý, trả tiền và sửa soạn ra về. Tôi nhìn theo ông ta mà không nói gì. Ra tới ngưỡng cửa, ông ta bèn dừng chân quay lại phía tôi rồi mở ví lấy ra một danh thiếp đưa cho tôi và mỉm cười nói:

- Ông có vui lòng tiếp tục câu chuyện này với tôi chăng? Nếu vậy, xin mời ông quá bộ lại chơi, chúng ta sẽ nói chuyện.

Tôi lấy làm vô cùng ngạc nhiên và vui lòng chấp nhận. Ông ta liền mời tôi đến nhà dùng cơm ngay chiều hôm sau đó.



Qua hôm sau, tôi vội vàng tìm đến nhà người khách lạ. Đó không phải là một việc dễ dàng, vì sương mù dày dặc đã xâm chiếm cả thành phố, làm cho đèn đuốc ngoài đường đều gần như

tắt hẳn. Một nghệ sĩ có thể nhận thấy vẻ đẹp lãng mạn của thủ đô *London* vào cuối mùa thu trong cảnh sương mù bao phủ, nhưng với tôi thì tâm trí như mơ màng vơ vẩn đâu đâu nên không nhìn thấy gì cả và cũng không cảm thấy dễ chịu chút nào vì sự khó khăn trong khi tìm đường.

Cuối cùng rồi tôi cũng tìm được đến nơi. Một cánh cửa lớn và nặng từ trong bóng tối thình lình hiện ra trước mắt tôi, làm cho tôi tỉnh giấc mơ và quay về thực tại. Hai ngọn đèn lồng ở hai bên cổng vào do hai cây trụ sắt uốn cong nâng đỡ, trông giống như hai cánh tay dang rộng để đón tiếp tôi. Qua khỏi cổng, vừa bước vào nhà, tôi lấy làm ngạc nhiên vì người Ấn Độ mới quen không có nói trước cho tôi biết về cảnh nhà sang trọng quý phái của ông ta.

Tôi có cảm giác như đang bước vào một nơi cung điện của phương Đông, với cách trang trí rất lịch sự và kiểu cách. Trên vách có treo những tấm thảm thêu rồng và sàn gạch được trải bằng những tấm nệm Ấn Độ nhiều màu sặc sỡ, bàn chân bước lên trên nệm êm ái như nhung. Một tấm da cọp rất lớn đặt trên nệm ở phòng khách gần bên lò sưởi. Trong một góc phòng có một cái bàn nhỏ, trên đó có đặt một cái trang thờ bằng ngà và thếp vàng. Trên đó tôi thấy một pho tượng nhỏ, chắc hẳn là tượng Phật ngồi kiết già, gương mặt yên lặng, mí mắt chỉ hơi hé mở.

Chủ nhà bước vào phòng và tiếp đón tôi một cách vui vẻ. Ông ta mặc một bộ dạ phục rất đẹp. Tôi nghĩ rằng một người như vậy hẳn có thể dễ dàng hoà mình với mọi giới thượng lưu trong xã hội.

Vài phút sau, chúng tôi đã ngồi vào bàn ăn. Những món ăn toàn là cao lương mỹ vị. đó là lần đầu tiên tôi thưởng thức món ca-ri Ấn Độ, và từ đó về sau tôi vẫn không quên mùi vị đặc biệt của nó.

Người bồi bàn dọn ăn cho chúng tôi cũng ăn mặc lịch sự. Anh ta vận một bộ đồng phục trắng, thắt lưng thêu chỉ vàng và vấn một chiếc khăn trắng tinh. Trong bữa ăn, câu chuyện không có gì đặc biệt lắm, chỉ quanh quẩn với những chủ đề thông thường. Tuy nhiên, dầu là nói về vấn đề gì, những lời nói của người Ấn Độ này vẫn luôn tỏ ra thật cứng cỏi và xác đáng. Giọng nói của ông ta mang một vẻ tự tin và dứt khoát.

Đến lúc ăn tráng miệng và dùng cà phê, ông ta mới nói đôi chút về đời tư của mình. Ông ta có gia sản lớn, và đã từng đi du lịch nhiều nơi. Ông ta làm cho tôi thích thú khi được nghe những cảm tưởng du hành của ông ta ở Trung Hoa, và ông ta cũng đã từng lưu trú một thời gian trong một tu viện Gia Tô ở *Syrie*.

Kế đó, ông ta mới trở lại câu chuyện chiều hôm qua ở trong tiệm sách. Nhưng chiều nay chắc hẳn là ông

ta đã có những ý nghĩ khác, vì khi vừa bàn rộng thêm câu chuyện, ông ta liền bắt đầu nói về nền minh triết cổ truyền của xứ Ấn Độ.

Những giáo lý của các bậc hiền triết Ấn Độ đã được lưu truyền sang Tây phương, nhưng trong nhiều trường hợp chánh giáo đã bị hiểu lầm hoặc có khi bị cố ý xuyên tạc. Tuy nhiên, việc ấy không phải nói ra chỉ để than phiền, bởi vì ngay chính tại xứ Ấn Độ ngày nay cũng đã có một sự suy thoái nghiêm trọng không thể phủ nhận. Nó không còn là xứ Ấn Độ cao cả thiêng liêng của thời quá khứ. Đó là một việc đáng buồn, rất đáng buồn. Người dân Ấn ngày nay vẫn còn bám víu lấy một vài lý tưởng, nhưng lại bị đầu độc bởi nhiều hơn là những điều mê tín dị đoan. Nói đến đây, tôi buột miệng hỏi:

- Nguyên nhân nào đã gây nên tình trạng suy đồi như thế?

Người chủ nhà im lặng. Một phút trôi qua, đôi mắt lim dim nhắm như không buồn nhìn đến ngoại cảnh, anh ta nói nhỏ bằng một giọng thì thầm dường như không muốn phá tan cái im lặng trong gian phòng:

- Này anh bạn! Xứ Ấn Độ của tôi xưa kia có rất nhiều bậc hiền triết đã từng thấu đạt được mọi lẽ huyền vi bí ẩn của đời người. Các bậc vua chúa cũng như người dân lành đều thỉnh cầu lời dạy bảo của các ngài. Chính

nhờ sự dìu dắt của các ngài mà nền văn minh Ấn Độ đã tiến lên đến cực điểm. Ngày nay, các bậc tôn sư ấy còn lại được bao nhiêu và ở những nơi nào? Còn chăng có lẽ cũng chỉ độ vài ba người, mà người đời thì không còn biết đến và không ai nhắc đến nữa. Các ngài hiện sống cách biệt với cuộc đời thế gian. Khi các bậc hiền giả đó, mà chúng tôi gọi là các đấng *Rishis* (hay Chân sư), không còn nữa, điều tất nhiên là nền văn hóa tâm linh của chúng tôi phải bắt đầu suy tàn.

Ông ta ngồi dựa lưng trên ghế bành và nghiêng đầu về phía trước ngực, câu nói sau cùng được thốt ra với một giọng bi thương. Trong một lúc, ông ta ngồi lặng yên và như quên cả sự có mặt của tôi. Cả tâm hồn ông ta đắm chìm trong một cơn trầm tư mặc tưởng, như nuối tiếc một thời đại đã qua.

Ông ta có một phong độ đặc biệt và rất hấp dẫn, khiến cho người đối thoại phải chú ý. Đôi mắt đen láy và sáng ngời biểu lộ một đời sống nội tâm dồi dào phong phú và giọng nói ấm áp biểu lộ một tâm hồn rộng rãi khoáng đạt. Tôi cảm thấy chắc chắc rằng tôi sẽ yêu mến một người như thế.

Người bồi bàn rón rén bước vào, tiến đến bàn thờ và thắp một nén nhang. Một luồng khói xanh tỏa ra khắp phòng một mùi hương thơm dịu. Bỗng nhiên người chủ nhà ngước mặt lên và nhìn tôi vào tận mặt:

- Phải chăng tôi vừa nói rằng hiện nay chỉ còn độ vài ba vị chân sư như thế? À, tôi đã nhớ ra rồi. Tôi đã được biết một trong các bậc hiền giả đó. Đó là điều tôi rất ít cho ai biết. Đối với tôi, Ngài vừa là một người cha, một người Thầy, vừa là một người bạn. Sự minh triết của ngài quả thật là thiêng liêng. Tôi yêu Ngài chẳng khác nào như đứa con kính yêu cha. Trong những lúc sung sướng mà tôi được ở gần bên Ngài, tôi cảm thấy rằng hạnh phúc vốn ở gần kề một bên. Thật vậy, thậm chí bầu không khí ở chung quanh Ngài cũng đủ để tạo nên sự an lạc mầu nhiệm. Tôi vốn là người có tâm hồn thẩm mỹ, yêu nghệ thuật và cái đẹp. Nhờ có Ngài, tôi đã tập nhìn thấy cái đẹp nơi những kẻ phong cùi, tàn tật, khốn khó lầm than, những người mà trước kia tôi ngoảnh mặt đi vì ghê tởm.

Ngài sống trong một đạo viện hẻo lánh cách xa thành phố. Tôi tìm thấy đạo viện của Ngài dường như do sự tình cờ. Kể từ đó, tôi trở lại thăm viếng Ngài nhiều lần và ở lại đạo viện với Ngài trong một thời gian. Ngài đã dạy tôi rất nhiều điều. Một xứ sở tạo ra được những con người như thế nhất định phải là một xứ sở cao cả và uyên bác.

- Nhưng tại sao Ngài không phục vụ xứ sở bằng cách tham gia việc nước?

Tôi thành thật nêu câu hỏi. Người Ấn Độ lắc đầu:

- Những tư tưởng sâu xa của một hạng người đặc biệt như thế không dễ gì hiểu thấu được, cho dù là đối với chúng tôi, huống chi với người Âu Tây như các anh. Có lẽ Ngài sẽ trả lời câu hỏi của anh rằng, người ta có thể phụng sự thế gian một cách âm thầm lặng lẽ bằng cách nuôi dưỡng những tư tưởng và tình cảm tốt lành. Ngài cũng có thể nói rằng, một xã hội suy tàn phải chịu cái số kiếp đau thương của nó.

Tôi nói với ông bạn mới của tôi rằng quả thật tôi không ngờ tới một câu trả lời như thế. Ông ta đáp:

- Tôi cũng biết rằng bạn sẽ nghĩ như thế, ông bạn ạ!



Sau buổi tối gặp gỡ đầu tiên và đáng ghi nhớ đó, tôi đã nhiều lần trở lại nhà người bạn Ấn Độ mới quen. Tôi bị hấp dẫn bởi những kiến thức rộng rãi và cái phong độ phóng khoáng của ông ta. Ông ta đã khơi dậy những hoài bão tiềm tàng của tôi, làm cho tôi muốn tìm hiểu thêm về ý nghĩa thâm sâu của cuộc đời.

Một hôm, câu chuyện của chúng tôi xoay về một chiều hướng mà ngay lập tức đã in sâu vào cuộc đời tôi

những dấu vết và ảnh hưởng sâu sắc. Ông bạn tôi nói qua về những phong tục lạ lùng và những tập quán cổ truyền của người Ấn Độ. Ông ta diễn tả một cách linh hoạt vài hạng người của cái xứ lạ lùng huyền bí đó, và trong câu chuyện có đề cập đến những người đạo sĩ *Yogi*. Tôi chỉ hiểu một cách mập mờ về ý nghĩa của danh từ đó. Tôi đã từng gặp danh từ ấy nhiều lần trong khi đọc sách, nhưng mỗi lần với một ý nghĩa khác nhau đến nỗi tôi không sao hiểu được một cách rõ rệt. Và khi tôi nghe ông bạn tôi thốt ra danh từ này, tôi liền ngắt lời ông ta như một nhà báo lành nghề để hỏi thêm một vài chi tiết. Ông ta trả lời:

- Người ta không thể tóm tắt trong một câu cái ý nghĩa đầy đủ của danh từ *Yogi*. Khi bạn hỏi người Ấn Độ, họ sẽ định nghĩa cho bạn nghe danh từ đó bằng mười cách khác nhau. Thí dụ, có hàng ngàn người hành khất thường đi lang thang từ làng này qua làng khác và tụ họp thành nhóm đông đảo ở các nơi đền chùa khi có những cuộc lễ lớn, họ cũng tự xưng là *yogi*. Sự thật, nhiều người trong số đó chỉ là những kẻ không có nghề nghiệp, hoàn toàn thất học, không biết gì cả về lịch sử hay lý thuyết của pháp môn *Yoga*.

Ông ta ngừng một lúc và nói tiếp:

- Nhưng nếu bạn đi về những nơi như *Rishikesh* chẳng hạn, nơi có dãy Hi Mã Lạp Sơn đầy tuyết phủ

bao bọc chung quanh như thành quách, bạn sẽ gặp được một hạng người hoàn toàn khác hẳn. Những người này sống trong những túp lều sơ sài hoặc trong động đá, họ ăn rất ít và suốt ngày chỉ tập trung vào việc cầu nguyện. Tôn giáo đối với họ cũng cần thiết như hơi thở, nó chiếm hết tâm trí họ ngày cũng như đêm. Phần nhiều là những người có tâm đạo dành trọn thời giờ để học hỏi các Thánh Kinh cổ điển và tham thiền, tụng niệm. Những người này cũng được người ta gọi là *yogi* mặc dầu họ không giống như những người hành khất kể trên. Như thế, bạn thấy rằng danh từ đó có rất nhiều nghĩa khác nhau, và ngoài hai nghĩa đó còn có rất nhiều nghĩa khác nữa.

- Tuy vậy, phải chăng người ta thường thán phục những quyền năng bí mật lạ lùng của các *yogi*?

Ông bạn tôi mỉm cười nói:

- À! Tôi còn có một định nghĩa khác nữa. Hiện nay người ta vẫn tìm thấy ở những nơi hẻo lánh, ẩn trong rừng thẳm hoặc trong hang núi, những người lạ lùng dành trọn đời để tu luyện theo những phương pháp mà họ tin rằng sẽ đem đến cho họ những quyền năng mầu nhiệm và phép thuật. Có người khinh bỉ cả tôn giáo hoặc có người lại rất tín ngưỡng, nhưng tất cả đều hợp nhất trong sự chiến đấu để thắng đoạt thiên nhiên

và chinh phục những sức mạnh vô hình bí ẩn. Bạn hãy nhớ rằng, xứ Ấn Độ xưa nay vẫn luôn tin tưởng vào các điều huyền bí, nhiệm mầu, và người ta vẫn thường nghe nói về những phép thuật của các nhà đạo sĩ. Những người này cũng được gọi là *yogi*.

- Nhưng bạn có từng gặp những người ấy chăng? Và bạn có tin nơi những phép thuật, quyền năng nhiệm mầu đó không?

Tôi hỏi một cách ngây thơ. Người bạn tôi im lặng một lúc dường như để suy nghĩ câu trả lời. Tôi đưa mắt nhìn về hướng bàn thờ và tưởng chừng như pho tượng Phật trên đó cũng nhìn tôi và mỉm cười. Tôi đâm ra vơ vẩn, và nghĩ rằng bầu không khí chung quanh pho tượng hẳn có đượm một vẻ linh thiêng, thần bí. Nhưng đúng vào lúc đó, giọng nói rõ ràng của người Ấn Độ làm gián đoạn sự mơ màng viển vông của tôi. Anh ta lấy tay vạch cho tôi xem một vật mà anh ta đeo ở trong cổ áo và nói:

- Bạn hãy xem đây, tôi là người *Bà-la-môn*, và đây là sợi dây thánh, tiêu biểu cho giai cấp tôi. Một đời sống khắc kỷ, đạm bạc, trải qua hàng bao nhiêu ngàn năm đã làm cho giai cấp chúng tôi có một vài đặc tính tự nhiên mà sự học vấn theo Âu Tây và sự giao thiệp với người Âu Tây cũng không làm sao xóa bỏ được.

Đức tin nơi một quyền năng thiêng liêng, sự tin tưởng nơi những sức mạnh huyền bí và sự tiến bộ tâm linh của nhân loại, những thứ ấy vốn in sâu trong tâm hồn người *Bà-la-môn* chúng tôi. Đức tin đó, tôi không thể nào hủy bỏ được, và khi nào có sự xung đột giữa đức tin và lý trí, thì tự nhiên lý trí phải nhường bước. Bởi đó, mặc dầu tôi rất có thiện cảm với những phương pháp khoa học tối tân của các anh, điều mà sau cùng tôi có thể trả lời cho câu hỏi của anh là: Tôi tin.

Ông ta im lặng nhìn tôi một lúc và nói tiếp:

- Lẽ tự nhiên là tôi đã từng gặp những người đó. Có lẽ khoảng vài ba người. Thật không dễ gì gặp họ trên đường đời. Ngày xưa, người ta có thể tìm thấy họ dễ dàng hơn, nhưng ngày nay tôi tin rằng họ hầu như đã hoàn toàn biến mất.

- Nhưng phải chăng bạn vừa nói là còn lại vài ba người?

- Rất có thể, nhưng để tìm được họ lại là một vấn đề khác. Điều đó đòi hỏi một sự tìm kiếm công phu và lâu dài.

- Thầy của bạn phải chăng cũng là một trong số những người đó?

- Không, ngài thuộc về một tầng bậc cao hơn nữa. Phải chăng tôi đã nói với bạn rằng Ngài là một vị *Rishi*?

Tôi thú thật rằng tôi không hiểu gì cả, nếu ông ta không giải thích rõ danh từ sau này. Ông ta chậm rãi nói:

- Những vị *Rishi* còn cao hơn những *yogi*. Chúng ta hãy thử đem thuyết tiến hóa của *Dawin* áp dụng vào lãnh vực tinh thần, và chấp nhận giáo lý của đạo *Bà-la-môn* cho rằng có một sự tiến hóa của linh hồn đi đôi với sự tiến hóa của thể xác. Bạn hãy tưởng tượng những vị *Rishi* như những người đã đạt tới tột đỉnh của những nấc thang tiến hóa đó, và chừng đó bạn sẽ có một ý niệm đại khái về sự cao cả huy hoàng của các ngài.

- Một vị *Rishi* có thể thực hiện những phép lạ hay chăng?

- Tất nhiên là có thể, nhưng những phép lạ thật ra không có nhiều giá trị như nhiều người lầm tưởng. Đó chỉ là một quyền năng do kết quả tự nhiên của sự tập trung tư tưởng và ý chí mà thôi. Đối với các ngài, sự nhiệm mầu hay phép lạ chỉ là một phương tiện mà các ngài rất ít khi dùng đến. Mục đích chính của các ngài là trở nên toàn thiện toàn giác, giống như đức Phật đã đạt đến.

- Nhưng chính đấng Christ của phương Tây cũng đã từng làm phép lạ!

- Dĩ nhiên, tôi tin, nhưng bạn tưởng rằng ngài làm như thế vì mục đích khoe khoang chăng? Không bao giờ! Chắc chắn đó chỉ là một phương tiện để cảm hóa những người dân hiền lành, chất phác và mang lại cho họ một đức tin cần thiết.

Tôi trở nên phấn khích:

- Nếu ở Ấn Độ thực sự có những người như các vị *Rishi* thì chắc hẳn quần chúng sẽ qui tụ theo các ngài?

- Lẽ tất nhiên là vậy, với điều kiện trước hết các ngài phải nhập thế và hiển lộ cho người đời biết các ngài là ai. Nhưng rất ít khi các đấng *Rishi* làm như vậy. Các ngài thường chọn sống cách biệt với thế gian. Những vị nào muốn nhập thế để làm việc giúp đời cũng chỉ xuất hiện trong một thời gian nhất định, rồi lại rút lui vào đời sống ẩn dật.

Tôi bèn lên tiếng phản đối ngay rằng nếu các vị ấy cứ sống ẩn dật như thế mãi thì liệu có ích gì cho đời. Người Ấn Độ nở một nụ cười đầy cảm thông và tha thứ:

- Tục ngữ có câu: "Không nên tin ở bề ngoài." Vì không biết rõ các đấng *Rishi* nên thế gian không thể xét đoán các ngài một cách đúng đắn. Tôi đã nói rằng các đấng *Rishi* đôi khi cũng xuất hiện ngoài thế gian và chung đụng với người đời. Thuở xưa kia, khi các ngài xuất hiện như thế nhiều hơn bây giờ, thì sự minh

triết, quyền năng, đức độ của các ngài luôn nổi bật trước mắt mọi người, và ảnh hưởng của các ngài được công khai nhìn nhận. Những vị vua chúa cũng phải nghiêng mình thán phục sự minh triết của các ngài và không ngần ngại thỉnh cầu ý kiến về các vấn đề quốc sự. Nhưng có điều chắc chắn là các đấng *Rishi* thường hoạt động âm thầm lặng lẽ trong bóng tối hơn là xuất hiện giữa cuộc đời.

Tôi bỗng nhiên đâm ra mơ mộng và bất giác thì thầm như nói với chính mình:

- Tôi muốn được gặp một vị *Rishi*, hoặc ít ra cũng là một *yogi* chân chính.

Người bạn tôi đáp lời một cách quả quyết:

- Bạn hãy tin rằng có ngày rồi bạn sẽ được như ý nguyện.

Tôi ngạc nhiên hỏi:

- Làm sao bạn biết được?

Câu trả lời của ông ta càng làm cho tôi ngạc nhiên hơn nữa:

- Tôi biết như thế ngay từ ngày chúng ta gặp nhau lần đầu. Đó là một thứ trực giác, một thứ linh cảm khiến tôi cảm biết được một cách sâu xa nhưng không thể giải thích được. Sư phụ tôi đã dạy tôi tập luyện và

sử dụng năng khiếu đó. Khi gặp việc, tôi hoàn toàn tin tưởng vào năng khiếu trực giác của tôi.

Tôi hỏi nửa tin nửa ngờ:

- Thế lời tiên tri của bạn đến bao giờ mới được thực hiện?

Bạn tôi nhún vai và lắc đầu:

- Tôi không phải là một nhà tiên tri. Tôi rất tiếc là không thể nói trước ngày giờ nào bạn sẽ thực hiện điều ấy.

Tôi không hỏi thêm điều gì, tuy tôi ngờ rằng ông ta có thể nói nhiều hơn nếu ông ta muốn. Tôi bèn suy nghĩ và đề nghị:

- Chắc có ngày nào đó bạn sẽ trở về xứ. Nếu lúc ấy tôi rảnh việc, chúng ta có thể cùng đi chung để tìm gặp những người ấy được chăng?

- Không được, bạn phải đi một mình. Tốt hơn hết là bạn hãy tự mình tìm kiếm.

Tôi nài nỉ:

- Đó là điều rất khó đối với một người ngoại quốc như tôi.

- Hẳn là rất khó. Nhưng bạn hãy đi một mình, rồi có ngày bạn sẽ thấy rằng điều đó là cần thiết.



Từ đó trở đi, tôi luôn tin rằng có ngày tôi sẽ thả neo ở một hải cảng phương Đông đầy ánh nắng. Tôi nghĩ rằng, nếu trong quá khứ xứ Ấn Độ đã từng tạo ra những người như các vị *Rishi*, và nếu một vài vị ấy hiện nay vẫn còn sống như bạn tôi đã nói, thì cái công phu khó nhọc đi tìm các ngài sẽ không phải là vô ích. Nó sẽ được đền bù lại gấp bội phần bằng những lời vàng ngọc minh triết mà mình sẽ được nghe từ các ngài thốt ra. Biết đâu tôi chẳng có cái may mắn là nhờ đó mà đời sống nội tâm của tôi sẽ trở nên dồi dào phong phú hơn. Và dầu cho tôi bị thất bại, cuộc hành trình của tôi cũng không phải là vô ích. Vì những người *yogi* kích thích sự tò mò của tôi một cách mãnh liệt bởi cách sinh hoạt lạ lùng và những phép tu luyện huyền bí của họ.

Sự đam mê của tôi về những điều huyền diệu phi thường đã được khích động đến một mức độ cao tột. Cái viễn ảnh đi thám hiểm những chân trời xa lạ đó làm cho tôi ngây ngất. Tôi tự thả trôi theo đà tưởng tượng của mình, dự định rằng khi gặp cơ hội thuận tiện, tôi sẽ đáp ngay chuyến tàu đầu tiên sang Ấn Độ.

Người bạn Ấn Độ của tôi vẫn còn tiếp tôi tại nhà anh ta trong nhiều tháng. Anh ta giúp tôi nhận định đường lối trong cái chương trình tương lai của tôi, nhưng không chịu làm người hướng dẫn tôi trên những bước

đường xa lạ mà tôi phải vượt qua. Nhưng biết được vị trí của mình, nhận định được những khả năng tiềm tàng của mình, tự vạch lấy con đường đi rõ ràng nhất định, đó phải chăng đã là điều rất quý báu đối với một người còn đang tuổi thanh xuân? Vậy thì không phải là một điều quá đáng nếu tôi bày tỏ nơi đây lòng biết ơn của tôi đối với người bạn mới của thuở ban đầu.

Nhưng bánh xe định mệnh vẫn tiếp tục xoay vần và cái ngày phân ly giữa chúng tôi đã đến quá mau. Cách sau đó vài năm, tôi được tin ông ta qua đời, hình như vì tai nạn.

Cuộc hành trình của tôi vẫn chưa gặp được thời cơ và hoàn cảnh thuận tiện để khởi đầu. Những sự ước mơ và tham vọng ở đời thường tạo ra những trách nhiệm ràng buộc mà người ta không dễ gì thoát ra khỏi được. Tôi đành an phận với cuộc đời hiện tại đang giam hãm tôi trong một khuôn khổ chật hẹp. An phận nhưng vẫn chờ đợi, vì tôi không hề mất đi sự tin tưởng vào lời tiên tri của người bạn Ấn Độ.

Ngày kia, có một việc xảy đến bất ngờ càng xác nhận và củng cố thêm đức tin của tôi. Những hoạt động trong nghề nghiệp đã đưa đến cho tôi một dịp tiếp xúc trong nhiều tháng với một người mà tôi lấy làm quí trọng và giao du với một tình thân hữu đặc biệt. Anh ta có một

trí thông minh tuyệt vời, vô cùng linh hoạt và tỏ ra am hiểu nhân tình thế thái. Anh ta đã từng làm giáo sư dạy khoa tâm lý ở một trường đại học, nhưng cuộc đời giáo sư mô phạm không thích hợp với anh ta. Anh ta bèn từ chức để chuyển sang một ngành hoạt động khác để có thể sử dụng số vốn kiến thức rộng rãi của mình.

Trong một thời gian, anh ta làm cố vấn cho nhiều nhà kinh doanh trên thương trường và từng được hưởng những số tiền thù lao khổng lồ từ những ông chủ của các xí nghiệp lớn. Anh ta có cái thiên tư đặc biệt là giúp nguồn cảm hứng và khích lệ cho những kẻ khác thành công trên đường đời. Dầu là kẻ bần cùng hay triệu phú, ai đã đến tiếp xúc với anh ta đều được sự giúp đỡ ý kiến hoặc sự nâng đỡ về tinh thần, làm cho họ tăng lòng hứng khởi, và những lời khuyên bảo của anh ta đều có giá trị như vàng ngọc.

Tôi vẫn thường nghe theo những lời khuyên của anh ta, vì những dự kiến và trực giác của anh ta thường được chứng minh một cách hùng hồn trong các vấn đề kinh doanh cũng như các vấn đề cá nhân. Điều mà tôi thán phục nhất là anh ta đã dung hòa được trong tâm tính mình những khía cạnh hoàn toàn trái ngược nhau. Anh ta có thể bàn luận những vấn đề triết lý khó khăn nhất ngay sau khi vừa bàn tính xong một công việc kinh doanh! Vì thế người ta không hề thấy anh ta

có vẻ buồn bực, ưu sầu mà luôn vui vẻ, hài hước và hồn nhiên cởi mở.

Anh ta đã cùng tôi trải qua những giờ thú vị trong khi làm việc chung, hoặc trong những khi rảnh rang, nhàn hạ. Tôi lấy làm thích thú mà nghe anh ta nói chuyện, vì những kiến thức rộng rãi của anh ta luôn làm tôi ngạc nhiên. Tôi thường tự hỏi, làm sao khối óc của một con người có thể chứa đựng được một kho tàng kiến thức rộng rãi đến thế!

Một buổi chiều, chúng tôi cùng nhau dùng cơm tối ở một quán ăn nhỏ ấm cúng. Khi ăn xong bước ra về, bầu trời quang đãng dưới ánh trăng rằm làm cho chúng tôi thấy cảm hứng dồi dào. Thế là chúng tôi bèn rủ nhau đi bách bộ thưởng trăng. Câu chuyện lúc ban chiều chỉ quanh quẩn với các vấn đề tầm thường, không có gì đặc biệt, nhưng một đêm trăng tịch mịch như đêm nay tự nhiên sẽ khêu gợi đến những câu chuyện triết lý. Cuộc đi chơi bách bộ dưới ánh trăng khuya đưa đến những câu chuyện triết lý trừu tượng, đến nỗi những danh từ của chúng tôi nói ra hẳn phải làm cho những thân chủ của bạn tôi rùng mình!

Về đến trước cửa nhà, khi chúng tôi bắt tay từ giã, giọng nói của bạn tôi bỗng nhiên trở nên nghiêm nghị, và anh ta nói một cách chậm rãi:

- Thiết tưởng anh không nên theo đuổi nghề nghiệp hiện nay. Anh quả thật là một triết gia nhưng lại phải chịu trói buộc bởi các vấn đề thời sự hằng ngày. Tại sao anh không chọn làm giáo sư đại học và dành nhiều thời gian cho công việc khảo cứu, sưu tầm? Anh có một tâm hồn thấm nhuần triết lý và những hoài bão tâm linh. Tôi chắc chắn rằng có ngày anh sẽ đi tìm những nhà đạo sĩ *yogi* Ấn Độ, những vị *Lạt-ma* Tây Tạng, hoặc những vị cao tăng Thiền tông bên Nhật Bản. Nhưng thôi, trong khi chờ đợi những điều ấy, tôi hãy chúc anh một đêm yên giấc.

Như được gãi đúng vào chỗ ngứa, tôi không ra về ngay mà lập tức quay lại hỏi:

- Anh vừa nói đến các đạo sĩ *yogi*? Anh nghĩ sao về những người ấy?

Anh bạn tôi bèn bước đến gần tôi và kề tai nói nhỏ:

- Đó là những người hiểu biết rất nhiều! Tôi chỉ có thể nói như vậy, họ hiểu biết rất nhiều!

Lúc đó, tôi bước chân ra về mà trong lòng vô cùng xao xuyến. Cuộc hành trình sang phương Đông vẫn chưa thể thực hiện được. Càng ngày tôi càng đi sâu vào những trách nhiệm nặng nề và phức tạp mà dường như tôi không thấy có cách nào để thoát ra khỏi. Tôi có những lúc ngã lòng. Hay là định mệnh khắt khe đã trói

buộc tôi mãi mãi với những tham vọng thường tình và những cạm bẫy của cuộc đời trần tục!

Nhưng không, tôi đã lầm! Định mệnh không phải là một cái gì bất biến, mà nó hầu như luôn luôn chuyển biến, đổi thay trong từng phút, từng giờ, và mặc dầu chúng ta không thể nhìn thấy rõ điều đó, nhưng chúng ta vẫn bị cuốn trôi trong dòng chảy của những sự kiện để rồi chắc chắn sẽ tiến đến một mục đích nào đó dường như đã được định sẵn. Không đầy một năm sau đó, tôi đã đặt chân lên hải cảng *Bombay* của Ấn Độ, mở to mắt ngắm nhìn những cảnh vật tưng bừng rực rỡ của một thành phố phương Đông và lắng tai nghe nhiều thổ ngữ lạ lùng của những dân tộc bản xứ qua lại nơi này!

CHƯƠNG 2

MỘT NHÀ PHÙ THỦY XỨ AI CẬP

Thật là một chuyện lạ lùng và có ẩn giấu một ý nghĩa gì đây chăng? Tôi chưa kịp thử thời vận thì tự nhiên dịp may ở đâu đã tự nó lù lù xuất hiện. Tôi cũng chưa kịp sử dụng thời giờ nhàn rỗi của một người du khách để đi ngoạn cảnh và viếng xem thành phố *Bombay*. Những hoạt động của tôi trong hiện tại chỉ là đang cố làm quen với cảnh vật chung quanh ở khách sạn *Majestic* mà tôi được biết do sự giới thiệu của một người mới quen trên tàu. Và chính nhờ đó mà tôi vừa khám phá được một chuyện lạ.

Trong số những người khách cùng ở trọ có một vị pháp sư phép thuật cao cường, có lẽ không thua kém so với những nhà phù thủy thời Trung cổ. Tôi nghe nói là ông ta tiếp xúc hằng ngày với những vong linh mà người thường không thể nhìn thấy, nhưng ông ta nhìn thấy rõ. Ít nhất thì đó cũng là những lời thiên hạ đồn

đại về ông ta. Nhân viên khách sạn rất kiêng nể ông ta, và thường chỉ nhắc đến ông ta bằng một giọng thì thầm sợ hãi. Nơi nào ông ta đi ngang qua thì dường như mọi câu chuyện đều ngưng bặt, và mọi người đều nhìn trộm ông ta với một sự tò mò kín đáo và không ai dám nhìn ngay mặt.

Về phần mình, ông ta dường như rất ít khi ra mặt nói chuyện hoặc tiếp xúc với ai và chỉ dùng cơm một mình trong phòng riêng. Điều làm cho người ta càng tò mò hơn nữa là ông ta không phải người Ấn Độ hay người Âu, mà là một người đến từ ven bờ sông *Nile*, một nhà phù thủy xứ Ai Cập!

Hình dáng bề ngoài không có vẻ gì cho thấy là ông ta có những quyền năng bí mật lạ lùng. Mới nghe qua những lời đồn đại, người ta có thể tưởng tượng đó là một người có vẻ mặt rùng rợn, khắc khổ; nhưng trái lại, ông ta có một gương mặt tròn trĩnh, tươi tắn và hồng hào, với một khổ người đầy đặn phương phi, vai rộng và dáng đi nhanh nhẹn của một người năng động. Người ta cũng có thể tưởng tượng là ông ta luôn mặc áo choàng rộng trắng, đầu quấn khăn như mọi người thuật sĩ phương Đông, nhưng ngược lại, ông ta mặc một bộ Âu phục được may rất khéo, hợp thời trang, và có vẻ ngoài giống như một người Pháp thượng lưu lịch lãm mà người ta thường gặp ở những nhà hàng lớn tại *Paris*.

Tôi ngẫm nghĩ về vấn đề này suốt cả ngày hôm đó. Sáng hôm sau, tôi thức dậy với một quyết định rõ rệt. Tôi phải phỏng vấn nhà phù thủy *Mahmoud Bey* - ấy là nói theo danh từ báo giới mà các bạn đồng nghiệp của tôi vẫn thường dùng. Tôi liền viết vài hàng chữ lên tấm danh thiếp để bày tỏ ý muốn của tôi. Trên góc phải tấm danh thiếp, tôi vẽ một biểu tượng nhỏ có ngụ ý cho thấy rằng tôi không xa lạ với khoa pháp môn phù thủy, và tôi hy vọng điều này có thể giúp tôi được ông ta nhận lời tiếp kiến.

Tôi trao tấm danh thiếp cho một người phục vụ của khách sạn và không quên kèm theo một *rupee* tiền thưởng để nhờ anh ta mang vào phòng của nhà phù thủy. Năm phút sau, ngườiphục vụ trở lại với câu trả lời:

- Thưa ông, ông *Mahmoud Bey* sẵn lòng tiếp ông ngay bây giờ. Ông ấy sắp dùng điểm tâm và mời ông cùng vào.

Vừa bước vào phòng, tôi nhìn thấy ông ta mặc một bộ áo choàng rộng màu xám. Ông ta mở đầu câu chuyện bằng một nụ cười vui vẻ và mời tôi:

- Ông dùng điểm tâm với tôi nhé?

Tôi cám ơn và ngồi xuống. Giữa hai ngụm trà nóng, tôi thuật lại cho ông ta nghe những lời đồn đại rùng

rợn mà người ta lan truyền cho nhau về ông ta ở khách sạn này, và nói rằng điều đó đã làm cho tôi đã do dự rất lâu trước khi có đủ sự bạo gan để xin được nói chuyện với ông ta.

Nghe xong, ông ta bèn phá lên cười một cách giòn giã và thật tình, rồi đưa một tay lên ra dấu như muốn nói rằng ông ta cũng không thể làm gì được với những lời đồn đại ấy. Sau một phút im lặng, ông ta hỏi tôi:

- Ông là phóng viên cho một tờ báo?

Tôi đáp:

- Không, tôi đến Ấn Độ vì mục đích riêng, để khảo cứu một vài khía cạnh về đời sống tâm linh của xứ này và thu thập tài liệu để viết một quyển sách về vấn đề ấy.

-Thế ông sẽ ở lại đây bao lâu?

- Điều đó còn tùy. Tôi chưa xác định được là sẽ ở đây bao lâu.

Tôi đáp lời với cái cảm giác lạ lùng rằng người đi phỏng vấn lại đang bị kẻ khác phỏng vấn ngược lại mình! Nhưng câu nói kế đó của ông ta làm tôi yên tâm:

- Tôi thì đến đây trong một cuộc viếng thăm dài hạn. Tôi sẽ ở Ấn Độ một năm hoặc hai năm. Sau đó tôi

sẽ đi sang Viễn Đông, và đi vòng quanh thế giới trước khi trở về Ai Cập, nếu *Allah* cho phép.

Chúng tôi đã ăn xong. Người phục vụ bước vào và dọn bàn. Không để lỡ dịp, tôi đi ngay vào đề:

- Tôi nghe người ta nói rằng ông có thể thực hiện nhiều phép lạ, có quả thật vậy không?

Vị pháp sư đáp thản nhiên một cách hết sức tự tin:

- Vâng! Nhờ trời nên tôi đã có được đôi chút năng lực mà người ta thường gọi là phép lạ.

Im lặng một lúc, rồi ông ta nhìn thẳng vào mắt tôi và nói tiếp:

- Có lẽ ông muốn tôi chứng tỏ vài điều để ông xem tận mắt?

Ông ta dường như đã đọc rõ ý muốn của tôi. Tôi gật đầu bằng lòng ngay. Ông ta liền bảo tôi lấy ra một mảnh giấy và cây bút chì - những thứ mà lúc nào tôi cũng mang theo bên mình - và nói:

- Ông hãy tự tay viết lên tờ giấy này một câu hỏi, bất cứ về chuyện gì.

Nói xong, ông ta đứng dậy và bước đến ngồi nơi một chiếc bàn nhỏ gần cửa sổ, quay lưng về phía tôi và nhìn ra đường. Như thế, chúng tôi ngồi cách nhau một khoảng độ vài thước.

Tôi viết trên mảnh giấy câu hỏi như sau: *"Cách đây bốn năm, tôi ở đâu?"*

Khi tôi viết xong, nhà phù thủy bảo tôi:

- Bây giờ ông hãy gấp mảnh giấy lại nhiều lần, càng nhỏ càng tốt.

Tôi làm y theo lời. Sau đó, ông ta bước lại gần tôi và nói:

- Bây giờ ông hãy nắm chặt mảnh giấy và cây viết chì trong lòng bàn tay mặt.

Tôi lại nghe theo lời. Nhà phù thủy bèn nhắm mắt trong một lúc, có vẻ như đắm chìm trong một cơn thiền định. Rồi bỗng nhiên hai mí mắt ông ta giương lên, cặp mắt xám đục của ông ta nhìn ngay vào mắt tôi, ông ta chậm rãi nói:

- Câu hỏi phải chăng là như thế này: *"Cách đây bốn năm, tôi ở đâu?"*

Tôi ngạc nhiên đáp:

- Đúng vậy! Nếu đây là việc đọc được tư tưởng của người khác thì quả thật là một việc phi thường!

Nhà phù thủy vẫn thản nhiên nói tiếp:

- Ông hãy mở tờ giấy ra.

Tôi làm theo lời và càng ngạc nhiên hơn nữa. Một bàn tay vô hình đã viết bằng bút chì lên mảnh giấy -

mà từ nãy đến giờ tôi luôn nắm chặt trong lòng bàn tay - cái tên *Oxford*, tức là thành phố mà tôi đã ở cách đây bốn năm, ngay phía dưới câu hỏi do tôi viết.

Nhà phù thủy *Mahmoud Bey* cười một cách hài lòng, và hỏi:

- Câu trả lời như thế có đúng không?

Tôi lặng thinh vì ngạc nhiên. Việc này ngoài sức tưởng tượng của tôi, khiến cho tôi phải yêu cầu ông ta thực hiện lại một lần nữa. Ông ta bằng lòng và trở lại phía cửa sổ, trong khi tôi viết lên mảnh giấy câu hỏi thứ nhì. Với khoảng trống ngăn cách chúng tôi, tôi không thể nghi ngờ rằng ông ta đọc được những chữ tôi viết, nhưng tôi vẫn vừa viết vừa nhìn ông ta không chớp mắt để đảm bảo ông ta không liếc nhìn về phía tôi, và tôi thấy quả thật ông ta chỉ chăm chú nhìn xe cộ qua lại ngoài đường.

Viết xong, tôi gấp nhỏ mảnh giấy lại và nắm chặt nó cùng với cây viết chì trong lòng bàn tay mặt. Lúc đó, nhà phù thủy mới trở lại bàn, ngồi xuống và nhắm mắt định thần. Sau một lúc, ông ta nói với tôi:

- Câu hỏi thứ nhì là: *“Tôi làm chủ bút tờ báo nào cách đây hai năm?”*

Lần này, ông ta cũng nói đúng như lần trước! Một lần nữa, tôi mở mảnh giấy ra trên bàn và nhìn thấy có

nét bút chì viết rõ ràng tên tờ báo của tôi cách đây hai năm!

Điều này phải khác hơn là việc chỉ đơn thuần đọc hiểu tư tưởng người khác. Là thôi miên chăng? Không phải vậy, vì tôi hoàn toàn tỉnh táo. Chính tôi đã lấy giấy và bút chì từ trong túi của tôi ra, và cũng chính tôi chọn những câu hỏi và viết lên giấy trong khi *Mahmoud Bey* đứng cách xa tôi vài thước. Trong phòng chỉ có hai người chúng tôi, và mọi việc xảy ra hoàn toàn giữa lúc thanh niên bạch nhật.

Tôi không thể hiểu được gì cả! Tôi bèn yêu cầu người phù thủy thực hiện lại một lần thứ ba. Lần này ông ta cũng bằng lòng và cũng thành công như trước. Sự việc diễn ra trước mắt tôi một cách hiển nhiên không thể phủ nhận được. Ít nhất thì ông ta đã hoàn toàn đọc được tư tưởng của tôi, và tôi không tìm ra sự giải thích nào khác hơn. Ngoài ra, bằng một phép thuật nào đó, ông ta đã viết lên mảnh giấy mà tôi nắm chặt trong lòng bàn tay những câu trả lời đúng cho các câu hỏi của tôi. Càng ngẫm nghĩ, tôi càng phải thừa nhận sự hiện diện của những sức mạnh vô hình, huyền bí. Đối với một người bình thường, việc này thật là không thể tưởng tượng và thách thức lý trí con người. Sau cùng, tôi đành chịu không sao hiểu nổi.

Nhà phù thủy lúc đó mới hỏi tôi:

- Ông biết có người nào bên Anh quốc có thể làm được như vậy không?

Tôi nhìn nhận là không có và hỏi lại:

- Ông có vui lòng giải thích những pháp thuật của ông cho tôi nghe được chăng?

Tuy hỏi vậy nhưng tôi tự hiểu rằng điều đó chẳng khác nào muốn ôm lấy mặt trăng. Nhà phù thủy trả lời:

- Có người đã đề nghị trả cho tôi những số tiền khổng lồ nếu tôi chịu nói ra những sự bí mật của tôi, nhưng hiện giờ tôi chưa có ý định làm như vậy.

Tôi gắng gượng vớt vát:

- Ông cũng biết rằng tôi không phải hoàn toàn dốt nát về những vấn đề thần bí siêu hình?

- Dĩ nhiên rồi. Nếu tôi có dịp sang châu Âu, có lẽ ông sẽ giúp tôi được nhiều việc. Chừng đó tôi hứa sẽ chỉ cho ông biết những phương pháp của tôi, để ông có thể làm được như tôi nếu ông muốn.

- Phương pháp đó phải học trong bao lâu?

- Điều đó còn tùy nơi từng người. Nếu ông chuyên cần tập luyện và để hết thời giờ vào đó, thì ba tháng

cũng đủ để hiểu biết về phần lý thuyết. Nhưng sau đó, ông còn cần phải thực hành trong nhiều năm.

Tôi mừng rỡ nắm ngay lấy cơ hội dễ dãi này:

- Ông có thể cho biết những nguyên tắc đại cương của phép thuật này, về phần lý thuyết thôi, không cần giải thích những bí mật của ông. Như vậy có được chăng?

Mahmpud Bey ngẫm nghĩ trong một lúc về đề nghị của tôi và trả lời:

- Được tôi sẵn lòng làm như vậy đối với ông.

Tôi liền móc túi lấy ngay cuốn sổ ghi chép tốc ký với cây bút chì và sẵn sàng ghi chép. Nhưng ông ta đã mỉm cười và nói:

- Không, sáng nay tôi bận. Xin ông thứ lỗi cho và mời ông hãy đến vào sáng mai, lúc mười một giờ. Khi ấy chúng ta sẽ tiếp tục.



Sáng hôm sau, đúng giờ hẹn tôi đã có mặt tại phòng của *Mahmoud Bey*. Ông ta đưa cho tôi một hộp thuốc lá Ai Cập rồi bật lửa mời tôi hút thuốc và nói:

- Thuốc lá này là thổ sản của xứ Ai Cập, hút rất ngon.

Chúng tôi ngồi ngả lưng trên ghế bành và thở vài ngụm khói đầu tiên. Khói thuốc có mùi thơm dịu, quả thật là thuốc lá Ai Cập ngon có tiếng. *Mahmoud Bey* vừa mở lời vừa cười một cách thật tình và cởi mở:

- Vậy bây giờ tôi sẽ nói về phần lý thuyết, như cách phân biệt của người phương Tây các ông. Nhưng đối với chúng tôi thì sự thật là lý thuyết không bao giờ tách rời khỏi phần thực hành. Có lẽ ông sẽ lấy làm ngạc nhiên khi biết rằng tôi là một chuyên viên ngành nông nghiệp, và có cả bằng kỹ sư canh nông?

Tôi bắt đầu những ghi chép bằng tốc ký. Ông ta nói tiếp:

- Điều đó dường như không liên quan gì đến khoa phù thủy, phải không?

Tôi ngừng ghi chép và ngước mắt nhìn lên, thoáng thấy một nụ cười còn sót lại trên vành môi của ông ta. Ông ta cũng nhìn lại tôi. Tôi nghĩ rằng đây sẽ là một câu chuyện phóng sự rất lý thú. Ông ta hỏi tôi:

- Nhưng ông là một ký giả, hẳn ông phải muốn biết do nhân duyên gì mà tôi trở thành một nhà phù thủy.

Tôi gật đầu tỏ ý biểu đồng tình. *Mahmoud Bey* nói:

- Tôi vốn sinh trưởng ở thành phố *Cairo*, Ai Cập. Thuở nhỏ tôi là một đứa học trò bình thường cũng như

mọi đứa trẻ khác, không có gì đặc biệt hay xuất chúng. Nhưng tôi có năng khiếu về canh nông, và tôi gắng chuyên cần theo đuổi môn này khi tôi vào trung và đại học. Một ngày kia, có một ông già dọn đến ở gần nhà tôi. Đó là một ông lão người Do Thái có cặp chân mày thật rậm, chòm râu dài, vẻ mặt luôn luôn đăm chiêu và ít nói. Ông ta rất dè dặt trong cử chỉ, khiến cho những người láng giềng đều xa lánh và không dám làm quen. Nhưng đối với tôi, điều đó lại làm cho tôi tò mò muốn tìm hiểu về ông ta hơn.

Hồi đó tôi còn trẻ và bạo dạn, không nhút nhát. Tôi tìm cơ hội làm quen với ông ta. Lúc đầu còn dè dặt, nhưng dần dần ông trở nên dễ dãi hơn và sau cùng ông đã mở cửa cho tôi bước vào cuộc đời của ông. Nhờ đó tôi được biết rằng ông là một người chuyên khảo cứu về khoa pháp môn huyền bí và dành trọn thời giờ để học hỏi về các hiện tượng siêu linh, cùng thực hành những pháp thuật lạ lùng.

Ông hãy tưởng tượng xem, cuộc đời tôi trước khi đó chỉ là đời của một sinh viên. Ngoài giờ học, tôi chỉ biết chơi thể thao cùng các môn giải trí lành mạnh. Bỗng nhiên từ nay tôi đã gặp một cái gì hoàn toàn khác hẳn, nhưng nó hấp dẫn một cách lạ lùng! Sự huyền bí không làm cho tôi sợ hãi như đối với phần đông các bạn của tôi. Trái lại, nó cho tôi cái thích thú của sự tìm tòi, để khám phá những điều bí hiểm.

Tôi yêu cầu ông lão Do Thái hãy dạy tôi học khoa pháp môn của ông. Ông ta bằng lòng. Từ đó, tôi dần dần có dịp làm quen với một giới người theo đuổi những môn học kỳ lạ. Ông lão Do Thái đưa tôi đến một Hội ở *Cairo* chuyên khảo cứu và thực hành các môn Thần linh học, Huyền môn học và Thông thiên học. Nhóm này gồm các nhà bác học, công chức, hoặc trí thức, đến để nghe ông lão giảng dạy về các môn học kể trên. Lúc ấy tôi hãy còn là một thanh niên mới trưởng thành, nhưng tôi cũng được phép tham dự các buổi học.

Tôi nghe giảng với tất cả tâm hồn, nghe một cách say sưa như uống cạn những lời giảng của thầy. Những cuộc thí nghiệm lạ lùng làm tôi nhìn xem một cách say mê và vô cùng thích thú. Lẽ tự nhiên, sự học của tôi ở trường Canh Nông bị giảm sút, nhưng vì sẵn có năng khiếu nên tôi vẫn thi đậu tốt nghiệp. Sau đó, tôi dành trọn thời gian để chăm chú học một cách say mê những quyển sách cổ xưa đầy bụi mốc do ông lão Do Thái cho mượn, và tập thực hành khoa pháp môn. Tôi tiến bộ rất mau về khoa này đến nỗi tôi khám phá được những điều mà chính thầy tôi chưa biết.

Không bao lâu tôi được nhìn nhận là một chuyên viên ưu tú về khoa pháp môn. Đến lượt tôi làm giảng sư thuyết trình về pháp môn huyền bí tại Hội quán và được bầu làm Chủ tịch Hội này trong mười hai năm.

Về sau, tôi xin từ chức để đi du lịch ở một vài xứ và cũng để gầy dựng một sự nghiệp tương lai.

Nói đến đây, *Mahmoud Bey* ngừng một lát để gạt tàn thuốc. Tôi nhận thấy ông ta có một bàn tay đẹp, một bộ móng tay rất chải chuốt và cắt xén rất kỹ. Tôi nói xen một câu để bày tỏ sự chú ý của mình vào câu chuyện:

- Sự nghiệp mà ông muốn gầy dựng đó hẳn là một công trình rất khó nhọc?

Ông ta mỉm cười nói:

- Không, đối với tôi thì việc ấy rất dễ. Tôi cũng không đặt ra mục tiêu gì to tát lắm, nên tôi chỉ cần tìm vài vị thân chủ trong số những nhà giàu có cần dùng đến những phép thuật của tôi. Trong giới hào phú ở Ấn Độ, có một vài người đã biết tôi. Họ đến đây để hỏi ý kiến tôi về những vấn đề khó khăn thắc mắc của họ; họ cũng muốn khám phá những chuyện mà họ chưa được biết hoặc muốn biết những điều bí hiểm. Lẽ dĩ nhiên là tôi tính tiền thù lao rất cao, mỗi vụ ít nhất cũng là một trăm *rupee*. Nói thật tình, tôi chỉ muốn kiếm một số tiền, rồi sau đó sẽ giải nghệ và lui về dưỡng nhàn nơi một tỉnh nhỏ ở Ai Cập. Tôi sẽ mua một khu đất để trồng một vườn cam và trở lại nghề canh nông của tôi.

Đến đây, tôi dò hỏi:

- Ông từ Ai Cập thẳng đường sang đây?

-Không. Tôi có ở một thời gian bên xứ *Syrie* và *Palestine* sau khi tôi từ giã thủ đô Ai Cập. Những viên chức an ninh ở *Syrie* có nghe nói về tôi và thỉnh thoảng có nhờ tôi giúp đỡ. Mỗi khi có một vụ án mạng khó khăn, không tìm ra manh mối, thì phương kế cuối cùng là họ tìm đến tôi. Trong nhiều trường hợp, tôi đã giúp họ tìm ra được thủ phạm.

- Ông tìm ra thủ phạm bằng cách nào?

- Tôi nhờ đến sự giúp đỡ của những sinh linh trong cảnh giới vô hình. Họ diễn lại sự việc trong tâm giới của tôi, cho tôi thấy rõ ràng cảnh tượng của vụ án mạng.

Mahmoud Bey ngừng một lúc, như để hồi tưởng lại những sự việc đã qua. Tôi kiên nhẫn chờ cho ông ta nói tiếp:

- Chắc ông sẽ cho tôi là một nhà Thần linh học, vì tôi kêu gọi sự giúp đỡ của những vong linh? Nhưng tôi cũng là một pháp sư phù thủy, theo ý nghĩa đúng đắn của danh từ này, chứ không phải là một tay làm trò ảo thuật.

Tôi không đòi hỏi gì hơn những điều vừa được nghe đó! Những lời giải thích của ông ta cũng đủ làm cho

người ta phải giật mình, không cần phải hỏi thêm điều gì nữa! Nhưng tôi vẫn không dừng lại:

- Xin ông cho tôi biết vài điều về những vong linh vô hình đó.

- À! Những âm binh đó sao? Tôi đã mất ba năm công phu khó nhọc mới làm chủ được chúng nó. Trong cõi vô hình, ngoài vòng nhận xét của giác quan chúng ta có những loại vong linh tốt cũng như xấu. Một vài loại vong linh đó chính là vong hồn những người đã chết, còn phần nhiều chúng thuộc về loại *Djinns* nghĩa là những vong linh xuất xứ tự cõi vô hình và chưa hề có sự chuyển kiếp làm người. Có những vong linh với trình độ tiến hoá không cao hơn loài thú, có những loại khác khôn ngoan như loài người. Cũng có những vong linh hung ác, được những bọn phù thủy hạ cấp xấu xa sử dụng, nhất là những thầy phù thủy chữa bịnh ở Phi châu. Tự nhiên là tôi không giao thiệp với những loại vong linh này, vì chúng rất nguy hiểm, có thể quay ngược lại để giết chết những người đã sử dụng và sai khiến chúng.

- Còn những vong linh người chết mà ông sử dụng đó là ai?

- Một trong những vong linh đó là em ruột của tôi, đã chết từ vài năm nay. Nhưng ông nên nhớ rằng tôi

không phải là một người lên đồng, vì không có vong linh nào nhập vào xác tôi, hoặc được phép chế ngự tôi theo bất kỳ cách nào. Vong linh em tôi tiếp xúc với tôi bằng cách đưa vào trong trí tôi những tư tưởng của nó, hoặc gieo vào trong tâm giới của tôi một hình ảnh tương tự. Chính nhờ cách đó mà tôi đọc được những câu hỏi của ông đã viết.

- Còn những âm binh *Djinns*?

- Tôi có tới ba chục đứa để sử dụng và sai khiến. Sau khi đã làm chủ được chúng nó, tôi phải tập cho chúng biết vâng lời, cũng như người ta tập cho một đứa trẻ biết múa hát chẳng hạn. Tôi còn phải biết tên mỗi đứa để kêu gọi và sai khiến chúng làm việc. Tôi biết tên chúng nhờ học từ những quyển sách cổ của thầy tôi truyền lại.

Mahmoud Bey lại đưa hộp thuốc lá cho tôi và nói tiếp:

- Mỗi vong linh đều có một vai trò của nó và không thể đóng vai trò khác. Chẳng hạn, những âm binh đã viết câu trả lời của tôi bằng bút chì trên mảnh giấy trắng không thể giúp tôi đọc được những câu hỏi của ông.

- Ông tiếp xúc với chúng bằng cách nào?

- Bằng cách tập trung tư tưởng của tôi đến âm

binh nào mà tôi muốn kêu gọi. Nhưng trên thực tế, tôi thường viết tên âm binh đó bằng chữ Ả Rập lên một tờ giấy thì nó liền xuất hiện lập tức.

Đến đây, nhà phù thủy xem đồng hồ tay và đứng dậy kiếu từ:

- Bây giờ, thưa ông, tôi rất tiếc không thể nói nhiều hơn. Ông hiểu vì sao tôi phải giữ kín những phép thuật của tôi. Chúng ta sẽ gặp nhau một ngày khác, nếu *Allah* muốn thế!

Nói xong, anh ta vừa mỉm cười để lộ hàm răng trắng như ngà, vừa cúi đầu chào từ biệt. Cuộc phỏng vấn của tôi với nhà phù thủy đã chấm dứt.



Đêm ở *Bombay*. Tôi đi ngủ trễ nhưng vẫn trằn trọc không sao ngủ được. Không khí nặng nề vì độ ẩm quá cao làm tôi khó thở, dường như không có dưỡng khí và nóng nực không thể chịu nổi. Cái quạt máy trên trần chạy hết tốc lực cũng không đủ mát để cho cặp mắt tôi nhắm lại. Sự hô hấp là cả một công việc khó nhọc. Không khí nóng bức đến nỗi mỗi hơi thở vào dường như làm cho buồng phổi thiếu kinh nghiệm của tôi bị thương tổn! Bộ quần áo ngủ của tôi thấm mồ hôi ướt sũng, dường như toàn thân tôi

đều chảy ra nước! Tệ hơn nữa là bộ óc bị dồn ép của tôi cũng không được chút nghỉ ngơi. Con ma mất ngủ đã bước vào cuộc đời tôi kể từ đêm nay và sẽ ám ảnh tôi luôn cho đến ngày tôi đặt chân trên đất Ấn Độ lần cuối cùng. Tôi phải tập quen với khí hậu, phong thổ vùng nhiệt đới, và tôi đã bắt đầu trả bằng một giá rất đắt!

Ánh trăng xuyên qua cửa sổ rọi vào phòng làm cho cảnh vật chung quanh đắm chìm trong một thứ ánh sáng nhạt mờ huyền ảo. Nằm thao thức trên giường, tôi ngẫm nghĩ về câu chuyện lúc ban ngày với nhà phù thủy *Mahmoud Bey* và hiện tượng lạ lùng mà ông ta đã thực hiện cho tôi xem ngày hôm trước.

Tôi thử tìm kiếm một sự giải thích nào khác hơn nhưng không có kết quả. Nếu những tay sai bí mật và vô hình của anh ta quả là có thật, thì việc này làm cho chúng ta nhớ lại thời Trung cổ, khi những nhà phù thủy đã từng làm ăn phát đạt ở những thành phố châu Âu, mặc dầu họ thường bị khủng bố bởi Hội Thánh và nhà cầm quyền.

Càng cố tìm ra một sự giải thích, tôi càng đành chịu thất bại, không hiểu ra sao cả. Tại sao *Mahmoud Bey* lại bảo tôi nắm chặt trong lòng bàn tay cây bút chì cùng với tờ giấy? Phải chăng những âm binh của ông ta đã dùng những nguyên tử của chất chì để viết thành câu trả lời? Tôi gắng nhớ lại những sự việc tương tự

đã từng xảy ra trong quá khứ. Phải chăng *Marco Polo*, nhà thám hiểm trứ danh của thành *Venise*, đã tường thuật lại trong bộ sách du ký rằng ông đã từng gặp những vị pháp sư Trung Hoa, Mông Cổ và Tây Tạng, có thể viết chữ bằng nét bút chì mà không cầm đến cây bút? Và phải chăng chính những vị pháp sư ấy đã nói cho ông biết rằng pháp thuật lạ lùng này đã từng được biết và thực hành ở các xứ ấy từ bao nhiêu thế kỷ về trước?

Tôi cũng nhớ rằng bà *Helena Blavatsky*, nhà sáng lập ra Hội Thông thiên học, cũng đã từng làm những hiện tượng tương tự như thế cách đây năm mươi năm về trước. Hồi thời kỳ đó, có vài người hội viên ưu tú trong Hội ấy đã nhận được những bản thông điệp rất dài của các vị chân sư do bà làm trung gian. Những người ấy viết trên giấy những tờ giấy có viết những câu hỏi đó. Một điều lạ là bà *Blavatsky* cho biết bà có đi du lịch bên xứ Mông Cổ và Tây Tạng, là những nơi mà nhà thám hiểm *Marcho Polo* đã từng chứng kiến những hiện tượng tương tự như thế. Tuy nhiên, bà *Blavatsky* không tuyên bố là có quyền năng sai khiến các âm binh như nhà phù thủy *Mahmoud Bey*. Bà chỉ cho biết rằng những câu trả lời bí mật đó là do những vị chân sư của bà ở bên Tây Tạng, những người có xác phàm như chúng ta, và là những nhà sáng lập thật sự

và ẩn tàng của Hội Thông thiên học. Như thế, những vị này dường như còn cao tay ấn hơn nhà phù thủy Ai Cập về hiện tượng nói trên, vì các ngài đã tạo ra những hàng chữ viết như thế từ bên xứ Tây Tạng, cách xa nơi nhận đến hàng ngàn dặm dường. Hồi đó, người ta đã từng bàn luận rất sôi nổi về tính cách chân thật của hiện tượng này, và về sự hiện diện thật sự của các đấng chân sư.

Tôi không có ý định nêu ra vấn đề này, vì đó không phải việc của tôi. Hơn nữa, người phụ nữ kỳ lạ đó đã bước sang một thế giới khác mà có lẽ bà thấy là sung sướng dễ chịu hơn cõi đời này. Nhưng tôi không thể nào phủ nhận những gì tôi đã nhìn thấy tận mắt, hoặc nghi ngờ về tính cách chân thật của sự việc đã xảy ra, mặc dầu tôi không sao giải thích được.

Không còn nghi ngờ gì nữa, *Mahmoud Bey* quả thật là một nhà phù thủy còn sót lại giữa thế kỷ hai mươi này. Gặp gỡ được ông ta khi vừa mới đến Ấn Độ, đối với tôi có vẻ như là một điềm lành, và hứa hẹn nhiều sự khám phá lạ lùng hơn nữa về sau này. Dầu sao tôi cũng đã trải qua một bước kinh nghiệm lý thú đầu tiên, và ghi nhận được những tài liệu quí báu trên những trang hãy còn mới của tập nhật ký.

CHƯƠNG 3

NGƯỜI ĐẠO SĨ BÊN BỜ SÔNG ADYAR

Những tuần lễ sau đó, tôi vượt qua vùng cao nguyên *Décan* để đi xuống miền nam. Tôi viếng thăm nhiều nơi danh lam thắng cảnh, nhưng không gặp một nhân vật nào đáng kể. Tuy nhiên, có một sức mạnh huyền bí mà tôi nhắm mắt tuân theo không suy nghĩ đã thúc giục tôi tiếp tục tiến bước.

Ngày nọ, tôi ngồi trên chuyến xe lửa đêm đi xuống *Madras*, và không tìm thấy giấc ngủ. Tôi bèn ngồi dậy để thử kiểm điểm những kết quả đã thu thập được. Tôi phải nhìn nhận rằng những kết quả ấy rất mỏng manh, và tôi chưa có dịp gặp gỡ một người đạo sĩ nào. Còn nói về hy vọng gặp được một vị chân sư thì tôi đành tạm gác sang một bên vì chưa thấy có chút manh mối tương quan nào cả.

Ngược lại, tôi đã gặp phải không biết bao nhiêu những sự dị đoan mê tín và những tập quán cổ xưa

lỗi thời. Bây giờ tôi mới hiểu những nụ cười nghi hoặc và những lời cảnh cáo của các bạn tôi ở Bombay. Lần đầu tiên tôi nhận thức được sự khó khăn của vấn đề tôi đang theo đuổi.

Nói về những tu sĩ tự xưng là sùng tín và đạo hạnh thì ở xứ này không thiếu. Họ họp thành một thành phần đông đảo không thể tưởng tượng. Nhưng có đáng để tốn công nhọc sức đi tìm những người như thế hay không thì lại là một chuyện khác.

Bạn đi ngang qua một ngôi đền cổ kính thâm nghiêm, bề ngoài có vẻ rất hấp dẫn và đầy hứa hẹn. Bạn bước vào trong với một tấm lòng sùng kính thiêng liêng và tiến đến gần nơi thánh điện. Bạn nhìn vào trong và bạn thấy những gì? Những người hành lễ ngây ngô vừa cầu nguyện vừa rung một cái chuông nhỏ để làm cho những lời cầu xin của họ được thấu đến tai của những vị thần trong đền!

Thành phố *Madras* với những phong cảnh tưng bừng nhộn nhịp và màu sắc địa phương rực rỡ lạ mắt làm cho tôi rất thích thú. Tôi tạm trú ở một vùng ngoại ô cách thành phố hai dặm. Nơi đây tôi sẽ được gần gũi với người bản xứ hơn là ở khu sang trọng dành cho người Âu.

Tôi đi theo con đường cái, nhà cửa hai bên đường đều quét vôi trắng, trước mỗi nhà đều có một hàng

hiên để hóng mát. Chung quanh vùng có cây cối sầm uất, cảnh vật tươi tốt trông thật thích mắt. Cách đó chừng nửa dặm, con sông *Adyar* uốn quanh, dòng nước chảy chậm chạp lờ đờ. Hai bên bờ sông có những vườn dừa che bóng mát rượi. Tôi định lúc nào rảnh rang sẽ đi bách bộ dạo chơi dưới bóng những hàng dừa, hoặc ngồi ngắm cảnh trên bờ sông. Con sông *Adyar* chảy về ngoại ô phía nam thành phố *Madras*, trước khi đổ ra vịnh *Coromandel*.

Một buổi sớm mai, tôi dạo chơi trên bờ sông với một người thanh niên Ấn mà tôi mới làm quen và tôi đã có dịp thổ lộ với anh ta về mục đích cuộc sưu tầm của tôi. Thình lình anh ta nắm lấy tay tôi và nói:

- Kìa! Ông hãy nhìn xem, người đang đi về phía chúng ta từ đàng xa kia là một *yogi*. Có lẽ ông sẽ muốn biết về người ấy, nhưng có điều rất tiếc là khó mà làm quen được với với ông ta.

- Tại sao vậy?

- Tôi biết chỗ ông ta ở, nhưng tôi chưa từng thấy ai dè dặt và kín đáo như người này.

Người lạ mặt đã tiến đến gần chúng tôi. Ông ta có cái vóc vạc cao lớn lực lưỡng và trạc độ ba mươi lăm tuổi. Gương mặt có điều làm cho tôi chú ý nhất là những nét đặc biệt của một người da đen: nước da rất sậm, mũi

thấp, cặp môi dày, vai rộng. Tóc ông ta dài và cột lại thành một búi nhỏ trên đỉnh đầu. Ông ta đeo hai cái khoen lớn khác thường dưới hai trái tai. Ông ta vận một cái chăn quấn chung quanh thân mình, một đầu vắt lên vai bên trái, hai vai để trần và đi chân trần.

Ông ta đi ngang qua chúng tôi với những bước đi chậm rãi, mắt nhìn xuống đất như đang tìm một vật gì và dường như không nhìn thấy chúng tôi. Đằng sau đôi mắt đó hẳn phải là một tâm hồn sáng suốt linh hoạt, và tôi tự hỏi trong cơn suy tư trầm lặng và đơn chiếc của ông ta lúc ấy, không biết ông ta đang suy gẫm về vấn đề gì.

Tôi bỗng có ý muốn phá tan bức rào ngăn cách với con người kỳ lạ đó. Lúc ấy ông ta đã đi qua khỏi chỗ chúng tôi đứng. Tôi bèn đề nghị:

- Tôi muốn nói chuyện với ông ta. Chúng ta hãy quay trở lại.

Người thanh niên bèn cản tôi:

- Ông sẽ mất thời giờ vô ích thôi.

- Nhưng hãy thử xem, biết đâu.

Người bạn tôi lại can ngăn lần nữa:

- Người này sống ẩn dật và cách biệt đến nỗi không ai biết gì cả về cuộc đời của ông ta. Ông ta tránh xa tất

cả mọi người, thậm chí đến cả những người láng giềng. Tốt hơn, chúng ta không nên quấy rầy ông ta.

Nhưng tôi đã quyết định quay trở lại, và người bạn trẻ của tôi đành phải đi theo. Không bao lâu, chúng tôi đã theo gần kịp người lạ mặt. Ông ta vẫn tiến bước mà không tỏ vẻ gì biết rằng có chúng tôi đi theo. Chúng tôi cố đi nhanh hơn để vượt lên. Tôi bảo người bạn tôi:

- Anh hãy nói giúp là tôi muốn nói chuyện với ông ta.

Người bạn trẻ của tôi do dự và lắc đầu từ chối:

- Tôi không dám.

Không muốn bỏ qua một cơ hội tốt, tôi quyết định phải đánh bạo làm quen. Tôi không còn cách nào khác, đành bất chấp những luật lệ xã giao thông thường. Tôi bèn đứng chặn đường người *yogi* và thốt ra một câu ngắn ngủi rút trong số vốn tiếng Ấn Độ nghèo nàn của tôi. Người lạ mặt ngước mắt nhìn lên, miệng hơi nở một nụ cười, nhưng lại lắc đầu tỏ vẻ không muốn bị làm phiền.

Người bạn trẻ của tôi thấy rằng đã đến lúc anh ta phải can thiệp. Bằng một giọng do dự, anh ta nói vài lời xin lỗi bằng tiếng *Tamoul*. Người *yogi* không đáp lại, nét mặt ông ta trở nên cứng rắn, cặp mắt lạnh lùng cách biệt. Người thanh niên luống cuống nhìn tôi, sự

im lặng càng trở nên nặng nề và khó chịu. Làm sao thoát ra khỏi tình trạng đó?

Trong cơn bối rối, tôi mới biết rằng thật không phải dễ gì mà làm cho một người ẩn sĩ mở miệng để nói chuyện với mình. Những người ấy hẳn là không thích bị ai phỏng vấn, đừng nói chi là tiếp đón một người ngoại chủng tọc mạch muốn biết về đời sống nội tâm của họ. Điều mà họ càng không thích hơn nữa là phải nói chuyện với một người Anh, là hạng người mà họ luôn có định kiến rằng không hề có một chút thiện cảm hoặc hiểu biết gì về những điều huyền vi tế nhị của pháp môn *Yoga*.

Nhưng ý nghĩ đó bị xô đuổi bởi một ý nghĩ khác. Tôi cảm thấy rõ rệt rằng mình đang là cái đích đặt dưới sự dò xét tỉ mỉ và sâu sắc của người *yogi*. Tôi chắc chắn rằng phía sau vẻ mặt thờ ơ lãnh đạm kia, ông ta đang chú ý thăm dò những ý nghĩ thầm kín nhất của tôi. Hay là tôi đã lầm? Nhưng tôi vẫn không thể gạt bỏ cái cảm giác khó chịu đó: tôi đang là một vật khám nghiệm dưới một ống kính hiển vi!

Người thanh niên lấy làm bực mình và ngầm lấy cùi chỏ thúc vào hông tôi, như muốn nói rằng ta hãy nên lui bước. Anh ta làm cho tôi khó chịu, và chỉ độ một phút nữa là tôi cũng đành nhượng bộ rút lui và nhìn

nhận sự thất bại của mình. Nhưng ngay khi đó, người *yogi* cử động; ông ta đưa tay chỉ một gốc dừa gần bên và ra hiệu bảo chúng tôi cùng đến ngồi dưới bóng cây. Ông ta ngồi xuống sau hết và nói vài lời bằng tiếng *Tamoul* với người thanh niên.

Tôi nhận thấy giọng nói ông ta trong và ấm gần như tiếng nhạc. Người bạn trẻ của tôi thông dịch lại:

- Đạo sĩ nói rằng người sẵn lòng tiếp chuyện với ông.

Tôi liền hỏi quí danh đạo sĩ và được biết ông ta có một cái tên rất dài. Tôi bèn xin phép gọi ông ta là *Brama* cho tiện và dễ nhớ. Tôi nói với người thanh niên:

- Anh hãy nói giùm là tôi rất chú trọng đến pháp môn *Yoga* và tôi muốn được hiểu biết ít nhiều về khoa ấy.

Người *yogi* nghe xong liền gật đầu mỉm cười:

- À! Tôi cũng đoán là như vậy. Vậy ông muốn biết điều gì, xin ông cứ hỏi.

- Đạo sĩ tu luyện theo pháp môn nào?

- Tôi tu theo pháp môn *Hatha Yoga*, tức là phép chủ trị xác thân. Đó là pháp môn khó nhất. Thể xác con người và nhất là bộ máy hô hấp phải được tập luyện và kiểm soát như một con lừa! Sau đó, việc làm chủ được hệ thần kinh và trí óc sẽ dễ dàng như trò chơi trẻ con.

Tôi lại hỏi:

- Tu theo pháp môn này đem đến những ích lợi gì?

Cặp mắt mơ màng như nhìn về một cõi xa xăm, *Brama* đáp:

- Sức khỏe, ý chí và sống lâu. Đó là chỉ kể sơ qua vài điều. Người yogi tu luyện đúng phép sẽ làm chủ được xác thân và làm cho nó trở nên cứng rắn như sắt. Sự đau đớn không còn tác động đến nó được nữa. Tôi biết một *yogi* đã chịu đựng một cuộc giải phẫu mà không cần dùng đến thuốc mê. Ông ta trải qua suốt ca mổ mà không một tiếng rên. Người *yogi* cũng có thể phơi mình trần dưới tiết trời lạnh lẽo nhất mà không hề gì cả.

Tôi lấy sổ ra ghi chép, và câu chuyện bắt đầu chuyển sang một giai đoạn thú vị hơn. Lối viết chữ tốc ký của tôi làm *Brama* mỉm cười, nhưng ông ta không ngăn cản việc ấy.

- Đạo sĩ có thể cho biết thêm vài chi tiết?

- Được, nếu ông muốn. Thầy tôi đã từng sống ở một địa điểm ngoài trời trên dãy Hi Mã Lạp Sơn đầy tuyết phủ mà trên người không mặc gì khác hơn một manh áo mỏng. Người có thể nằm suốt nhiều giờ liên tiếp ở một nơi mà nước phải đông lại trong tức khắc, nhưng vẫn không hề chi cả. Đó là cái sức mạnh nhiệm mầu của pháp môn *Yoga*.

- Đạo sĩ là đệ tử của ngài?

- Phải, nhưng tôi chưa đạt tới mức cao tột, mặc dầu tôi đã công phu cố gắng luyện tập không ngừng trong suốt mười hai năm.

- Nhưng chắc đạo sĩ cũng đã đạt tới một trình độ nhất định nào đó rồi, và có được những năng lực vượt hơn người thường?

Brama gật đầu nhưng không nói gì. Ông ta làm cho tôi càng tò mò hơn nữa. Tôi bèn hỏi:

- Xin đạo sĩ cho biết trong trường hợp nào ông đã trở thành một người yogi?

Im lặng. Cả ba người chúng tôi đều ngồi dưới bóng cây ven bờ sông. Trên lùm cây bên kia sông, tiếng bầy quạ kêu vang lẫn với tiếng kêu chí choé của vài con khỉ nhảy nhót trên cành. Bỗng nhiên, *Brama* cất tiếng nói:

- Được.

Tôi đoán chắc ông ta có thể hiểu được những câu hỏi của tôi có một lý do sâu xa hơn là một sự tò mò. Ông ta choàng lại cái khăn vắt trên vai, đôi mắt mơ màng nhìn về phía bên kia sông và bắt đầu nói:

- Thuở nhỏ, tôi là một đứa trẻ ít nói và thích sống cô đơn. Tôi không thấy gì là vui thú trong những trò chơi của các bạn tôi, vì thế tôi luôn tránh xa họ và thích đi dạo một mình ở những nơi vườn cây hay ngoài đồng

vắng. Ít người biết được những gì diễn ra trong tâm hồn kín đáo của một đứa trẻ. Tôi sống cách biệt với mọi người và cảm thấy rằng đời không có gì vui. Vào năm mười hai tuổi, tình cờ tôi nghe lỏm được một câu chuyện giữa những người lớn nói về vấn đề *Yoga*. Đó là lần đầu tiên tôi nghe đến danh từ đó, và những gì tôi nghe trong câu chuyện cũng đủ làm cho tôi tò mò muốn biết thêm. Tôi chất vấn nhiều người và góp nhặt được vài quyển sách nói về *Yoga*, trong đó tôi đọc được nhiều điều thú vị về các đạo sĩ *Yogi*. Cũng như con ngựa giong ruổi trên sa mạc mong mỏi tìm đến dòng suối mát, trí óc tôi khát khao sự hiểu biết. Nhưng tôi chỉ có một mình và không làm sao tiến xa hơn nữa được.

Một hôm, tình cờ tôi lật một quyển sách và thấy trong đó có câu: "*Muốn tiến bộ trên đường tu luyện pháp môn Yoga, phải nhờ có sự chỉ dẫn của một bậc danh sư.*"

Những lời này làm cho tâm hồn tôi thắc mắc băn khoăn. "*Một danh sư*" ư? Tôi hiểu ngay rằng, muốn tìm được thầy thì không có cách nào khác hơn là bỏ nhà ra đi để tìm kiếm khắp thiên hạ. Nhưng tôi không thể mong đợi sự cho phép của cha mẹ tôi về việc này. Không biết phải làm thế nào, tôi bèn lén lút luyện thử một vài phép hô hấp mà tôi đã góp nhặt được từ những tài liệu trong các sách. Phép luyện này, thay vì có ích,

lại làm hại cho tôi. Tôi không biết rằng phép khí công rất nguy hiểm nếu không có sự dìu dắt của một bậc danh sư. Nhưng vì tôi quá nóng lòng nên không thể chờ đợi mãi được. Sau vài năm tập luyện lén lút một mình, hậu quả bất ngờ đưa đến là tôi bị đứt một gân máu trên đỉnh đầu, dường như đó là chỗ chịu đựng yếu nhất.

Tôi cảm thấy toàn thân tôi giá lạnh và sức khỏe yếu dần, máu chảy lênh láng ở chỗ vết thương. Tôi tưởng rằng tôi sắp chết. Hai giờ sau đó, tôi nhìn thấy một linh ảnh lạ lùng, hình như tôi thấy gương mặt đạo mạo của một vị đạo sĩ già hiện ra và nói với tôi: "Con thấy chăng, phép tu luyện ngăn cấm đối với kẻ phàm tục có thể đưa con đến một tình trạng nguy hiểm là dường nào! Con hãy nhớ lấy bài học này." Rồi linh ảnh biến mất, nhưng lạ thay, từ đó trở đi tôi cảm thấy khá hơn và không bao lâu sức khỏe của tôi hoàn toàn bình phục trở lại. Nhưng ông hãy xem, vết sẹo hãy còn đây.

Brama cúi đầu cho chúng tôi xem một vết sẹo nhỏ hiện ra rõ ràng trên đỉnh đầu. Ông ta nói tiếp:

- Sau khi tai nạn đó xảy ra, tôi bèn ngưng việc luyện hơi thở và chờ đợi để cho thời gian làm giảm bớt những sự ràng buộc với gia đình. Khi tôi được tự do, tôi liền từ giã gia đình và đi châu du khắp nơi để tìm thầy. Tôi biết rằng phương pháp hay nhất để chọn lựa một bậc

thầy là hãy sống chung với người ấy trong vài tháng. Tôi đã gặp qua được vài ba người, nhưng khi sống chung với họ thì tôi luôn bị thất vọng. Những vị ấy đều là những sư trưởng đứng đầu các tu viện hoặc đạo viện, nhưng không có vị nào làm cho tôi thỏa mãn. Về phần lý thuyết thì họ biết rất nhiều, nhưng về kinh nghiệm tự thân thì hầu như họ chẳng có gì cả. Phần nhiều họ chỉ lặp lại những điều đã có trong sách, còn việc dìu dắt tôi trên phương diện thực hành thì họ không làm được.

Tôi đã bỏ qua tất cả mười vị thầy, nhưng vẫn không thối chí, sự nhiệt thành của tuổi trẻ lại càng sôi sục thêm nữa, và những thất vọng liên tiếp đó càng nung nấu thêm lòng cương quyết của tôi.

Khi tôi đã đến tuổi trưởng thành. Tôi bèn quyết định từ bỏ gia đình và tất cả ruộng vườn nhà cửa, dứt bỏ hẳn cuộc sống thế tục và đi lưu lạc khắp nơi để tìm thầy. Tôi dứt bước ra đi, phiêu lưu đây đó.

Một ngày kia, tôi đến một làng thuộc tỉnh *Tanjore*. Tôi xuống sông để tắm gội, xong rồi mới lên dạo chơi trên bờ sông. Tôi thấy một ngôi đền nhỏ xây bằng đá màu đỏ. Vì hiếu kỳ, tôi đến nhìn vào trong thì lấy làm ngạc nhiên mà thấy có một số người ngồi vây quanh một người khác để mình trần. Họ nhìn người này với một sự kính mến vô cùng: quả thật, trên gương mặt người này có một cái gì vừa huyền bí vừa tôn nghiêm.

Tôi đứng ở trên thềm và nhìn xem với một sự say sưa, chăm chú. Tôi nhận thấy rằng cả nhóm đang thụ giáo người này về một môn học nào đó, và tôi có cái linh cảm rằng người này là một vị đạo sĩ chân chính, một bậc danh sư mà tôi đang tìm kiếm chứ không phải một học giả nhồi sọ đầy những lý thuyết. Tại sao tôi có cái linh cảm đó, tôi cũng không thể nói được.

Bỗng nhiên, bốn mắt chúng tôi gặp nhau. Tuân theo một sự thúc giục thầm kín bên trong, tôi bước ngay vào đền. Vị tôn sư tiếp đón tôi một cách niềm nở, mời tôi ngồi và nói:

- Con đây rồi! Đã sáu tháng nay ta luôn nghĩ đến việc thâu nhận con làm đệ tử.

Thật là vừa đúng sáu tháng kể từ ngày tôi bước chân ra đi! Và tôi đã gặp thầy tôi trong hoàn cảnh đó. Từ đó trở đi, tôi theo thầy tôi khắp mọi nơi. Có đôi khi ngài xuống tỉnh thành, nhưng thường hơn là ngài ở tận trong rừng thẳm. Tôi bắt đầu thu hoạch được những kết quả tiến bộ mau chóng về khoa *Yoga*. Thầy tôi là một vị *yogi* thượng đẳng về pháp môn *Hatha Yoga*, tức là pháp môn tinh luyện xác thân. Khoa *Yoga* có nhiều môn phái khác nhau về phương pháp thực hành. Môn phái của tôi chuyên lo tinh luyện xác thân trước nhất, rồi sau mới tu luyện về tinh thần. Phép luyện khí công, tức luyện hơi thở, cũng thuộc về pháp môn này. Có một

lần, tôi phải nhịn đói suốt bốn mươi ngày liên tiếp để chuẩn bị cho một giai đoạn công phu đặc biệt và nhận lãnh một vài quyền năng của pháp môn *Yoga*.

Một hôm, thầy tôi gọi tôi lại gần và nói: "Cuộc đời xuất gia và hoàn toàn thoát tục chưa phải là của con. Con hãy trở lại thế gian và sống một cuộc đời bình thường. Con sẽ lập gia đình và sinh một đứa con. Đến năm ba mươi chín tuổi, con sẽ được thấy nhiều ấn chứng và sau đó sẽ được tự do rút lui ra ngoài vòng thế tục. Chừng đó, con hãy trở lại nơi rừng thẳm để tu luyện cho đến khi công phu viên mãn. Thầy sẽ chờ đợi, con có thể trở lại với thầy."

Tôi vâng lời thầy dạy và trở về quê hương. Tôi cưới một người vợ và có một đứa con đúng như lời thầy tôi đã nói trước. Sau đó ít lâu, vợ tôi qua đời, cha mẹ tôi cũng đã khuất núi, và tôi lại từ giã quê hương một lần nữa để đến ở nơi đây, tại nhà một bà lão góa bụa, người đồng hương với tôi và đã từng biết tôi từ khi tôi còn nhỏ. Bà lão này coi sóc nhà cửa bếp núc cho tôi, và vì tuổi già làm cho bà trở nên ít nói và kín đáo, nên bà để cho tôi bình yên sống cuộc đời ẩn dật mà sự tu tập của tôi cần đến.

Brama nói dứt lời, tôi cũng không hỏi thêm gì nữa. Sau vài phút im lặng, ông ta đứng dậy và bước chậm rãi trở về nhà. Tôi và người bạn trẻ cùng đi theo sau.

Chúng tôi đi qua một đám rừng dừa và những đám cây cối sầm uất. Nước sông *Adyar* phản chiếu ánh nắng sáng ngời.

Một hay hai giờ trôi qua trong khi chúng tôi đi dạo một cách thú vị dọc theo bờ sông. Không bao lâu, chúng tôi đã về đến làng. Một ngọn gió nhẹ từ bờ biển thổi vào mát rượi. Đến một bên đường, một bầy lợn đi ngang qua. Một bà lão chăn lợn cầm cái gậy quất ngọn roi tre vào những con đi lạc bầy.

Brama quay lại để từ giã chúng tôi. Tôi tỏ ý muốn gặp ông ta lần nữa. Ông ta gật đầu bằng lòng. Tôi bèn mời ông ta đến nhà tôi chơi. Người bạn trẻ của tôi vô cùng ngạc nhiên khi thấy người đạo sĩ nhận lời đến chơi nhà tôi ngay chiều hôm đó.

Chiều đến, tôi ngồi đợi *Brama* và sắp đặt sẵn trong trí những câu hỏi mà tôi sẽ đưa ra. Những điều ông ta thuật lại về cuộc đời của ông ta làm tôi thích thú và muốn tìm hiểu thêm về con người đặc biệt đó.

Vừa nghe nói có ông ta đến, tôi liền bước ra hàng ba và chắp tay chào theo kiểu Ấn Độ để tỏ thiện chí đối với ông ta và cũng vì tôi muốn tỏ ra tôn trọng phong tục bản xứ.

Brama theo tôi vào phòng khách và ngồi xuống sàn gạch, hai chân xếp bằng. Tôi mời ông ta ngồi trên bộ

ván gỗ, nhưng ông ta từ chối và bảo thích ngồi dưới sàn gạch hơn. Tôi tỏ lời cám ơn ông ta về cuộc thăm viếng và mời ông ta dùng một ít bánh trái. Ông ta lẳng lặng ngồi ăn.

Khi ông ta đã dùng xong trà bánh, tôi thấy có bổn phận nói qua đôi chút về mình để ông ta biết được lý do vì sao tôi đường đột muốn làm quen với ông ta.

Trong vài câu vắn tắt, tôi thổ lộ với ông ta về những hoàn cảnh và những sức mạnh huyền bí đã dắt dẫn tôi đến với xứ Ấn Độ. *Brama* im lặng ngồi nghe tôi nói đến khi dứt câu chuyện, ông ta mới bước đến gần, thân mật đặt một bàn tay lên vai tôi và nói:

- Tôi rất thích thú khi được biết rằng ở Tây phương vẫn có những người như bạn. Bạn sẽ không uổng phí thời giờ khi quyết định đến đây và chắc chắn sẽ học hỏi được rất nhiều. Ngày đầu tiên tôi được quen biết bạn, ấy là ngày sung sướng nhất của tôi. Bạn cứ hỏi điều gì bạn muốn biết, tôi sẽ vui lòng giải đáp nếu tôi có thể.

Những lời này có vẻ rất hứa hẹn. Tôi bèn hỏi ông ta về lịch sử, tính chất và mục đích của pháp môn *Hatha Yoga*. Ông ta đáp:

- Làm gì có ai biết được pháp môn này bắt nguồn từ bao giờ trong lịch sử? Những sách cổ Ấn Độ nói rằng

pháp môn này trước hết do thần Shiva truyền dạy cho nhà hiền triết *Gheranda*. Vị này mới truyền lại cho nhà hiền triết *Marteyanda*. Đến lượt vị sau này truyền dạy lại cho các đệ tử và từ đó nó được lưu truyền cho hậu thế trải qua hàng bao nhiêu ngàn năm. Nó có mấy ngàn năm lịch sử, chúng tôi không được biết rõ và cũng không cần biết điều đó, mặc dầu chúng tôi luôn tin rằng trong tất cả các môn *Yoga* thì môn này là xuất hiện sớm nhất. Thật vậy, vào thời kỳ cổ xưa nhân loại cũng đã rơi vào một tình trạng sa đọa đến nỗi các bậc thánh nhân phải phát minh ra một phương pháp giải thoát tâm linh mà sự thực hành lại áp dụng trước hết cho thể xác. Pháp môn này chỉ được một số ít môn đồ hiểu rõ và thực hành đúng đắn, còn phần đông những người phàm tục thì dễ hiểu sai lầm. Vì những môn đồ chân chính ngày càng hiếm, nên những sự tập luyện trái phép, những lối tu khổ hạnh điên rồ thường bị gán một cách sai lầm cho pháp môn *Hatha Yoga* mà cũng không có ai đưa ra lời cải chính nào.

Bạn hãy đi lên tận *Bénarès*, bạn sẽ thấy có những người nằm suốt ngày đêm trên bàn chông sắt nhọn, hoặc có người đưa một cánh tay lên trời suốt nhiều năm cho đến khi cánh tay chết mất một nửa và móng tay mọc dài đến hơn nửa thước! Người ta nói rằng những người này thực hành pháp môn *Hatha Yoga*, nhưng

sự thật không phải vậy. Trái lại họ còn làm hoen ố danh dự của pháp môn ấy. Mục đích của pháp môn này không phải là hủy hoại xác thân để làm những trò lạ mắt cho người đời khâm phục. Những người khổ hạnh kể trên chỉ là những kẻ ngu dốt không biết gì về mục đích của pháp môn *Yoga*. Họ chỉ là những kẻ bày trò lạ mắt ở giữa chợ để kiếm ăn. Chỉ có thế thôi.

- Nhưng ta có nên phiền trách họ chăng? Sự thật là, nếu những nhà đạo sĩ chân tu ngày càng hiếm hoi và luôn giấu kín những bí pháp chân truyền của họ, thì những sự sai lầm và lạm dụng kể trên làm sao tránh khỏi?

Brama nhún vai đáp:

- Một ông vua có khi nào phơi bày những ngọc ngà châu báu ra trước mắt mọi người? Không, người ta cần cất giữ những của quí ấy trong kho tàng và giấu kín trong chốn thâm cung. Còn sự quý giá của pháp môn *Yoga* thì có kho tàng nào có thể so sánh được? Vậy chúng tôi có nên đem ra phơi bày ở giữa chợ hay chăng? Kẻ nào muốn biết, hãy tự ra công tìm lấy. Đó là phương pháp chọn lọc tốt nhất. Những sách cổ Ấn Độ luôn dặn dò sự chân truyền bí pháp cho những đệ tử thâm niên đã từng trải qua nhiều thử thách. Khoa *Yoga* của môn phái chúng tôi là môn bí mật nhất, bởi vì nó đầy sự nguy hiểm không những đối với môn đồ, mà còn đối với

kẻ phàm tục. Vậy bạn tưởng rằng tôi được phép tiết lộ cho bạn những điều khác hơn là những nguyên tắc sơ đẳng hay chăng, và dẫu cho những điều sơ đẳng này, liệu có thể nói ra mà không đắn đo cẩn thận hay sao?

- Tôi hiểu.

- Tuy nhiên, có một phần của pháp môn *Yoga* mà tôi có thể nói cho bạn nghe. Đó là phương pháp luyện ý chí trở nên mạnh mẽ và thân thể được cường tráng để có thể bước qua những giai đoạn khó khăn trên đường đạo.

- A! Đó là điều mà bên Âu Tây có nhiều người muốn biết.

- Môn phái chúng tôi có gần hai mươi phép tập luyện, gọi là những tư thế, tiếng Phạn gọi là *Asama*, để tăng cường sức mạnh cho những bộ phận và cơ quan trong thân thể, và để chữa trị hay ngăn ngừa một vài chứng bịnh. Mỗi tư thế đó ảnh hưởng đến những bí huyệt trong hệ thần kinh, và những bí huyệt này lại tác động đến những bộ phận hay cơ quan suy yếu và giúp cho nó được hoạt động mạnh mẽ trở lại.

- Môn phái của ngài có dùng thuốc men để chữa bịnh chăng?

- Nếu cần, chúng tôi cũng dùng đến một vài loại cỏ thuốc, và thường hái những loại cỏ ấy vào tuần trăng

lên. Chúng tôi có bốn phương pháp để giữ cho thân thể luôn luôn khỏe mạnh cường tráng. Trước hết, là phép nghỉ ngơi để làm xoa dịu hệ thần kinh và cân não. Kế đó là phép tĩnh tọa. Thứ ba là phép tẩy uế thân thể bằng những phương pháp mà các bạn có thể cho là kỳ dị, nhưng có hiệu lực rất tốt. Sau cùng là phép khí công, tức là phép luyện và kiểm soát hơi thở.

Tôi đề nghị ông ta biểu diễn cho xem một vài phép tập luyện. *Brama* mỉm cười và nói:

- Những điều tôi sẽ chỉ cho anh đây không có gì là bí mật. Chúng ta hãy bắt đầu bằng phép nghỉ ngơi. Điều này chúng ta có thể học được từ loài mèo. Thầy tôi thường để con mèo ngồi giữa các đệ tử và giảng giải cho họ thấy được những ưu điểm trong tư thế của nó khi ngồi yên bất động. Người dạy họ hãy quan sát nó một cách tỉ mỉ khi nó ngồi ngủ trưa hoặc ngồi rình chuột. Người chỉ cho họ thấy rằng con mèo biết cách dùng sức. Nó biết bảo tồn sinh lực, không để tiêu hao, phí phạm một chút sinh lực nào. Đôi khi các bạn tưởng rằng mình biết cách nghỉ ngơi, nhưng sự thật là các bạn không biết. Bạn ngồi trên ghế một lát, rồi ngả về bên nọ, quay sang bên kia, hoặc tréo chân chữ ngũ, rồi lại duỗi thẳng hai chân ra. Mặc dầu bạn vẫn ngồi trên ghế, bề ngoài trông có vẻ thoải mái, nghỉ ngơi, nhưng thật ra trí óc bạn có nghỉ ngơi được không? Phải chăng đó chỉ là một hình thức hoạt động âm thầm?

- Đó là một điều mà tôi chưa bao giờ nghĩ đến.

- Loài vật biết phép nghỉ ngơi dưỡng sức, nhưng ít người biết được phép này. Đó là vì loài vật sống theo bản năng, mà bản năng chính là biểu hiện của tự nhiên. Còn con người thì được hướng dẫn bằng lý trí. Nhưng vì con người phần nhiều không kiểm soát được bộ óc của họ, nên hậu quả là hệ thần kinh và cơ thể đều bị ảnh hưởng, và bởi đó họ không hề biết cách nghỉ ngơi một cách thật sự.

- Bây giờ phải làm thế nào?

- Việc trước tiên mà bạn phải tập luyện không gì khác hơn là ngồi xếp bằng theo kiểu Đông phương. Ghế bành tuy rất hữu ích cho khí hậu lạnh lẽo ở các xứ miền bắc, nhưng bạn phải tập ngồi không có ghế trong thời gian luyện tập để chuẩn bị nhập môn vào khoa *Yoga*. Phép ngồi của chúng tôi thật ra là thoải mái nhất. Sau khi làm việc hay đi bộ, nó đem lại sự nghỉ ngơi, yên ổn cho cả toàn thân. Phương pháp dễ nhất để tập ngồi là trải chiếu dưới đất rồi ngồi lên, xếp hai chân vào và tréo hai bàn chân. Không nên có cảm giác quá gò bó hay căng thẳng, và đừng co bắp thịt lại.

Như vậy, phép tập trước tiên là hãy ngồi như thế và giữ cho toàn thân yên lặng, trừ ra hơi thở nhẹ và đều. Khi đã giữ được thế ngồi đó, bạn hãy để cho trong lòng yên tĩnh, vắng lặng, không bận rộn nghỉ ngợi gì

đến những việc trần gian, phàm tục. Hãy tập trung tư tưởng vào một đối tượng có sức cuốn hút mạnh, chẳng hạn như một bức tranh rất đẹp hay một đóa hoa.

Tôi rời khỏi ghế bành và ngồi xuống đất, đối diện với *Brama*, theo đúng như phép ngồi mà anh ta vừa mô tả. *Brama* nói:

- A! Đúng đấy. Bạn đã ngồi được khá dễ dàng, nhưng có nhiều người Âu không ngồi được vì họ chưa quen. Nhưng bạn có một điểm phải sửa lại: hãy giữ cho xương sống thẳng đứng, đừng cong về phía trước. Bây giờ, để tôi chỉ cho bạn xem một thế ngồi khác.

Brama bèn đưa hai đầu gối lên đến tận cằm, nhưng vẫn giữ hai bàn chân tréo. Thế ngồi này làm cho hai bàn chân ông ta tách rời khỏi thân mình. Ông ta dùng hai bàn tay ôm chặt quanh hai đầu gối Tôi nói:

- Thế ngồi này có vẻ giản dị quá nhỉ?

- Trong phép nghỉ ngơi, chúng tôi không cần đến những gì khó khăn phiền phức. Thật vậy, những tư thế dễ dàng nhất lại đem đến những kết quả rất tốt. Bạn hãy nằm ngửa trên lưng, hai chân duỗi thẳng, đưa hai ngón chân cái ra ngoài. Hai bàn tay mở ra và đặt ở hai bên thân mình. Buông xuôi tất cả các bắp thịt, nhắm mắt lại và để cho sức nặng của toàn thân đè lên sàn gạch. Bạn không thể tập kiểu nằm này trên giường

một cách đúng phép, vì cần phải giữ cho xương sống hoàn toàn ngay thẳng. Hãy dùng một cái chăn trải trên sàn gạch. Trong phép nằm nghỉ này, những sức mạnh hàn gắn của thiên nhiên sẽ giúp bạn bồi bổ sinh lực. Chúng tôi gọi đây là thế nằm của người chết. Khi đã quen thực hành, bạn có thể nghỉ ngơi trong những tư thế này suốt nhiều giờ nếu muốn. Những tư thế đó làm cho các thớ thịt không bị căng thẳng và làm dịu hệ thần kinh. Sự nghỉ ngơi của bắp thịt phải đi trước sự nghỉ ngơi của trí não.

- Thật vậy, những phép tập luyện mà ông nói dường như không có gì khác hơn là ngồi yên lặng theo cách này hay cách khác

- Bạn tưởng rằng như thế là vô ích sao? Những người Âu Tây chỉ biết có hoạt động, nhưng phải chăng chính vì lẽ đó mà khinh thường sự nghỉ ngơi? Bạn tưởng rằng sự tịnh dưỡng của hệ thần kinh là vô ích sao? Thật ra, chính sự nghỉ ngơi, dưỡng sức là nền tảng của pháp môn *Yoga*, nhưng không phải chỉ có chúng tôi mới cần dùng đến nó, mà thế giới Tây phương của các bạn còn cần dùng đến nó nhiều hơn.

Về điểm này, tôi phải thừa nhận những lời nói của *Brama* không phải là vô căn cứ. Ông ta nói thêm:

- Bài học chiều nay như vậy đã đủ. Bây giờ tôi phải đi.

Tôi cám ơn ông ta về bài học vừa qua và bày tỏ ý muốn được học hỏi thêm. Ông ta nói:

- Sáng mai, anh hãy đến gặp tôi nơi bờ sông.

Ông ta choàng lại cái khăn trên vai, và chắp hai bàn tay chào từ giã.



Tôi đã gặp lại người đạo sĩ ấy nhiều lần. Theo ý muốn của ông ta, tôi đến tìm ông ta trong những lúc ông ta đi dạo mỗi buổi sớm mai trên bờ sông, nhưng khi tôi mời ông ta về nhà thì ông ta chỉ đến chơi với tôi vào những buổi chiều tối.

Những đêm đó đã giúp ích cho tôi rất nhiều vì người đạo sĩ hình như sẵn sàng chia sẻ những sự hiểu biết cổ kính thâm sâu của ông ta dưới ánh trăng khuya hơn là dưới ánh mặt trời nóng gắt.

Một ngày nọ, tôi hỏi anh ta về một điểm đã làm tôi thắc mắc từ lâu. Tôi vẫn tưởng rằng người Ấn Độ chỉ có màu da nâu hay đồng bạch, nhưng *Brama* lại có một màu da sậm gần như người da đen. Brama liền cho tôi biết rằng ông ta thuộc về một chủng tộc thổ dân bản xứ đã cư trú lâu đời nhất tại Ấn Độ. Khi chủng tộc *Aryen* từ trung tâm châu Á vượt qua miền núi non phía tây bắc tràn xuống những vùng đồng bằng Ấn Độ

để xâm chiếm xứ này, thì họ gặp những dân tộc bản xứ thuộc chủng tộc *Dravidien* và đẩy lui những dân tộc này xuống tận miền Nam. Giống dân *Dravidien* này cho đến nay vẫn là một dân tộc riêng biệt, trừ phi họ hấp thụ tôn giáo của giống dân *Aryen* đã chinh phục họ. Mặt trời nóng gắt vùng nhiệt đới đã làm cho màu da họ trở thành sậm gần như đen, và điều này kết hợp với một số yếu tố tương đồng khác đã làm cho một số nhà nhân chủng học lầm tưởng rằng họ có xuất xứ từ những chủng tộc ở châu Phi. Cũng như ngày xưa, khi họ còn làm chủ xứ Ấn Độ, người dân *Dravidien* vẫn còn để tóc dài và cột lại thành búi nhỏ ở phía sau gáy, và họ vẫn còn nói những thổ ngữ địa phương, quan trọng nhất là tiếng *Tamoul*.

Brama quả quyết rằng những giống dân chinh phục thuộc chủng tộc *Aryen* có màu da đồng bạch đã hấp thụ được đạo pháp *Yoga* của giống dân *Dravidien* truyền lại, cũng như nhiều yếu tố văn hóa khác nữa. Nhưng tôi đã hỏi vài nhà trí thức Ấn Độ về vấn đề này thì họ đều cho là không đúng. Tôi xin nhường lại cho các nhà học giả giải quyết vấn đề này.

Vì không có ý định viết một luận đề về phương pháp thể dục của khoa *Yoga* Ấn Độ, nên tôi chỉ nói sơ qua ở đây về những nguyên tắc đại cương của khoa này. Những tư thế (*asana*) mà *Brama* biểu diễn cho tôi xem, hoặc dưới bóng mát của hàng dừa trên bờ sông, hoặc ở

tại nhà tôi, gồm những phép tập luyện rất lạ kỳ và khó khăn đến nỗi theo sự nhận xét của người Âu Tây thì có thể là lố bịch và không thể thực hiện.

Một vài tư thế đó gồm có những phép tập luyện công phu như chống hai tay xuống đất, ép khuỷu tay vào hai bên hông và nâng đỡ sức nặng của toàn thân trên các đầu ngón tay. Tư thế này gọi là *Mayurasana*. Hoặc ngồi xếp bằng, tréo hai tay ra sau lưng và cố đưa hai bàn tay ra phía trước để nắm lấy hai ngón chân cái, gọi là *Padmasana*). Hoặc sắp xếp cả hai tay và hai chân đều tréo lại với nhau, làm thành một cái gút rất là phức tạp; hoặc vắt hai chân lên cổ hay lên vai; hoặc những thế ngồi vặn vẹo thân mình một cách kỳ dị không thể tưởng tượng...

Nhìn xem *Brama* biểu diễn những cách tập luyện đó, tôi bắt đầu nhận thấy sự khó khăn của pháp môn *Hatha Yoga*. Tôi hỏi:

- Tất cả có bao nhiêu tư thế?

- Pháp môn *Hatha Yoga* có tất cả 84 tư thế, nhưng tôi chỉ mới học được 64 tư thế mà thôi.

Anh ta vừa nói vừa biểu diễn một tư thế mới và giữ vững thế ngồi đó một cách tự nhiên dễ dàng như tôi ngồi trên ghế bành. Hình như đó là một thế ngồi quen thuộc của anh ta. Tôi thấy tư thế này tuy không khó

làm, nhưng chắc chắn không phải dễ chịu: Chân trái xếp cong lại, bàn chân đụng vào hông bên mặt đặt dưới thân mình, chân mặt xếp lại chịu hết sức nặng của toàn thân. Tôi hỏi:

- Tư thế này có ích lợi gì?

- Kèm với một phép thở đặc biệt, người *yogi* sẽ cảm thấy khỏe khoắn và trẻ lại như hồi niên thiếu.

- Vậy phép thở đó như thế nào?

- Tôi không được phép tiết lộ điều đó.

- Nhưng làm như vậy có mục đích gì?

- Vấn đề ngồi hay đứng trong một tư thế nào đó trong thời gian bao lâu không quan trọng. Nhưng chính sự tập trung ý chí cần thiết để thi hành những tư thế đó một cách đúng phép mới là quan trọng, vì điều đó làm khơi dậy những sức mạnh tiềm tàng trong mỗi con người. Những sức mạnh đó là bí mật của thiên nhiên và chỉ hoàn toàn phát triển khi có kèm theo những phép luyện hơi thở, vì hơi thở có những công năng rất nhiệm mầu. Sự khơi dậy những sức mạnh tiềm tàng đó là mục đích chính của pháp môn *Hatha Yoga*. Có những tư thế khác giúp cho chúng ta rèn luyện các giác quan và tinh thần, vì ai cũng biết rằng tinh thần con người ảnh hưởng đến thể xác. Trong những giai

đoạn cao siêu của pháp môn *Yoga*, khi người hành giả phải tham thiền nhập định trong nhiều giờ thì tư thế ngồi là một yếu tố rất quan trọng, vì nó giúp cho sự tập trung tư tưởng được dễ dàng, giúp thêm sức tinh tấn cho người hành giả và tăng cường rất nhiều năng lực ý chí. Như thế, bạn có thể thấy pháp môn *Hatha Yoga* có ích lợi biết là dường nào!

- Còn những thế ngồi vặn vẹo thân mình như thế là để làm gì?

- Bạn nên biết rằng có những trung tâm bí yếu của hệ thần kinh nằm rải rác nhiều nơi trong thân thể. Mỗi tư thế đều có công năng gây ảnh hưởng đến một trung tâm nhất định. Nhờ tác động vào các bí huyệt đó mà ta có thể gây ảnh hưởng đến sự vận động của các bộ phận trong cơ thể, cũng như đến sự hoạt động của trí não. Những thế ngồi vặn vẹo đó là để tác động đến những bí huyệt của hệ thần kinh, vì ngoài ra người ta không thể dùng cách nào khác.

Tôi bắt đầu nhận định một cách rõ ràng hơn về những nguyên tắc căn bản của môn thể dục *Hatha Yoga*. Môn thể dục này so với những phương pháp thể dục Âu Mỹ khác nhau thế nào, đó là một điều lý thú mà chúng ta nên biết. Tôi bèn hỏi *Brama* điều đó, ông ta nói:

- Tôi không được biết rõ về các phương pháp ở Âu Mỹ, nhưng tôi có nhìn thấy những quân nhân Anh tập luyện ở một doanh trại gần *Madras*. Nhìn họ luyện tập, tôi nhận ra được mục đích của các huấn luyện viên. Dường như mục đích chính của họ là tăng cường sức mạnh của các bắp thịt, vì người Tây phương các anh luôn luôn hoạt động bằng thể xác. Vì thế, tôi thấy họ vận động tay chân một cách hăng hái, mạnh bạo. Họ tiêu phí sinh lực một cách quá đáng vì muốn làm nở nang các bắp thịt và có được một sức mạnh dồi dào hơn. Điều này dĩ nhiên là thích hợp với khí hậu lạnh lẽo ở những xứ miền Bắc.

- Như vậy, theo ông thì hai phương pháp thể dục Đông và Tây khác nhau thế nào?

- Cách tập theo pháp môn *Yoga* thật ra chỉ là những tư thế nghỉ ngơi, không cần vận động tay chân khi đã giữ vững được một tư thế ngồi hay đứng nhất định. Thay vì làm nở nang các bắp thịt để tăng thêm sức mạnh nhờ phát triển thể xác, chúng tôi nhắm đến mục đích tăng thêm sức chịu đựng dẻo dai bền bỉ của cơ thể. Chúng tôi cho rằng, việc làm nở nang các bắp thịt tuy là hữu ích, nhưng chính cái sức mạnh ý chí đã điều khiển và vận động các bắp thịt mới có giá trị nhiều hơn. Nếu tôi chỉ cho bạn một tư thế đặc biệt nào đó, một người Âu như các bạn thường sẽ thực hiện tư thế

đó một cách vội vàng, nóng nảy. Như thế, bạn sẽ không thu hoạch được những sự lợi ích bằng cách biết thực hành đúng phép như một người *Yogi*.

- Làm thế nào mới gọi là đúng phép?

- Người *Yogi* thực hiện một tư thế theo cách chậm rãi, có ý thức, và giữ vững tư thế ấy trong vài phút. Để tôi chỉ cho anh xem một tư thế vận dụng cả toàn thân.

Brama nằm ngửa xuống đất, duỗi thẳng hai chân và hai tay dọc theo thân mình. Rồi ông ta từ từ đưa hai chân lên, giữ hai đầu gối thẳng, cho đến khi hai chân gần làm thành một góc thẳng đứng so với sàn gạch. Ông ta đặt hai cùi chỏ chống trên sàn gạch, rồi dùng hai tay đỡ lấy thân mình. Sức nặng toàn thân khi ấy được chống đỡ bằng hai vai, gáy và đầu. Sau khi giữ vững tư thế lộn ngược đầu này trong chừng năm phút, người *yogi* mới từ từ hạ hai chân xuống, ngồi dậy và giải thích sự lợi ích của nó:

- Tư thế này dồn máu xuống bộ não do trọng lượng của nó trong vài phút. Lúc bình thường, máu được đưa lên đầu do sức vận động của quả tim. Sự khác biệt giữa hai trường hợp là, trong tư thế này máu dồn xuống não tạo ra một ảnh hưởng xoa dịu. Đối với những người làm việc bằng trí não, như các nhà nghiên cứu, học giả, sinh viên, việc thực hành tư thế này sẽ đem lại sự khỏe

khoản cho trí não Nhưng người ta chỉ thu thập những lợi ích đó bằng cách thực hành đúng theo phương pháp chứ không phải làm một cách hấp tấp vội vàng như người Âu Tây các bạn.

- Nếu tôi không lầm, thì ông muốn nói rằng phương pháp *Yoga* giữ thân thể trong một trạng thái yên tĩnh và thăng bằng, còn phép tập luyện nghiêng về sự vận động của Tây phương làm cho thân thể bị náo động?

Brama đồng ý:

- Đúng là như vậy.

Brama còn biểu diễn cho tôi xem vài tư thế khác nữa và giải thích những sự ích lợi của mỗi phép tập luyện. Tôi được biết một tư thế có công dụng tăng cường tủy sống, chữa các chứng thần kinh suy yếu và giúp cho máu huyết được lưu thông điều hòa. Trong một tư thế khác, bí huyệt thần kinh ở cổ, vai và chân được kích thích một cách mạnh mẽ và tạo ảnh hưởng rất tốt cho bộ ngực.

Người phương Tây hiện nay thường xem người Ấn Độ như một dân tộc chậm tiến, di sản của một khí hậu nóng bức và sự nghèo túng. Nhưng họ sẽ phải lấy làm ngạc nhiên khi biết mình đã hoàn toàn nhầm lẫn, vì xứ Ấn Độ từ đời thượng cổ đã từng phát minh ra một phương pháp thể dục tinh vi và huyền diệu đến thế.

Chúng ta biết rằng những phương pháp thể dục Âu Tây cũng có giá trị rất lớn, nhưng có ai dám kết luận rằng nó đã được hoàn toàn? Ai dám nói rằng nó không còn gì phải cải tiến thêm nữa về các phương diện phát triển cơ năng, bảo tồn sức khoẻ và ngăn ngừa bệnh tật? Biết đâu rằng nếu Tây phương áp dụng phương pháp khoa học để khảo cứu về môn *Hatha Yoga* như một phép dưỡng sinh mầu nhiệm để giúp cho sự hiểu biết của chúng ta về khoa sinh lý học được hoàn bị hơn, và đưa chúng ta tiến thêm một bước trên con đường đi tìm một đời sống lành mạnh?

Tuy nhiên người ta phải nhìn nhận rằng chỉ có khoảng hơn một chục tư thế *Yoga* là dành cho việc tập luyện và thực hành một cách phổ biến đối với mọi người. Còn lại hơn bảy mươi tư thế khác đều rất khó khăn, càng tìm hiểu lại càng thấy dị kỳ hơn, chỉ có thể được luyện tập bởi những thanh thiếu niên hăng hái, hãy còn trẻ trung và dẻo dai. *Brama* cũng nhìn nhận như vậy:

- Tôi đã khổ công tập luyện mỗi ngày suốt mười hai năm mới có thể nhuần nhuyễn được tất cả 64 tư thế mà tôi biết. Tôi có sự may mắn là bắt đầu tập khi còn trẻ, vì một người đã lớn tuổi mới bắt đầu tập có thể gặp nhiều sự nguy hiểm. Những bắp thịt và gân xương của họ đều đã cứng và không quen vận động nên dễ bị đau

đớn. Tuy thế, với sự kiên tâm bền chí người ta cũng có thể thu được những kết quả rất mỹ mãn.

Brama ngừng một lúc và nói tiếp:

- Người phương Đông chúng tôi nó thói quen tập ngồi kiết già từ thuở nhỏ. Đó là thế ngồi căn bản, nền tảng cho tất cả những tư thế khác, và có một ảnh hưởng rất tốt.

Nói xong, ông ta ngồi kiết già hai chân xếp bằng giống như thế ngồi của tượng Phật mà tôi đã thấy. Ông ta giải thích:

- Thế ngồi này còn được gọi là tư thế hoa sen. Nó rất quan trọng và được chọn làm thế ngồi của các đạo sĩ lúc tham thiền. Nó giúp cho thân thể được vững vàng, nhờ đó hành giả không bị té ngã khi đã hoàn toàn xuất thần nhập định. Bạn hãy nhìn xem, trong tư thế hoa sen này, hai chân xếp lại tạo thành một nền tảng vững chắc nâng đỡ cả thân mình. Nếu thân mình không vững thì tâm thần ắt phải xao động và phân tán, còn trong tư thế này thì hành giả cảm thấy an ổn và tự tin. Vì thế, nó giúp ta dễ tập trung tư tưởng, và đó là điều quan trọng nhất trong công phu tập luyện. Chúng tôi thường dùng thế ngồi này để luyện hơi thở, vì sự phối hợp này làm kích thích một luồng nội hỏa tiềm tàng trong cơ thể và giúp cho hành giả phát triển một vài năng lực đặc biệt.

Câu chuyện của chúng tôi đến đây chấm dứt. *Brama* đã biểu diễn cho tôi xem một loạt các tư thế khó khăn, những thế ngồi vặn vẹo lạ lùng. Tôi không còn nghi ngờ gì nữa, quả thật anh ta đã hoàn toàn làm chủ được thể xác. Liệu có người Âu Tây nào đủ kiên tâm bền chí để thực hành những phép tập luyện khó khăn và phức tạp đến thế? Liệu có người Âu Tây nào chịu dành đủ thời gian để tập luyện pháp môn này?

CHƯƠNG 4

PHÁP MÔN YOGA VÀ VẤN ĐỀ SỐNG CHẾT

B*rama* mời tôi đến nhà chơi. Ông ta sống trong một cái chòi tranh tự mình dựng lên, nằm riêng biệt ở một góc cuối khu vườn nhà của bà lão. Ông ta thích sống như vậy để được tự do thoải mái hơn trong mọi sự sinh hoạt.

Tôi đến chơi vào một buổi chiều. Nhà ông nằm ở tận cùng của một con đường đầy bụi bặm và có vẻ rất nghèo nàn. Tôi ngừng một lúc trước cửa, nhìn tường nhà cũ kỹ quét vôi trắng với một cái gác bằng cây có cửa sổ. Tôi đẩy cánh cửa lớn, tiếng động làm vang khắp nhà. Một bà già vẻ mặt hiền lành vui vẻ bước ra và nghiêng đầu chào tôi nhiều lần. Bà cụ dắt tôi đi qua một hành lang tối tăm dẫn đến nhà bếp, thông ra sau vườn.

Trong vườn có một cây cổ thụ cành lá sum suê, che dưới bóng mát của nó là một cái giếng cũ. Phía bên kia giếng có một chòi tranh, một phần ẩn khuất dưới bóng cây mát rượi. Chòi làm bằng vật liệu nhẹ, cột tre và lợp tranh. Bà lão chủ nhà da mặt cũng sạm đen như màu da của *Brama*, có vẻ bận rộn, nói một tràng dài tiếng *Tamoul* với người trong chòi. Một tiếng nói thanh như chuông mà tôi đã quen tai từ bên trong vọng ra. Cánh cửa chòi từ từ hé mở, người đạo sĩ hiện ra trước cửa và vui vẻ mời tôi bước vào.

Ông ta vẫn để cửa mở, bà già đứng lại trước cửa độ vài phút, mắt nhìn tôi một cách chăm chú và nét mặt lộ vẻ hân hoan sung sướng.

Trong chòi không có bàn ghế chi cả, ngoại trừ một chiếc giường thấp không có nệm, đặt sát vào vách phía trong, và một tấm gỗ lớn đặt trong góc, trên đó có bày sách vở và giấy tờ. Một bình đựng nước bằng đồng treo bằng một sợi dây từ trên trần nhà thòng xuống, và một chiếc chiếu lớn trải dưới đất.

Brama chỉ chiếc chiếu mời tôi ngồi, xin lỗi vì nhà không có ghế. Chúng tôi cả ba người đều ngồi xếp bằng, *Brama* và tôi với một thanh niên Ấn đi theo tôi để làm thông ngôn. Trong vài phút, bà lão bước ra ngoài và trở lại với một bình trà nóng, đặt lên một tấm khăn trắng

trải trên chiếc chiếu cùng với bánh ngọt, cam, chuối đựng trên chiếc mâm nhỏ bằng đồng.

Trước khi mời tôi dùng trà, người đạo sĩ hai tay cầm một tràng hoa kết thành vòng quàng lên cổ tôi. Tôi tỏ ý muốn từ chối, vì tôi biết rằng phong tục Ấn Độ dành cái danh dự này cho những vị khách quý, mà tôi thì không dám xem mình là hạng khách đặc biệt đó. *Brama* liền mỉm cười và nói:

- Bạn ơi! Bạn là người Âu đầu tiên đến nhà tôi và cũng là người Âu đầu tiên làm bạn với tôi. Bà dì tôi và tôi đều lấy làm vui mừng mà đón tiếp cái danh dự này.

Thế là tôi đành phải nhận lấy vòng hoa trên cổ. Cũng may mà các bạn tôi ở châu Âu không nhìn thấy cách ăn vận dị kỳ của tôi như hôm ấy. Chúng tôi vừa uống trà, ăn bánh và vừa nói chuyện. *Brama* cho biết rằng chòi tranh và đồ vật dụng bằng gỗ trong nhà đều do tự tay làm lấy.

Những giấy tờ để trên tấm gỗ phẳng lớn khêu gợi sự tò mò của tôi. Đó là những tờ giấy màu hồng, trên đó có viết chữ bằng mực xanh. *Brama* như đoán được ý tôi, bèn đưa cho tôi xem vài tờ và giải thích rằng đó là loại chữ *Tamoul* cổ xưa, thông dụng trong văn chương cách đây đã nhiều thế kỷ nhưng ngày nay rất ít người

biết, trừ ra một vài nhà khảo cổ hoặc những người được chân truyền từ các bậc thầy truyền thống. *Brama* nói thêm:

- Tôi viết những đoạn văn này tối qua. Đó là những phần cương yếu trong kinh nghiệm của bản thân tôi về pháp môn *Yoga*, hoặc những bài thơ tôi làm trong những lúc có nguồn cảm hứng tâm linh. Có một số thanh niên thường tự nhận là đệ tử của tôi, thường đến đây để xem những bài thơ đó và rất thích.

Nói xong, *Brama* lấy một tập giấy được trình bày trang trí rất nên thơ, gồm có vài tờ giấy màu hồng viết chữ bằng mực đỏ và xanh và được cuốn tròn và buộc lại bằng một sợi dây màu xanh. Anh ta vừa mỉm cười vừa đưa cho tôi và nói:

- Tôi viết cái này để tặng riêng cho bạn.

Người thông ngôn cho biết rằng đó là một bài thơ trường thiên dài tám mươi bốn câu, nhưng vì viết bằng cổ tự nên anh ta không thể dịch được. Dầu sao, món quà này cũng làm tôi rất vui, vì nó biểu lộ một cảm tình đặc biệt mà người *Yogi* chân chính đã dành cho tôi.

Sau những câu chào hỏi đầu tiên, bà lão lui ra ngoài và chúng tôi chuyển đề tài sang những câu chuyện sâu xa hơn. Tôi trở lại vấn đề khí công, hay phép luyện hơi

thở mà những nhà đạo sĩ xem là một điều rất quan trọng. *Brama* liền ngắt lời tôi và nói rằng ông ta không được phép tiết lộ nhiều hơn những gì đã nói, nhưng có thể nói thêm vài chi tiết thuộc về phần lý thuyết của pháp môn *Yoga* liên quan đến điểm này. Ông ta nói:

- Theo tự nhiên, con người thở với một nhịp độ khoảng 21.600 lần trong một ngày đêm (tức khoảng 15 lần trong một phút). Một sự hô hấp quá nhanh và hấp tấp làm gia tăng nhịp độ này và thâu ngắn sự sống. Một sự hô hấp chậm rãi, dài và đều đặn sẽ giúp kéo giãn nhịp độ đó ra và kéo dài sự sống. Mỗi hơi thở chậm rãi và thong thả sẽ mang lại hiệu quả nuôi dưỡng cơ thể tốt hơn rất nhiều lần so với một hơi thở gấp gáp và hối hả, và nhờ đó giúp con người có thể kéo dài sự sống thêm nhiều năm. Vì thế, người *yogi* thở chậm hơn người thường nhưng có sức khỏe tốt hơn. Về điều này, tôi chỉ có thể nói đến đây thôi.

Sự dè dặt này làm tôi thất vọng. Nhưng tôi hiểu rằng khi một pháp môn cần phải được giữ bí mật một cách chặt chẽ với những người trần tục thì hẳn là phải có những lý do hợp lý nhất định cho sự ngăn cấm đó. Tôi nhớ lại trường hợp tổn thương của chính *Brama* khi luyện tập khí công mà không có người truyền dạy, và ý thức ngay được mối nguy hiểm cho những ai chỉ tò

mò muốn tìm hiểu pháp môn này chứ không thật lòng muốn luyện tập nó như một cứu cánh của đời sống. Như vậy, ngày nào mà tôi vẫn còn bị xem như một trong những kẻ tò mò kia thì chắc chắn tôi sẽ không thể học hỏi được gì nhiều hơn về pháp môn huyền diệu này. *Brama* nói tiếp:

- Những bậc chân sư của chúng tôi luôn nắm được chìa khóa của phép khí công này. Họ biết rằng hai hệ thống hô hấp và tuần hoàn có liên quan chặt chẽ với nhau. Họ cũng biết rằng tinh thần có liên hệ trực tiếp đến hai hệ thống này, và họ nắm được bí quyết làm tăng cường sức mạnh tâm linh bằng cách kiểm soát hơi thở. Ta nên biết rằng, hơi thở chính là sự biểu lộ về mặt vật thể của một sức mạnh vô hình tế nhị hơn. Sức mạnh này mới là phần cốt yếu điều khiển mọi sinh hoạt của thể xác. Chính cái sức mạnh đó luôn tiềm ẩn vô hình trong tất cả những bộ phận cơ thể của chúng ta. Khi sức mạnh ấy rời khỏi xác thân thì hơi thở sẽ ngưng lại, và đó là điều mà ta gọi là sự chết.

Sự kiểm soát hơi thở sẽ giúp ta làm chủ được phần nào nguồn sinh lực vô hình đó. Và khi sự kiểm soát thể xác được rèn luyện đến mức triệt để, có thể kiểm soát được cả sự vận động của hơi thở và quả tim, thì hành giả sẽ có thể kiểm soát toàn bộ sự sống của mình, kể cả phần tinh thần một cách rất dễ dàng. Vì thế, bạn đừng

nên lầm tưởng rằng những nhà hiền triết thời cổ xưa chỉ nghĩ riêng đến phần thể xác mà thôi khi các ngài phát minh ra pháp môn *Hatha Yoga* này.

Tôi quả thật không biết các nhà hiền triết thời xưa nghĩ gì và muốn gì, nhưng ngay trong lúc đó tôi chỉ bị cuốn hút ngay bởi câu anh ta vừa nói. Tôi liền hỏi:

- Phải chăng ông vừa nói rằng người ta có thể kiểm soát được sự vận động của quả tim?

- Đúng vậy, không những quả tim mà tất cả những cơ quan nội tạng khác trong cơ thể như gan, dạ dày, phổi, thận... đều có thể kiểm soát được tùy theo ý muốn.

- Bằng cách nào?

- Bằng sức mạnh của ý chí phối hợp với những phép luyện tập thích nghi. Những phép luyện tập này tự nhiên là thuộc về trình độ cao đẳng của pháp môn *Yoga*. Những phép luyện tập này rất khó và ít người có thể luyện tập thành công, ngay cả khi được các bậc chân sư chỉ dạy. Tuy nhiên, một khi bạn luyện tập thành công thì kết quả có thể vượt ngoài sức tưởng tượng của những người bình thường. Nhờ những phép luyện tập này mà tôi đã có thể kiểm soát được phần nào hoạt động của quả tim, và nhờ kiểm soát được quả tim nên tôi cũng có thể chế ngự được một số bộ phận khác.

- Điều ấy thật là lạ lùng và quả là ngoài sức tưởng tượng của tôi.

- Vậy sao? Vậy thì bạn hãy đặt bàn tay trên ngực tôi, ở ngay chỗ quả tim đây này.

Brama vừa nói vừa chuyển sang một thế ngồi lạ lùng và nhắm mắt lại. Tôi làm theo và đợi trong vài phút, không thấy có điều gì lạ. Nhưng dần dần tôi nhận thấy quả tim ông ta đập chậm lại, mỗi lúc một chậm hơn, chậm hơn nữa, trong khi sự hồi hộp và kinh ngạc làm cho tim tôi đập mỗi lúc một nhanh hơn. Và cuối cùng tôi bỗng rùng mình kinh hãi khi nhận thấy quả tim ông ta đã ngưng đập hoàn toàn. Tôi bắt đầu đếm: hiện tượng đó kéo dài hơn bảy giây đồng hồ!

Phải chăng đây là một ảo tưởng? Nhưng không, tôi thử sờ mó, bóp nắn da thịt mình, tôi vẫn tỉnh táo hoàn toàn chứ không mê sảng! Tôi cảm thấy bớt lo lắng khi quả tim ông ta bắt đầu đập trở lại, dường như nó vừa sống lại, nhịp đập mỗi lúc một nhanh hơn và rồi trở lại bình thường.

Vài phút sau, người *yogi* mới tỉnh lại và mở mắt ra. Ông ta hỏi:

- Bạn có nhận thấy gì không?

- Có, tôi nhận thấy rất rõ.

Ông ta lại sắp tiết lộ thêm điều kỳ lạ gì nữa chăng? Dường như ông ta đọc được tư tưởng tôi nên chậm rãi nói tiếp:

- Đó là chưa thấm vào đâu so với những điều mà thầy tôi làm được. Ngài có thể cô lập một huyết quản, và thúc đẩy hoặc ngăn chặn sự lưu thông của máu trong đó. Tôi cũng làm như vậy được một phần nào, nhưng không bằng thầy tôi.

- Ông có thể chứng tỏ cho tôi thấy điều đó được chăng?

Brama lặng lẽ đưa tay cho tôi và bảo tôi bắt mạch nơi cổ tay. Tôi nhận thấy mạch máu ông ta đập chậm lại rõ rệt, rồi ngưng hẳn. Tôi hồi hộp chờ đợi. Một phút, hai phút... trôi qua trong khi tôi chăm chú đếm từng giây đồng hồ. Ba phút... rồi đến ba phút rưỡi, tôi cảm thấy mạch máu lại bắt đầu chuyển động, lúc đầu còn hơi chậm, kế đó nhanh dần và trở lại bình thường. Tôi buột miệng nói:

- Thật lạ quá !

Ông ta đáp một cách tự nhiên:

- Như vậy cũng chưa lấy làm lạ!

- Ông có thể cho tôi xem điều gì lạ hơn nữa chăng?

Lần này, *Brama* có vẻ hơi do dự:

- Được, nhưng đây là lần cuối cùng và bạn hãy bằng lòng với bấy nhiêu đó. Bây giờ tôi sẽ ngưng hơi thở.

Tôi hỏi một cách lo lắng:

- Nhưng ông có thể chết!

Câu nói của tôi dường như không làm ông ta nản lòng chút nào. Ông ta bảo tôi:

- Bạn hãy để bàn tay dưới hai lỗ mũi của tôi.

Tôi làm y theo lời. Bàn tay tôi cảm nhận được một cách rõ rệt hơi thở ấm của ông ta. *Brama* nhắm mắt lại và ngồi yên không cử động như một pho tượng đá. Ông ta sắp nhập định chăng? Tôi không dám nhúc nhích bàn tay. Dần dần, hơi thở ông ta chậm lại rồi ngưng hẳn. Tôi nhìn kỹ vào hai cánh mũi, cặp môi, hai vai, cho đến bộ ngực của ông ta, nhưng không có gì cử động, không có dấu hiệu nào chứng tỏ rằng có hơi thở. Nhưng đó chưa phải là những bằng chứng tuyệt đối, tôi nghĩ vậy, nên tôi muốn tìm bằng chứng khác.

Trong nhà không có một tấm gương soi nào, nhưng tôi thấy gần đó có một cái dĩa đựng tro thuốc lá bằng đồng sáng bóng. Tôi bèn cầm lấy và đưa vào phía dưới hai lỗ mũi của người *yogi*. Hoàn toàn không có dấu hiệu của hơi thở, vì nếu có thì nó phải làm mờ cái mặt dĩa bằng đồng bóng loáng này.

Thật kỳ lạ! Trong cái chòi tranh này, hiện tôi đang chứng kiến một sự kiện lạ lùng, một hiện tượng mà các nhà bác học Âu Tây nếu biết đến thì nhất định phải bị lôi cuốn vào sự tìm tòi khảo cứu! Sự thật rõ ràng ngay trước mắt tôi, với một bằng chứng hiển nhiên: pháp môn *Yoga* không phải là một điều huyễn hoặc.

Khi *Brama* tỉnh dậy và trở lại trạng thái bình thường, ông ta có vẻ hơi mệt mỏi. Ông ta hỏi với một nụ cười mệt nhọc:

- Bạn có hài lòng chăng?

- Rất hài lòng, nhưng tôi không hiểu được gì cả.

- Rất tiếc là tôi cũng không giải thích được gì cho bạn. Phép ngưng thở này chỉ dành cho những bậc hành giả đã tiến rất xa trên đường tu tập pháp môn *Yoga*. Đối với một người Âu, đó có thể bị xem là một sự tập luyện điên rồ, nhưng đối với người phương Đông chúng tôi thì nó có một tầm quan trọng rất lớn.

- Tuy thế, hiện nay ở các trường học người ta vẫn dạy cho học sinh rằng con người không thể sống được nếu không có sự hô hấp. Điều đó không phải là điên rồ chứ?

Anh ta vừa nói vừa mỉm cười:

- Không, nhưng nói như thế không hoàn toàn đúng.

Chẳng hạn như trường hợp của tôi, tôi có thể ngưng thở suốt hai giờ đồng hồ nếu muốn. Tôi vẫn thường làm như thế, nhưng bạn thấy đấy, tôi vẫn chưa chết.

- Tôi không muốn hỏi nhiều hơn, vì cho dù ông nói có lẽ tôi cũng không đủ sức để hiểu, nhưng ông có thể cho tôi biết sơ qua đôi điều về phần lý thuyết được chăng?

- Điều đó thì được. Chúng ta có thể lấy vài thí dụ ngay trong loài cầm thú. Đó là một phương pháp giảng dạy bằng cách so sánh rất đặc biệt của thầy tôi. Con voi thở chậm hơn con khỉ rất nhiều, và nó cũng sống lâu hơn. Hoặc có vài loại bò sát như con trăn chẳng hạn, khi so sánh với con chó bạn sẽ thấy cách thở của hai loài này khác nhau rất xa: con trăn thở chậm hơn và cũng sống lâu hơn. Như vậy, chúng ta thấy được là dường như có một mối tương quan giữa sự hô hấp và tuổi thọ.

Bây giờ, chúng ta hãy đi xa hơn. Người ta thấy trên dãy Hy Mã Lạp Sơn có những con dơi ngủ suốt mùa đông. Chúng treo mình suốt nhiều tháng trên vách những hang núi và ngưng thở hoàn toàn cho đến khi tỉnh giấc vào mùa xuân. Loài gấu trên dãy Hy Mã Lạp Sơn đôi khi cũng nằm cứng đơ cả thân mình suốt mùa đông giá lạnh, dường như không còn dấu hiệu hoạt động nào cả. Cũng trên dãy Hi Mã Lạp Sơn là nơi khó

tìm ra thức ăn vào những tháng mùa đông đầy tuyết phủ, người ta thấy trong những hang hố dưới đất có những con nhím ngủ một giấc dài qua nhiều tháng, mọi sự hô hấp đều ngưng bặt. Như vậy, tại sao con người không thể làm được điều mà loài vật vẫn thường làm một cách tự nhiên?

Những điều nói trên kể ra cũng thật lạ lùng, nhưng có lẽ vẫn không thuyết phục tôi hoàn toàn bằng những sự biểu diễn của ông ta lúc nãy. Chúng ta vẫn quen cho rằng hơi thở là sự cần thiết tối thiểu cho sự sống, nên không dễ gì loại bỏ được quan niệm đó. Tôi nói:

- Người Âu Tây chắc sẽ không bao giờ chấp nhận rằng sự sống vẫn có thể tiếp tục nếu người ta ngừng thở.

- Nhưng sự thật là sự sống vẫn luôn tiếp tục. Sự chết chẳng qua chỉ là một hình thức chuyển đổi mà thôi.

- Ông có cho rằng người *yogi* tu luyện theo pháp môn này có thể kéo dài được sự sống hay chăng?

- Tất nhiên là như vậy rồi.

Brama nhìn tôi một cách lạ lùng và nói tiếp:

- Tôi nhìn thấy nơi bạn có nhiều triển vọng tốt, vì

thế nên tôi sẽ tiết lộ với bạn một điều bí mật, nhưng với điều kiện là...

- Ông nói đi.

- Bạn hãy hứa sẽ không tự mình tập luyện những gì khác hơn là những điều tôi có thể chỉ dạy cho bạn.

- Tôi xin hứa.

- Phải chăng từ trước đến giờ bạn vẫn tin chắc rằng hơi thở gắn liền với sự sống?

- Phải, tôi nghĩ như vậy.

- Như thế, phải chăng là một điều hợp lý khi nói rằng việc kiểm soát hơi thở cũng chính là kiểm soát được sự sống?

- Dường như là vậy.

- Trong pháp môn Yoga, chúng tôi cũng không đưa ra lý thuyết gì khác hơn. Chúng tôi chỉ nói rằng, hành giả nào có thể kiểm soát và duy trì hơi thở hoàn toàn theo ý muốn sẽ có thể duy trì được nguồn sinh lực cần thiết để kéo dài sự sống. Bạn hiểu rõ chăng?

- Tôi đang cố gắng để có thể hiểu được.

- Bạn hãy tưởng tượng rằng người *yogi* có thể làm chủ hoàn toàn hơi thở không chỉ trong vài phút, mà là trong nhiều tuần, nhiều tháng hay nhiều năm. Vì bạn

đã nhìn nhận rằng hơi thở gắn liền với sự sống, vậy phải chăng đây là một triển vọng hợp lý để con người có thể kéo dài sự sống tùy theo ý muốn?

Tôi phản đối:

- Nhưng vấn đề ở đây là tôi nhận thấy ông đã ngưng thở hoàn toàn!

- Đó là do sự "nhận thấy" sai lầm của bạn. Tôi chỉ thực sự ngưng thở trong ý nghĩa của hơi thở được mô tả theo cách thông thường, nghĩa là quá trình cung cấp dưỡng khí cho cơ thể. Nhưng vì sao cơ thể phải cần đến dưỡng khí? Đó là vì còn có những hoạt động về mặt thể chất. Khi toàn bộ cơ thể được kiểm soát và đưa vào một trạng thái ngưng nghỉ hoàn toàn thì dưỡng khí còn cần đến để làm gì? Hành giả *yogi* khi đạt đến trạng thái này chỉ còn duy trì sự sống trong tâm thức, không còn bất cứ sự trói buộc nào với thể xác. Khi đó, hơi thở của họ trở nên cực kỳ vi tế, đến mức mà những người bình thường không thể nào nhận biết được. Tuy vậy, sự sống không phải là chấm dứt. Vì thế, họ có thể hồi sinh bất cứ lúc nào, nghĩa là ra khỏi trạng thái nhập định đó mà thôi.

Tôi không còn biết nói sao. Làm sao có thể bảo rằng những điều đó là vô lý? Nhưng tất cả những điều đó đều vượt ngoài tầm những kiến thức khoa học cơ bản

nhất của tôi, làm sao tôi có thể chấp nhận mà không có sự kiểm chứng lại một cách chặt chẽ?

Những nhà thuật sĩ của phái luyện kim (*Alchimistes*) thời Trung cổ cũng đã từng nuôi mộng trường sinh bất tử, nhưng dưới ngọn lưỡi hái của thần chết, họ vẫn gục ngã từng người một ngay bên cạnh những lò luyện kim đơn để tìm thuốc phản lão hoàn đồng? Có lẽ *Brama* đang tự dối mình, nhưng có điều chắc chắn là anh ta không có ý định lừa dối tôi. Anh ta không hề có ý đến tìm tôi hay tìm kiếm một người đệ tử nào cả. Anh ta điên chăng? Không phải, vì anh ta lý luận mọi sự một cách hoàn toàn sáng suốt. Có một điều gì đó mơ hồ nhưng chắc chắn cho tôi biết là anh ta hoàn toàn không tự dối mình, nhưng tôi cũng không biết phải giải thích thế nào về những sự kiện vừa nhìn thấy.

Như đọc thấu được sự hoang mang ngờ vực của tôi trong tư tưởng, *Brama* điềm đạm nói tiếp:

- Bạn không tin à? Bạn có nghe nói về một người thuật sĩ (*fakir*) đồng ý để cho vua *Ranjit Singh* chôn sống trong một huyệt xây bằng đá ở *Lahore* chăng? Khi đem chôn sống, có cả sự hiện diện của những viên sĩ quan Anh và nhà vua *Singh*. Ngôi mộ được giao cho quân sĩ canh gác suốt ngày đêm trong sáu tuần lễ. Đúng ngày, người ta mới cạy nắp quan tài thì người thuật sĩ

Ấn Độ từ trong chui ra vẫn còn sống khỏe mạnh! Bạn có thể kiểm chứng, vì tôi nghe nói rằng việc này đã được phúc trình cẩn thận và biên bản ghi chép vẫn còn lưu trữ trong văn khố của chính phủ Anh.[1]

Như vậy, người thuật sĩ đã hoàn toàn chủ trị được phép hô hấp và có thể ngưng thở - theo như người ngoài nhận thấy - tùy ý muốn mà không chết. Tuy thế, người này không phải một môn đồ chân chính của pháp môn *Yoga*, vì tôi có biết về nếp sống của ông ta, có khá nhiều vấn đề về đạo đức. Ông ta tên là *Haridas* và sống ở miền Bắc Ấn. Nếu người như thế có thể ngưng thở mà vẫn sống trong một thời gian lâu như thế ở một nơi không có không khí, thì thử hỏi các bậc thầy chân chính lẽ nào lại không làm được?

Sau một lúc im lặng, *Brama* tiếp:

- Pháp môn *Yoga* còn đem lại cho ta nhiều năng lực khác nữa. Nhưng trong thời buổi suy đồi hiện nay, có mấy ai là người chịu cố gắng công phu tu luyện?

Tôi trả lời:

---

[1] Về sau tôi đã kiểm chứng và thấy việc ấy quả thật xảy ra năm 1837 tại Lahore. Người thuật sĩ được chôn sống trước mặt vua Ranjit Singh, Sir Claude Wade, bác sĩ Honighbetget và nhiều nhân chứng khác. Quân lính canh gác suốt ngày đêm ở một bên ngôi mộ. Sau đó bốn mươi tám ngày, ngôi mộ được khai quật lên, thì người thuật sĩ vẫn còn sống. Quý vị nào muốn biết thêm chi tiết xin hãy tra cứu tài liệu ở văn khố chính phủ tại Calcutta.

- Biết làm sao được, khi người ta còn phải vật lộn trong sự mưu sinh hằng ngày, không còn thời giờ để nghĩ đến những hoạt động tinh thần nữa.

Brama gật đầu tán thành:

- Đúng vậy, và vì thế mà những phép tu luyện này chỉ để dành cho một số ít người. Như thế, bạn sẽ hiểu được tại sao các bậc chân sư luôn giữ gìn pháp môn này một cách bí mật hoàn toàn đối với những người thế tục. Những bậc chân sư ấy không bao giờ đi tìm đệ tử, mà chính các đệ tử phải tìm đến các ngài.

***

Một hôm, *Brama* đến dùng cơm tại nhà tôi. Cơm nước xong, chúng tôi ra ngồi ngoài hàng hiên dưới ánh trăng sáng. Tôi ngồi trên ghế, còn *Brama* thích ngồi trên chiếu trải dưới sàn gạch.

Chúng tôi ngồi im lặng trong vài phút để thưởng thức vẻ đẹp của đêm trăng. Nhưng nhớ lại câu chuyện lần trước, tôi vẫn còn tò mò muốn biết thêm về vấn đề kỳ quái là có những người có thể chống lại uy lực của tử thần!

Brama nói:

- Một trong những vị chân sư mà tôi được biết đang sống trong một vùng hẻo lánh trên dãy núi *Nilgiri* và

không hề bước ra khỏi am thất. Một vị khác sống trong động đá trên dãy Hy Mã Lạp Sơn. Những người ấy, bạn không bao giờ có thể gặp được, vì họ sống lánh xa thế tục. Những vị ấy đều đã đạt đến mức độ có thể tùy ý kéo dài sự sống.

- Ông có tin như vậy chăng?

- Lẽ tất nhiên, vì chính thầy tôi cũng là một người như vậy.

Thầy của *Brama* ư? Vì chúng tôi đã quen nhau khá thân thiết và không còn sự lạnh lùng cách biệt nữa, nên tôi đánh bạo hỏi một câu:

- Có thể cho tôi biết thầy của anh là ai chăng?

Brama do dự trong một lúc, nhưng rồi trả lời với một giọng trang nghiêm:

- Thầy tôi có danh hiệu là *Yetrumbu Swami*. Ở miền Nam Ấn, đệ tử của người rất đông, nhưng người thường đi lên miền Bắc và sống trên dãy Hy Mã Lạp Sơn.

- Tôn sư đã đạt tới mức tối thượng của pháp môn *Yoga* chưa?

- Tôi tin là như vậy.

- Và ông cũng tin rằng tôn sư có thể tùy ý kéo dài sự sống?

- Tất nhiên là như vậy.

Brama nói câu đó với một giọng vô cùng tự nhiên, và khi nhìn thấy sự ngạc nhiên trong mắt tôi, ông ta nói tiếp:

- Thầy tôi thường kể cho tôi nghe nhiều chuyện liên quan đến việc này. Qua những câu chuyện đó, tôi thấy rõ là người hoàn toàn có khả năng kiểm soát được sự sống của mình. Người cũng thường nói rằng người sẽ ra đi khi cơ duyên hóa độ đã hoàn mãn chứ không phụ thuộc vào những quy luật thông thường của sự sống chết.

Điều này thật khó mà tin được đối với một kẻ đầy hoài nghi như tôi. Tôi nói:

- Nhưng bất cứ ai khi còn đang sống cũng đều có thể nói ra những câu tương tự như thế.

Brama thản nhiên như không nghe thấy sự phản đối của tôi và nói tiếp:

- Thầy tôi đã trải qua nhiều biến cố quan trọng trong đời. Vào thời chiến tranh, ngài đã từng rơi vào những tình trạng mà đối với người bình thường chắc chắn không thể vượt qua được cái chết. Nhưng ngài không để cho những nghịch cảnh ấy chấm dứt đời sống của mình, vì ngài thấy rằng còn có nhiều việc phải làm, nhiều đệ tử cần được ngài hóa độ.

Dưới ánh trăng, tôi nhìn thấy rõ vẻ mặt bình thản tự nhiên của người *yogi* khi anh ta nói ra những chuyện lạ lùng trên dây. Một người Âu đã quen suy luận với những phương pháp chứng minh cụ thể của khoa học hiện đại làm sao có thể chấp nhận những điều này mà không một có sự thẩm tra chắc chắn? Dầu sao, *Brama* là người Ấn Độ, chắc ông ta cũng có thói quen tin tưởng vào những chuyện hoang đường như nhiều người bản xứ mà tôi đã gặp. Tôi vẫn lẳng lặng ngồi nghe ông ta nói tiếp:

- Thầy tôi đã từng làm cố vấn cho một vị Quốc vương xứ Népal trên mười một năm. Dân chúng xứ này quí mến người như thần thánh. Người cũng đối với họ như cha với con. Người gạt bỏ mọi sự thành kiến về giai cấp và xem mọi con người, mọi chủng tộc đều bình đẳng như nhau. Trong đời ngài, ngài đã từng đi khắp đó đây, làm rất nhiều việc mang lại lợi ích cho người khác, và ngài luôn tỏ ra tự tin là sẽ không bao giờ để cho sự chết chế ngự mình. Tóm lại, ngài chỉ quyết định ra đi khi nào tự ngài thấy rằng điều đó là thích hợp.

- Nhưng làm sao một người có thể sống lâu tùy ý như thế?

Brama mơ màng nhìn về cõi xa xăm, dường như quên cả sự có mặt của tôi. Ông ta đáp:

- Có rất nhiều phương pháp để kéo dài sự sống. Mỗi một pháp môn tu tập chân chính đều có thể giúp hành giả đạt đến khả năng này. Tuy nhiên, theo pháp môn *Hatha Yoga* thì chúng tôi dựa trên căn bản là sự kiểm soát hoàn toàn thể xác, từ đó mới đạt đến sự kiểm soát đời sống tinh thần. Như bạn có thể thấy rõ, sự sống của thể xác này rất mong manh, có thể chấm dứt vào bất cứ lúc nào. Nếu sự sống của bạn phụ thuộc vào thể xác, bạn sẽ không thể biết được là mình sẽ chết vào lúc nào. Nhưng nếu bạn kiểm soát được hoàn toàn thể xác, đến mức độ như tôi đã từng mô tả, chẳng hạn như điều khiển được hoạt động của từng mạch máu cho đến quả tim... thì vấn đề sẽ hoàn toàn đổi khác. Ngay cả khi thể xác rơi vào tình trạng không có đủ những điều kiện cho một sự sống thông thường thì bạn vẫn có thể kiểm soát được nó và không cho phép đời sống chấm dứt. Sau đó, bằng năng lực của ý chí, bạn sẽ dần dần khôi phục trạng thái của thể xác cho đến khi nó có thể hoạt động bình thường trở lại. Nói chung, quy luật thông thường là sự sống của thể xác quyết định đời sống tâm linh của một người, nhưng với hành giả *Hatha Yoga* thượng thặng thì ngược lại, sự sống của tâm linh - vốn không có giới hạn - sẽ quyết định đời sống của thể xác người đó.

Tôi ngỏ lời cám ơn *Brama* về những giải thích tận tình của ông ta, nhưng tôi vẫn thấy không đủ sức đặt

niềm tin vào những gì ông ta vừa nói. Khoa sinh lý học hiện nay không thể chấp nhận lý thuyết về sự tương quan giữa thể xác và tinh thần như thế, và tôi e rằng những chuyện lạ kỳ trên đây chỉ có trong óc tưởng tượng của những người chất phác và hồn nhiên ở xứ này. Tuy nhiên, sự kiểm soát hơi thở và mạch máu mà tôi đã chứng kiến cũng đủ chứng minh rằng năng lực đạt được do sự tu tập của các nhà đạo sĩ không phải là những điều viển vông, và rõ ràng là những năng lực đó có thể giúp người ta thực hiện được rất nhiều việc phi thường. Theo ý tôi thì đó là tất cả những gì hiện nay người ta có thể nói ra một cách dè dặt về vấn đề này.

Tôi vẫn giữ im lặng và không muốn thổ lộ những ý tưởng riêng của mình. *Brama* lại nói tiếp:

- Tất cả những người thế tục hầu như ai cũng muốn chiến thắng sự chết để được sống lâu mãi mãi. Nhưng đối với các bậc chân sư đã đạt được giải thoát thì các ngài không có sự mong muốn đó. Các ngài chỉ kéo dài đời sống vật chất này khi thấy điều đó là cần thiết để làm lợi lạc cho người khác, và khi cơ duyên đã hết thì các ngài sẽ chọn bước vào đời sống tâm linh vốn là thuần khiết và tinh tế hơn nhiều so với cuộc đời thế tục. Mặt khác, khi người ta vẫn còn mang tâm niệm tham sống sợ chết thì cho dù họ có tu tập đến bao lâu, theo bất cứ phương pháp nào, cũng đều không thể có được kết quả như mong muốn.

Tôi đưa ra những câu hỏi cuối cùng vì thấy vầng trăng khuya đã chếch bóng, báo hiệu đến giờ phải chia tay:

- Ông có thể cho biết lệnh tôn sư hiện nay đang ở đâu chăng?

- Thầy tôi đang ẩn cư trong một ngôi đền hẻo lánh ở vùng núi non xứ Népal.

- Ông có nghĩ rằng một ngày kia lệnh tôn sư sẽ trở xuống đồng bằng hay chăng?

- Làm sao tôi biết được ý nghĩ của thầy? Ngài có thể sẽ ở lại xứ *Népal* thêm nhiều năm nữa trước khi xuống núi, vì ngài thấy thích hợp khi truyền đạo ở *Népal* hơn so với ở Ấn Độ. Pháp môn Hatha Yoga được người *Népal* tiếp thu nhanh và dễ dàng hơn là người Ấn.

Brama trở lại với sự im lặng. Chắc ông ta đang thả hồn đi xa lắm về quá khứ và nhớ đến hình ảnh của vị thầy kính mến. Ôi! Nếu những điều tôi vừa được nghe không phải là một ảo tưởng, thì những tri thức công khai của nhân loại hiện nay quả là quá ít ỏi và thiếu sót.



Màn đêm ở Ấn Độ buông xuống rất mau chóng, không hề có một buổi hoàng hôn kéo dài như ở trời Âu. Khi bóng tối bao phủ cái chòi tranh, *Brama* thắp lên một ngọn đèn dầu treo lủng lẳng trên xà nhà bằng một sợi dây, và chúng tôi ngồi dưới ánh đèn dầu leo lét. Bà lão bước ra ngoài một cách kín đáo để cho chúng tôi tự do nói chuyện, với một người thông ngôn trẻ tuổi được tôi dẫn theo.

Khói nhang tỏa ra khắp gian phòng một mùi hương thần bí. Ý nghĩ về sự chia ly sắp đến làm cho tôi buồn man mác. Tôi cố gắng vượt qua cơn buồn ám ảnh, nhưng vô hiệu. Vấn đề bất đồng ngôn ngữ, phải nói chuyện thông qua người thứ ba là một chướng ngại, vì tôi không thể bày tỏ tâm sự đang tràn ngập cõi lòng tôi theo như ý muốn. Trong giờ phút này, những lý thuyết lạ lùng kia có thật hay không cũng không còn quan trọng đối với tôi. Điều đáng kể là người đạo sĩ đã vui vẻ sốt sắng để cho tôi bước vào cuộc đời cô đơn độc chiếc của ông ta. Tôi đã nhận thấy được sự cảm thông giữa hai tâm hồn chúng tôi, và bây giờ tôi đã hiểu rằng đối với một người như vậy, thật là một sự hy sinh lớn lao khi chấp nhận dẹp bỏ sự dè dặt kín đáo của mình để thổ lộ tâm sự với một người lạ mặt.

Nhưng lúc này lòng mong muốn hiểu biết thêm của tôi lại thắng thế. Tôi viện cớ sắp từ biệt trong nay mai

để cố gắng thuyết phục ông ta tiết lộ cho tôi một vài điều bí mật cuối cùng. Nhưng ông ta đã giữ thế thủ bằng cách đưa ra câu hỏi:

- Bạn có sẵn sàng từ bỏ chốn phồn hoa náo nhiệt của thị thành và ẩn mình nơi thanh vắng của chốn núi rừng tịch mịch chăng?

- Điều đó cần phải được suy nghĩ kỹ, Brama.

- Bạn có sẵn sàng từ bỏ mọi hoạt động, mọi công việc làm ăn, mọi thú vui trần tục, và để trọn thời giờ thực hành pháp môn *Yoga*, không phải chỉ trong một lúc mà là trong nhiều năm liên tiếp?

- Chắc là không, tôi chưa có đủ sự chuẩn bị sẵn sàng. Nhưng một ngày kia, có lẽ...

- Nếu vậy, tôi không thể nào dìu dắt bạn đi xa hơn nữa. Pháp môn *Yoga* không phải là một môn tiêu khiển trong những giờ nhàn rỗi.

Thế là tôi sẽ không bao giờ trở thành một đạo sĩ! Phải thành thật mà nhìn nhận như vậy. Một môn tu luyện khó khăn như thế, với một kỷ luật gắt gao khổ hạnh, không phải để dành cho sự tò mò tìm hiểu của một kẻ hoài nghi như tôi! Tuy nhiên, có một cái gì nó hấp dẫn tôi hơn là những năng lực của thể xác vật chất. Tôi tỏ bày tâm sự với người đạo sĩ:

- *Brama*, những năng lực phi thường mà ông mô tả đó hẳn là một điều huyền diệu và hấp dẫn vô cùng. Tôi cũng mong ước có ngày sẽ được thụ giáo theo pháp môn *Yoga* của ông. Nhưng rốt cuộc nó có thể đem đến cho ta một sự hạnh phúc lâu bền nào chăng? Trong khoa *Yoga*, còn có một mục đích nào cao hơn nữa chăng? Tôi nói vậy không biết bạn có hiểu ý tôi không.

Brama mỉm cười và nói:

- Tôi hiểu. Những thánh kinh của Ấn Độ nói rằng pháp môn *Hatha Yoga* (luyện xác thân) phải đi đôi với pháp môn *Raja Yoga* (luyện tinh thần). Sự thật, pháp môn trên chỉ là dọn đường cho pháp môn *Raja Yoga*, vì các bậc thầy chân chính đều biết rằng việc tu tập không chỉ nhắm vào mục đích tinh luyện thể xác vật chất mà thôi... Các ngài hiểu rằng sự tu luyện thể xác chỉ là một bước đầu tiên để dẫn đến sự tu luyện tinh thần, và mọi pháp môn tu tập đều nhắm đến mục đích cuối cùng là sự toàn thiện toàn giác.

- Như thế, chắc hẳn phải có một pháp môn chuyên rèn luyện tinh thần?

- Đúng vậy, và mục đích của pháp môn đó là dùng trí tuệ như một ngọn đèn soi chiếu vào nội tâm của chính mình.

- Người muốn bắt đầu học pháp môn này phải làm thế nào?

- Điều kiện tất yếu trước tiên là phải có một bậc thầy hướng dẫn.

- Phải có thầy ư? Nhưng biết tìm thầy ở đâu?

Brama hơi nhún vai:

- Bạn ơi! Kẻ đói bụng thì đi tìm món ăn, nhưng còn người sắp chết đói thì quên hết tất cả mọi việc khác, chỉ nghĩ làm sao kiếm được thức ăn mà thôi. Nếu bạn nuôi khát vọng tìm thầy như người sắp chết đói cầu được thức ăn thì chắc chắn bạn sẽ tìm thấy. Bạn hãy tìm thầy với một đức tin, rồi khi nhân duyên đầy đủ thì chắc chắn bạn sẽ gặp được một bậc thầy như mong muốn.

- Bạn tin rằng còn có những yếu tố khác liên quan đến việc này ngoài sự nỗ lực của bản thân hay sao?

- Có chứ. Người Tây phương các bạn thường xem đó là định mệnh, nhưng chúng tôi gọi các yếu tố phức tạp kết hợp để gây tác động đến kết quả của một vấn đề là những nhân duyên. Cũng giống như khi bạn gieo một hạt giống thì cần có mưa và khí hậu thích hợp để nó tăng trưởng. Nếu gặp phải hạn hán thì không một hạt giống tốt nào có thể nảy mầm được cả.

- Tôi thấy có nhiều kinh sách cũng truyền dạy các pháp môn tu tập.

- Không có thầy dạy thì kinh sách cũng chỉ là mớ giấy lộn không hơn không kém. Danh từ *guru* (đạo sư) của chúng tôi có nghĩa là "người dẹp tan sự tối tăm u ám". Người nào nhờ sự gắng công tìm tòi và hội đủ nhân duyên để tìm ra được một vị chân sư sẽ có khả năng tu tập thẳng đến sự giác ngộ.

Nói đến dây, *Brama* tiến đến gần tấm gỗ phẳng đặt giấy tờ và lấy đưa cho tôi một đạo linh phù đầy những ký hiệu thần bí, những biểu tượng và chữ *Tamoul* vẽ bằng mực màu đỏ, màu xanh và màu đen. Trên hết có vẽ một hình tròn, hẳn là biểu tượng của mặt trời, hình mặt trăng và một con mắt, còn khoảng giữa thì để trống. Ông ta nói:

- Tôi vẽ lá bùa này cho bạn trong đêm qua. Khi bạn ra đi, bạn hãy dán một tấm một ảnh của tôi ở khoảng trống ngay chính giữa.

Brama cho biết rằng chỉ cần tập trung tư tưởng trong năm phút vào lá bùa lạ lùng này trước khi đi ngủ thì tôi sẽ mộng thấy ông ta một cách hoàn toàn rõ rệt. Ông ta nói:

- Dầu chúng ta có cách xa nhau hàng ngàn dặm, chúng ta vẫn có thể gặp nhau trong tâm thức nếu bạn tập trung tư tưởng vào lá bùa này. Những cuộc gặp gỡ trong mộng cũng thật có như những cuộc thăm viếng

bằng thể xác, chúng ta hoàn toàn có thể trao đổi ý tưởng và thảo luận về các vấn đề cũng như thăm hỏi lẫn nhau.

Lời dặn dò của *Brama* làm cho tôi nghĩ rằng ngày từ biệt của chúng tôi đã sắp đến và tôi tỏ ý băn khoăn không biết ngày nào mới có thể gặp lại *Brama*. Ông ta bèn an ủi tôi:

- Chúng ta không bao giờ có thể quyết định được mọi việc trong đời sống, vì chúng tùy thuộc vào rất nhiều nhân duyên khác nhau. Nhưng hãy vững tin nơi thiện ý của bản thân mình, vì chắc chắn nó sẽ mang lại cho mỗi người chúng ta những kết quả tốt lành. Về phần tôi, tôi cũng sẽ ra đi vào mùa xuân, đến địa phận tỉnh *Tanjore*. Tại đó có hai người đệ tử đang chờ đợi tôi. Còn tương lai về sau thế nào, chúng ta đều không thể biết trước. Tuy nhiên, như bạn đã biết, tôi vẫn luôn chờ đợi lời kêu gọi của thầy tôi.

Brama im lặng một lúc và nói tiếp bằng một giọng rất thấp mà tôi nghe như tiếng thì thầm. Tôi đoán chừng hay là anh ta lại tiết lộ thêm điều gì bí mật nữa chăng? Tôi quay lại người thông ngôn thì nghe anh ta chuyển dịch lại nội dung ấy là:

- Thầy tôi đã hiện ra với tôi trong đêm vừa qua. Ngài có nói chuyện về bạn. Ngài nói với tôi rằng: "Vị

Sahib bạn con đang khát khao sự hiểu biết. Anh ta vốn là người đồng môn với chúng ta trong một kiếp trước. Anh ta đã tu luyện theo phép môn *Yoga*, nhưng thuộc về một môn phái khác. Ngày nay, anh ta đã trở lại Ấn Độ trong thể xác của một người Anh. Anh ta đã quên những gì anh ta đã học với chúng ta, nhưng không bao lâu anh ta sẽ có cơ hội nhớ lại. Ngày nào chưa gặp lại được thầy thì anh ta vẫn sẽ không phục hồi lại được ký ức về dĩ vãng. Tuy nhiên, ký ức đó vẫn luôn tiềm tàng, sau này thầy anh ta chỉ cần khơi động một chút cũng đủ làm cho nó bừng dậy. Vị thầy đó, con hãy cho anh ta biết là anh ta sẽ có dịp gặp lại. Điều đó chắc chắn sẽ đến, anh ta không cần phải băn khoăn gì nữa. Anh ta sẽ được toại nguyện trước khi rời khỏi xứ này."

Nghe đến đây, sự ngạc nhiên của tôi thật là vô hạn. Dưới ánh đèn dầu leo lét, gương mặt của người bạn tôi dường như biến đổi một cách khác thường. Tôi hỏi anh ta với một giọng mà tôi lấy làm hối tiếc là đã lộ vẻ nghi ngờ:

- Phải chăng ông đã nói rằng lệnh tôn sư đang ở xa lắm, tận xứ Népal?

- Phải, thầy tôi vẫn ở đó.

- Tức là cách đây 1.200 dặm? Làm sao lệnh tôn sư có thể nói chuyện với ông qua một khoảng cách đường dài như vậy?

- Thầy tôi luôn có mặt mỗi khi tôi tưởng nhớ đến ngài, dầu cho chúng tôi ở cách xa nhau muôn dặm. Tôi cảm nhận được những tư tưởng của thầy tôi khi chúng đến với tôi xuyên qua không gian và hiển hiện rõ ràng cũng giống như mọi thứ trước mắt tôi.

- Phải chăng đó gọi là thần giao cách cảm?

- Có thể nói như vậy.

Tôi đứng dậy, vì đã đến lúc kiếu từ. Chúng tôi còn đi dạo một lần cuối cùng dưới ánh trăng khuya, dọc theo những vách tường cũ của ngôi đền bên cạnh nhà của *Brama*.

Chúng tôi dừng bước dưới một hàng dừa cành lá sum suê có ánh trăng rọi xuyên qua in bóng trên mặt đất. Trước khi từ giã, *Brama* thì thầm:

- Bạn cũng thấy là tôi không sở hữu gì nhiều. Đây là một vật quý giá nhất của tôi, bạn hãy cầm lấy.

Nói xong, anh ta cởi chiếc nhẫn đang đeo ở ngón tay áp út bên trái và đặt vào lòng bàn tay lật ngửa. Dưới ánh trăng, tôi thấy chiếu sáng ngời một viên ngọc bích màu xanh có gân màu nâu sậm, lồng trong khung nhẫn bằng vàng. *Brama* đeo chiếc nhẫn vào ngón tay tôi và siết bàn tay tôi để từ giã. Tôi vừa tỏ ý không dám nhận món quà tặng quý giá đó thì *Brama* đã ngăn

chặn lời từ chối của tôi bằng cách siết bàn tay tôi chặt hơn nữa. Anh ta nói:

- Tôi nhận được chiếc nhẫn này của một vị hiền giả. Người ấy đã tặng cho tôi khi tôi bắt đầu bước chân lên đường đạo. Bây giờ, đến lượt bạn hãy đeo nó.

Brama giải thích thêm với tôi rằng viên ngọc thạch này là một vật rất linh nghiệm. Nó có công năng giúp cho những người đủ cơ duyên sớm được gặp gỡ các bậc chân sư, hiền giả.

Tôi chưa thấy được sự linh nghiệm đó, nhưng những lời giải thích xem ra rất quả quyết và tự tin của *Brama* đã sớm khích động trong tôi những tư tưởng lạ kỳ, xâm chiếm lấy khối óc trần tục còn loạn động của tôi. Những lời nhắn nhủ lạ lùng của một vị chân sư ở cách xa ngàn dặm thật quá sức lạ lùng đối với tôi nên xin miễn bàn luận thêm. Một sự giằng co mãnh liệt đang diễn ra trong tâm hồn tôi giữa sự ngờ vực và đức tin. Còn về chiếc nhẫn này? Làm sao có thể tin được rằng một chiếc nhẫn vô tri vô giác lại có thể gây ra một ảnh hưởng huyền bí nào đó về phương diện tâm linh hay vật thể? Phải chăng niềm tin đó chỉ là một điều dị đoan mê tín? Nhưng *Brama* tỏ ra tin chắc ở điều đó.

Cuối cùng, tôi phải tự nhủ rằng dường như việc gì cũng có thể xảy ra được cả ở cái xứ lạ lùng huyền bí này!

Tôi vẩn vơ suy nghĩ lan man đến nỗi đi lệch khỏi con đường mòn và đâm sầm vào một gốc dừa. Dưới nhành lá dịu dàng phất phơ của nó, những điểm sáng đom đóm bay lượn thành từng vòng tròn lập lòe huyền bí.

Nền trời trong vắt một màu xanh thẫm. Sao Kim chói rạng tỏa ra một ánh sáng rực rỡ xem dường như rất gần. Cảnh vật thiên nhiên đắm chìm trong một bầu không khí hoàn toàn yên lặng, cả đến những con dơi lớn đang vụt bay ngang qua trên cao cũng không phát ra một âm thanh nào. Trong giây lát, tôi tự thả hồn trôi theo cái thú vị triền miên của những giờ phút tĩnh mịch thần tiên này.

Về đến nhà, tôi trằn trọc suốt đêm không sao ngủ được. Mãi đến lúc gần sáng tôi mới chợp mắt được đôi chút khi những ý nghĩ vẩn vơ trong đầu óc của tôi tạm thời lắng dịu.

CHƯƠNG 5

NGƯỜI TU SĨ SUỐT ĐỜI KHÔNG NÓI

Một hôm, tôi nghe nói về người tu sĩ nổi tiếng đang ở vùng ngoại ô, cách thành phố *Madras* chừng nửa dặm. Người này thích sống ẩn dật, tránh xa tất cả mọi người nên có rất ít người được biết đến ông ta.

Điều này khêu gợi sự tò mò của tôi. Tôi bèn quyết định tìm đến và xin được gặp mặt. Nhà của người tu sĩ nằm khuất sau một bờ tường dựng lên thành hình vuông ở giữa một cánh đồng. Người dẫn đường chỉ vào bên trong bờ tường và nói:

- Tôi nghe nói người *yogi* này nhập định suốt ngày. Dầu cho chúng ta có la hét và đập cửa hàng rào, ông ta cũng không nghe.

Một cánh cổng thô sơ khép chặt và được khóa lại rất chắc. Phía trong không nghe thấy bất cứ một tiếng động nào. Chúng tôi thử đi vòng quanh bờ tường và

gặp một đứa nhỏ nói rằng nó biết nhà người giữ cửa và sẵn lòng đưa chúng tôi đến nhà người ấy.

Người giữ cửa ấy là một nô bộc của người *yogi*. Ông ta sống với vợ và một bầy con nheo nhóc quấn quít theo chân ông ta. Chúng tôi ngỏ ý nhờ ông ta mở cửa, nhưng ông ta từ chối, bảo rằng vị tu sĩ tịnh khẩu, không tiếp khách và chỉ muốn ở yên một mình. Ngài nhập định suốt ngày và không muốn bị bất cứ ai quấy rầy. Tôi khẩn khoản đề nghị người nô bộc hãy dành cho tôi một sự dễ dàng ngoại lệ, nhưng ông ta vẫn cương quyết từ chối.

Khi chúng tôi đã hoàn toàn thất vọng và quay gót chuẩn bị ra về thì người nô bộc chợt nhìn thấy chiếc nhẫn đeo nơi tay tôi. Ông ta lộ vẻ ngạc nhiên và hỏi tôi:

- Xin lỗi, có phải ông là người Anh?

Đến lượt tôi ngạc nhiên vì câu hỏi của ông ta, vì hầu hết người Ấn Độ đều dễ dàng nhận biết điều đó qua vóc dáng và màu da của tôi. Tuy nhiên, tôi vẫn đáp lời:

- Vâng, tôi là người Anh. Có gì không ổn chăng?

- Không, nhưng tôi hỏi như thế vì không thể hiểu được vì sao một người Anh lại có thể có được chiếc nhẫn loại này. Chúng không bao giờ được mang ra bán, mà chỉ có thể là tặng vật của những người tu sĩ.

Tôi liền nói cho ông ta biết rằng chiếc nhẫn này đúng là tặng vật của một người bạn, và người bạn ấy đúng là một yogi.

Người nô bộc liền thay đổi thái độ và tỏ ra niềm nở với chúng tôi. Ông ta đề nghị chúng tôi nán lại một chút để chờ ông ta vào nhà lấy chìa khóa và sẽ đưa chúng tôi đến gặp vị tu sĩ tịnh khẩu kia.

Thế là chúng tôi cùng nhau trở lại chỗ cổng vào phía trước bờ tường và mở một ống khóa lớn bằng sắt. Người nô bộc cho biết rằng người tu sĩ không có tài sản gì cả, nhưng việc xây tường chắn quanh chỗ ở của ông ta chỉ nhằm mục đích an ninh mà thôi, vì ông ta gần như không có khả năng tự vệ, không hề đánh trả với bất cứ ai.

Cánh cổng được khóa lại từ bên ngoài nên người bên trong không thể ra khỏi nhà nếu người nô bộc không đến mỗi ngày hai lần để mở cửa. Chúng tôi còn nghe nói rằng người tu sĩ nhập định suốt ngày, đến chiều mới dùng một ít vật thực nhẹ như bánh trái và một chén sữa. Thỉnh thoảng cũng có những buổi chiều đồ vật thực để trước mặt ông ta vẫn còn nguyên không động đến. Đôi khi, vào lúc trời tối ông ta cũng ra khỏi nhà và đi dạo giữa cánh đồng.

Chúng tôi qua khỏi khoảng sân và đến trước một ngôi nhà xây bằng đá kiểu tân thời. Người nô bộc lấy chìa khóa mở một cánh cửa nặng và rất chắc. Tôi lấy làm lạ về sự bố trí cửa nẻo chặt chẽ đến như vậy đối với một người không sở hữu của cải hay tài sản gì đáng giá. Người nô bộc bèn giải thích lý do:

- Cách đây mấy năm, người tu sĩ ở trong hàng rào tre này và không có khóa trong ngoài gì cả. Một hôm, một gã say rượu đẩy cổng vào trong, thấy người tu sĩ chỉ có một mình và không hề phản ứng tự vệ bèn ra tay hành hung. Hắn nắm chòm râu của ông lôi đi và đánh ông ta bằng gậy, vừa đánh vừa chửi rủa. Cũng may, lúc đó có mấy người thanh niên đang đá banh trên khoảng đất trống gần bên, nghe có những tiếng la ó khác thường họ bèn chạy vào nhà và giải cứu người tu sĩ thoát khỏi tay của tên say rượu. Khi đó, một người trong bọn đã chạy đi báo động với người làng. Mọi người lập tức kéo đến nơi và định cho tên du côn kia một bài học nhớ đời. Quả thật, hắn ta suýt nữa đã bị ăn một trận đòn nhừ tử nếu không có sự can thiệp của người tu sĩ. Người này vẻ mặt vẫn bình thản ngay cả khi đang bị hành hung. Ông ta viết trên một mảnh giấy dòng chữ như sau:

“Nếu các ông đánh đập người này thì cũng giống như các ông đánh đập tôi. Xin hãy thả cho anh ta về, vì tôi đã tha thứ cho lỗi lầm của anh ta.”

Vì lời nói của người tu sĩ luôn được tôn trọng, nên gã say rượu được thả ra.

Người nô bộc liếc nhìn vào trong nhà và yêu cầu chúng tôi đừng gây tiếng động, vì người tu sĩ đang thiền định. Tôi cởi giày và để ngoài hàng hiên theo phong tục bản xứ. Lúc quay vào, tôi nhìn thấy trên vách tường có một tấm bia đá đề một dòng chữ *Tamoul*, người bạn tôi đọc cho tôi nghe:

"Đây là am thất của một nhà tu tịnh khẩu."

Gian phòng rộng rãi, cao ráo và rất sạch sẽ. Giữa nhà là một cái bục bằng cẩm thạch bề cao độ ba tấc, lót một tấm thảm bằng gấm Ba Tư, trên đó vị tu sĩ ngồi im lặng, hoàn toàn bất động như một pho tượng đá. Ông có một thân hình cao và thẳng, màu da nâu sậm. Ông ngồi theo kiểu bán già, bàn chân mặt đặt lên đùi bên trái, đầu, gáy, và lưng đều thẳng đứng. Tóc ông dài và đen, bỏ xõa xuống tận vai. Một bộ râu rậm và đen phủ đầy cằm; hai bàn tay đặt lên hai đầu gối.

Vì ông chỉ vận duy nhất một cái chăn quấn ngang lưng, mình để trần nên tôi nhận ra ngay một thân mình đầy bắp thịt rắn chắc, biểu lộ một sức khỏe rất tốt. Gương mặt ông lộ vẻ ung dung tự tại, đôi môi dường như luôn sẵn sàng nở một nụ cười. Người này hẳn là đã giải thoát khỏi gánh nặng của cuộc đời thế gian mà

những kẻ phàm tục bị bắt buộc phải mang lấy trên vai chỉ vì không nhận biết được sự phù du giả tạm của nó.

Trên khuôn mặt hiền từ nhưng nghiêm nghị là một cái mũi ngắn và thẳng, với hai mắt mở lớn nhìn thẳng về phía trước, mí mắt không chớp. Toàn thân đều yên lặng, tuyệt nhiên không cử động.

Người dẫn đường của tôi cho biết nhà tu sĩ đang nhập định. Trong trạng thái này, hành giả hòa nhập tâm thức mình với tâm thức vạn hữu, tuy vẫn tỉnh giác về mọi việc xảy ra chung quanh nhưng không còn một mảy may ý niệm chấp giữ cái bản ngã nhỏ nhoi của riêng mình.

Tôi để ý quan sát kỹ người *yogi*. Trạng thái nhập định của ông ta quả là có thật, không còn nghi ngờ gì nữa. Điều lạ lùng nhất là đôi mí mắt ông không hề chớp, và mắt vẫn mở suốt nhiều giờ như không biết mỏi. Cặp mắt ông mở lớn nhưng không chú tâm nhìn vật gì, khác với hầu hết những người *yogi* khác đều khép mắt lại và hơi nhìn xuống. Những dấu hiệu hoạt động của cơ thể cũng dường như ngưng hẳn, trừ ra thỉnh thoảng có một giọt nước mắt chạy quanh theo gò má, nguyên nhân chắc hẳn là vì hai mí mắt không chớp đã lâu.

Một con thằn lằn từ trên trần nhà bò xuống, chạy lên tấm thảm gấm và từ từ bò lên bàn chân ngồi bán

già của người tu sĩ, nhưng tuyệt nhiên không có một cử động, chẳng khác nào một pho tượng đá. Vài con ruồi đáp xuống và bò lên mặt người, nhưng hình như không có dấu hiệu cảm giác, chẳng khác nào một gương mặt bằng đồng. Hơi thở ông dịu nhẹ và đều đặn, nhưng thoảng rất nhẹ, gần như không thể nhận ra được nữa. Tuy thế, đó là dấu hiệu duy nhất chứng tỏ sự sống.

Trong thời gian chờ đợi, tôi lấy máy ảnh ra chụp mấy tấm hình, nhưng rồi nhận thấy trong phòng thiếu ánh sáng nên thôi không chụp nữa.

Tôi nhìn đồng hồ, đã hai giờ trôi qua kể từ khi chúng tôi bước vào. Toàn thân người tu sĩ vẫn trơ trơ, không một chút cử động. Tôi thầm nghĩ sẽ ở lại đây suốt ngày nếu cần, để đạt mục đích tiếp kiến với người tu sĩ lạ lùng này. Nhưng người nô bộc cho chúng tôi biết là chờ đợi như thế cũng vô ích, và cho dù chúng tôi có trở lại trong một hai ngày tới có lẽ cũng chưa chắc gì được tiếp xúc với ngài. Chúng tôi đành thất vọng ra về, nhưng điều ấy càng làm tăng thêm sự tò mò của tôi.

Những ngày sau đó, tuy vẫn chưa có cơ hội diện kiến người tu sĩ im lặng nhưng tôi đã cố gắng dò hỏi, thu thập và chọn lọc được một số tài liệu về người tu sĩ này. Những cuộc điều tra loại này đòi hỏi một sự nhẫn nại và óc phán đoán sáng suốt của một thẩm sát viên,

vì những tư liệu thu được khi thì quá ít ỏi, mơ hồ, lúc thì thật dồi dào nhưng lại chứa đầy những câu chuyện huyễn hoặc, thần bí mà người kể đã cố tình thêu dệt thêm vào.

Cuộc điều tra bắt đầu bằng một buổi nói chuyện dài với người nô bộc, và kết thúc bằng cuộc phỏng vấn một viên thanh tra cảnh sát địa phương. Nhờ đó, tôi có thể chắp nối từng giai đoạn và ghi ghép lại được ít nhất là một phần tiểu sử của người tu sĩ.

Ông ta đến ở trong vùng này đã được tám năm nay. Không ai biết ông ta là ai và từ đâu đến. Ban đầu, ông ta chọn cư trú trên một khoảng đất trống gần ngôi nhà ông ta hiện đang ở bây giờ. Những kẻ tò mò thường đến gần định hỏi chuyện ông ta, nhưng đều phải thất vọng ra về, vì ông ta không mở miệng nói chuyện với bất cứ ai, cũng không tỏ vẻ muốn nghe ai nói. Thỉnh thoảng, người ta thấy ông ta cầm một cái gáo dừa đi lang thang vào xóm làng để khất thực.

Thường thì ông ta ngồi luôn cả ngày đêm trên khoảnh đất này, không một mái che, không quản mưa nắng dãi dầu, gió sương, cát bụi và côn trùng sâu bọ. Ông ta dường như hoàn toàn không lưu tâm đến ngoại cảnh, chỉ vận có một cái chăn và luôn luôn giữ duy nhất một thế ngồi.

Tuy nhiên, vùng ngoại ô của một thành phố lớn như *Madras* không phải là nơi thuận tiện cho sự thiền định của một người tu sĩ ẩn dật lánh đời. Một chỗ như thế có thể là tạm được ở nước Ấn Độ thời cổ, chứ còn người *yogi* ở thời đại này thì phải ẩn mình trong rừng sâu núi thẳm, hay ít nhất cũng phải ở trong một gian phòng vắng vẻ tĩnh mịch. Tại sao người ẩn sĩ lạ lùng này lại chọn một nơi hoàn toàn không thích hợp cho sự tu hành của ông ta như thế?

Người ta đã tìm được lý do sau một chuyện không hay xảy đến cho anh ta. Một hôm, một đám du đãng thiếu niên nhìn thấy người tu sĩ này và liền dùng ông ta làm cái đích cho sự nghịch ngợm của chúng. Mỗi ngày chúng đến ném đá và rác rến vào người tu sĩ và buông lời chửi rủa. Ông ta vẫn thản nhiên chịu đựng, mặc dầu với sức lực của ông ta thì bọn chúng lẽ ra đã phải ăn một trận đòn đích đáng. Nhưng ông ta thậm chí cũng không mở miệng quở mắng chúng một lời, chỉ lặng thinh chịu đựng.

Việc ấy có thể đã kéo dài hơn nữa nếu như không có một người qua đường nhìn thấy bọn nhóc du đãng đang làm trò mất dạy. Người này lấy làm bất bình bèn đến báo cho Sở cảnh sát *Madras*. Họ lập tức đến giải tán đám tiểu quỷ sau khi đã quở mắng chúng một trận nặng nề.

Sau khi việc ấy xảy ra, một viên thanh tra cảnh sát bèn quyết định điều tra lai lịch của người ẩn sĩ. Nhưng vì không tìm được người nào biết rõ lai lịch của ông ta, nên viên thanh tra không còn cách nào khác hơn là sử dụng công quyền để chất vấn chính bản thân ông ta.

Sau rất nhiều do dự, người tu sĩ mới viết những lời sau đây lên một mảnh giấy để kể rõ thân phận của mình:

> *"Tôi là đệ tử của ngài Marakayar. Thầy tôi đã dạy tôi hãy đi xuyên qua các vùng đồng bằng và đến tỉnh Madras. Chính thầy tôi đã chỉ cho tôi tìm ra khoảnh đất này. Người bảo tôi hãy ở tại đây và tiếp tục thực hành pháp môn Yoga cho đến khi thành đạo.*
>
> *"Tôi đã từ bỏ cuộc đời thế gian và chỉ có một yêu cầu là mọi người hãy để cho tôi yên. Tôi không đến Madras để tìm kiếm lợi lộc gì, mà chỉ muốn đi theo con đường tu hành."*

Viên thanh tra cảnh sát hài lòng về câu trả lời trên đây và thừa nhận người này là một đạo sĩ chân chính, bèn hứa sẽ dành cho ông mọi sự bảo vệ cần thiết. Anh ta cũng biết *Marakayar* là một vị đạo sĩ nổi tiếng, vừa qua đời cách đó không bao lâu.

Tục ngữ có câu: “Trong họa có phúc.” Quả thật vậy, vụ rắc rối kể trên thấu đến tai một người mộ đạo ở *Madras*, người này bèn hiến cho người tu sĩ một khu đất lớn trong thành phố với tịnh thất khang trang để người tu tập. Nhưng người tu sĩ không chịu rời khỏi mảnh đất đang ở, vì không muốn làm trái lời thầy dặn.

Sau cùng, người cư sĩ mộ đạo kia mới tìm ra một giải pháp là xây một nhà tịnh thất ngay trên miếng đất gần bên chỗ ở của người *yogi*. Người tu sĩ bằng lòng ở trong tịnh thất đó để tu tập. Từ đó ông ta mới thực sự có được một chỗ ẩn trú để tránh mưa tránh nắng.

Cũng chính người mộ đạo hảo tâm ấy đã thuê một người nô bộc theo săn sóc người *yogi* để ông ta khỏi phải đi khất thực trong xóm làng. Không biết vị tôn sư *Marakayar* có tiên liệu trước rằng cuộc thử thách dành cho người đệ tử này rốt cuộc sẽ kết thúc một cách tốt đẹp êm thấm như thế hay chăng?

Tôi cũng được biết rằng người tu sĩ không có đệ tử nào cả. Ông ta không tìm kiếm, cũng không thâu nhận đệ tử. Ông ta quyết định tinh tấn tu tập để tiến nhanh đến mục đích giải thoát bằng cách tịnh khẩu và sống tách biệt với thế tục trong sự hoàn toàn cô đơn. Thái độ đó, theo quan niệm của người Âu Tây thì dường như thật ích kỷ. Tuy nhiên, thật cũng khó mà cho là ích kỷ

khi một người đã có lòng từ bi hỷ xả, tha thứ dễ dàng đối với một kẻ say rượu hành hung mình, và không để tâm hờn giận đám tiểu quỷ đã hành hạ trêu chọc.

Tôi đến lần thứ nhì với hy vọng được tiếp xúc trao đổi với người tu sĩ tịnh khẩu. Lần này có hai người cùng đi với tôi. Một là người thông ngôn đã quen biết và người kia là *Brama*, người đạo sĩ trên bờ sông *Adyar* đã từng dạy cho tôi biết rất nhiều điều quí giá. *Brama* không thích tới lui những chốn thành thị, nhưng khi nghe tôi bày tỏ mục đích cuộc thăm viếng liền bằng lòng đi theo tôi không chút do dự.

Gần đến bờ tường, chúng tôi gặp một người khách lạ cũng vừa xuống xe ngừng ở giữa đường và đi bộ băng qua cánh đồng. Người này cũng muốn được vào yết kiến nhà tu sĩ. Trong khi trò chuyện trên đường đi, anh ta cho chúng tôi biết rằng anh ta là em bà Vương hậu của xứ *Gadwal*, một tiểu quốc dưới sự bảo hộ của Quốc vương xứ *Hyderabad*. Người này cũng cho biết anh ta là một trong số những người đã cúng dường rất nhiều cho sự tu tập của người tư sĩ tịnh khẩu, và có góp phần trong việc trùng tu am thất. Anh ta đến *Madras* có việc trong vài ngày, và trước khi ra về anh ta muốn đến viếng thăm nhà tu sĩ để xin người ban ân huệ. Còn cái ân huệ này có giá trị như thế nào, thì tôi được biết qua câu chuyện sau đây do người khách lạ này thuật lại.

Một mệnh phụ phu nhân trong triều đình xứ *Gadwal* có đứa con bị một chứng bịnh hiểm nghèo. Bà ấy nghe tiếng đồn về nhà tu sĩ tịnh khẩu. Bà không do dự, liền đi tới *Madras* để thỉnh cầu người tu sĩ ban ân huệ cứu giúp đứa con bà. Người *yogi* bằng lòng và đứa nhỏ khỏi bệnh một cách mầu nhiệm. Việc này đến tai bà Vương hậu, bà liền đến tận nơi để cám ơn người tu sĩ. Bà hoàng biếu cho vị tu sĩ một túi bạc sáu trăm *rupee*, nhưng ông ta từ chối không nhận. Bà hoàng hết lời khẩn khoản cầu xin, thì ông ta liền yêu cầu bà hãy dùng số tiền đó xây một bờ tường chung quanh tịnh thất, để ông khỏi bị quấy rầy trong lúc tham thiền. Bà hoàng liền làm đúng theo lời dặn đó và bờ tường được xây lên.

Người nô bộc đưa chúng tôi cùng vào một lượt, nhưng chúng tôi lại thấy người tu sĩ vẫn đang ngồi nhập định cũng như lần trước. Chúng tôi bèn lẳng lặng ngồi thành một vòng bán nguyệt chung quanh người tu sĩ, khi ấy trông chẳng khác nào như một pho tượng oai nghi đặt trên phiến đá cẩm thạch.

Độ một tiếng rưỡi đồng hồ sau, chúng tôi nhìn thấy những dấu hiệu đầu tiên của sự xuất định. Hơi thở của người tu sĩ trở nên dài hơn và dễ nhận thấy hơn, hai mí mắt đã thấy chớp, tròng mắt trở lại bình thường.

Những bắp thịt đã co giãn trở lại, thân mình cũng trở lại dáng điệu tự nhiên.

Khoảng năm phút sau đó, sắc diện người tu sĩ và sự biểu lộ trong cặp mắt cho thấy rằng người tu sĩ đã trở về với cõi tục. Ông ta đưa mắt chăm chú nhìn người thông ngôn của tôi, rồi quay đầu nhìn về phía *Brama* và người khách lạ, sau cùng mới quay về phía tôi. Tôi liền nắm ngay lấy cơ hội, nghiêng người tới đặt dưới chân ông một cây bút và một tờ giấy.

Sau một lúc do dự, ông ta cầm lấy những vật này và viết bằng một tuồng chữ *Tamoul* rất đẹp:

"Hôm trước, có ai trong các vị đã đến đây và chụp ảnh?"

Tôi đành phải thú nhận. Nhưng thật ra, những bức ảnh tôi chụp hôm đó đều hỏng cả vì thiếu ánh sáng. Người tu sĩ lại viết:

"Lần sau, khi ông đến viếng các đạo sĩ đang xuất thần, xin đừng bao giờ làm như thế, vì có thể gây hại cho người đang nhập định"

Quả thật, tôi đã làm một điều không nên làm ở nơi cư trú tách biệt của người tu sĩ, và tôi bày tỏ sự hối tiếc về điều đó.

Vị điện hạ của triều đình vua *Gadwal* lên tiếng kính chào và bày tỏ lòng ngưỡng mộ đối với người tu sĩ. Khi ông ta đã xong, đến lượt tôi tiến lên và tự giới thiệu như một người ngoại quốc hâm mộ nền minh triết cổ truyền của Ấn Độ. Tôi cho ông biết là vì có nghe nói rằng xứ Ấn Độ ngày nay vẫn còn những bậc hiền triết đã đạt tới mức tối thượng của pháp môn *Yoga* nên tôi đang cất công đi tìm các bậc ấy. Tôi không ngần ngại hỏi xem vị tu sĩ có thể giúp đỡ tôi phần nào trong cuộc tìm kiếm này hay chăng?

Người *Yogi* vẫn ngồi yên như pho tượng, vẻ mặt thản nhiên không biểu lộ bất cứ cảm xúc gì. Mười phút trôi qua, tôi tự hỏi không biết ông ta có nghe tôi hỏi chăng? Hay là tôi lại sắp bị thất vọng? Có lẽ, đối với ông ta thì một người Âu chỉ là một kẻ sống nặng về vật chất, không có gì phải trao đổi nhiều trong lãnh vực tâm linh. Phải chăng tôi đã đòi hỏi quá nhiều khi muốn một người tu sĩ lánh đời phải ra khỏi thiền định chỉ để thỏa mãn tánh hiếu kỳ của một kẻ vô tín ngưỡng và nặng lòng trần tục?

Nhưng không, những lời tự trách của tôi chỉ là vu vơ và do tôi quá giàu tưởng tượng. Người tu sĩ đã cầm lấy cây bút chì và viết vài chữ trên tờ giấy. Tôi nghiêng người tới trước để nhận lấy trên tay ông ta và đưa cho người thông dịch. Người này lắc đầu:

- Tôi không hiểu, vì chữ viết rất khó đọc.

- Vũ trụ thật là đầy những sự huyền bí.

Tôi nói đỡ lời để anh ta đừng băn khoăn, nhưng tôi thấy hình như những lời này làm nở một nụ cười hơi chua chát trên môi người tu sĩ. Ông ta nâng cây bút chì lên và viết mấy dòng bằng lối chữ phổ thông:

"Nếu ông không tự biết mình, làm sao ông có thể biết được sự huyền bí của vũ trụ?"

Rồi ông ta nhìn thẳng vào mắt tôi. Tôi cảm thấy đằng sau cái nhìn đó là cả một thế giới tư tưởng thầm kín, đầy những bí mật được giữ gìn một cách chặt chẽ.

- Tôi vẫn còn hoang mang, và lời nói của ngài chưa giải đáp được sự thắc mắc của tôi.

Đó là tất cả những gì tôi nói được trong lúc đó. Vị tu sĩ tiếp tục viết một dòng khác:

"Như vậy tại sao ông cứ đi tìm quanh quẩn như con ong đi kiếm từng giọt mật, trong khi cả một khối mật ngọt vốn luôn sẵn có kề bên?"

Tôi lấy làm vô cùng ngạc nhiên! Một câu trả lời như thế có lẽ là đầy đủ đối với một người Á Đông, và ý nghĩa bóng gió của nó mang một thi vị đáng yêu, nhưng tôi không được thỏa mãn chút nào khi đang muốn hỏi ông

ta về sự giải đáp cho những thắc mắc cụ thể của tôi. Tôi tiếp tục chất vấn:

-Nhưng tìm ở đâu, và phải đi đến đâu bây giờ?

Câu trả lời được viết tiếp ra là:

"Hãy tự tìm nơi chính mình. Chân lý vốn sẵn có nơi mỗi người chứ không ở đâu xa."

- Thưa ngài, tôi đã tìm trong tôi và chỉ thấy có sự vô minh ngu dốt.

"Sự vô minh chỉ có trong tư tưởng của ông mà thôi."

Tôi không kiềm được nữa, buột miệng nói ra:

- Xin lỗi thầy, những câu trả lời của thầy chỉ làm tăng thêm sự hoang mang của tôi mà thôi.

Người tu sĩ nhoẻn cười một cách tự nhiên trước sự thành thật của tôi. Ông ta hơi do dự một lúc rồi viết tiếp lên tập giấy:

"Chính tư tưởng của ông đã đưa ông đến sự vô minh hiện tại. Bây giờ, ông hãy quay trở về với sự minh triết, tức là hãy tự biết mình. Tư tưởng con người cũng ví như một chiếc xe bò đưa người vào trong hang tối. Ông hãy quay ngược trở ra thì sẽ nhìn thấy ánh sáng."

Người tu sĩ thấy tôi càng bối rối thêm, bèn ra dấu đòi lại tập giấy, và sau khi ngừng một lúc, ông ta viết tiếp:

"Việc tập trung tư tưởng quay trở về với bản thể nguyên sơ chính là điểm cốt yếu của pháp môn Yoga. Nói như vậy ông đã hiểu ra chưa?"

Tôi dường như đã nhận thấy rõ hơn một chút, nhưng vẫn chưa thực sự hiểu hết được những gì vừa đọc. Tôi cần có thời gian suy ngẫm nhiều hơn về vấn đề này. Tôi nghĩ, tạm thời có lẽ tôi không nên hỏi thêm nhiều hơn nữa.

Vì mãi lo suy nghĩ nên tôi không nhận thấy có một người khách vừa mới bước vào. Người này ngồi sát sau lưng tôi, và tôi chỉ nhận biết được sự có mặt của người này khi anh ta nói nhỏ vào tai tôi những câu lạ lùng. Tôi đang ngẫm nghĩ về câu trả lời của người tu sĩ và hơi thất vọng về tính cách mập mờ khó hiểu của nó, thì bỗng nghe sau lưng có người thì thầm một câu bằng tiếng Anh rất thạo:

- Thầy tôi sẽ nói cho ông nghe câu trả lời mà ông mong đợi.

Tôi quay đầu nhìn lại. Người mới đến là một người trạc độ bốn mươi tuổi, khoác áo màu vàng của tu sĩ hành khất, nước da sậm như màu đồng đỏ, tác người cao lớn và vai rộng. Ông ta có một cái mũi dài và lộ như mũi chim ưng, đôi mắt rất nhỏ và dường như lúc nào cũng nhíu lên như một cái cười dài bất tận. Ông ta có vẻ như cười cợt làm tôi khó chịu. Hơn nữa, thật là bất

lịch sự khi nói chuyện riêng với người khác trước mặt vị tu sĩ tịnh khẩu nên tôi không nói gì mà quay mặt trở lại về phía người *yogi*.

Một câu hỏi khác vừa hiện ra trong trí tôi, nhưng phải chăng nó quá táo bạo và thậm chí dường như hỗn láo:

- Bạch thầy, thế gian đang đau khổ kêu cứu, những bậc hiền giả như thầy tại sao lại ẩn mình ở một nơi vắng vẻ và đành chịu mai một với đời?

Một nét chua chát thoáng qua trên gương mặt thản nhiên của người tu sĩ. Ông viết:

"Nếu ông không tự biết mình, làm sao ông dám nghĩ rằng có thể hiểu được việc làm của tôi? Việc bàn luận về những vấn đề tâm linh không có ích lợi gì, ông hãy cố gắng tu tập một cách kiên tâm bền chí, rồi ông sẽ tìm thấy sự giải đáp cho mọi vấn đề."

Tôi hỏi thêm một câu cuối cùng:

- Nhân loại đang khát khao đi tìm ánh sáng. Tôi cũng đang đi tìm để hy vọng chia sẻ phần nào với người khác. Vậy tôi phải làm sao?

Tôi đọc được câu trả lời như sau:

"Khi ông nhận biết được chân lý, ông sẽ biết phải làm gì để phụng sự nhân loại và cũng sẽ không thiếu gì phương thức để thực hiện. Khi hoa có mặt, tự nhiên

con ong sẽ phân biệt được với tất cả những loài hoa khác. Khi một người đã đạt được sự minh triết và có sức mạnh tâm linh, người ấy không cần đi tìm ai cả, những người khác sẽ tự tìm đến. Hãy lo trau giồi và rèn luyện tâm thức, đó là điều duy nhất cần phải làm.”

Khi tôi đọc xong câu trả lời, người tu sĩ ra hiệu muốn ngưng cuộc nói chuyện để trở lại thiền định. Tôi ngỏ ý muốn được ông ta ban cho một ân huệ. Ông ta không tỏ dấu hiệu gì đáp lại, chỉ lặng thinh và cặp mắt dường như đắm chìm vào một trạng thái trầm mặc sâu xa.

Sau một lúc, ông ta cầm bút chì viết lên tập giấy mấy dòng và trao cho tôi:

“Tôi rất vui vì ông đã đến đây. Ông hãy nhận món quà này của tôi để kỷ niệm ngày hội ngộ hôm nay.”

Tôi chưa kịp hiểu hết ý nghĩa câu này thì thình lình tôi cảm thấy một sức mạnh lạ lùng xâm chiếm lấy người tôi. Sức mạnh ấy như đi xuyên qua tủy xương sống, rồi ran ran chạy từ dưới lên trên theo đường sống lưng, làm tôi phải duỗi thẳng gáy cổ và ngẩng đầu lên. Tôi cảm thấy tinh thần đột nhiên sảng khoái và mạnh mẽ, với một sự thúc giục từ bên trong muốn tự chinh phục chính mình. Tôi khởi lên ý nghĩ rằng từ nay nhất định sẽ khuất phục được thân xác này và buộc nó phải tuân theo ý chí tốt lành để thực hiện những lý tưởng cao cả nhất. Tôi có linh cảm rằng những sức mạnh và

ý tưởng vừa phát sinh đó có liên quan trực tiếp đến người tu sĩ và món quà mà ông ta vừa nhắc đến. Phải chăng ông ta muốn dùng cách đó để giúp tôi và cũng là để cho tôi thấy một bằng chứng hiển nhiên của sức mạnh tâm linh?

Đôi mắt người *yogi* lại đi vào trạng thái gần như vô cảm, và cái nhìn như mất hút tận trong cõi xa xăm nào đó. Toàn thân ông ta bất động như một pho tượng đá sau khi trở lại với thế ngồi thiền định quen thuộc. Chúng tôi vẫn còn ngồi quanh ông ta với những ý nghĩ khác nhau. Phải chăng đây đúng là một *yogi* chân chính? Phải chăng ông ta đang một mình bước vào cuộc thám hiểm nội tâm huyền bí, nhằm đem lại một vài tia sáng cho chính bản thân mình và cho nhân loại?

Khi chúng tôi bước ra ngoài, *Brama*, người đạo sĩ trên bờ sông *Adyar*, quay lại nói với tôi bằng một giọng bình thản:

- Người *yogi* này đã đạt tới một trình độ rất cao, tuy là chưa đến mức tột đỉnh. Ông ta có một số năng lực thần bí, nhưng vẫn đang gắng công tu luyện để hoàn thiện tâm thức. Ông ta có một thể xác kiện toàn mà tôi tin là nhờ tập luyện môn *Hatha Yoga* từ lâu năm. Ông ta cũng đã tiến khá xa trên con đường luyện tinh thần theo pháp môn *Raja Yoga*. Tôi được biết ông ta trước đây đã lâu.

- Từ bao giờ?

- Tôi đã nhìn thấy ông ta nhiều năm về trước ở giữa một cánh đồng không có một mái che. Tôi liền nhận ra ngay rằng ông ta là một bạn đồng môn. Ông ta cho tôi biết, bằng cách viết trên giấy, rằng hồi còn trẻ ông ta có gia nhập quân đội. Sau khi giải ngũ, ông ta cảm thấy chán ngán cuộc đời và lui về ở ẩn nơi thanh vắng. Chính trong thời gian đó, ông ta gặp được đạo sĩ trứ danh *Marakayar* và trở thành đệ tử của vị này.

Trên đường về, chúng tôi đi ngang qua cánh đồng rồi trở ra đường cái. Tôi không tiết lộ với ai về cái kinh nghiệm tâm linh bất ngờ và khó hiểu đã xảy đến với tôi trong tịnh thất khi nãy. Tôi cần phải suy nghĩ lại về vấn đề này trong khi cái âm hưởng của nó hãy còn vang dội chưa dứt trong tâm hồn tôi.

Tôi không còn gặp lại người tu sĩ im lặng ấy lần nào nữa. Ông ta không muốn cho bất cứ ai quấy rầy sự tĩnh lặng của ông ta, và tôi phải tôn trọng mong muốn đó. Tôi tự biết mình không nên trở lại tìm ông ta, vì phải để cho ông ta tiếp tục những cơn thiền định hoàn toàn cách biệt với cuộc đời trần gian tục lụy.

Vị tu sĩ này không hề có ý muốn lập thành môn phái hay qui tụ môn đồ, và dường như không có tham vọng gì khác hơn là sống một cuộc đời hoàn toàn tĩnh lặng.

Ông ta hẳn không có gì để nói thêm ngoài những gì đã nói với tôi. Đây là con người đầu tiên tôi được gặp đã tỏ ra khinh thường sự nói năng hoạt bát hùng biện mà hầu hết chúng ta vẫn đề cao như một nghệ thuật và xem như là một năng khiếu quan trọng để dẫn đến thành công.

CHƯƠNG 6

NHÀ LÃNH ĐẠO TINH THẦN MIỀN NAM ẤN

Chúng tôi chưa ra đến đường lớn để trở về *Madras* thì đã nghe có tiếng chân người đuổi theo từ phía sau. Tôi quay lại thì thấy người *yogi* mặc áo vàng đã ngồi sau lưng tôi trong tịnh thất lúc nãy.

Ông ta vừa nhìn tôi vừa nhăn răng cười. Ông ta có một cái cười đặc biệt, hai quai hàm xếch ngược lên tận mang tai và cặp mắt nhỏ híp lại thành hai vết nhăn, hình như lúc nào cũng có vẻ đùa cợt. Tôi bèn hỏi:

- Ông muốn nói chuyện với tôi chăng?

Ông ta đáp một cách mau mắn với cách nói tiếng Anh rất giỏi:

- Thưa ông, đúng là như vậy. Xin ông có thể cho tôi biết ông làm gì ở xứ này được chăng?

Sự tò mò của ông ta dường như hơi quá đáng đối với một người chỉ vừa mới gặp lần đầu, làm cho tôi cảm thấy do dự. Tôi bèn đáp một cách vu vơ:

- Tôi đi du lịch, chỉ có vậy thôi.

- Nhưng hình như ông có vẻ chú ý đến những tu sĩ ở xứ này, phải vậy chăng?

- Phải, nhưng chỉ là xem chơi để tiêu khiển vậy thôi.

- Tôi cũng là một người *yogi*, thưa ông.

Tôi nghĩ thầm, sao lại có một người *yogi* tự khoe khoang một cách lạ kỳ như vậy. Tôi bèn hỏi:

- Thế ông thực hành được bao lâu rồi?

- Đã được ba năm. Trước kia tôi cũng có nhập ngũ trong quân đội Hoàng gia suốt bảy năm.

- Thật vậy sao?

- Thưa ông, đúng vậy. Tôi gia nhập quân đội Ấn Độ trong chiến tranh Trung Đông. Sau chiến tranh, nhờ thông minh và có năng lực nên tôi được thuyên chuyển sang Phòng Kế toán quân đội.

Tôi không thể nhịn cười về màn tự giới thiệu khá đặc biệt của ông ta. Nhưng ông ta không lưu tâm gì đến thái độ của tôi, thản nhiên nói tiếp:

- Về sau tôi xin từ chức vì một sự rối rắm trong gia đình khiến tôi phải trải qua một cơn khủng hoảng tinh thần rất lớn. Sau đó tôi bước vào con đường tu hành và trở nên một *yogi*.

Tôi đưa cho ông ta một tấm danh thiếp và xin ông ta cho biết quí danh. Ông ta đáp:

- Tôi tên là *Subramanya*, thuộc dòng *Bà-la-môn*.

- Ông *Subramanya*, ông hãy giải thích về lời nói thì thầm của ông bên cạnh tôi lúc nãy ở trong am thất của vị tu sĩ tịnh khẩu.

- Vâng, chính tôi cũng đợi dịp để giải thích cho ông. Ông hãy đến chất vấn thầy tôi, vì ngài là một bậc hiền minh nhất của xứ Ấn Độ hiện nay. Sự minh triết của ngài còn cao xa hơn của tất cả những người *yogi* của xứ Ấn Độ.

- Thật vậy sao? Ông đã từng đi hết khắp xứ Ấn Độ này chưa? Ông đã gặp được hết tất cả những nhà đạo sĩ trứ danh hay chưa mà ông dám nói như thế?

- Tất nhiên là tôi đã gặp nhiều vị đạo sĩ chân tu, và tôi biết rõ xứ Ấn Độ từ mũi *Comorin* đến tận dãy Hy Mã Lạp Sơn.

- Rồi sao nữa?

- Bởi vì chính thầy tôi đã sai tôi đến để gặp ông. Bởi vì chính quyền năng của ngài đã làm cho ông bị thu hút đến xứ Ấn Độ này.

Lời tuyên bố này có vẻ như vượt quá sự thật đến mức trở thành lố lăng, làm cho tôi như phải dội ngược,

không thể chịu nổi! Tôi thường không thích những lời nói phóng đại khoác lác của những kẻ quá trớn, và người tu sĩ áo vàng này quả thật là đã nói ra những lời quá trớn. Giọng nói, cử chỉ, hình dáng và cốt cách của ông ta biểu lộ điều ấy một cách rõ ràng. Tôi đáp một cách lạnh lùng:

- Tôi không hiểu ông muốn nói gì.

Ông ta không để ý đến thái độ lạnh nhạt của tôi, càng trở nên hùng biện và nói nhiều hơn nữa:

- Tôi được gặp ngài chỉ mới cách đây tám tháng. Nhưng tôi chỉ được sống gần bên ngài trong năm tháng thôi. Sau đó ngài dạy tôi hãy tiếp tục cuộc đời khất sĩ lang thang đây đó. Tôi dám chắc là ông sẽ không bao giờ gặp được một người nào cao cả như ngài. Quyền năng của ngài cao siêu đến nỗi ngài có thể trả lời những tư tưởng thầm kín của ông trước khi ông thốt ra lời. Ông chỉ cần ở bên cạnh ngài một thời gian ngắn cũng đủ thấy trình độ tâm linh của ngài cao cả đến dường nào.

- Anh có chắc rằng ngài sẽ vui lòng tiếp đón tôi không?

- Chắn chắn như vậy, thưa ông. Chính do sự chỉ dẫn của ngài mà tôi đến đây gặp ông.

- Thầy ông hiện giờ đang ở đâu?

- Ở *Arunchala*, trên một ngọn đồi thiêng.

- Nơi đó thuộc vùng nào vậy?

- Trong địa phận tỉnh *Arcot*, ở tận miền Nam. Tôi sẽ dẫn đường cho ông đi đến tận nơi. Thầy tôi sẽ giải quyết mọi sự băn khoăn thắc mắc của ông, vì ngài đã đạt tới một trình độ tâm linh siêu đẳng.

Tôi nhìn nhận một cách do dự:

- Điều ấy thật là lý thú, nhưng tôi rất tiếc là hiện giờ tôi không thể đi được. Hành trang của tôi đã sẵn sàng và tôi sẽ lên miền Đông Bắc nay mai, vì tôi có hai việc quan trọng cần phải thu xếp.

- Nhưng việc này còn quan trọng hơn!

- Rất tiếc rằng chúng ta gặp nhau quá trễ. Tôi đã chuẩn bị mọi việc sẵn sàng và không thể thay đổi được nữa. Tôi có thể trở lại miền Nam sau này, nhưng còn bây giờ thì không thể đi được.

Người *yogi* lộ vẻ thất vọng rõ rệt:

- Ông đã để lỡ mất một cơ hội tốt rồi, thưa ông, và...

Tôi nhận thấy nói nhiều vô ích, nên tôi dứt khoát cắt đứt câu chuyện:

- Tôi phải đi ngay bây giờ. Dầu sao cũng cám ơn anh.

Anh ta vẫn nói, dai như đỉa:

- Tôi không chấp nhận lời từ chối của ông. Chiều mai, tôi sẽ đến nhà ông và hy vọng rằng chừng đó ông sẽ đổi ý kiến.

Đến đây, anh ta bèn quay lưng đi thẳng. Tôi nhìn theo cái bóng người cao lớn mạnh khỏe, khoác áo vàng đi băng qua đường lộ và dần dần mất dạng.

Khi về đến nhà, tôi bắt đầu tự hỏi phải chăng tôi đã quyết định một cách quá vội vàng? Nếu vị tôn sư này chỉ đúng độ nửa phần những lời ca tụng của anh ta thì cũng đáng cho tôi chịu một phen khó nhọc đi xuống miền Nam. Nhưng tôi đã chán ngán những người đồ đệ quá mê tín. Họ luôn luôn ca tụng thầy họ một cách quá đáng, nhưng đến khi gặp gỡ tận mặt thì đó chỉ là những người đạo hạnh tầm thường, không có gì đặc biệt. Hơn nữa những đêm không ngủ và những ngày nóng bức như thiêu đã làm cho thần kinh tôi bải hoải, thân thể rã rời. Bởi vậy, tôi càng lo ngại nhiều hơn rằng chuyến đi này có thể là một cuộc "săn vịt" như những lần trước.

Tuy nhiên, những lý luận đó vẫn không đánh tan được một sự linh cảm từ bên trong nội tâm. Một cái bản năng lạ lùng nhắc nhở cho tôi biết rằng hình như có một cái gì chân thật ẩn giấu sau sự khẩn khoản mời mọc của người khất sĩ. Điều này càng làm cho tôi lưỡng lự và bối rối.

Sau giấc ngủ trưa vừa thức dậy, đến giờ dùng trà bỗng có khách đến. Đó là một bạn đồng nghiệp trong giới cầm bút, nhà văn *Mani*. Tôi được biết anh ta do bức thư giới thiệu của một người quen trước khi tôi đến *Madras*. Nhờ có bức thư giới thiệu này mà anh ta biết địa chỉ và đến thăm tôi. Nhà văn *Mani* là một thành viên trong Hội đồng Đại học viện của tỉnh *Madras*, tác giả của nhiều áng văn và tiểu thuyết nói về đời sống ở thôn quê. Anh ta là nhà văn Ấn Độ đầu tiên trong tỉnh *Madras* đã viết sách bằng Anh ngữ và được các giải thưởng về những công trình phục vụ nghệ thuật. Anh ta viết với một thể văn tao nhã, đã từng được sự khen tặng của thi hào *Tagore* ở Ấn Độ và *Lord Haldane* ở Anh quốc. Văn chương của anh ta thường miêu tả những cảnh tượng êm ái nhưng buồn tẻ của những làng mạc hoang vu lạnh lẽo.

Khi anh ta bước vào phòng, tôi để ý nhìn dung mạo gầy gò mảnh khảnh với vẻ mặt trầm lặng, đôi mắt tinh anh và cặp kính trắng của anh ta. Đó là đôi mắt của một nhà tư tưởng, một triết gia và một thi sĩ. Đôi mắt ấy cũng phản chiếu nỗi ưu sầu của những nông dân đau khổ ở chốn đồng quê nghèo khó.

Trong chốc lát, chúng tôi đã nhận thấy có sự thông cảm và đồng quan niệm trên nhiều lãnh vực. Sau khi chúng tôi tỏ bày tâm sự về nhiều vấn đề, bàn về tình

hình chính trị và ca tụng những nhà văn được mến chuộng, tôi cảm thấy cần tiết lộ cho anh ta biết rõ mục đích của tôi khi viếng xứ Ấn Độ.

Tôi thành thật nói cho anh ta biết ý định của tôi và hỏi anh ta về các nhà đạo sĩ chân tu ở xứ này; và nói trước cho anh ta biết rằng tôi không cần gặp những nhà tu khổ hạnh hay những người làm trò quỉ thuật. Anh ta lắc đầu nói:

- Ngày nay, Ấn Độ không còn là nơi sản xuất ra những người hiền giả chân tu như thế nữa. Với trào lưu vật chất đang lên, sự suy tàn của nền văn minh cổ và sự xâm nhập bởi nền văn hóa duy vật chất của Tây phương, những bậc hiền triết, thánh sư mà anh tìm kiếm ngày nay đã biến mất, không còn nữa. Tuy nhiên, tôi vẫn tin tưởng rằng có một vài người trong số đó còn đang ẩn dật ở những nơi rừng sâu núi thẳm, và trừ phi anh dành trọn đời để đi tìm các ngài, tôi e rằng anh rất khó tìm ra được. Ngày nay, ngay cả những người Ấn như chúng tôi muốn tìm thầy học đạo còn phải đi phiêu lưu tìm kiếm khắp nơi, huống chi một người Âu như anh thì điều đó lại càng khó hơn.

- Như vậy, theo ý anh, chắc là không có hy vọng?

- Tôi không dám nói chắc, đó còn là vấn đề may rủi.

Tôi hỏi thêm:

- Anh có nghe nói về một bậc danh sư hiện đang sống trên một ngọn đồi trong tỉnh *Arcot*?

Anh ta lắc đầu tỏ vẻ không biết. Chúng tôi quay trở về các vấn đề văn chương. *Mani* cao hứng thổ lộ tâm sự của anh ta và ca tụng một cách nồng nhiệt những lý tưởng cao siêu của nền văn hoá cổ Ấn Độ mà ngày nay không còn nữa. Anh ta đề cập đến những lý tưởng như một đời sống đơn giản, phụng sự nhân quần xã hội, cùng phát triển tâm linh. Anh ta muốn tảo trừ cái trào lưu vật chất sa đọa đang lên và hăm dọa tràn ngập khắp xã hội Ấn. Nhưng điều quan trọng nhất đối với anh ta là làm thế nào để giải thoát những vùng làng mạc thôn quê của Ấn Độ đã sắp sửa trở nên những trung tâm tuyển mộ nhân công vào những khu xóm tồi tàn chật hẹp của những thành phố kỹ nghệ Âu Châu. Anh ta cho rằng điều đó sẽ là hậu quả chắc chắn của trào lưu hiện tại.

Mani cho biết rằng anh ta sinh trưởng trong một gia đình khá giả, có tài sản ở vùng đồng quê. Anh ta nuôi trong trí những kế hoạch cải tiến tình trạng sinh hoạt của người dân quê, và không thể quan niệm được một hạnh phúc nào ở thế gian nếu đời sống của người nông dân hãy còn lầm than khổ sở.

Tôi lẳng lặng nghe để tìm hiểu quan niệm của anh ta. Sau cùng, anh ta đứng dậy ra về và tôi nhìn theo bóng anh ta hút mất dạng ở cuối con đường.

Sáng hôm sau, tôi ngạc nhiên khi thấy anh ta trở lại viếng tôi một cách bất ngờ. Anh ta hối hả đậu xe ngay trước cửa nhà, vì sợ rằng tôi có thể đi vắng từ sớm. Anh ta vừa thở vừa nói:

- Tôi vừa nhận được một bức điện tín hồi đêm hôm cho biết rằng vị đỡ đầu cao cả của tôi sẽ ghé qua tỉnh *Chingleput* và sẽ ở lại đó một ngày.

Sau khi đã lấy lại được hơi thở và đã bớt mệt, anh ta nói tiếp:

- Đức Tăng Thống *Shankara* ở tỉnh *Kumbokonam* là vị lãnh đạo tinh thần của miền nam Ấn Độ. Hàng triệu người tôn sùng ngài như một vị thánh sống. Ngài đã chú ý đến tôi rất nhiều và khuyến khích sự nghiệp văn chương của tôi. Lẽ tự nhiên ngài là người mà tôi trông cậy để dìu dắt tôi về phương diện tâm linh. Người Ấn chúng tôi xem ngài như bậc hiền triết đã đạt tới một trình độ tâm linh cao cả nhất.

Nhưng ngài không phải là một người yogi. Ngài là vị chủ tể của Ấn Độ giáo miền Nam, một bậc chân tu mô phạm và một nhà đạo đức uyên thâm. Vì ngài biết rõ những trào lưu đạo đức tâm linh của thời đại này, và

do bởi đạo căn của ngài, nên ngài có thể nhận biết được những nhà đạo sĩ *yogi* chân chính.

Ngài đi châu du khắp nơi từ làng này sang làng khác và từ tỉnh này sang tỉnh khác, bởi đó ngài biết nhiều về vấn đề này. Bất cứ nơi nào ngài đi đến, những vị tu sĩ và tăng lữ trong xứ đều tìm đến chào mừng Ngài. Ngài có thể cho anh nhiều ý kiến hữu ích. Anh có muốn gặp ngài không?

- Cám ơn anh nhiều. Tôi rất muốn gặp Ngài. *Chingleput* cách đây bao xa?

- Chỉ có ba mươi lăm dặm thôi. Nhưng mà này...

- Gì thế?

- Tôi thật sự không thể nói chắc việc đức Tăng Thống có chịu tiếp kiến anh hay không. Lẽ tất nhiên là tôi sẽ hết sức cố gắng để xin ngài cho anh được vào yết kiến. Nhưng...

Tôi tiếp lời anh ta không ngần ngại:

- Tôi biết, có lẽ vì tôi là một người Âu chăng? Tôi hiểu điều đó.

Anh ta hỏi lại một cách hơi băn khăn, e ngại:

- Vậy anh có sẵn lòng đón nhận một sự từ chối chăng?

- Tất nhiên là như vậy rồi. Thôi, chúng ta đi.

Sau một bữa ăn lót dạ, chúng tôi ra xe đi đến tỉnh *Chingleput*. Tôi hỏi thăm ông bạn đồng nghiệp của tôi về Đại đức *Shankara*, nhân vật mà tôi hy vọng được gặp trong ngày hôm đó. Tôi được biết rằng, về phương diện cá nhân, Đại đức là người sống rất đơn giản, nhưng trong những khi đi tuần du khắp nơi trong xứ, trọng trách của ngài buộc ngài phải dùng những nghi lễ oai vệ, lộng lẫy như các bậc vua chúa. Trong những khi ngài di chuyển thì trước sau đều có xe cộ, ngựa voi, tiền hô hậu ủng, cờ quạt, võng lọng tưng bừng. Dân chúng tấp nập ở nơi nào ngài đi đến. Họ đến để cầu xin sự giúp đỡ của ngài về tất cả mọi phương diện, không những về phương diện tâm linh, tinh thần, mà cả về mặt vật chất và thậm chí cả sự giúp đỡ về tiền bạc.

Không ngày nào là không có những người giàu sang, quyền thế đến dâng cho Ngài những số tiền khổng lồ, nhưng vì ngài đã phát nguyện giữ đức thanh bần, nên những số tiền đó đều được đem dùng vào công việc từ thiện. Ngài nâng đỡ những kẻ khốn khó, trợ giúp tiền cho các trường học, tu bổ các đền thờ, kiến thiết và sửa sang hệ thống kinh rạch, dẫn thủy nhập điền để chống lại hạn hán ở những nơi sông ngòi rất hiếm.

Nhưng đó chỉ là những công việc phụ thuộc: sứ mạng chính yếu của ngài là coi sóc hàng triệu tín đồ và giáo hóa họ về mặt đạo đức, tâm linh. Bất cứ nơi nào ngài đi

đến, ngài đều cố gắng dạy dỗ cho dân chúng biết quay về cái thuần phong mỹ tục và đạo đức cổ truyền của Ấn giáo và gây cho họ một nguồn cảm hứng sâu xa về tinh thần.

Thường thì ngài thuyết pháp trong đền chùa của địa phương, và sau đó ngài tiếp khách riêng từng người trong số những khách thập phương đến viếng. Đại đức là vị kế nghiệp đời thứ sáu mươi sáu của dòng tu sĩ *Shankara*, mà người sáng lập đầu tiên là Đức Giáo chủ *Shankara Charya*, một nhà đại hiền triết dòng Bà-la-môn, đã sống ở Ấn Độ cách đây hai ngàn năm.

Vào thời kỳ đó, Ấn giáo đang hồi suy vong, mọi sinh hoạt tâm linh dường như sắp sửa điêu tàn. Năm mười tám tuổi, đức *Shankara Charya* chu du khắp nơi trong xứ, thảo luận về đạo lý với các nhà bác học và các bậc giáo sĩ. Ngài cũng giảng đạo khắp nơi và thâu phục một số tín đồ càng ngày càng đông. Trí thông minh tuyệt vời của ngài làm cho các nhà bác học trong xứ phải ngạc nhiên. Không bao lâu ngài được người đương thời kính nể và suy tôn như một bậc tiên tri. Ngài có những ý kiến rộng rãi và lên án nhiều sự dị đoan, mê tín, núp bóng dưới hình thức tôn giáo. Ngài khuyên răn người đời hãy trau giồi những đức tánh, và trong những lần thuyết pháp ngài chỉ rõ sự vô ích của một tôn giáo chỉ căn cứ trên sự lễ bái, cúng tế, mà không có sự công

phu tu luyện. Ngài phá luôn các luật lệ phân biệt giai cấp bằng cách chính ngài hành lễ đám táng của thân mẫu ngài. Điều này làm cho ngài bị trục xuất ra khỏi Bà-la-môn giáo, vì theo tôn giáo này chỉ có những giáo sĩ được chỉ định mới có quyền hành lễ trong các nghi thức: quan, hôn, tang, tế mà thôi. Với quan điểm xóa bỏ giai cấp đó, ngài đã tỏ ra xứng đáng là một người đi theo đúng con đường của đức Phật *Thích-ca*, vì chính Đức Phật là người đầu tiên đả phá bỏ chế độ phân biệt giai cấp ở Ấn Độ.

Trái với các giáo sĩ *Bà-la-môn*, ngài dạy rằng mọi người không phân biệt giai cấp hay màu da, đều có thể tham dự vào đời sống tinh thần và học hỏi đạo lý. Ngài không lập nên một tôn giáo mới nào, mà chỉ dạy rằng bất cứ tôn giáo nào cũng đưa con người đến một đời sống tâm linh tốt đẹp hơn, miễn là nó được thực hành một cách đứng đắn. Để chứng minh cho lập luận đó, ngài lập nên một hệ thống triết học hoàn bị và để lại cho đời một di sản quý báu về tinh thần, vẫn còn được gìn giữ và noi theo trong những đạo viện ở khắp nơi trong xứ. Chính những học giả uyên bác của Ấn Độ cũng rất sùng mộ công trình về triết học và tâm linh của ngài.

Đức Giáo chủ *Shankara Charya* đi châu du khắp xứ Ấn Độ với chiếc áo màu nâu sòng và cây gậy hành

hương của nhà tu sĩ. Với một chính sách khôn khéo, ngài thành lập bốn đạo viện lớn ở bốn phương trời, một ở *Badrinath* tại miền Bắc Ấn, một ở *Puri* tại miền Đông Ấn. Đại bản doanh của Ngài gồm có một ngôi đền và một tu viện được đặt ở miền Nam, nơi đó Ngài bắt đầu đi thuyết pháp.

Cho đến ngày nay, miền Nam Ấn Độ vẫn được xem là nơi thánh địa của Ấn giáo. Những đạo viện đó là những trung tâm tinh thần truyền bá giáo lý của đức Giáo chủ *Shankara Charya*. Ngài trở thành vị Tăng Thống đầu tiên trong dòng tu do ngài sáng lập. Mỗi vị Tăng Thống về sau đều lấy tên là *Shankara*, và khi vị ấy qua đời thì một đệ tử xứng đáng nhất sẽ lên kế nghiệp.

Vì người đệ tử này thường được chỉ định sẵn từ trước , khi còn là một thanh niên trẻ tuổi, nên anh ta được giao phó cho các vị danh sư dạy dỗ và chuẩn bị để có đủ khả năng đảm nhiệm chức vụ cao cả của một vị Tăng Thống. Sự học tập của không phải chỉ về mặt trí dục và đức dục mà thôi, nó còn gồm cả những giai đoạn cao đẳng của pháp môn *Yoga* và sự thực hành môn thiền định. Chương trình giáo dục này được tiếp theo bằng một thời kỳ hoạt động nhập thế, hoàn toàn hiến dâng cuộc đời để phụng sự nhân loại.

Thật là một điều kỳ lạ khi dòng tu này được tiếp tục truyền thừa trải qua nhiều thế kỷ, mà từ trước đến nay, không hề có một vị Tăng Thống nào làm trái với lý tưởng vị tha, giúp đời một cách tuyệt đối trong sạch, cao thượng nhất.

Mani còn kể cho tôi nghe nhiều giai thoại về những quyền năng của Đại đức *Shankara* đời thứ 66 này. Trong những câu chuyện đó, có việc chữa bệnh cho một người bị bệnh tật đã lâu năm: Đại Đức *Shankara* chỉ đơn giản dùng tay xoa đầu bệnh nhân, trong khoảng không đầy ba giờ sau đó, bệnh nhân đã ngồi dậy được, và sau đó ít lâu nữa thì hoàn toàn hết bệnh. Người ta cũng nói rằng ngài đọc được cả những tư tưởng thầm kín của người khác.



Chúng tôi đi vào thành phố *Chingleput* theo một con đường hai bên trồng dừa rợp bóng và cắt ngang qua một hệ thống chằng chịt những con đường nhỏ hẹp, giữa những ngôi nhà quét vôi trắng, nóc đỏ.

Trung tâm thành phố náo nhiệt và đông người. Chúng tôi bước vào một ngôi nhà đang có một nhóm thư ký bận rộn mở và xếp những bức thư chất thành

đống được chuyển đến cho Đại đức sau khi ngài xuất hành từ thị trấn *Kumbakonam* và đi tuần du khắp nơi.

Tôi chờ đợi ngoài một hành lang cho đến khi *Mani* nhắn một người thư ký ra nói rằng Đại đức không thể tiếp khách người Âu. Hơn nữa, đã có hai trăm người xin được gặp ngài, trong số đó có nhiều người đã đến ngủ lại từ đêm trước để đảm bảo sẽ được ngài tiếp kiến. Người thư ký không ngừng xin lỗi. Tôi chấp nhận việc ấy một cách bình tĩnh nhưng *Mani* nhất định không chịu thua. Anh ta cho biết sẽ dựa vào tình quen biết cố cựu với Đại đức để xin cho tôi được vào yết kiến.

Trong đám đông có rất nhiều người khác. Tuy thế, anh ta dùng sự khéo léo ngoại giao để lọt vào trước. Và một lúc sau, anh ta trở ra với một nụ cười đắc thắng: "*Đại đức sẽ đặc cách ban một ngoại lệ cho anh và sẽ tiếp anh trong một giờ nữa.*"

Trong khi chờ đợi, tôi đi bách bộ dọc theo những con đường nhỏ rất ngoạn mục đưa đến một ngôi đền lớn. Tôi gặp vài người giúp việc đang dắt một đoàn voi xám và lạc đà đi uống nước. Có người chỉ cho tôi xem con voi tuyệt đẹp của Đại đức *Shankara*, vẫn thường đưa ngài đi tuần du khắp nơi. Ngài dùng nghi vệ tương xứng với bậc vua chúa. Cái ngai trên lưng voi thếp vàng sáng loáng, lót nệm gấm cũng thêu chỉ vàng rất lộng lẫy. Tôi nhìn theo con voi tiến bước một cách chậm chạp và oai

vệ, dường như nó cũng ý thức được địa vị cao quý của chủ nó.

Tôi nhớ lại rằng theo phong tục Ấn Độ, khi đến viếng thăm một nhân vật đạo đức chân tu, người ta thường mang theo hoa quả bánh trái làm lễ vật ra mắt. Tôi định đi mua quà biếu, nhưng ở quanh vùng chỉ tìm thấy có hai món là hoa và cam, tôi bèn mua luôn cả hai thứ đem về.

Vì có quá đông người chen chúc nhau ngoài cửa ngõ, làm tôi bối rối quên cả một phong tục khác là cởi giày trước khi vào nhà. *Mani* mau mắn nhắc tôi. Tôi bèn cởi giày bỏ ngoài đường, hy vọng rằng đôi giày sẽ còn nguyên ở chỗ cũ khi tôi ra về.

Chúng tôi đi qua dãy hành lang và bước vào một gian phòng lớn. Ở cuối phòng, trong một góc thiếu ánh sáng, tôi nhận thấy có một người đứng khuất trong bóng tối. Tôi bước đến gần, đặt mâm lễ vật một bên và cúi rạp mình làm lễ. Tôi nhận thấy cái nghi lễ giản dị này có một tính cách lịch sự mà tôi rất thích, ngoài ý nghĩa cần thiết cơ bản của nó là để bày tỏ lòng tôn kính.

Tôi biết rằng Đại đức *Shankara* không phải là một vị Giáo hoàng, vì Ấn Độ không có một chức sắc tương tự như thế, nhưng ngài là một vị Giáo chủ và lãnh đạo

tinh thần của một số tín đồ rất đông đảo. Toàn thể dân chúng Ấn Độ miền Nam đều kính cẩn nghiêng mình dưới sự bảo hộ của ngài.

Tôi im lặng nhìn đức Tăng Thống. Ngài có tác người hơi thấp, khoác một bộ áo màu vàng sậm của vị tăng lữ xuất gia và chống gậy tu sĩ. Tôi được biết rằng ngài mới trên bốn mươi tuổi, nhưng tôi ngạc nhiên khi thấy tóc ngài đã điểm bạc.

Ngài có một tác phong cao quí, vẻ mặt khiêm tốn, dịu dàng, đôi mắt lớn đen huyền trông rất đẹp và có vẻ an tịnh khác thường. Mũi ngắn, thẳng và đều đặn, một bộ râu đen hơi ngắn phủ ở trên cằm, đôi môi khép chặt và nghiêm chỉnh. Gương mặt ngài hao hao giống như của một vị thánh Gia Tô thời Trung Cổ.

Người Tây phương có thể cho rằng cặp mắt đen của ngài có vẻ quá mơ mộng, nhưng tôi cảm thấy, bằng một cách khó giải thích, rằng ở sau đôi mắt đó còn có một cái gì khác hơn là những giấc mơ.

Tôi mở lời để bắt đầu câu chuyện:

- Đại đức đã quá hạ cố khi tiếp tôi. Thật rất hân hạnh...

Đại đức *Shankara* quay sang bạn tôi và nói ít lời bằng tiếng bản xứ, nhưng tôi có thể đoán được ý nghĩa. Bạn tôi thông dịch lại:

- Đại đức hiểu được tiếng Anh, nhưng ngài không nói được, và muốn tôi dịch lại những câu trả lời của ngài.

Tôi nói qua về những kinh nghiệm đầu tiên của tôi ở xứ này. Ngài muốn biết những cảm tưởng của một người ngoại quốc về đất nước và con người Ấn Độ. Câu chuyện kéo dài và tôi ngạc nhiên khi biết rằng Đức Tăng Thống thường xuyên đọc các báo chí của Anh quốc và tỏ ra rất am tường thời sự. Tôi chợt nhớ ra rằng Đại đức *Shankara* cũng nổi tiếng là một nhà tiên tri. Tôi bèn hỏi ý kiến ngài về tương lai của thế giới:

- Xin Đại đức cho biết, trong tương lai gần đây thời cuộc thế giới có được khả quan hơn bây giờ hay không?

- Tôi không thấy có sự thay đổi nào trong một ngày gần đây. Đó là một vấn đề thời gian. Làm sao có sự thay đổi tình hình khi mà các nước lớn đều đua nhau võ trang bằng các loại võ khí giết người ngày càng tối tân hơn?

- Nhưng người ta cũng đang bàn cãi rất nhiều về vấn đề kiểm soát và cắt giảm vũ khí. Đại Đức nghĩ sao về vấn đề này?

- Cho dù các anh có tháo gỡ hết những chiến hạm và phá bỏ được những cỗ đại bác thành sắt vụn, điều đó cũng không ngăn cản được chiến tranh. Người ta

sẽ quay sang đánh nhau bằng gậy gộc nếu không còn súng đạn.

- Vậy theo ngài thì phải thế nào?

- Điều cần phải thay đổi chính là phần tinh thần bên trong mỗi con người. Chỉ có sự hòa hợp tinh thần giữa mọi con người và mọi giai cấp xã hội với nhau mới có thể tạo ra được sự tin tưởng lẫn nhau và tái lập hòa bình, tạo nền tảng cho sự thịnh vượng chung.

- Theo khuynh hướng hiện nay thì điều đó chắc hẳn còn lâu lắm. Như vậy phải chăng hiện nay chúng ta có rất ít hy vọng?

Đức Tăng Thống chống một tay lên gậy và nói:

- Không, điều đó còn tùy thuộc vào đức tin của con người. Khi có đức tin, người ta có thể xoay chuyển được toàn bộ vấn đề theo hướng tốt đẹp hơn nhiều.

Tôi bạo gan phản đối:

- Đức tin ư? Nhưng đức tin là một yếu tố rất trừu tượng, trong khi những sức mạnh vật chất hiện nay hầu như đang chế ngự tất cả. Khi những nước lớn luôn dùng sức mạnh để áp chế các nước nhỏ, liệu họ có thể chống lại bằng đức tin hay chăng?

Đại đức giải thích với một giọng dịu dàng:

- Không phải là vấn đề nước lớn và nước nhỏ, mà tất cả mọi con người khi sinh ra đều sẵn có trong lòng một

tình thương, đối với nhân loại cũng như đối với muôn loài. Chính nhờ có tình thương căn bản này mà chắc chắn rồi có lúc họ sẽ sinh khởi được đức tin vào đời sống tinh thần và những sức mạnh tâm linh, thay vì mãi mê chạy theo vật chất.

Tôi không cưỡng lại được một sự mỉa mai cay đắng dâng lên trong lòng tôi khi nghe những lời đầy tự tin và quả quyết này, đến nỗi tôi phải thốt lên:

- Cứ xét theo cách mà nhân loại đang đối xử với nhau hiện nay thì một tình thương sẵn có nơi tất cả mọi con người như ngài nói hẳn phải là rất khó nhận ra. Thú thật, tôi không thể không hoài nghi về tính xác thực của điều đó!

Đức Tăng Thống nhìn tôi một cách lạ lùng. Ngay tức khắc, tôi liền thấy hối tiếc về những nhận xét hấp tấp của mình. Tuy nhiên, ngài vẫn tiếp lời một cách điềm đạm:

- Chỉ cần kiên nhẫn và mở rộng lòng hơn một chút, anh sẽ có được một cái nhìn khác hơn. Ngay cả khi con người đang giành giật đấu đá nhau một cách tàn bạo nhất thì hạt giống tình thương trong sâu thẳm tâm hồn họ vẫn không hề mất đi. Những sự tranh chấp náo loạn giữa các quốc gia, sự đồi trụy tinh thần của đa số, và sự lầm than đau khổ của hàng triệu người

đều không phải là những việc vô cớ xảy ra hoặc do một đấng tối cao nào sắp đặt. Con người phải chịu trách nhiệm về chính việc làm của mình. Điều này đúng một cách chắc chắn cũng như phương Tây các ông tin tưởng vào các định luật vật lý vậy. Vì thế, chính trong sự đau khổ cùng cực mà con người sẽ sớm nhận ra những lỗi lầm của mình. Bằng cách đối diện với khổ đau, con người sẽ nhận ra được rằng chỉ có một con đường duy nhất để thoát khổ là quay về với sự hoàn thiện đời sống đạo đức và tinh thần. Điều này đã được đức Phật chỉ dạy từ cách đây gần hai mươi lăm thế kỷ.

- Như vậy, Đại đức tin rằng sẽ có một trào lưu tư tưởng mới sớm xuất hiện trong tương lai gần đây chăng?

Ngài chỉnh lại câu nói của tôi:

- Không chắc lắm trong tương lai gần đây, nhưng chắc chắn điều đó sẽ xảy ra khi các điều kiện nhân duyên đã có đủ. Lẽ tất nhiên phải là như vậy. Tôi thừa nhận là việc xoa dịu những khổ đau của nhân loại hiện nay đã trở nên vô cùng cấp bách, nhưng bức màn vô minh ám muội của người đời nay lại quá dày đặc, đến nỗi họ tự mình đắm chìm vào khổ đau chẳng khác nào con thiêu thân lao vào ánh đèn. Vì thế, điều cần thiết là phải có những bậc thầy sáng suốt, những vị hướng dẫn tâm linh xuất hiện. Điều này có thể xảy ra vào

khoảng nửa sau của thế kỷ này hoặc muộn lắm cũng là đầu thế kỷ tới.

Tôi hỏi tiếp:

- Phải chăng Đại đức cho rằng con người hiện nay đang càng ngày càng trở nên sa đọa hơn trước?

Ngài đáp một cách khoan dung.

- Không, tôi không nghĩ như thế. Như đã nói, tình thương là hạt giống sẵn có trong mọi con người, cuối cùng rồi cũng sẽ làm cho họ thức tỉnh và quay về với sự hoàn thiện chính mình.

Nghĩ đến những tay bịp bợm, lừa đảo một cách khoa học và quy mô của thời đại này, tôi buột miệng nói ra một cách chua chát:

- Nhưng ở những thành phố Tây phương của chúng tôi đầy dẫy những kẻ bất lương, hành động chẳng khác nào như có quỷ vương ngự trong lòng họ. Tôi rất ngờ rằng hạt giống tình thương mà ngài nói đó có tồn tại được chăng nơi những con người ấy.

- Chúng ta không nên nhìn vấn đề một cách phiến diện và chê trách những người như thế, mà hãy phân tích và tìm hiểu về những hoàn cảnh xã hội đã tạo ra họ. Khi đó, chúng ta mới có thể phán đoán vấn đề một cách khách quan và chính xác hơn. Ông không thấy rằng chính hoàn cảnh xã hội luôn đóng vai trò quan

trọng trong việc đưa đẩy người ta vào con đường tội lỗi hay sao? Dầu ở Đông phương hay Tây phương cũng vậy, môi trường xã hội cần phải tạo ra được những điều kiện tối thiểu cho sự tu tập hoàn thiện của con người. Nói như thế không có nghĩa là phủ nhận sự nỗ lực vươn lên của mỗi cá nhân và đổ lỗi hoàn toàn cho hoàn cảnh xã hội. Hoàn cảnh xã hội cũng là do con người tạo ra. Đó là lý do tôi nhắc đến vai trò của những bậc thầy tâm linh, những nhà lãnh đạo tinh thần mang tầm vóc của thế giới. Chính họ sẽ là những người tiên phong trong việc thay đổi môi trường tâm linh trong toàn xã hội để tạo điều kiện cho sự giải phóng của mỗi cá nhân ra khỏi sự mê mờ, tham lam và sân hận. Sự đam mê vật chất phải được thay thế bằng những hoài bão tinh thần cao cả và lý tưởng tâm linh. Không có phương thuốc mầu nhiệm nào để chữa trị căn bệnh của nhân loại hiện nay ngoài việc quay về với đời sống tâm linh. Những sự khó khăn và đau khổ của các quốc gia trên thế giới hiện nay là những cơn hấp hối sẽ thúc giục đưa đến sự thay đổi nói trên, bởi vì những lời thuyết giảng chân lý sẽ chẳng bao giờ được tiếp nhận khi người ta chưa biết gì về đau khổ.

- Phải chăng Đại đức muốn cho mọi người đều áp dụng những lý tưởng tâm linh, những nguyên lý đạo đức và hoàn thiện tinh thần vào công việc xử thế hằng ngày của họ?

- Đúng vậy, và đó là con đường duy nhất để giảm nhẹ khổ đau cho mỗi người cũng như cho toàn nhân loại. Điều đó cũng không phải khó làm, chỉ cần người ta nhận hiểu được và có được sự tin tưởng vào chính mình cũng như người khác. Và điều đó nhất thiết phải được thực hiện, bởi vì đó là phương tiện duy nhất để đem lại những kết quả lâu bền, mà cứu cánh là sẽ làm thỏa mãn tất cả mọi người. Rõ ràng hiện nay chúng ta còn thiếu những bậc thầy tâm linh có đủ trí tuệ và năng lực để truyền bá ánh sáng chân lý trên khắp thế giới. Nhưng tôi tin rằng trong thời gian tới rồi sẽ có những bậc thầy như thế xuất hiện. Nếu cả thế giới đều nhận thức được và làm theo lời dạy của những bậc thầy tâm linh sáng suốt này thì chắc chắn nhân loại sẽ sớm được sống trong hòa bình và thịnh vượng.

Câu chuyện kéo dài, tôi nhận thấy Đại đức *Shankara* không đưa ra những sự chê bai chỉ trích phương Tây hoặc đề cao phương Đông như nhiều bậc thầy Ấn Độ khác. Ngài nhìn nhận rằng mỗi nền văn hóa đều có những ưu điểm và khuyết điểm. Ngài quan niệm rằng một thế hệ khôn ngoan cần phải biết hòa hợp những ưu điểm của cả hai nền văn minh Đông Tây để hình thành một cơ cấu xã hội mới quân bình, tốt đẹp và cao thượng hơn, dựa trên những tiêu chí đạo đức và tinh thần hơn là những giá trị vật chất.

Tôi chuyển sang một vấn đề khác và xin phép hỏi Ngài một vài câu có tính cách cá nhân. Ngài bằng lòng ngay không chút do dự.

- Đại đức giữ chức vụ này đã được bao lâu?

- Từ năm 1907. Hồi đó, tôi chỉ mới mười hai tuổi. Bốn năm sau khi tôi được chỉ định, tôi lui về sống ở một làng nhỏ trên bờ sông *Cauvery* để học tập và tham thiền, quán tưởng trong ba năm. Sau đó, tôi mới bắt đầu làm những việc công ích.

- Hình như Đại đức ít khi sống thường xuyên tại Tổng hành dinh ở *Kumbakonam*?

- Lý do là vào năm 1918 tôi được Quốc vương xứ *Népal* mời đến làm thượng khách của ngài trong một thời gian. Tôi đã nhận lời và từ đó tôi đi dần lên miền Bắc để đến *Népal*. Nhưng trong những năm đó, tôi không đi xa hơn được vài trăm dặm đường, vì truyền thống của chức vụ này buộc tôi phải dừng lại ở mỗi làng mạc và thành phố trên lộ trình, hoặc ở những thị trấn gần đó nếu có lời mời. Tôi phải thuyết pháp ở tại đền chùa của mỗi địa phương và giảng dụ cho dân chúng quanh vùng.

Khi ấy, tôi mới đề cập đến vấn đề tôi đang đi tìm đạo và đức Tăng Thống hỏi tôi về những người đạo sĩ mà tôi đã gặp. Tôi không dấu giếm gì cả. Tôi nói rằng

tôi muốn gặp một người đạo pháp cao thâm để có thể cho tôi thấy một vài bằng chứng về đời sống tâm linh. Nhiều tu sĩ mà tôi đã gặp khi được yêu cầu chứng minh cụ thể những điều đã nói thì không làm gì được khác hơn là tuôn ra hàng loạt những lý thuyết lưu loát như nước chảy. Hay là tôi đã đòi hỏi một điều quá đáng chăng?

Đức Tăng Thống vuốt chòm râu ngắn của ngài và nói:

- Nếu anh muốn nhập môn khoa *yoga* thì đòi hỏi như vậy không có gì là quá đáng. Tấm lòng chân thành sẽ giúp anh đạt được kết quả mong muốn, vì tôi cảm thấy anh có một ý chí rất mạnh. Nhưng nếu anh chỉ muốn tìm hiểu để thỏa mãn sự tò mò, hiếu kỳ, thì chắc chắn anh sẽ không bao giờ gặp được những điều anh muốn gặp. Ánh sáng của đức tin khi bắt đầu chớm nở nơi anh và sẽ dìu dắt anh thẳng đến mục đích.

- Tôi phải làm gì bây giờ để có được đức tin?

Đức Tăng Thống nhoẻn miệng cười và đáp:

- Hãy tiếp tục công việc tìm kiếm của anh. Hãy nhớ đến những đạo sĩ *yogi* chân chính mà anh đã gặp. Hãy chọn lựa và đặt niềm tin nơi người nào mà anh thấy thích hợp nhất, rồi người đó chắc chắn sẽ dìu dắt anh bước vào cửa đạo.

- Nhưng, bạch Đại Đức, nếu tôi không thấy thích hợp với một người nào cả thì tôi biết phải làm sao.

- Nếu như thế, anh hãy tự mình tu tập cho đến khi nhận thức được ý nghĩa chân thật của đời sống. Anh hãy thực tập pháp tham thiền một cách đều đặn, quán tưởng những điều thanh cao và nuôi dưỡng lòng từ bi. Chính sự tu tập sẽ giúp anh có được một trí tuệ sáng suốt hơn và tạo điều kiện cho anh có nhiều khả năng gặp gỡ được một bậc minh sư. Nên biết rằng, ngay cả khi được sống kề bên một bậc thầy vĩ đại thì những người ngu muội vẫn không có khả năng nhận biết được điều đó. Thời gian tốt nhất dành cho việc tham thiền là buổi sáng sớm khi mặt trời còn chưa lố dạng. Tuy nhiên, nếu anh thực tập thường xuyên thì có thể dành thêm một thời khóa vào buổi tối ngay trước khi đi ngủ. Vào những giờ đó, cảnh vật thiên nhiên đều đắm chìm trong yên lặng, giúp cho sự tham thiền được dễ dàng hơn.

Những lời dạy chân thành và sáng suốt của ngài làm cho tôi cảm động. Tôi bỗng dưng ước ao có được sự an tịnh hoàn toàn như trên gương mặt ngài. Có lẽ ngài không bao giờ biết đến những sự thắc mắc, băn khoăn giống như những thứ đang giày vò tâm trí tôi. Tuân theo một sự thúc giục bên trong còn mạnh hơn cả ý chí, tôi buột miệng hỏi ngài:

- Nếu tôi không tìm được một bậc minh sư thích hợp, ngài có thể thâu nhận tôi làm đệ tử được chăng?

Đức *Shankara* lắc đầu một cách nhẹ nhàng:

- Tôi đứng đầu một cơ quan tinh thần và chịu trách nhiệm chung đối với quá nhiều người, thời giờ không còn là của riêng tôi mà là của chung cho mọi người. Từ nhiều năm nay tôi chỉ ngủ có ba tiếng đồng hồ mỗi đêm. Làm sao có thể thâu nhận đệ tử trong những điều kiện đó? Anh hãy tìm một vị đạo sư có thể dành nhiều thì giờ cho việc dẫn dắt anh. Tôi biết rằng những vị chân sư là rất hiếm có, và một người Âu ít khi có đủ may mắn để gặp được. Nhưng nếu anh thật sự cố công tìm, ắt có ngày anh sẽ gặp.

- Đại đức có thể chỉ dẫn hoặc giới thiệu cho tôi một vài tên tuổi được chăng?

- Cũng được, nếu anh muốn. Tôi biết có hai vị chân sư mà tôi nghĩ là có thể làm cho anh được như ý nguyện. Một vị hiện đang sống ẩn dật tại *Bénarès*, nhưng ít người có may mắn được ông ta tiếp kiến, đừng nói chi đến một người Âu như anh lại càng khó hơn. Tôi có thể giới thiệu anh, nhưng tôi e rằng ông ta sẽ từ chối.

- Còn vị thứ hai?

- Vị này ở tận dưới miền Nam, đi sâu vào nội địa. Tôi chỉ gặp ông ta có một lần, nhưng tôi biết ngay đó

là một bậc chân sư. Ông ta sống tại *Arunachala*, trên ngọn đồi thiêng, trong địa phận tỉnh *Arcot*. Người ta thường gọi ngài là đức *Maharichi*. Anh muốn biết thêm gì nữa không?

Những lời nói đó như đem đến cho tôi một tia sáng. Tôi chợt nhớ lại người khất sĩ áo vàng đã khẩn khoản mời tôi đến viếng thầy ông ta. Tôi không nghe lầm, chính ông ta cũng đã nói đến ngọn đồi thiêng!

- Cám ơn Đại đức. Hiện có một người đã hứa sẽ dẫn đường cho tôi đến đạo viện của đức *Maharichi*.

- Thế sao? Vậy anh có đi chăng?

- Tôi vẫn còn đang do dự. Tôi đã sắp đặt tất cả mọi việc để đi lên miền Bắc.

- Nếu vậy, tôi có một lời yêu cầu anh. Hãy hứa với tôi là sẽ không rời khỏi Ấn Độ trước khi gặp đức *Maharichi*.

Cặp mắt Ngài biểu lộ sự chân thành rõ rệt, làm cho tôi phải hứa ngay không do dự. Một nụ cười đầy hảo ý hiện trên gương mặt Ngài:

- Như vậy anh đừng băn khoăn gì nữa. Điều mà anh đi tìm, nay đã gặp rồi đó.

Lúc ấy, tôi nghe phía ngoài có tiếng ồn ào của đám đông người đã chờ đợi quá lâu. Tôi bèn kiếu từ:

- Tôi e rằng đã quá lạm dụng thời giờ của Đại đức. Xin kính chào Ngài.

Nhưng đức Tăng Thống rất vui vẻ. Ngài tiễn tôi đến tận hành lang và quay lại nói nhỏ điều gì bên tai người bạn tôi. Tôi chợt nghe thoảng có tên tôi trong đó. Ra đến cửa, tôi còn quay lại chào Ngài một lần cuối. Đức Tăng Thống dặn với tôi một câu:

- Anh hãy luôn nhớ đến tôi, và tôi cũng sẽ không quên anh.

Với những lời chứa chan tình cảm đó, tôi từ giã ngài mà lòng đầy lưu luyến với một người đã hiến dâng trọn cuộc đời cho đạo pháp, một người không màng đến danh vọng quyền thế và đã từ bỏ mọi lạc thú trần gian để phụng sự nhân loại. Những gì người ta dâng cúng cho ngài, ngài đều mang ra bố thí tất cả. Hình ảnh một bậc hiền giả như thế chắc chắn sẽ không bao giờ phai mờ trong ký ức của tôi.

Tôi còn lưu lại dạo chơi suốt ngày hôm đó trong thành phố *Chingleput*, vì vẻ cổ kính đã làm cho tôi ưa thích, và còn chiêm ngưỡng đức Tăng Thống một lần cuối cùng trước khi trở về nơi ở.

Tôi gặp lại ngài trong ngôi đền lớn, lúc ngài đang thuyết pháp trước một cử tọa đông đảo gồm đủ mọi

thành phần, mọi lứa tuổi. Giọng nói của ngài vang rền giữa một sự im lặng hoàn toàn, mặc dầu tôi không hiểu được ý nghĩa ngôn ngữ, nhưng tôi thấy rằng tất cả mọi người đều hết lòng chăm chú lắng nghe, từ các nhà bác học *Bà-la-môn* đến những người nông phu thất học. Tôi được biết rằng trong những buổi thuyết pháp dành cho công chúng, ngài luôn trình bày những chân lý sâu xa bằng những lời nói rất giản dị, và chính điều này đã khiến cho ngài trở nên gần gũi và thân thiết với hầu như tất cả mọi tín đồ.

Mặc dầu tôi vô cùng kính phục tâm hồn cao quí của ngài, nhưng tôi lại đâm ra thèm muốn cái đức tin đơn giản của những người ngồi nghe ngài thuyết pháp. Họ không hề biết đến những nỗi giày vò thắc mắc của sự hoài nghi! Họ tin và đặt niềm tin, chỉ có thế thôi! Họ không hề biết đến sự thất vọng não nề cay đắng của một người khi nhìn thấy thế gian như một bãi chiến trường mà không tìm đâu ra những tâm hồn chân thật, cao quý. Dưới sự phân tích khô khan của lý trí, Thượng đế chỉ là một điều không tưởng hư vô, và đời người chỉ là một màn kịch ngẫu nhiên thoáng qua trong vũ trụ mênh mông, không tìm thấy mục đích!

Chúng tôi từ giã *Chingleput* dưới một vòm trời xanh biếc. Một cơn gió mát đưa những ngọn lá dừa dọc hai bên đường lộ, nghe xào xạc trên đỉnh đầu chúng tôi.

Người bạn tôi phá tan cái im lặng đó trước nhất. Anh ta có vẻ rất hài lòng và nói:

- Anh có thể tự hào là tốt số! Đây là lần đầu tiên mà đức Tăng Thống tiếp kiến một văn sĩ người Âu.

- Thật vậy sao?

- Không những thế, từ nay ân huệ của ngài sẽ theo anh mãi mãi.

Khi tôi về đến nhà, đã gần nửa đêm. Lúc ấy, sao mọc đầy trời, một cảnh tượng mà tôi chưa hề thấy ở trời Âu.

Khi tôi vừa bước lên hàng ba trước cửa nhà thì một người từ trong bóng tối hiện ra. Tôi nhìn người ấy và ngạc nhiên hỏi:

- *Subramanya*, anh làm gì ở đây?

Người khất sĩ áo vàng lại nhăn mặt cười - một cái cười đặc biệt mà từ nay tôi đã thấy quen mắt.

- Phải chăng tôi đã hứa sẽ đến nhà ông vào chiều nay?

Trong câu hỏi của anh ta có đượm một vẻ trách móc vì tôi đã không lưu tâm đến điều đó. Tôi liền dịu giọng:

- Thầy anh là đức *Maharichi* đức *Maharichi*, phải không?

- Sao ông biết, ai nói với ông như vậy?

- Điều đó anh không cần biết. Nhưng tôi đã đổi ý. Chúng ta sẽ lên đường vào sáng mai.

- A! Đó là một tin rất vui cho tôi.

- Nhưng tôi chỉ có thể đến viếng thăm đạo viện trong vài ngày thôi, không thể ở lâu...

Đêm đó, người khất sĩ nghỉ tại nhà tôi để chờ hôm sau cùng lên đường. Cũng trong đêm ấy, một chuyện lạ đã xảy ra.

Sau khi đã ngủ mê được một lúc, tôi thình lình tỉnh giấc; đồng hồ dạ quang chỉ đúng ba giờ kém mười lăm phút sáng. Chung quanh trời tối đen như mực. Tôi chợt cảm thấy thần kinh căng thẳng đến tột độ, dường như có một luồng điện trong bầu không khí quanh tôi. Chính trong lúc đó, cặp mắt hé mở, tôi nhìn thấy có một vệt sáng ở dưới chân giường. Tôi giật mình ngồi nhổm dậy để xem cho rõ. Trước hết tôi nhìn thấy cặp mắt của Đức Tăng Thống *Shankara*, rồi dần dần gương mặt và toàn thân ngài hiện ra, đó không phải là một ảo ảnh, vì tôi đã hoàn toàn thức giấc. Tôi nhìn thấy ngài, không phải như một cái bóng ẩn hiện chập chờn, mà là một người thật như bằng xương bằng thịt!

Gương mặt ngài hiện ra trong một vòng hào quang huyền bí như mờ như tỏ. Chính cái hào quang đó tạo ra nơi tôi cảm giác về một vật sáng ở dưới chân giường lúc nãy.

Thật là kỳ lạ! Không thể như vậy được! Vì tôi vừa từ giã đức Tăng Thống ở tỉnh *Chingleput* hồi sớm

mai này! Tôi thử nhắm mắt lại. Hình ảnh đức *Shri Shankara* vẫn còn đó, rõ ràng như khi nãy! Ngài hiện ra như một người bạn lành và che chở. Tôi lại mở mắt ra thì thấy gương mặt ngài hình như cử động, đôi môi mỉm cười và mấp máy như nói với tôi rằng: "*Anh hãy khiêm tốn, rồi anh sẽ gặp!*"

Những lời này tuy không vang lên thành âm thanh nhưng lại hiện rõ trong đầu tôi không khác nào như khi tôi ngồi đối diện và được nghe ngài nói chuyện, nhưng tôi chắc chắn đó không phải là một ảo ảnh, mà quả thật là người đang ở đó và nói chuyện với tôi.

Kế đó, hình ảnh lại biến mất đi một cách bí mật cũng như khi nó hiện ra. Nhưng sự kiện ấy để lại cho tôi một niềm an vui hạnh phúc mà không gì có thể làm mất đi được. Tôi tự hỏi, hình ảnh đó hiện ra với ý nghĩa gì? Nhưng tôi không tự tìm thấy câu trả lời. Nhưng điều đó dường như không gây thắc mắc cho tôi, mà tôi chỉ cảm nhận nhiều nhất là niềm vui mà việc ấy mang lại.

Tôi thức luôn từ lúc đó tới sáng và hồi tưởng lại cuộc gặp gỡ với đức Tăng Thống *Shri Shankara* ở tỉnh *Kumbakonam.* Đạo hạnh và trí tuệ của ngài như vẫn còn soi sáng trong tâm thức đầy mê mờ của tôi, và thắp lên trong đó một tia sáng của niềm hy vọng về một ngày mai tươi sáng trên con đường tầm đạo.

CHƯƠNG 7

NGỌN ĐỒI THIÊNG

Đến ga xe lửa thành phố *Madras*, *Subramanaya* và tôi chuyển sang chuyến xe lửa khác trên đường sắt đi Tích Lan.

Xe lửa chạy nhiều giờ qua những vùng đồi núi và đồng ruộng, phong cảnh thay đổi nhanh chóng. Những ruộng lúa màu xanh lá mạ tiếp theo những ngọn đồi đất đỏ trải dài đến tận chân trời; những vườn dừa cao vút và che bóng mát rượi lại nối tiếp theo sau những cánh đồng xanh tươi với những người nông phu đang cấy lúa hoặc gieo mạ.

Ngồi trên toa xe nhìn ra cửa sổ, bóng hoàng hôn qua mau phút chốc đã làm cho cảnh vật mờ dần và đắm chìm trong bóng tối. Tôi ngẫm nghĩ về những sự việc lạ lùng đã xảy ra từ khi tôi đeo chiếc nhẫn vàng mà *Brama* tặng cho tôi. Tất cả những chương trình của tôi đều bị đảo lộn. Sự phối hợp ngẫu nhiên của những hoàn

cảnh bất ngờ đã thúc đẩy tôi đi xuống miền Nam, thay vì đi lên miền Bắc như tôi đã dự tính. Tôi tự hỏi, phải chăng viên ngọc thạch trên chiếc nhẫn có cái quyền năng kỳ bí mà người đạo sĩ đã tin là có thật?

Mặc dầu tôi cố gắng giữ một thái độ cởi mở, nhưng đối với một người Âu có tinh thần khoa học thì thật khó mà chấp nhận điều đó. Tôi bèn gạt bỏ cái giả thuyết ấy, nhưng tôi vẫn không thể nào dẹp tan được sự lưỡng lự phân vân lởn vởn trong đầu óc. Có một cái gì lạnh lùng bí ẩn đang dìu dắt những bước chân của tôi đi dần đến chốn thâm sơn cùng cốc này. Hai người tu sĩ áo vàng kia phải chăng là những nhân duyên tiền định để hướng dẫn tôi đến nơi đạo viện của đức *Maharichi*?

Có ai ngờ rằng đôi khi những sự việc nhỏ nhặt hình như vô nghĩa lại có thể đóng một vai trò quan trọng trong cuộc đời của một người? Khi đoàn xe lửa đến một nhà ga cách thành phố *Pondichéry* độ bốn mươi dặm, tôi và người khất sĩ cùng xuống tàu và đón một chuyến xe lửa khác để đi sâu vào nội địa.

Đến một nhà ga nhỏ ở đồng quê thì trời vừa hừng sáng. Cách đó vài dặm, một ngọn núi nhô lên ở tận chân trời, rất hùng vĩ nhưng hãy còn khuất dạng trong sương mù ban mai.

Lần theo những tiếng ngáy rất lớn phát ra từ một góc bên cạnh nhà ga, người khất sĩ tìm ra được một người đánh xe còn ngủ mê trên một cỗ xe bò nhỏ. Người khất sĩ bèn đánh thức anh ta dậy và cho anh ta biết rằng chúng tôi muốn đi đến đạo viện của đức *Maharichi*. Điều này dường như kích thích sự sốt sắng của người phu xe, nhưng tôi phải nhìn một cách ngần ngại cái cỗ xe nhỏ hẹp và mảnh khảnh làm bằng tre đặt trên hai bánh. Tuy nhiên chúng tôi cũng lên xe ngồi trong khi người phu xe chất hành lý ở phía sau.

Người khất sĩ cố thu hình vào một góc để choán thật ít chỗ và nhường chỗ rộng hơn cho tôi, còn người phu xe ngồi phía trước, giữa hai con bò, cằm anh ta gục xuống tựa trên hai đầu gối.

Sau khi mọi người đã ngồi xong một cách tạm yên như thế, chiếc xe bắt đầu lăn bánh. Cỗ xe không đi nhanh được bao nhiêu, mặc dầu những cố gắng của hai con bò trắng mập mạp to lớn. Ở xứ này loài bò lại hữu ích hơn ngựa, ít nhất là khi dùng để kéo xe, vì chúng chịu đựng dẻo dai hơn và nuôi chúng ít tốn kém hơn. Đời sống ở các tỉnh nhỏ và thôn quê trong vùng nội địa vẫn trầm trệ, không có tiến bộ nào từ nhiều thế kỷ. Cỗ xe bò này vẫn là loại xe đã từng chở hành khách ở Ấn Độ cách đây trên hai ngàn năm!

Người đánh xe với gương mặt rám nắng rất hãnh diện với cặp bò của anh ta. Những cặp sừng dài của chúng đều có nạm đồ trang sức màu vàng, những chiếc lục lạc bằng đồng buộc vào bốn chân của chúng phát ra tiếng reo vang nghe rất vui tai.

Phong cảnh chung quanh thật ngoạn mục, với những đồi núi nối tiếp nhau đến tận chân trời. Đất màu đỏ, rải rác đó đây những bụi cây rậm rạp và hai bên đường là ruộng lúa xanh tươi một màu lá mạ. Một người nông phu với vẻ mặt gân guốc, da đen sạm, đang bước chân ra đồng làm việc. Một cô thôn nữ Ấn, tay vịn một bình nước bằng đồng đội trên đầu, đi qua một cách dịu dàng, tha thướt. Cô ấy mặc một chiếc *sari* bằng vải màu đỏ sậm, quấn chung quanh mình, vai để trần, trên mũi có gắn một viên ngọc đỏ, cổ tay đeo một cặp neo vàng chiếu sáng lấp lánh dưới ánh nắng mặt trời. Các cô gái ấn miền Nam có nước da sậm, vui vẻ hồn nhiên và thích nói chuyện hơn các thiếu nữ miền Bắc, và giọng nói các cô nghe cũng êm tai hơn.

Cái nhìn ngạc nhiên của cô thôn nữ làm tôi nghĩ rằng sự hiện diện của một người Âu chắc không phải là một việc thông thường ở chốn đồng quê hẻo lánh này.

Cỗ xe chở chúng tôi đã vào thành phố. Thành phố này có vẻ thịnh vượng, với một ngôi đền cổ rất lớn mà những mặt tiền chạy dọc theo nhiều đường lộ. Chúng

tôi đi qua một cổng lớn trước đền. Tôi bảo ngừng xe một lúc và bước xuống để xem phía trong đền.

Ngôi đền này có một kiểu kiến trúc vừa vĩ đại vừa uy nghiêm. Những bức tường phía trong đền làm thành một hình nhiều góc đều nhau khiến tầm mắt của du khách có cảm giác như lạc vào một trận đồ không thấy lối ra. Bốn vách tường rào bên ngoài đã từng chịu đựng sự dãi dầu của thời gian dưới ánh nắng như thiêu đốt của mặt trời vùng nhiệt đới.

Đền có bốn cổng lớn, phía trên mỗi cổng đều có một ngọn tháp nhô lên với vô số những hình trang trí và những hình tượng điêu khắc tiêu biểu cho các vị thần.

Phía trong đền có nhiều tịnh thất nằm rải rác, những dãy hành lang với rất nhiều cột bằng đá chạm trổ tinh vi và chung quanh là những điện thờ đầy vẻ u linh huyền bí, phía trên thờ rất nhiều hình tượng các vị thần của đạo *Bà-la-môn*.

Hai con bò lại tiếp tục kéo cỗ xe đi một cách nhẫn nại, vô tư và một lần nữa lại đưa chúng tôi ngang qua một vùng đồng quê.

Sau khi đã vượt qua khoảng sáu dặm đường, cỗ xe đến gần ngọn núi mà tôi đã nhìn thấy từ nhà ga. Sương mù đã tan dần, ngọn núi với màu đất đỏ và đá nâu như

đứng cô độc giữa ánh sáng trong vắt của buổi sớm mai. Người khất sĩ kêu to, với một giọng dầy hứng khởi và tôn sùng không thể tả được:

- *Arunachala! Ngọn đồi thiêng!*

Tôi hỏi:

- Tại sao gọi đây là ngọn đồi thiêng?

Người khất sĩ cho biết:

- Mỗi năm một lần, vào ngày lễ lớn được cử hành trong đền, người ta đốt một ngọn lửa rất lớn trên đỉnh núi. Ngọn lửa này được đốt lên với rất nhiều bơ và long não, và cháy suốt nhiều ngày, có thể thấy rõ từ khắp những vùng chung quanh ở cách xa đến mấy dặm. Khi ngọn lửa bốc lên thì mọi người ở vùng lân cận đều cúi lạy. Ngọn lửa đó có ý nghĩa nói lên rằng ngọn núi này là một thánh địa linh thiêng được sự che chở của một vị thiên thần.

Chúng tôi đã gần đến nơi. Chiếc xe bò đã rời khỏi đường cái và đi theo một con dường dốc đưa đến một vườn dừa và xoài rất rậm rạp. Qua khỏi vườn cây này là đến cuối con đường, chiếc xe ngừng ngay trước cửa đạo viện. Người phu xe bước xuống dẩy cánh cổng và đưa chúng tôi vào sân.

Đạo viện của đức *Maharichi* nằm dưới chân núi, phía trước có trồng cây và một khoảnh vườn, chung

quanh toàn là những hàng rào bằng cây xương rồng. Bên ngoài hàng rào là những cây rừng và bụi rậm phủ quanh kéo dài đến tận chân trời. Chung quanh không có nhà cửa, xóm làng chi cả. Thật không có chỗ nào hoang liêu, cô tịch hơn, đây hẳn là một nơi lý tưởng cho việc thiền định suy tư.

Đạo viện gồm có một dãy nhà dài bằng gạch, lợp ngói, cất theo kiểu tân thời, và hai túp nhà tranh ở phía bên trái. Trước dãy nhà dài có một hàng ba, và giữa sân có một giếng nước. Một đứa trẻ ở trần, nước da đen sậm, đang kéo một thùng nước từ dưới giếng lên bằng một cái tay quay.

Khi chúng tôi vừa đến thì trong nhà có vài người bước ra sân và trố mắt nhìn một cách ngạc nhiên. Người khất sĩ vừa cười vừa tiến lên và giới thiệu vài câu bằng tiếng *Tamoul*. Tức thì mọi người đều đổi sắc mặt và nhìn tôi mỉm cười vui vẻ. Tôi cảm thấy tôi đã yêu mến ngay những người dân lành chất phác và hồn nhiên đó.

Người khất sĩ bảo tôi:

- Chúng ta hãy vào trong.

Rồi ra hiệu cho tôi đi theo anh ta. Tôi ngừng lại ngoài hàng ba để cởi giày và sắp sửa lại rổ trái cây mà tôi mang theo để làm lễ vật ra mắt vị tôn sư. Hai mươi

cặp mắt đổ dồn vào khi chúng tôi bước vào gian tịnh thất. Họ ngồi xếp bằng theo vòng bán nguyệt trên nền gạch màu đỏ. Cách đó một khoảng, trong góc phòng có một người ngồi trên một chiếc giường gỗ dài lót nệm trắng. Đó là đức *Maharichi*.

Người khất sĩ dẫn đường tiến đến gần giường và cúi xuống lạy, gương mặt úp sát vào giữa hai lòng bàn tay. Gần đó có một cửa sổ lớn chiếu ánh sáng vào vị tôn sư, và tôi quan sát rõ ngài từng chi tiết. Thừa dịp thuận tiện, tôi đến gần cửa sổ đặt mâm trái cây ở dưới chân ngài, và lùi lại một bước.

Đức *Maharichi* lúc đó vào khoảng năm mươi tuổi, tác người cao lớn, nước da ngâm ngâm như đồng bạch, nét mặt đều đặn, tóc hoa râm và cắt ngắn, trán cao và rộng, dấu hiệu của một bộ óc thông minh khác thường. Chiếc giường của ngài ngồi lót nệm trắng, chân ngài đặt trên một tấm da cọp rất đẹp.

Một sự im lặng hoàn toàn ngự trong căn phòng. Đại đức ngồi tỉnh tọa, tuyệt nhiên không cử động. Tôi tự hỏi không biết ngài có thấy chúng tôi đến hay chăng?

Một vị đệ tử nước da sậm tay nắm một sợi dây kéo cái quạt bằng tre treo trên trần nhà ngay trên đầu đức tôn sư để quạt cho ngài. Tôi bèn nhìn thẳng vào mắt tôn sư, hy vọng làm cho ngài chú ý đến tôi. Cặp mắt

Ngài màu nâu sậm, và mở lớn. Không có dấu hiệu gì cho thấy rằng ngài biết có tôi ở đó. Toàn thân ngài yên lặng như một pho tượng. Sự yên lặng đó hẳn là một điều phi thường. Không, ngài không nhìn thấy tôi, vì cặp mắt ngài như đang nhìn vào tận khoảng không huyền bí. Hồi còn ở Âu châu tôi thường tuân theo một nguyên tắc là nhìn trong cặp mắt để đoán biết tâm tính của một người. Nhưng trước cặp mắt của đức *Maharihi*, tôi như đi lạc hướng và không hiểu được gì cả.

Giờ phút trôi qua một cách chậm chạp. Kim đồng hồ treo tường đã chỉ quá nửa giờ, rồi một giờ, nhưng không một ai cử động, cũng không ai nói năng gì cả. Tôi tập trung hết nhãn lực vào vị tôn sư đang ngồi tĩnh tọa trên giường. Mâm lễ vật của tôi vẫn còn y nguyên trên chiếc bàn nhỏ, không ai để ý đến. Người dẫn đường cho tôi không cho tôi biết trước rằng tôi sẽ được đón tiếp một cách khác thường như thế, nghĩa là không được ngài chú ý đến. Dù cho ngài không nói, tôi cũng hiểu rằng ngài đang nhập định. Tôi bỗng có một ý tưởng thoáng qua: "*Ngài nhập định phải chăng là để làm cho tâm trí vắng lặng trống không?*" Nhưng rốt cuộc tôi cũng gạt bỏ ý tưởng đó, vì tôi không thể trả lời được.

Dầu sao, có một cái gì ở trong người của đức tôn sư đang hấp dẫn tôi như đá nam châm hút sắt! Tôi hoàn

toàn bị thu hút và không thể nào quay mặt nhìn sang chỗ khác. Sự ngạc nhiên của tôi lúc ban đầu cùng sự băn khoăn của tôi đã tiêu tan và dần nhường chỗ cho một sự hấp dẫn say mê lạ lùng và mãnh liệt.

Hai tiếng đồng hồ đã trôi qua kể từ khi tôi bước vào. Tôi bắt đầu nhận thấy có một sự thay đổi huyền diệu đang diễn ra trong người tôi mà tôi không sao chống lại được. Những câu hỏi mà tôi sắp đặt một cách công phu, tỉ mỉ từ lúc còn trên xe lửa để chất vấn ngài, giờ đây biến đi đâu mất cả. Tôi không màng đưa ra những câu hỏi đó nữa, cũng không màng đến sự giải đáp những thắc mắc vẫn giày vò tôi từ bao lâu nay. Tôi chỉ biết là một niềm an tịnh vô biên đang xâm chiếm lấy tôi, cũng như nó đang tràn ngập bầu không khí trong gian phòng này. Tâm hồn tôi, trí não tôi, từ lâu nay bị giày vò, căng thẳng bởi sự độc đoán của tư tưởng, biện luận, suy tư, có lẽ đến nay mới được nghỉ ngơi đôi chút. Những câu hỏi mà tôi đã chuẩn bị một cách rất công phu để hỏi ngài, nay tôi bỗng nhận thấy nó thật tầm thường, vô vị làm sao! Tôi nhận thấy rằng trí não chúng ta tự tạo ra những thắc mắc, khó khăn, để rồi sau đó tự giày vò một cách vô ích để mong tìm ra sự giải đáp. Nay tôi đã tự thả trôi theo sự nghỉ ngơi và an tịnh một cách tuyệt diệu đến nỗi hai giờ đồng hồ trôi qua mà tôi không cảm thấy bực dọc hay khó chịu chút nào.

Tuy nhiên, dần dần những câu hỏi mới được khởi lên:

- Sự an lạc tuyệt vời vừa tràn ngập trong lòng tôi đó đã từ đâu đến? Hay là được tỏa ra từ người của đức tôn sư, cũng như hương thơm tỏa ra từ một đóa hoa?

Tôi không thể trả lời câu hỏi này, nhưng tôi biết rõ những phản ứng của tôi. Tôi biết rằng niềm an tịnh thiêng liêng xâm chiếm tâm hồn tôi lúc đó là do đức *Maharichi* tạo nên. Ngài tạo ra điều đó bằng cách nào? Bởi sự an tịnh tự nhiên và tuyệt đối mà bản thân ngài đã đạt được và truyền sang người khác, hay bởi một sức mạnh tâm thức kỳ bí tương quan nào đó mà tôi chưa được biết?

Tuy nhiên, ngài vẫn ngồi đó, hoàn toàn bất động, hình như không hay biết chi cả về sự có mặt của tôi. Chung quanh, bầu không khí vẫn hoàn toàn im lặng như tờ. Trên mặt hồ phẳng lặng đó, một hơi thở nhẹ đã gợi lên một gợn sóng nhỏ. Đó là khi có người bước lại gần và nói nhỏ vào tai tôi:

- Ông muốn hỏi đức tôn sư điều chi chăng?

Người bạn đồng cảnh của tôi đã mất kiên nhẫn rồi chăng? Hay là anh ta tưởng rằng tôi đã không còn đủ kiên nhẫn để chờ đợi lâu hơn nữa?

Quả thật, tôi đã lên đường đến đây với ý định chất vấn tôn sư, nhưng giờ đây tôi đã có được sự an ổn với

thế gian và an ổn với chính tôi, thì tại sao tôi phải bận rộn giày vò tâm trí với những câu hỏi vô nghĩa ấy để làm gì? Trong sự an tịnh hồn nhiên mà tôi vừa bỗng nhiên bất ngờ có được, tôi không còn muốn khuấy động tâm hồn mình vì bất cứ lý do nào nữa cả.

Tuy nhiên, cái gợn sóng nhỏ mà người bạn tôi đã gieo trên mặt hồ phẳng lặng bằng câu hỏi vừa rồi đó cũng đủ để làm gián đoạn cái giờ phút thiêng liêng ấy. Và dường như đó là một dấu hiệu đã được trông đợi từ lâu, chung quanh tôi mọi người liền đứng dậy, và những tiếng nói xôn xao bắt đầu vọng vào tai tôi, và kìa, hai mí mắt của đức *Maharichi* đã chớp chớp vài lần. Ngài quay mặt về phía góc phòng, và trong giây phút tôi đã lọt vào tầm mắt của Ngài. Ngài vừa ra khỏi một cơn đại định.

Có lẽ người bạn đồng hành của tôi tưởng rằng sở dĩ tôi không trả lời là vì tôi không nghe rõ, bèn lặp lại câu hỏi của anh ta lớn giọng hơn trước. Nhưng trong cặp mắt sáng dịu hiền của tôn sư nhìn vào tôi lúc đó, tôi đọc được một câu hỏi khác hơn của ngài:

- Anh còn nghi ngờ gì nữa chăng, sau khi anh vừa có được cảm giác yên tịnh thâm trầm của tâm hồn? Tôi đã giúp anh cũng như tất cả những người kia có được điều đó.

Quả thật, niềm an tịnh vô biên đó vẫn còn tràn ngập trong lòng tôi. Tôi bèn quay lại người khất sĩ và đáp:

- Không, bây giờ tôi không muốn hỏi gì cả. Thôi, hãy để khi khác...

Tuy nhiên, tôi cảm thấy rằng sự có mặt của tôi trong phòng làm cho nhiều người ngạc nhiên. Không phải đức *Maharichi*, mà là những người đang nói chuyện huyên thuyên ở chung quanh tôi. Người bạn đồng hành của tôi cho biết, một vài người trong số đó là những đệ tử, nhưng đa số còn lại chỉ là những du khách viếng thăm đạo viện.

Subramanya giới thiệu tôi với mọi người. Anh ta nói bằng tiếng *Tamoul* với một giọng sôi nổi hào hứng và rất nhiều điệu bộ. Chắc anh ta đã tô vẻ thêm ít nhiều sự kiện, vì những lời của anh ta được tiếp đón bằng những tiếng kêu ngạc nhiên của nhiều người trong bọn.

Bữa cơm trưa vừa xong. Mặt trời vùng nhiệt đới làm cho mực thủy ngân trong hàn thử biểu nhảy vọt lên cao. Tuy thế, tôi thấy đời sống ở đây có vẻ hồn nhiên dễ chịu, vì tôi có thể tiếp xúc với đức *Maharichi* bằng cách mà tôi ưa thích, nghĩa là bằng cách tham dự sinh hoạt hằng ngày của ngài một cách tự nhiên và không kiểu cách.

Chiều hôm ấy, tôi trở lại gian tịnh thất của đức tôn sư và ngồi cạnh dưới chân ngài. Ngài ngồi dựa bên một chiếc gối lớn, một tiểu đồng cầm sợi dây kéo cái quạt treo trên trần nhà để quạt cho ngài như thường lệ. Đức *Maharichi* cầm trong tay một quyển vở, và viết một cách rất chăm chú.

Một lúc sau, ngài đặt quyển vở sang một bên và gọi một vị đệ tử đến gần, rồi nói với anh ta vài câu bằng tiếng *Tamoul*. Người đệ tử đến gần tôi và nói tôn sư rất tiếc rằng tôi không thể dùng bữa chung với những người trong đạo viện, vì họ chưa từng tiếp khách người Âu nên họ không biết rõ cách ăn uống của tôi ra sao. Tôi bèn cám ơn tôn sư và nói rằng tôi sẵn lòng dùng cơm với họ, nếu có thiếu món gì tôi có thể mua thêm ở chợ gần bên. Tôi nói thêm rằng, đó chỉ là một vấn đề phụ, và tôi đến đây với một mục đích quan trọng hơn.

Tôn sư chăm chú nghe tôi và với một vẻ mặt thản nhiên, ngài nói:

- Đó là một mục đích rất đáng khen.

Câu nói của ngài làm tôi hứng chí và nói tiếp theo:

- Bạch tôn sư, tôi đã từng tham khảo triết học và khoa học Âu Tây. Tôi đã từng chen vai thích cánh với người đời, tham dự những công việc của thế gian,

hưởng những thú vui trần tục và đã từng để cho những tham vọng của người đời lôi cuốn. Nhưng những điều đó không làm cho tôi quên lãng mục đích tu hành. Tôi đã học hỏi với những bậc hiền triết Tây phương. Bây giờ, tôi phải nhìn về phương Đông để tìm ánh sáng.

Đức *Maharichi* hơi gật đầu, như muốn nói rằng: "*Tôi hiểu.*" Tôi nói tiếp:

- Tôi đã nghe qua nhiều lý thuyết, đọc rất nhiều sách vở, nhưng không có gì làm cho tôi được thỏa mãn. Chỉ có kinh nghiệm bản thân mới có thể mang đến cho tôi đức tin. Thưa ngài, tôi xin thú thật là từ trước đến nay tôi chưa có cái mà người ta gọi là sự tín ngưỡng. Tôi luôn hoài nghi về việc ngoài sự sống của thể xác hữu hình còn có một cái gì khác nữa. Bởi nếu có tôi cũng không làm sao biết được.

Những người đệ tử ngồi quanh đó nghe nói đều trố mắt im lặng vì ngạc nhiên. Tôi tự hỏi không biết tôi có vi phạm vào qui luật nào trong đạo viện hay xúc phạm đến tôn sư vì nói ra những điều thật lòng đó hay chăng? Nhưng không sao, cho dù có điểm nào trong những lời tôi nói là quá đáng hay xúc phạm, thì sự dồn nén của nhiều năm chờ đợi và thất vọng đã khiến tôi vẫn phải thốt ra thành lời, không kiềm lại được nữa. Nếu đức *Maharichi* là người mà tôi tin tưởng, thì ngài

hẳn sẽ vượt lên trên những thói tục thường tình và cảm thông được tấm lòng chân thật của tôi.

Trong khi tôi chờ đợi, ngài không trả lời và dường như đang theo đuổi dòng tư tưởng của riêng ngài. Phần tôi, cảm thấy vẫn chưa nói hết những gì chất chứa trong lòng, tôi lại nói tiếp:

- Các nhà bác học Âu Tây thú nhận rằng họ không biết gì cả về những vấn đề siêu hình. Nhưng tôi nghe rằng ở phương Đông có những người trả lời được những điều mà khoa học Âu Tây bất lực không giải thích được. Tôi muốn biết có phải đúng như vậy hay không? Và tôn sư có thể giúp tôi tìm thấy ánh sáng tâm linh hay chăng?

Bằng một loạt những câu hỏi như thế, tôi đã đi ngay vào trọng tâm vấn đề và chỉ còn chờ đợi câu trả lời. Nhưng đức tôn sư vẫn tiếp tục nhìn tôi. Tôi tự hỏi: "*Hay là ngài đang suy nghĩ về các câu hỏi của tôi chăng?*"

Mười phút trôi qua, đôi môi của ngài mới bắt đầu cử động. Và ngài nói với một giọng rất dịu dàng:

- Anh vừa nói là "*Tôi muốn biết*", vậy cái "*tôi*" đó là gì?

Lần này ngài nói thẳng với tôi bằng tiếng Anh, không cần thông ngôn. Tôi lấy làm bối rối vì không thật sự hiểu được ngài muốn nói gì. Tôi nói bằng một giọng yếu ớt:

- Thưa ngài, quả thật tôi chưa hiểu.

- Câu hỏi của tôi không đủ rõ ràng sao? Anh hãy suy nghĩ đi.

Tôi suy nghĩ, rồi lấy tay chỉ vào chính mình và tự xưng danh. Ngài lại hỏi tiếp:

- Anh có thật sự biết được anh là ai chăng?

Tôi cười và đáp:

- Tất nhiên, tôi không thể không rõ biết chính mình.

- Kỳ thật, cái "*tôi*" mà anh biết đó chỉ là cái thể xác mà thôi, nhưng đâu phải tất cả chỉ có vậy? Tôi lặp lại câu hỏi: "*Anh là ai?*" Anh có thật sự biết được điều đó chăng?

Làm sao trả lời được một câu hỏi lạ kỳ như vậy? Tôi lặng thinh. Đức *Maharichi* nói tiếp:

- Anh hãy cố suy gẫm về điều đó. Chỉ cần rõ biết được cái "*tôi*" đó là gì, anh sẽ rõ biết được chân lý.

Tâm trí tôi như hoang mang lạc hướng, và tôi không dấu được sự ngạc nhiên. Tôn Sư quay lại nói vài lời với người thông ngôn. Người này dịch lại cho tôi như sau:

- Anh chỉ cần làm một việc duy nhất: Hãy nhìn vào nội tâm. Nếu anh làm được như vậy, anh sẽ tìm thấy sự giải đáp cho mọi vấn đề.

- Nhưng tôi phải làm sao để nhìn vào nội tâm?

- Anh hãy suy gẫm về những gì mà hiện nay anh gọi là cái "*tôi*" để thấy được tính chất giả hợp và không thường tồn của nó. Trong toàn bộ thân thể của anh, hãy xét kỹ xem cái "*tôi*" đang nằm ở chỗ nào? Nếu anh cho rằng nó nằm trong bộ não của anh, liệu anh có thể tách biệt bộ não ấy ra để làm thành một con người riêng biệt được chăng? Và nếu anh gọi cả thân xác đó là cái "*tôi*", liệu anh có thật sự làm chủ được nó hay chăng? Anh có tùy ý quyết định được sự sống hay chết, khỏe mạnh hay bệnh tật, khoan khoái dễ chịu hay mệt nhọc uể oải... của cái "*tôi*" đó hay chăng? Hay tất cả đều xảy ra chỉ như những sự kiện ngoài ý muốn của anh? Và nếu quả thật là như vậy, thì dựa vào đâu để anh gọi thân thể đó là "*của tôi*"? Sự tham thiền quán tưởng liên tục không gián đoạn sẽ giúp anh soi rọi vào vấn đề một cách sáng suốt và khách quan, loại bỏ được những định kiến từ lâu đời. Đó là con đường đi đến chân lý.

- Tôi cũng đã từng suy gẫm về những điều đó mà không thấy tiến bộ chút nào.

- Làm sao anh nhận biết được? Sự tiến bộ trên địa hạt tâm linh không phải dễ gì nhận biết được như trên địa hạt vật chất. Sự suy gẫm hay quán xét về những điều này cũng không phải là một công việc có thể hoàn tất trong nhất thời.

- Trong sự thiền định quán xét nội tâm như ngài vừa nói, có cần phải có một bậc thầy hay không?

- Thầy dạy là cần thiết, nhưng chỉ là để giúp trên phương diện dẫn dắt mà thôi. Còn sự thiền định tự nó phải là một vấn đề kinh nghiệm bản thân.

- Nếu có thầy dìu dắt, phải mất bao lâu mới tìm thấy ánh sáng chân lý?

- Điều đó tùy nơi mỗi người. Hoàn cảnh tu tập và năng lực nhận thức cũng như sự nỗ lực của mỗi cá nhân không hoàn toàn giống nhau.

Tôi có cảm giác hình như tôn sư không thích bàn suông trên lý thuyết về những vấn đề phương pháp hay kết quả tu tập. Tôi liền chuyển đề tài hỏi sang chuyện khác:

- Thế giới đang trải qua những cơn khủng hoảng trầm trọng. Xin tôn sư dạy cho biết tương lai của nhân loại sẽ ra sau?

- Anh đừng lo về tương lai khi chưa hiểu được gì về hiện tại. Hãy chú ý thực hiện tốt những gì trong hiện tại, rồi tương lai sẽ tự nó được hoàn thiện hơn.

Đây cũng lại là một câu khó hiểu nữa! Nhưng lần này tôi không chịu bỏ qua một cách dễ dàng, vì tôi tự

nghĩ rằng tôi đang sống giữa cõi thế gian với những sự đau khổ đè nặng lên vai nhiều hơn là ở nơi đạo viện êm đềm ẩn sâu trong rừng thẳm. Vì thế, tôi tiếp tục hỏi:

- Dù sao đi nữa, xin tôn sư hãy cho biết là trong tương lai gần đây thế giới sẽ bước vào một thời kỳ hòa bình và tương trợ hay sẽ rơi vào một tình trạng hỗn loạn?

Đức *Maharichi* mỉm cười một cách dễ dãi:

- Hòa bình hay hỗn loạn không phải là sự sắp xếp tự nhiên của định mệnh hay được tạo ra bởi riêng một số người. Vấn đề của nhân loại là do toàn thể nhân loại quyết định, ngay cả khi trong nhân loại có được những vị lãnh tụ kiệt xuất thì họ cũng không tự mình quyết định được tất cả mọi việc. Điều đó phụ thuộc vào tất cả mọi người, trong đó có anh và có tôi. Nếu chúng ta mong muốn một sự bình an cho toàn thế giới, chúng ta nhất thiết phải kiến tạo được sự bình an ngay trong nội tâm mình cũng như cho những người quanh ta. Vì thế, đây không phải là vấn đề của một lời tiên tri theo như cách anh đang nghĩ, mà là việc có liên quan đến sự nỗ lực hoàn thiện của tất cả mọi người.

- Tuy nhiên, lịch sử đã từng cho thấy là vận mệnh của mỗi quốc gia hay của cả toàn thế giới rất nhiều khi phụ thuộc vào sự dẫn dắt của những bậc lãnh tụ

thiên tài. Hơn nữa, nếu là trong lãnh vực tâm linh hay đời sống tinh thần, lẽ nào có thể nói điều đó là không đúng?

Nhưng lập luận của tôi cũng không đẩy vấn đề tiến thêm được bao nhiêu, vì đức *Maharichi* đã nhoẻn miệng cười và thản nhiên đáp ngay:

- Đó lại là một vấn đề hoàn toàn khác. Sự dẫn dắt không có nghĩa là quyết định hoàn toàn vấn đề. Như người đệ tử của tôi đã thực sự dẫn đường cho anh đến đây, nhưng điều đó không có nghĩa là anh ta giữ vai trò quyết định. Vấn đề nằm ở ý muốn và sự nỗ lực của chính bản thân anh.

Đến đây thì tôi hiểu ra được phần nào. Tôi chợt nhớ lại và cảm thấy buồn cười về cách nghĩ của chính mình từ trước khi lên đường sang Ấn Độ: Tôi luôn tưởng rằng chỉ cần gặp được một bậc minh sư là có thể giải quyết được tất cả mọi vấn đề!

Đức *Maharichi* như hiểu thấu những suy nghĩ của tôi, ngài nói tiếp:

- Con người như thế nào sẽ tạo ra một thế giới tương ứng như thế ấy. Người đi tìm chân lý tuy mở rộng lòng thương yêu tất cả mọi người nhưng không có nghĩa là ôm đồm tất cả mọi việc về phần mình. Thương yêu giúp

đỡ người khác không có nghĩa là quyết định mọi việc thay cho họ, vì đó không những là điều vô ích mà còn là điều không thể thực hiện. Anh không cần phải âu lo cho những vấn đề của thế giới đó và phí công vô ích với việc cứu vớt nhân loại. Mỗi người chỉ có thể tự cứu vớt chính mình bằng sự tu tập vươn lên hoàn thiện bản thân, nhưng thông qua đó anh ta mang đến sự lợi lạc cho cả những người quanh mình và nói rộng ra nữa là cả toàn thế giới. Ngược lại, nếu anh hướng ra bên ngoài để thực hiện cái công việc gọi là "cứu vớt cả thế giới", bản thân anh sẽ chẳng được lợi ích gì vì mãi mãi vẫn chìm đắm trong mê lầm và đau khổ, và do đó rốt cuộc cũng chẳng giúp ích được gì cho người khác. Anh hãy tìm chân lý tự nơi chính mình, rồi anh sẽ thấy chân lý cũng hiện hữu ở khắp cõi thế gian quanh mình.

Gian phòng lại im lặng. Người tiểu đồng tiến đến chỗ lư hương và đốt thêm một cây nhang. Đức *Maharichi*, sau khi nhìn một làn khói xanh bay lên nghi ngút, bèn cầm lại quyền vở của ngài và chăm chú viết tiếp. Tôi liền hiểu rằng ngài tiếp chuyện với tôi như thế đã đủ.

Nhưng sự thản nhiên đó làm cho tôi có cảm giác như bị một gáo nước lạnh. Tôi còn ngồi nán thêm khoảng mười lăm phút, nhưng tôi thấy rõ là đức tôn sư không muốn nói chuyện nữa. Tôi không thể làm gì khác hơn được nữa, đành phải đứng dậy và chắp tay kiếu từ.



Tối hôm ấy, khi chúng tôi lại bước vào gian tịnh thất và ngồi xuống sàn gạch thì hình như cái yên lặng của cảnh vật thiên nhiên cũng đã xâm chiếm cả đạo viện và thấm nhuần cả bầu không khí chung quanh.

Số người đến tham dự mỗi buổi chiều vẫn ngồi vòng quanh theo hình bán nguyệt như thường lệ, nhưng không ai thốt ra một lời nào, tất cả đều cố giữ im lặng.

Đức *Maharichi* vẫn ngồi trên giường, hai chân xếp bằng, hai bàn tay để trên hai đầu gối. Gương mặt ngài nghiêm trang nhưng vẫn tỏ ra giản dị và khiêm tốn, cặp mắt của ngài như chỉ nhìn về một điểm duy nhất ở phía tường đối diện. Cái nhìn không chớp mắt đó đối với tôi là một sự bí hiểm. Nó tập trung vào một điểm ở ngoại cảnh hay chỉ là một sự định tĩnh trong nội tâm và không liên quan gì đến bên ngoài?

Luồng khói hương trầm bay lên và tỏa mùi thơm khắp phòng. Tôi thử nhìn thẳng vào cặp mắt đang định thần của ngài, nhưng chỉ vài phút sau mắt tôi đã phải nhắm lại. Tôi đắm chìm trong một cơn mơ màng, như tỉnh như mơ, giữa cái êm như ru của bầu không khí êm ái và huyền diệu ở chung quanh. Trong giây lát, tâm

hồn tôi trở nên trống rỗng và bắt đầu bước vào thế giới huyền ảo của tâm thức...

Tôi sống trở lại hồn nhiên như một đứa bé năm tuổi. Tôi trèo lên một trong những con đường mòn dốc đứng chạy quanh co theo ngọn núi đá đỏ ngoài đạo viện. Tay tôi nắm lấy bàn tay đức *Maharichi*, nhưng vì ngài cao lớn hơn tôi bội phần nên tôi thấy mình hết sức bé nhỏ.

Chúng tôi cùng đi ra khỏi đạo viện, mặc dầu trời đã tối. Ngài dắt tay tôi đi một cách vững vàng. Trăng sao dần dần ló dạng và chiếu xuống một thứ ánh sáng mờ nhạt. Tôi nhận thấy đức *Maharichi* luôn chú ý dắt tôi tránh khỏi những lỗ hang, hầm hố, và những tảng đá lớn nhô lên ở phía trên đầu, dường như sẵn sàng đè bẹp chúng tôi.

Ngọn núi cao, đường dốc đứng, che khuất trong hang núi hoặc các bụi rậm là những động đá của các nhà tu sĩ, rải rác dọc theo con đường mòn chúng tôi đi. Những tu sĩ này bước ra chào khi chúng tôi đi ngang qua động đá của họ, và mặc dầu họ chỉ ẩn hiện mờ ảo dưới ánh trăng mờ, tôi cũng nhận ra rất nhiều hạng đạo sĩ *yogi*.

Chúng tôi tiến bước không ngừng cho tới khi lên đến đỉnh núi. Tại đây, chúng tôi dừng bước và lòng tôi chờ đợi một sự gì quan trọng sắp tới.

Đức *Maharichi* nhìn tôi, và tôi ngước mặt lên nhìn ngài. Ngay khi đó, tôi cảm thấy một sự thay đổi huyền diệu đang diễn ra trong người tôi. Những quan niệm và những lẽ sống trước kia nay không còn nữa. Những tham vọng và dục tình từ lâu dẫn dắt cuộc đời tôi nay đã biến mất. Những sự đố kỵ, hiểu lầm, lãnh đạm, ích kỷ luôn đi kèm với mọi sự giao tế của tôi với những người trần gian nay bỗng chốc tiêu tan. Một niềm an vui khôn tả xâm chiếm cõi lòng tôi và tôi biết rằng không còn có một sự việc gì ở trên đời đáng để cho tôi ước muốn hơn nữa.

Khi đó, đức *Maharichi* bảo tôi nhìn xuống dưới chân đồi. Tôi vâng lời và bỗng nhìn thấy thế giới Tây phương hiện ra dưới chân tôi. Những đám đông hỗn độn gồm nhiều dân tộc trà trộn lẫn nhau dưới một bức màn vô minh hắc ám, che phủ cả tinh thần lẫn vật chất. Đức tôn sư nói với tôi:

- Khi con trở về với họ ở trời Âu, con sẽ giữ mãi được niềm an tịnh này trong lòng con. Nhờ đó, con sẽ gạt bỏ được cái ý tưởng cho rằng con người chỉ là một thể xác, một bộ óc nhất định và riêng biệt. Khi con nhận thấy nguồn an vui tràn ngập cõi lòng, con đã hướng cuộc đời con về với ánh sáng chân lý...

Khi tôi thức tỉnh và hãy còn bàng hoàng về giấc mộng thiêng liêng đó thì hai mắt tôi gặp phải hai mắt

của Tôn Sư. Tôi không lầm, gương mặt ngài lúc ấy đang quay về phía tôi, và chính ngài đang nhìn tôi. Có một ý nghĩa thâm sâu nào ẩn giấu sau giấc mơ kỳ diệu vừa rồi? Những ước mơ, những dục vọng, những nỗi đắng cay của cuộc sống thế tục, tất cả đều tiêu tan như mây khói. Một trạng thái thản nhiên đối với chính bản thân và một lòng nhân ái sâu xa đối với tất cả mọi con người hãy còn lưu lại trong lòng tôi sau khi thức tỉnh. Làm sao giải thích được điều này?

Tuy nhiên, tôi cảm thấy rằng cái ấn tượng đó chỉ tồn tại trong một lúc chứ không kéo dài. Nó đẹp quá, lý tưởng quá, nên chưa phải dành cho tôi trong lúc này. Tôi trở lại với những suy nghĩ về thực tại. Tôi ngồi tại đây đã bao lâu rồi? Nhìn quanh, tôi thấy mọi người đã đứng dậy và sửa soạn đi ngủ. Tôi cũng phải đi ngủ chứ, nhưng không khí trong phòng nóng bức vì thiếu gió nên tôi phải ra nằm ngủ ngoài sân.

Một vị đệ tử vóc người vạm vỡ, có chòm râu xám bạc, cầm đến cho tôi một cây đèn lồng và dặn tôi hãy để đèn cháy suốt đêm, vì sợ các thứ rắn độc hoặc thú dữ xâm nhập lúc ban đêm. Để đèn sáng, chúng sẽ sợ không dám đến gần.

Nằm dưới đất không có nệm lót tôi thấy khó ngủ. Nhưng tôi không thấy buồn, tôi có đủ đề tài để suy gẫm suốt đêm nay, vì tôi tin rằng rốt cuộc thì tôi cũng

đã gặp được người mà tôi tìm kiếm bấy lâu nay. Một người lạ lùng, huyền bí nhất mà những nhân duyên chằng chịt trong quá khứ đã đưa đẩy khiến ngài bước vào đời tôi.

Tôi có cảm giác như đang đứng trước một giai đoạn rất quyết liệt của cuộc đời mình, nhưng chưa biết chắc chuyện gì sẽ xảy ra. Đó chắc chắn là một cái gì thuộc về lãnh vực tâm linh, hoàn toàn vượt xa những âu lo trăn trở tầm thường của thế giới vật chất phàm tục.

Tâm trí tôi vẫn còn nhớ đến giấc mộng kỳ ảo vừa qua, và tim tôi hồi hộp đập mạnh trước một sự gì huyền diệu mà tôi linh cảm là sắp đến, tuy chưa rõ rệt, nhưng chắc hẳn phải là thâm thúy vô cùng.

Trong những ngày kế đó, tôi tìm cách tiếp xúc với đức *Maharichi* nhưng không có kết quả. Ngẫm nghĩ về điều này, tôi nhận thấy có ba lý do. Trước hết, đó có thể là bản tính dè dặt tự nhiên của ngài, ngài không thích thảo luận, bàn cãi và hoàn toàn thản nhiên trước mọi sự tin tưởng hay ý kiến đúng sai của người đời. Có lẽ ngài không màng đến việc hoán cải bất cứ một người nào, và cũng không hề có ý muốn nhận thêm đệ tử. Lý do thứ hai có vẻ lạ lùng, nhưng tôi cảm thấy rõ rệt. Từ ngày tôi trải qua giấc mộng huyền linh đó, mỗi lần đến trước mặt tôn sư tôi đều cảm thấy một sự tôn kính thiêng liêng. Những câu hỏi mà tôi định đưa ra chất

vấn ngài đều im bặt. Tôi cho rằng thật là một điều xúc phạm khi muốn thảo luận một cách ngang hàng với một người đã đạt tới một trình độ siêu phàm như thế. Lý do thứ ba giản dị hơn. Trong tịnh thất lúc nào cũng có người, và tôi không thích phô bày trước người khác những điều thầm kín nhất của lòng mình. Dầu sao, đối với những người ấy thì tôi chỉ là một người ngoại quốc. Sự bất đồng ngôn ngữ không quan hệ, nhưng cái óc hoài nghi đặc biệt của người Âu, sự hoàn toàn thiếu hẳn niềm tin tôn giáo trong việc trình bày ý kiến của tôi có thể làm phật ý nhiều người. Bởi đó, mỗi lần tôi muốn nói thì một trong ba lý do trên đây ngăn trở tôi và bắt tôi phải im lặng.

Lúc đầu, tôi chỉ định viếng thăm đạo viện trong hai ngày cuối tuần, nhưng nay thì cả một tuần lễ đã trôi qua. Tôi tự hỏi, cuộc đàm luận đầu tiên của tôi với đức *Maharichi* phải chăng cũng là buổi nói chuyện cuối cùng? Ngoại trừ một vài câu nói xã giao thường lệ, một vài tiếng chào hỏi thoáng qua, tôi và tôn sư, cả hai đều dè dặt không ai mở lời trước.

Rồi mười lăm ngày đã trôi qua, và ngày tôi càng cảm thấy một cách đậm đà thâm sâu hơn những ảnh hưởng tốt lành của niềm an tịnh thiêng liêng bao trùm khắp cả đạo viện này, thậm chí đến cả bầu không khí tôi đang hít thở tại đây.

Ngày cuối cùng đã đến mà tôi không tiến đến gần đức *Maharichi* thêm được một bước nào. Trong thời gian ở tại đạo viện, tôi cảm thấy có khi vui khi buồn, một trạng thái không ổn định làm cho tôi thất vọng. Tôi cảm thấy chán nản, phần nhiều những người ở đây đối với tôi lại ngôn ngữ bất đồng và có sự cách biệt từ phương diện bên ngoài lẫn cả bên trong. Làm sao hy vọng có một sự thông cảm giữa tôi với họ được? Tôi nghĩ đến đức tôn sư cũng như con chim đại bàng bay cao vút trên chín tầng mây bạc, và nhận xét về đời người bằng một quan điểm cao siêu đến nỗi tôi không sao hiểu được.

Lẽ tất nhiên ngài không giống như mọi người. Ngài không còn rơi vào những được thua còn mất trong sự bon chen của cuộc đời thế tục như chúng ta. Ngài chẳng khác nào ngọn núi trơ trọi, độc nhất, nhô lên thật cao ở phía sau đạo viện, hoặc như cụm rừng xanh bao la trải rộng đến tận chân trời, hoặc như vòm trời cao vòi vọi không thể đo lường. Một cái gì vô hình và huyền diệu của ngọn đồi thiêng kia hẳn là có liên quan đến tâm thức siêu phàm của đức *Maharichi*. Người ta nói rằng ngài ở tại đây đã ba mươi năm nay và không bao giờ rời khỏi ngọn núi ấy dầu chỉ trong một ngày. Một sự liên đới chặt chẽ như thế hẳn phải có ảnh hưởng nhất định nào đó đối với sự tu tập của ngài.

Đức *Maharichi* yêu ngọn đồi thiêng của ngài, và có người đã dịch lại cho tôi một vài câu thơ rất hay và cảm động do chính tay ngài viết để biểu lộ tình yêu đó. Cũng như ngọn núi thiêng một mình tách ra khỏi khu rừng rậm rạp và nhô lên trời cao, đức *Maharichi* vươn mình vượt khỏi đám đông người của thế gian tục lụy, và sự cao cả của ngài cũng có thể xem là độc nhất vô nhị. Một mình Ngài đã vượt lên phía trước, và vô số người khác đều yếu đuối hơn, không thể theo kịp ngài.

Cho tới nay, tôi chỉ mới gặt hái được một niềm an vui tự tại trong buổi hội kiến ban đầu, và một giấc mơ huyền diệu chói rạng như một ngôi sao trong ký ức của tôi. Thời gian trôi qua, trong mười lăm ngày ở đạo viện tôi chỉ mới có được một cuộc hội đàm đáng kể với đức tôn sư! Gương mặt nghiêm nghị của ngài cũng đủ làm cho tôi lánh bước không dám lại gần.

Tôi tự nghĩ, thật không sao ngờ đến một sự tiếp đón như thế sau khi tôi được nghe biết những triển vọng tươi sáng về đời sống ở đạo viện từ người bạn khất sĩ đã dẫn đường cho tôi. Tuy nhiên, chính đức *Maharichi*, chứ không phải ai khác, là người mà tôi muốn tiếp kiến lần nữa để được nghe những lời vàng ngọc của ngài, vì tôi quả quyết một cách chắc chắn rằng trong những người mà tôi đã gặp thì đức *Maharichi* là người duy nhất đã giải quyết được các bài toán khó khăn của cuộc

đời, và không có một sự đau khổ nào ở thế gian có thể gây tác động đến ngài được nữa.

Tôi đã tìm cách gặp ngài một lần nữa. Tôi đi tìm người đệ tử kỳ cựu nhất, người đã có nhiều thiện cảm với tôi ngay từ buổi đầu, và nói cho anh ta biết rằng tôi muốn được hội kiến một lần cuối cùng với đức tôn sư, nhưng không dám xin ngài một cách trực tiếp. Vị đệ tử liền thông cảm và mỉm cười. Anh ta liền bước đi ngay và chỉ một lát sau đã trở lại ngay với câu trả lời:

- Đức *Maharichi* rất vui lòng tiếp kiến ông.

Tôi bèn trở lại chỗ ngồi trong gian tịnh thất, gần kế bên giường ngài. Đức tôn sư quay lại nhìn tôi và làm cho tôi cảm thấy thoải mải tự nhiên hơn bằng cách nghiêng đầu chào một cách rất lịch sự. Không muốn bỏ lỡ cơ hội, tôi hỏi ngay:

- Bạch thầy, những nhà đạo sĩ *yogi* nói rằng muốn tìm chân lý người ta phải từ bỏ thế gian và sống ẩn dật trong chốn rừng sâu núi thẳm. Ở các xứ Tây phương, đó là một việc gần như không thể làm được, vì cách sinh hoạt của chúng tôi khác hẳn. Tôn sư có đồng ý với quan điểm đó chăng?

Đức *Maharichi* trả lời thông qua sự phiên dịch của một đệ tử, một người *Bà-la-môn* rất có lễ độ:

- Sự từ bỏ cuộc đời hoạt động của thế gian không hẳn là tối cần thiết mà chỉ có thể xem như một lựa

chọn tốt hơn mà thôi. Anh hãy tham thiền một giờ hoặc hai giờ mỗi ngày trong khi vẫn tiếp tục những công việc hằng ngày của anh. Khi anh biết thiền định đúng cách, anh sẽ tự tạo ra một nguồn sinh hoạt tâm linh thấm nhuần ảnh hưởng đến công việc hằng ngày. Nói một cách khác, sự hoạt động hằng ngày của anh sẽ tiếp diễn trong một bầu không khí tâm linh do công phu tu tập tham thiền tạo nên.

- Kết quả đó cụ thể như thế nào?

- Kinh nghiệm sẽ giúp anh nhận ra rằng những quan niệm của anh về cuộc đời hoặc về nhân tâm, thế sự... đều dần dần thay đổi.

- Như vậy, phải chăng ý kiến của ngài là khác biệt với những người yogi về điểm này?

Tôn sư không muốn trả lời trực tiếp về điểm đó. Ngài nói:

- Chính sự ích kỷ làm cho con người bị trói buộc với thế gian. Con người phải tự mình giải thoát khỏi sự ích kỷ đó. Sự buông bỏ thật sự chính là sự buông xả cái "*tôi*" nhỏ nhoi và chật hẹp. Quan niệm sai lầm về cái "*tôi*" giả hợp này chính là cội nguồn của tất cả những sai lầm khác. Cái bản ngã mà anh đang hết lòng ôm giữ và vun bồi, bảo vệ đó vốn chỉ là một điều hư vọng và giả dối.

- Nhưng làm sao có thể từ bỏ sự ích kỷ khi người ta vẫn còn phải sống giữa thế gian?

- Đó là một quan điểm sai lầm, vì thật ra vốn không hề có sự mâu thuẫn giữa đời sống thế gian và sự minh triết.

- Phải chăng tôn sư muốn nói rằng người ta vẫn có thể tiếp tục công việc của mình ở thế gian và đạt được sự minh triết?

- Tại sao không? Nhưng trong trường hợp đó, không phải cái bản ngã nhỏ hẹp của con người tiếp tục được nuôi dưỡng vun đắp trong sự sinh hoạt hằng ngày nữa, vì tâm thức của người ấy đã dần dần phát triển và nhận ra được bản chất thật sự của mọi vấn đề. Trong sự thành tựu những công phu tu tập trên lãnh vực tâm linh, hành giả thấy được bản thể tự tánh của mình vốn là sáng suốt và hòa nhập với sự sống của toàn vũ trụ, nên không còn ôm giữ lấy cái tự ngã nhỏ nhen giả tạo, mà mở rộng nhận thức vượt ra ngoài mọi định kiến hay khái niệm trói buộc thường tình, đạt đến trạng thái hòa nhập với đại thể được gọi là chân ngã, hay tự tánh chân thật.

- Tôi thấy điều đó có nhiều khó khăn, vì sự sinh hoạt hằng ngày thường chiếm hết thời gian khiến cho người ta không có thời gian để tham thiền?

Đức *Maharichi* biểu lộ ngay sự không đồng tình với nhận xét đó:

- Việc dành thời gian riêng cho sự tham thiền chỉ là một khởi điểm ban đầu. Khi đã có sự tiến bộ ít nhiều trên đường tu tập, hành giả sẽ thấy sự an lạc luôn luôn hiện hữu trong cuộc sống của mình, ngay cả khi anh ta đang bận rộn công việc. Nói cách khác, công phu tu tập không còn giới hạn trong thời gian ngồi thiền, mà được thực hiện với tất cả thời gian trong ngày. Trong khi làm việc, tâm thức người ấy vẫn không rời khỏi trạng thái an định và quán chiếu sáng suốt.

- Nhưng phải chăng điều đó không phải là pháp môn *Yoga* nữa?

- Người *yogi* cố gắng hướng tâm thức của anh ta về mục đích của mình, cũng ví như kẻ chăn bò cố gắng lùa con bò đi trước mặt anh ta. Một người chăn bò khôn ngoan hơn sẽ đi trước và dụ dỗ con bò theo sau mình bằng một nắm rơm.

Tôi thật sự hoang mang với câu trả lời ẩn dụ này:

- Ý của tôn sư là thế nào?

- Anh hãy tự đặt câu hỏi: "*Tôi là ai?*" Sự suy xét và tìm kiếm này sẽ giúp anh khám phá, xuyên qua những hang ngách của tâm thức tất cả những gì ẩn giấu đằng

sau tâm trí của con người. Khi anh giải quyết được vấn đề căn bản này, anh sẽ giải quyết được tất cả những vấn đề khác.

Tôi cố tìm hiểu câu nói đó. Nhìn qua cửa sổ, tôi thấy ở đằng xa ngọn đồi thiêng phơi mình dưới ánh nắng ban mai. Đức *Maharichi* nói tiếp:

- Tôi sẽ nói rõ hơn. Tất cả mọi chúng sinh đều đi tìm hạnh phúc, một hạnh phúc thật sự mà họ có thể nắm lấy được và không bao giờ dứt mất. Cái bản năng đó rất chính đáng. Có điều là, khi mưu cầu hạnh phúc thì họ bao giờ cũng tự lo cho bản thân mình trước nhất.

- Như vậy có gì là sai trái?

- Điều đó gắn liền với sự ích kỷ mà tôi đã nói đến. Vì muốn đạt được hạnh phúc, mỗi người luôn phải chọn cho mình một phương tiện. Có người chọn cuộc sống hưởng thụ hoặc rượu chè be bét, có người lao vào đời sống ái dục với những cuộc tình liên miên nối nhau không dứt... Lại có những người khác chọn cách đi theo con đường tín ngưỡng, tôn giáo. Anh thấy đó, bản tánh con người là như thế, và tùy theo phương tiện họ đã chọn mà dẫn đến việc họ có mưu cầu được hạnh phúc thật sự hay không. Vấn đề ở đây là hầu hết mọi người đều sai lầm, ngay cả một số người khi đi theo tôn giáo nhưng thiếu sự sáng suốt cần thiết. Họ vẫn có thể mê

muội và uổng phí cuộc đời vì không thật sự đạt đến giải thoát.

- Bạch thầy, dường như tôi chưa thực sự hiểu rõ...

Ngài nói tiếp:

- Bản tánh chân thật của con người không phụ thuộc vào ngoại cảnh. Trở về với cái tự tánh thanh tịnh đó chính là hạnh phúc chân thật. Như vậy, hạnh phúc chân thật là một cái gì vốn sẵn có trong tự tánh thanh tịnh, không cần phải tìm kiếm ở đâu xa. Do vô minh che lấp, người ta không nhận ra được sự thật vốn rất rõ ràng đó, nên thay vì chỉ cần nhận biết và tận hưởng hạnh phúc sẵn có nơi mình, họ lại điên cuồng lao vào cuộc tìm kiếm một cách vô ý thức, kết quả chỉ là tạo thêm vô số những khổ đau chồng chất cho chính bản thân và cho cả mọi người chung quanh. Chân ngã vốn là bất diệt, nên việc nhận thức được nó cũng đồng nghĩa với việc tìm thấy một hạnh phúc chân thật và thường tồn mãi mãi.

- Nhưng sự thật là có biết bao nhiêu sự đau khổ cùng cực trên thế gian này, trong khi mọi người ai cũng sẵn có cái tự tánh thanh tịnh mà ngài nói đó! Điều này phải giải thích thế nào?

- Đó cũng là lẽ đương nhiên thôi, vì người thế gian không hề biết đến cái bản tánh chân thật mà họ sẵn

có. Tuy nhiên, tất cả mọi người, dầu có ý thức được điều đó hay không, cũng đều đang khắc khoải đi tìm hạnh phúc. Họ chỉ khác nhau ở cách lựa chọn phương tiện của mình, như tôi đã giải thích ban nãy.

- Ngài muốn nói là kể cả những kẻ khốn cùng, những kẻ tàn bạo, sát nhân...?

- Đúng vậy, những kẻ lầm lạc ấy chỉ là vì họ tưởng rằng có thể tìm thấy hạnh phúc bằng cách lao vào tội lỗi. Động cơ của họ vẫn là thuận theo tự nhiên, nhưng cách làm của họ là sai lệch, thế thôi. Sự thôi thúc tìm kiếm hạnh phúc là do bản năng thúc đẩy, nhưng vì họ đã sai lầm chọn thực hiện điều đó bằng những hành vi bất chính nên không thể có được kết quả như mong muốn. Mặt khác, sự sai lầm của họ là rất là tai hại, cho những người khác cũng như cho chính bản thân họ, vì con người gieo nhân thế nào thì phải gặt quả thế ấy. Những quả xấu đó sẽ tiếp tục xô đẩy họ vào con đường tội lỗi, mãi mãi không thể thoát ra.

- Như vậy, phải chăng khi chúng ta nhận biết được tự tánh thanh tịnh của mình thì chúng ta sẽ đạt được hạnh phúc chân thật?

Tôn sư gật đầu đáp:

- Đúng vậy. Do nhận thức sai lầm mà con người tìm kiếm hạnh phúc theo cách sai lầm. Cũng do nhận thức

sai lầm mà con người sinh khởi các tâm niệm tham lam, sân hận và si mê. Một khi đã nhận biết được tự tánh thanh tịnh, thấu rõ được bản chất thật sự của sự sống, thì mọi sự tham muốn sai lầm, mọi tập khí hung hăng, mê muội cũng sẽ tự nhiên dứt sạch. Khi ấy, niềm hạnh phúc an vui thực sự sẽ đến với con người mà không cần thêm bất cứ một điều kiện nào khác.

Tôi bất chợt nhớ đến trạng thái an lạc mà tôi đã được trải qua trong giấc mơ kỳ diệu. Quả thật, bây giờ tôi mới hiểu được niềm vui sướng nhẹ nhàng thanh thoát đó là do đâu mà có. Đó là vì tâm thức tôi trong một lúc nhất thời đã buông bỏ được hết mọi ý niệm tham lam, đố kỵ và những tư tưởng xấu xa khác. Tôi cảm thấy vui mừng không sao kể xiết. Đột nhiên tôi thấy được vấn đề hóa ra lại vô cùng đơn giản!

Xuyên qua cửa sổ, một tia nắng chiếu vào gương mặt đức *Maharichi*. Vầng trán ngài biểu lộ sự an tịnh bên trong, đôi mắt ngài phản chiếu một sự an lạc tuyệt vời. Không có gì trong phong thái của ngài tương phản với những lời ngài nói. Những lời nói của ngài có bao hàm điều gì sâu xa khác hơn là cái ý nghĩa dường như quá đơn giản đó chăng?

Người thông ngôn đã dịch lại đúng nguyên văn những lời nói, nhưng ngoài ra còn có cái gì sâu xa hơn

nữa mà anh ta không thể chuyển dịch chăng? Nếu có, điều đó hẳn là chính tôi phải tự khám phá lấy.

Đức tôn sư không thuyết giảng như một triết gia, hoặc một nhà hùng biện, mà ngài nói ra bằng chính những kinh nghiệm tự thân trải qua nhờ vào sự tu tập. Tôi tự hỏi, những kinh nghiệm quý báu đó là của riêng ngài hay là chung cho tất cả mọi người? Tôi hỏi:

- Để đạt được nhận thức đúng đắn về bản ngã có phải là một quá trình tu tập và quán chiếu khó khăn, lâu dài lắm chăng? Hay đó là một sự thực hành dễ dàng?

- Có thể nói là rất dễ, nhưng cũng có thể nói là rất khó. Vì sao vậy? Giống như có người lạc lối trong khu rừng giữa đêm tối. Nếu may mắn thắp lên được một ngọn đuốc để soi đường thì lập tức nhận ra con đường mòn ở sát ngay bên cạnh mình, và theo đó thoát ra khỏi rừng một cách dễ dàng. Tuy nhiên, nếu anh ta không có được ngọn đuốc soi đường đó thì việc thoát ra khỏi khu rừng trong đêm tối lại trở nên cực kỳ khó khăn, thậm chí là không thể làm được. Cũng vậy, sự quán xét nội tâm có thể đưa hành giả quay ngược lại tiến trình mê lầm từ vô thủy đến nay, nhận ra được tự tánh thanh của chính mình. Đó chính là ngọn đuốc trí tuệ soi đường. Nhưng nếu không làm được điều đó, người ta sẽ mãi mãi phải dò dẫm bước đi trong đêm tối,

mãi mãi không có hy vọng thoát ra khỏi lưới vô minh dày đặc của thế gian.

- Nhưng nếu phủ nhận "cái tôi" hiện nay là giả tạm, không thật, thì con người thật sự còn lại cái gì? Phải chăng sẽ rơi vào một trạng thái không có ý thức độc lập, hay hoàn toàn vô thức chăng?

- Không đúng vậy. Bản chất của thực tại vốn không thay đổi, chỉ có nhận thức của con người là thay đổi, vì còn có mê lầm. Khi con người buông bỏ được sự trói buộc vào một cái tôi nhỏ hẹp, anh ta không phải đánh mất chính mình mà là nhận ra được tự tánh thanh tịnh vốn có của mình. Điều này cũng giống như người thức giấc sau một giấc mộng, anh ta không thể nói rằng mình đã mất tất cả những gì vừa nhìn thấy trong mộng. Sự thật là anh ta đã tìm được trạng thái tâm thức chân thật, và những gì được nhận biết trong trạng thái tỉnh thức đó mới là chân thật. Thông thường, một người còn đang trong trạng thái mộng thì không thực sự nhận biết được mình đang nằm mộng. Đó chính là sự mê lầm của người thế gian. Một trí tuệ sáng suốt có được do sự nhận biết tự tánh thanh tịnh vốn có cũng chính là bản tính chân thật của con người.

- Nhưng ý thức sai lầm về một cái tôi giả tạm phải chăng cũng từ nơi bản tánh chân thật đó mà ra?

- Đúng vậy, cũng như người nằm mộng không hề đánh mất con người thật của anh ta, chỉ là không nhận biết mà thôi. Vì thế, quá trình tu tập thật ra không phải trừ bỏ sự mê lầm mà là chuyển hóa nó trở thành trí tuệ sáng suốt. Bản chất thật sự của mê lầm cũng chính là trí tuệ, cũng như bản chất thật sự của khổ đau chính là giải thoát.

Đức tôn sư nói tiếp:

- Ngày nào con người chưa nhận ra được tự tánh thanh tịnh của chính mình thì sự nghi ngờ, mê muội sẽ vẫn còn ngự trị trong tâm thức. Các bậc vua chúa của thế gian luôn tưởng rằng họ đang cai trị muôn dân, nhưng nếu biết tự xét mình thì họ sẽ nhận ra rằng họ thậm chí chưa từng khuất phục được chính mình. Quyền năng và sức mạnh thật sự chính là ở chỗ biết điều phục chính mình, vì chỉ có điều đó mới đưa ta đến sự giải thoát hay hạnh phúc chân thật. Các nhà bác học Âu Tây cặm cụi suốt đời để sưu tầm học hỏi và hiểu biết, nhưng vẫn phải cúi đầu im lặng khi người ta hỏi họ đã giải quyết được các vấn đề bí hiểm của đời người, và đã tự biết mình hay chưa? Như vậy, tìm biết về những sự vật bên ngoài phỏng có ích gì, nếu chúng ta không biết gì cả về sự diễn biến trong nội tâm của chính mình và không biết được "*ta*" thực sự là ai? Chúng ta thường tránh né không muốn nghĩ đến điều

đó, vì thấy nó có vẻ như rất mơ hồ, khó nắm bắt. Tuy nhiên, sự thật là không có sự học hỏi nào khác đáng cho chúng ta chú trọng hơn điều đó.

- Phải chăng đối với những con người bình thường thì đây là một công việc rất khó khăn, hầu như là quá sức, vì trải qua nhiều thế kỷ mà không có mấy ai đạt được điều đó?

Câu hỏi của tôi làm cho ngài hơi nhún vai:

- Mỗi người đều phải tự nỗ lực rồi mới biết. Sự khó khăn không phải là quá lớn lao như anh tưởng. Và sự thật là anh chỉ nhìn thấy vô số người mê lầm chứ không hề nhận biết được những ai đã đạt được giải thoát. Vì thế, sự so sánh anh vừa nêu ra là hoàn toàn không có căn cứ.

- Nhưng bạch thầy, đối với người Âu Tây chúng tôi, luôn năng động và thực tế, thì một yêu cầu quán xét nội tâm như thế quả thật là...

Tôi còn do dự, không biết phải kết thúc câu nói ra sao thì ngài đã hiểu được ý tôi và nói ngay:

- Sự nhận thức chân lý là như nhau ở tất cả mọi con người, dầu cho người Ấn hay người Âu cũng vậy. Tôi thừa nhận điều đó không dễ dàng đối với những người còn liên quan đến những hoạt động giữa thế gian, nhưng trong trường hợp nào cũng vậy, với sự nỗ

lực thì người ta vẫn có thể thành công. Điều cần thiết là phải biết thực hành công phu tham thiền như một phương tiện hiệu quả nhất để hoàn thiện tâm thức, phải duy trì sự thực hành cho được thường xuyên, biến nó trở thành một thói quen và nhờ đó ngày càng hoàn thiện công phu thực hành của chính mình. Khi anh suy ngẫm nghĩ về câu hỏi: "*Tôi là ai?*" Khi anh bắt đầu hiểu rằng cái xác thân này, hay những dục vọng, những niệm tưởng xấu xa... đều không phải thật sự là "*tôi*", thì chừng đó anh sẽ có một nhận thức chính xác hơn về chính mình. Do đó, câu trả lời sẽ xuất hiện từ những chỗ thâm sâu cùng tột của bản thể, nó sẽ hiện ra như một phần thưởng cho công phu thực hành thâm trầm và sâu sắc của hành giả. Anh hãy tự biết mình, và chân lý sẽ tự nó chói sáng trong tâm hồn anh ánh sáng mặt trời. Tâm thức anh sẽ tìm thấy sự an tịnh, một nguồn an lạc vô biên sẽ tràn ngập lòng anh, bởi vì nhận thức được tự tánh thanh tịnh chính là tìm thấy được hạnh phúc chân thật. Tất cả những sự nghi ngờ của anh sẽ tiêu tan khi anh đạt tới sự trực nhận được tự tánh thanh tịnh của chính bản thân mình.

Nói đến dây, đức tôn sư quay đầu lại và nhìn thẳng về một điểm ở đằng xa, ở phía tường đối diện. Tôi hiểu rằng cuộc đàm thoại đã chấm dứt, và ngài nói như thế đã đủ. Tôi cũng lấy làm hài lòng vì đã được tiếp kiến ngài thêm một lần nữa.

Thời gian thấm thoắt trôi qua, và ngày chia tay đức tôn sư đã đến. Chiều hôm ấy, tôi bước vào gian tịnh thất, hai giờ trước khi cỗ xe bò đến để đưa tôi lên đường từ giã đạo viện êm đềm giữa chốn rừng hoang u tịch này.

Không khí trong phòng phảng phất mùi hương trầm thơm ngát. Đức *Maharichi* ngồi bán già trên bộ ván gỗ, chăm chú nhìn tôi, không nói một lời. Tôi nhận thấy bên cạnh ngài có một vò nước bằng đất nung và cây gậy trúc. Đó là tất cả vật sở hữu của ngài trên mặt đất! Đó là câu trả lời hùng biện nhất cho thấy sự vô nghĩa của cái bản năng chiếm hữu, sự khao khát vật chất của người thế gian.

Bỗng nhiên đôi mắt mở lớn của ngài lại như hướng về một cõi xa xăm vô thức, toàn thân ngài trở nên ngay ngắn và bất động như pho tượng, đầu ngài hơi lắc nhẹ vài cái trước khi ngừng hẳn. Chỉ trong vài phút, tôi biết đức *Maharichi* đã đi vào trạng thái đại định.

Có người bước lại bên tôi và kề tai nói nhỏ:

- Đức *Maharichi* đang nhập định. Chúng ta không nên nói chuyện.

Chung quanh đó mọi người đều im lặng. Sự im lặng càng trở nên sâu lắng hơn khi giờ phút trôi qua. Tôi tự thả mình trôi theo một sự sùng kính thiêng liêng đang

xâm chiếm lòng tôi một cách không sao cưỡng lại được, khác nào như con ong bị hấp dẫn bởi hương hoa. Một sức mạnh vô hình, huyền bí phảng phất trong không khí của gian phòng, và tôi không còn nghi ngờ gì nữa rằng sức mạnh đó chính là từ nơi đức *Maharichi* tỏa ra.

Đôi mắt ngài bỗng chiếu sáng một cách đặc biệt. Tôi cảm thấy trong tôi có những cảm giác thay đổi lạ lùng. Cặp mắt sáng rực như tia lửa của ngài dường như đang soi thấu vào những chỗ bí ẩn nhất của tâm hồn tôi. Tôi nhận biết rằng ngài đã nhìn thấy rõ hết tất cả những gì trong tôi: tư tưởng, tình cảm, dục vọng... và tôi hoàn toàn bất lực trước quyền năng của ngài.

Trước hết tôi cảm thấy khó chịu, vì tôi biết rằng không có gì trong cuộc đời dĩ vãng của tôi mà ngài không nhìn thấy, và tôi không thể dấu giếm, che đậy cuộc đời quá khứ của tôi, nhưng tôi cảm thấy một cách mơ màng rằng sự quan sát tỉ mỉ đó sẽ có nhiều ích lợi cho tôi trong tương lai. Cứ như vậy, tất cả những sự yếu đuối lầm lạc của tôi trong dĩ vãng, tất cả những ưu điểm và khuyết điểm của tôi đều hiển hiện rõ ràng trước cặp mắt của ngài. Nhưng đồng thời, tôi cũng được an tâm, vì như thế chắc ngài cũng sẽ thấy cả tấm lòng mộ đạo của tôi, đã thúc giục tôi từ giã quê hương, gia đình, lánh xa cuộc đời phồn hoa tục lụy và lao mình vào chốn rừng sâu núi thẳm để tìm đến với ngài.

Dần dần tôi cảm giác được rõ ràng sự giao cảm giữa đôi mắt định thần của ngài và cái nhìn non nớt của tôi. Sự giao cảm đó như mời mọc tâm hồn tôi hãy cùng chia sẻ cái trạng thái an tịnh vô biên của ngài. Sự an tịnh lạ lùng đó cũng đi kèm với một cái cảm giác nhẹ nhàng lâng lâng và khoan khoái tuyệt vời không có gì sánh kịp.

Thời gian dường như ngừng lại. Tâm hồn tôi đã trút được cái gánh nặng của những điều thắc mắc ưu phiền. Dường như kể từ nay tôi đã vĩnh viễn được che chở, không còn bị chi phối bởi những nỗi đắng cay của sự thất bại và nỗi đau buồn của những dục vọng không được thỏa mãn. Tôi nhận định một cách sâu sắc rằng có một bản năng tự nhiên luôn thúc giục con người vươn lên hoàn thiện và nuôi mầm hy vọng ngay trong sự tuyệt vọng. Chính cái bản năng đó đã nâng đỡ con người trong những giờ phút tối tăm đau khổ nhất và là một bản năng không bao giờ lầm lạc, vì nó vốn thuộc về bản tánh tự nhiên của con người.

Trong sự im lặng tuyệt vời của những thời khắc đó, đồng hồ như ngừng chạy, thời gian như ngừng trôi, và những đau khổ, lầm lạc của quá khứ như đã lùi về đúng chỗ của nó, toàn thân tâm tôi dường như đã hòa hợp làm một với đức tôn sư, dường như tôi đã cảm nhận được sự an ổn trong thân tâm đến mức chưa từng

có, và cái nhìn sáng rực của ngài có năng lực kỳ diệu như một chiếc đũa thần giúp tôi có thể tự mình thoáng thấy một cảnh giới siêu linh đầy những sự huy hoàng huyền diệu bất ngờ.

Đã bao lần tôi lấy làm ngạc nhiên khi thấy những đệ tử của ngài trong nhiều năm sống tại đạo viện, hằng ngày đến ngồi dưới chân đức tôn sư mà chẳng được nghe bao nhiêu lời dạy bảo, nhưng vẫn tự hài lòng với cuộc đời trầm lặng như thế, không có một sự hoạt động nào bên ngoài để tạo ra sự phấn khích hay giải trí. Bây giờ tôi mới bắt đầu hiểu được một cách trực tiếp, do kinh nghiệm cá nhân của tôi, rằng mỗi ngày trôi qua được ở bên cạnh đức tôn sư đều đem lại cho họ một phần thưởng tuyệt diệu.

Sau nhiều giờ ngồi tĩnh tâm trong gian phòng im lặng như tờ, bắt đầu có người lẳng lặng đứng dậy và rón rén nhẹ bước đi ra. Một người khác cũng đứng dậy, rồi một người khác nữa. Rồi trong giây lát, chỉ còn lại một mình tôi ngồi đối diện với đức *Maharichi*.

Khi đó, kỳ lạ thay, đôi mắt của ngài bắt đầu chuyển động. Ngài đang thu tầm mắt lại giữa đôi mi hé mở. Tôi bỗng cảm thấy dường như thân mình tôi trở nên nhẹ nhàng và cùng với ngài bay bổng lên trong không gian vô tận. Đó là một giờ phút quyết liệt. Nhưng tôi

đã do dự, và sau cùng tôi phải gián đoạn trước tiên cái giây phút huyền diệu đó, và tức khắc tôi đã trở về với thể xác của tôi.

Cả tôn sư và tôi, không ai nói một lời nào. Tôi bèn thu thập tinh thần, nhìn đồng hồ trên vách và lẳng lặng đứng dậy. Giờ lên đường đã sắp đến. Tôi cúi đầu từ giã đức tôn sư, Ngài cũng nghiêng đầu đáp lại. Tôi thốt ra vài lời cám ơn, ngài nhận lãnh mà không nói gì. Tôi còn do dự từng bước chân trên ngưỡng cửa thì bên ngoài tiếng reo của chiếc lục lạc đồng trên cỗ xe bò đã vọng đến tai tôi, và tôi chắp hai tay lại một lần cuối cùng để chào tạm biệt. Chúng tôi đã từ biệt nhau như thế đó.

CHƯƠNG 8

TU SĨ VÀ THUẬT SĨ

Tôi đã có dịp nhận định rằng các nhà tu sĩ ở Ấn Độ gồm nhiều thành phần vô cùng phức tạp. Trong số đó, phần nhiều là những người tốt và vô hại, mặc dầu họ có vẻ như rất nghèo nàn về phương diện quyền năng hay minh triết. Có một số gồm cả những người thất bại trên đường đời hoặc là những người lười biếng không muốn làm việc cực nhọc thể xác. Một trong những người ấy đã có lần đến gần tôi để xin tiền.

Đầu tóc rối nùi, thân thể bôi tro và bộ mặt bất hảo làm cho anh ta có một hình dáng bề ngoài ghê tởm. Tôi bèn cưỡng lại sự đường đột của anh ta để thử xem kết quả ra sao. Sự chống cự của tôi càng làm cho anh ta đeo lấy tôi như đỉa đói. Sau cùng, anh ta thử dùng một chiến thuật mới bằng cách gạ bán cho tôi xâu chuỗi bồ đề của anh ta. Đó là một vật trông rất dơ bẩn, nhưng có lẽ anh ta rất quí trọng, vì anh ta đòi bán với một giá rất cao. Tự nhiên là tôi từ chối và quay đi chỗ khác.

Một số ít những tu sĩ khác gồm những người tu khổ hạnh một cách vô lý và thường phô trương sự tu tập của mình trước công chúng. Có người đưa một cánh tay lên trời cho đến khi móng tay mọc dài ra đến năm tấc và xoắn tròn! Có người lại đứng một chân suốt nhiều năm ở một chỗ. Tôi không thể hiểu nổi là họ sẽ đạt được gì với những sự phô trương kém mỹ thuật đó, ngoài một vài đồng xu mà người ta ném vào cái bát ăn xin của họ.

Một số người khác dường như sử dụng tà thuật một cách công khai. Họ là những kiểu thầy phù thủy hạ cấp của Ấn Độ và hoạt động phần nhiều nơi các làng mạc thôn quê. Với một số tiền thù lao nhỏ, họ có thể giúp thân chủ làm hại kẻ thù, hoặc quyến rũ, dụ dỗ được một người đàn bà, hoặc giúp thân chủ thực hiện tham vọng một cách dễ dàng bằng cách hạ gục kẻ địch thủ với một vài ám tật hoặc một chứng bịnh kỳ lạ. Người ta vẫn thường nghe kể nhiều câu chuyện ám muội và lạ lùng về những tay phù thủy bàng môn tả đạo này. Đôi khi họ cũng tự xưng rằng họ là những người *yogi*, hay thuật sĩ (*fakir*).

Còn lại một số rất ít gồm các tu sĩ có học thức, đôi khi là những người có trình độ văn hóa khá cao. Những người này thường đã bỏ ra nhiều năm tìm tòi học hỏi và khổ công tu luyện. Họ thực sự từ bỏ cuộc đời thế gian để bước vào con đường đi tìm chân lý. Họ có một

niềm tin chắc chắn rằng đạt tới chân lý chính là đạt được hạnh phúc chân thật. Người ta có thể hoài nghi về tính chất hợp lý của vấn đề này, xem đó như là sự từ bỏ cuộc đời trần thế để chạy theo một viễn ảnh mơ hồ không có gì thiết thực, nhưng cái chí nguyện dốc lòng tầm đạo của những người này là hết sức thành thật, không ai có thể nghi ngờ hay chất vấn. Việc họ có thể đạt được chân lý và giải thoát hay không còn tùy thuộc vào nhiều yếu tố, chẳng hạn như họ có đi đúng đường hay không và có gặp được bậc minh sư dẫn dắt hay không.

Một người Âu thường không có thời gian dành cho một cuộc tìm kiếm như thế. Người ta có thể viện ra một lý do rất thuyết phục để chấp nhận thái độ lãnh đạm chung của mọi người phương Tây về vấn đề tâm linh. Họ lập luận rằng, nếu điều đó là lầm lạc thì tất cả mọi cư dân trên lục địa Tây bán cầu đều lầm lạc cả chứ không riêng chỉ một người!

Trong thế hệ vật chất hiện tại, người ta xem việc đi tìm chân lý như một điều viển vông vô ích, nhưng họ không ngờ rằng họ đang phung phí rất nhiều năng lực để theo đuổi những điều mà xét cho cùng cũng chẳng mang lại ích lợi gì cả, vì tất cả những mục tiêu của họ đều chỉ là những sự vật phù du giả tạm.

Thuở xưa, từng có một người Tây phương đã đến viếng xứ Ấn Độ với một sứ mạng không giống như tôi, nhưng những nhân vật mà ông ta gặp ở xứ ấy đã làm cho ông ta bị đánh lạc hướng, đến nỗi ông ta suýt nữa đã quên hẳn mục đích đầu tiên của cuộc hành trình. Đó là Đại đế Alexander của Macedona vào thế kỷ 4 trước Công nguyên, người đã đem quân chinh phục các xứ phương Đông để nới rộng giang sơn bờ cõi. Vị đại đế này đã gần như trở thành một triết gia khi rời khỏi xứ này.

Tôi thường tự hỏi mình về những ý nghĩ của vua *Alexander* khi ngồi trên chiến xa vượt qua các vùng núi non tuyết phủ và những bãi sa mạc hoang vu trên đường khải hoàn trở về xứ sở. Trong thời gian ở xứ Ấn Độ, vua *Alexander* đã từng bị chinh phục bởi các nhà hiền giả và đạo sĩ *yogi* mà ngài gặp ở dọc đường. Ngài đã từng chất vấn và thảo luận sôi nổi với họ nhiều lần, suốt nhiều ngày liên tiếp về các vấn đề triết lý. Nếu ngài có dịp lưu lại và sống chung với họ thêm vài năm nữa, có lẽ ngài đã đưa thế giới Tây phương vào một con đường khác hẳn.

Trong số những nhà tu sĩ ở Ấn Độ ngày nay, vẫn còn có một vài người cố gắng hoạt động để giữ gìn cho lý tưởng đạo đức và ngọn lửa tâm linh của xứ sở họ vẫn luôn luôn bừng cháy. Một số những nhà tu giả danh có

thể chỉ là những kẻ bịp bợm. Đó là hậu quả không sao tránh khỏi của một thời đại đã suy tàn. Nhưng ta đừng nên vì thế mà không biết đến một thiểu số còn lại là những bậc chân tu gương mẫu.

Như trên đã nói, giai cấp tu sĩ gồm nhiều thành phần vô cùng phức tạp, đến nỗi người ta không thể đưa ra một cách đánh giá chung, dầu là khen hay chê, cho tất cả bọn họ. Tôi đã hiểu thái độ cực đoan của một số sinh viên ở các đô thị khi nói rằng việc tận diệt thành phần "*tu sĩ ăn bám*" sẽ là một ân huệ tốt lành cho xứ Ấn Độ. Tôi cũng thông cảm không kém với những người đứng tuổi và ôn hòa hơn khi họ nói với tôi rằng ngày nào mà xã hội Ấn không còn nữa những bậc hiền triết và đạo sĩ chân tu, thì đó phải là ngày Ấn Độ bắt đầu suy tàn.

Vấn đề này có một tầm quan trọng riêng đối với xứ Ấn Độ, bởi vì nền kinh tế khó khăn ở đây buộc người ta phải xét lại giá trị tồn tại của mỗi thành phần trong xã hội. Người tu sĩ dường như không thực hiện được vai trò hữu ích nào cho xứ sở về phương diện kinh tế. Hàng trăm ngàn người được mệnh danh là tu sĩ nhưng thực chất chỉ là những kẻ dốt nát và thất nghiệp, đi lang thang khắp nơi qua những xóm làng và các thành phố trong những dịp hội hè, tế tự ở các đền chùa. Họ là những kẻ ăn mày xấc láo và lắm khi làm quấy rầy,

gây phiền nhiễu cho người khác. Họ là một gánh nặng cho xã hội, vì họ không làm lợi ích cho đời để bù đắp lại những gì họ thụ hưởng.

Tuy nhiên, cũng có những tâm hồn cao quý đã từ bỏ cả địa vị cao sang hoặc bố thí hết tài sản của mình để dấn thân và dốc lòng tầm đạo. Họ là những tấm gương lành, tạo nguồn cảm hứng tốt đẹp và cao cả cho những người chung quanh ở bất cứ nơi nào có sự hiện diện của họ. Những cố gắng của họ để tự giác và giác ngộ kẻ khác hẳn phải có giá trị vượt xa so với mẩu bánh mì hay chén cơm lạt mà họ chấp nhận từ bá tánh.



Màn đêm vừa buông xuống thành phố khi tôi đi dạo chơi quanh quẩn trên những đường phố nhỏ hẹp ở *Calcutta*. Tôi vẫn còn nghĩ đến cảnh tượng rùng rợn mà tôi vừa nhìn thấy hồi sớm mai. Chuyến xe lửa của chúng tôi chạy qua một khu rừng nguy hiểm đầy những loài beo gấm. Hồi đêm khuya, xe lửa cán nhằm một con beo và khi đến ga *Howrah*, xác con beo bị nghiền nát và đẫm máu hãy còn dính chặt vào những bánh sắt, và người ta đã phải vất vả khó nhọc lắm mới gỡ ra được.

Chuyến xe lửa này đầy chật hành khách, cũng như hầu hết những chuyến xe lửa chạy đường xa ở Ấn Độ. Trong toa xe mà tôi đã may mắn tìm được một chỗ nằm còn trống, những bạn đồng hành của tôi gồm một nhóm khá phức tạp. Những người hành khách thảo luận công khai những vấn đề làm ăn kinh doanh của họ, nên chẳng bao lâu mọi người đều biết rõ họ là ai và từ đâu đến.

Trong nhóm người này, tôi nhận thấy có một người Hồi giáo mặc áo dài bằng lụa den, cài nút đến tận cổ và đội một cái mũ tròn cũng màu đen có thêu chỉ vàng rất đẹp. Có một người thổ dân *Mahratti* miền Tây với cặp chân mày đậm, một người *Marwari* bịt khăn vàng thuộc thành phần lái buôn, làm nghề cầm đồ và cho vay bạc. Sau cùng là một anh chàng tác người vạm vỡ, thuộc dòng *Bà-la-môn* và làm nghề luật sư.

Tất cả đều là những người khá giả, có địa vị. Khi xe lửa ngừng ở mỗi nhà ga lớn, đều có những người gia nhân, tôi tớ đến săn đón và hỏi thăm những nhu cầu của chủ. Người Hồi giáo, sau khi đã ban cho tôi một cái nhìn im lặng bèn nhắm mắt lại và ngủ một giấc ngủ của người hiền, người thổ dân *Mahratti* thì còn đang đàm luận sôi nổi với người lái buôn, người *Bà-la-môn* thì vừa mới lên xe và còn chưa ngồi yên chỗ. Về phần tôi, tôi đang có hứng muốn nói chuyện nhưng

không tìm được người đối thoại. Hình như có một bức rào vô hình ngăn cách tôi với những người hành khách khác, cũng như có nhiều sự cách trở giữa Đông và Tây phương. Nhưng tôi liền cảm thấy thoải mái dễ chịu khi tôi người *Bà-la-môn* da mặt hồng hào lấy ra một quyển sách với một cái tựa lớn bằng tiếng Anh nằm ngang một cách ngạo nghễ ở ngoài bìa "Đời sống của *Ramakrishna*".

Tôi bèn nắm ngay lấy cơ hội để vào đề câu chuyện. Phải chăng có người đã nói với tôi rằng *Ramakrishna* là vị cuối cùng của những bậc siêu nhân ở Ấn Độ mà người ta gọi là các đấng *Rishi*? Tôi bèn mở đề câu chuyện về điểm này với người đồng hành của tôi, và anh ta sẵn lòng tiếp chuyện. Chúng tôi thảo luận về các vấn đề triết lý, hoặc đề cập đến những khía cạnh thông thường của đời sống ở Ấn Độ.

Mỗi khi anh ta nói đến danh từ *Rishi* thì giọng nói của anh ta xúc động với một lòng kính mến tôn sùng, và một tia sáng hiện rõ trong cặp mắt anh ta. Lòng sùng tín của anh ta đối với vị chân sư đã quá vãng này không còn phải nghi ngờ gì nữa.

Sau hai giờ đàm luận, tôi được biết rằng người *Bà-la-môn* này có một người thầy, vị này lại là một trong những vị đệ tử còn sót lại của đức *Ramakrishna*. Vị tôn sư của anh ta nay đã gần tám mươi tuổi, và không sống

ẩn dật ở một nơi hẻo lánh nào, mà ở ngay trung tâm khu bản xứ của thành phố *Calcutta*. Tôi xin địa chỉ của thầy anh ta thì anh ta liền cho ngay và nói:

- Ông không cần giới thiệu, ông chỉ cần bày tỏ ý muốn gặp người là đủ.

Chính vì lý do đó mà hôm nay tôi đến *Calcutta* để đi tìm nhà của danh sư *Mahasaya*, đệ tử của đức *Ramakrishna*.

Đến nơi, tôi đi qua một cái sân rộng giáp mặt đường lộ, cuối sân có một cái thang đưa lên một ngôi nhà lớn và có vẻ cổ xưa. Một người trẻ tuổi đón tôi và mời tôi ngồi đợi trong một lát. Sau đó khoảng mười phút, tôi nghe có tiếng chân người bước vào phòng. Tôi không cần ai giới thiệu nữa, trước mặt tôi là một bậc kỳ lão đáng kính, hệt như những vị tộc trưởng được mô tả trong Kinh Thánh vào thời của giáo chủ *Moise*.

Ngài hơi sói đầu, có một bộ râu dài đã bạc trắng, cốt cách nghiêm trang, đôi mắt có vẻ trầm tư, đôi vai hơi còng xuống vì gánh nặng của gần tám chục mùa đông đã qua: Người đó không ai khác hơn là vị danh sư *Mahasaya*.

Ngài ngồi trên giường và quay mặt về phía tôi. Trước sự hiện diện nghiêm trang và đạo mạo của ngài, tôi nhận định ngay rằng đây không phải là nơi có thể

nói ra những lời đùa cợt. Thậm chí, những lời biểu lộ sự hoài nghi hay châm biếm mà tôi thỉnh thoảng vẫn nói ra cũng hoàn toàn không thích hợp ở chốn này.

Bất cứ ai cũng có thể đọc được trên gương mặt và phong tư cốt cách của ngài một tâm hồn cao quý và một đức tin thuần khiết. Ngài nói với tôi bằng một giọng Anh ngữ lưu loát:

- Tôi rất vui được gặp ông ở đây.

Ngài bảo tôi đến gần và cùng ngồi trên giường với Ngài. Ngài cầm lấy bàn tay tôi trong một lúc. Tôi bèn tự giới thiệu và nói mục đích cuộc thăm viếng của tôi. Khi tôi nói xong, ngài lại siết chặt bàn tay tôi một cách thân mật và nói:

- Một sức mạnh thiêng liêng đã dìu dắt anh đến xứ Ấn Độ và giúp anh gặp gỡ những bậc hiền giả của xứ này. Việc ấy có một mục đích bí ẩn và tương lai sẽ tiết lộ cho anh biết. Anh hãy kiên nhẫn chờ đợi, rồi anh sẽ biết rõ.

- Xin ngài nói cho tôi biết vài điều về sư phụ của ngài, đức *Ramakrishna*.

- A! Đó là vấn đề mà tôi thích nói đến nhất. Sư phụ tôi qua đời đã gần nửa thế kỷ nay, nhưng tôi không thể nào quên được ngài. Hình ảnh của ngài vẫn luôn sống động và bất diệt trong tim tôi. Hồi đó, tôi hãy còn là

một thanh niên mới hai mươi bảy tuổi khi gặp ngài, và từ đó về sau tôi vẫn luôn sống bên cạnh ngài cho đến những năm cuối cùng trước khi ngài viên tịch. Kết quả là tôi đã trở nên một người hoàn toàn thay đổi. Thái độ của tôi đối với cuộc đời đã thay đổi hẳn, và là do ảnh hưởng của đức *Ramakrishna*. Ngài tạo ra một sự xúc cảm tâm linh mãnh liệt cho tất cả những ai được gặp ngài. Ngài làm cho họ say mê, ngây ngất. Thậm chí những kẻ nặng mùi vật chất có ý định đến để đùa cợt chế nhạo cũng đều phải im lặng vì ngạc nhiên trước mặt ngài.

Tôi ngạc nhiên hỏi:

- Nhưng làm sao những người đó có thể cảm thấy kính phục trước vấn đề tâm linh, một vấn đề mà họ không hề tin tưởng?

Đức *Mahasaya* mỉm cười đáp:

- Ta hãy đưa hạt tiêu cho hai người nếm thử. Một người biết rõ và đã quen mùi, còn người kia chưa biết hạt tiêu là gì. Tuy vậy, chẳng phải là cả hai người cùng nếm thấy một hương vị giống nhau đó sao? Chẳng phải là cả hai người sẽ cùng cảm nhận được vị cay của hạt tiêu trên đầu lưỡi đó sao? Cũng vậy, những người chủ trương chạy theo vật chất tuy không biết gì về sự cao cả tâm linh của đức *Ramakrishna*, nhưng không phải

vì thế mà họ không nhận biết được cái ảnh hưởng tâm linh cao cả và thuần khiết luôn tỏa ra quanh ngài.

- Như vậy, chắc chắn ngài phải là một bậc chân sư siêu việt!

- Đúng thế, và theo tôi thì ngài còn cao cả hơn tất cả những danh xưng mà người thế gian hiện có. *Ramakrishna* là một người giản dị, mù chữ vì thất học. Ngài không viết được ngay cả tên mình, đừng nói chi đến việc viết một lá thư! Ngài có vẻ ngoài rất khiêm tốn, và còn khiêm tốn hơn nữa trong cung cách sinh hoạt hằng ngày. Tuy thế, ngài thâu phục được lòng tôn kính sùng mộ của cả những bậc thượng lưu trí thức đương thời. Những người này phải cúi đầu trước sức mạnh tâm linh cao cả của ngài, vì nó hiện hữu một cách cụ thể đến nỗi người ta có thể cảm nhận được rất rõ ràng. Ngài luôn dạy chúng ta rằng tiền tài, danh vọng, địa vị, quyền thế ở đời này chỉ là những thứ phù du giả tạm, không đáng kể so với đạo đức tâm linh, và chỉ là những trò hư ảo gạt gẫm giác quan con người.

Tôi luôn nhớ đến những ngày tuyệt diệu xưa kia khi được sống bên ngài. Hồi đó, ngài thường đắm chìm trong những cơn đại định thiêng liêng đến nỗi chúng tôi ngồi quanh ngài luôn cảm thấy dường như ngài là một vị thánh chứ không phải người thường. Một điều lạ là Ngài có khả năng đưa người đệ tử vào trạng thái

nhập định chỉ với một cái sờ nhẹ bằng bàn tay. Trong trạng thái đó, họ có thể trực nhận những điều huyền diệu thâm sâu, bằng sự linh cảm trực tiếp. Để tôi nói anh nghe ngài đã ảnh hưởng đến tôi như thế nào. Tôi đã hấp thụ một nền học vấn theo giáo dục Âu Tây và lấy làm tự hào về kiến thức uyên bác của mình. Tôi đã từng là giáo sư đại học ở *Calcutta*, dạy các môn văn chương, Anh ngữ, lịch sử, và kinh tế chính trị.

Hồi đó, đức *Ramakrishna* ở tại đền *Dakshineswar*, cách thành phố *Calcutta* chừng vài dặm. Tại đó, vào một ngày mùa xuân mà tôi nhớ mãi, tôi đã gặp ngài. Ngài bày tỏ với những lời lẽ giản dị những ý tưởng tâm linh do kinh nghiệm trực tiếp của ngài. Tôi định thử bàn luận vài điều, nhưng tôi không nói được gì cả trước sự có mặt thiêng liêng của Ngài, vì nó ảnh hưởng đến tôi quá sâu sắc, không thể thốt ra thành lời. Từ đó trở đi, tôi đến viếng thăm ngài nhiều lần, và không thể nào rời xa ngài được nữa, cho đến một ngày kia, đức *Ramakrishna* nói đùa một cách hài hước rằng: "*Có người đem cho con công ăn một liều thuốc phiện. Qua hôm sau, con công lại đến vào đúng giờ như hôm qua. Nó đã say mê mùi thuốc phiện và đến tìm một liều khác.*"

Quả đúng như vậy. Tôi chưa từng được hưởng những giờ phút an lạc tuyệt vời như khi tôi sống gần đức *Ramakrishna*. Vì thế, không có gì lạ khi tôi thường

xuyên trở lại với ngài. Và rồi tôi trở thành một trong những đệ tử thân cận của ngài, không còn là một khách viếng thăm qua đường. Một ngày kia, sư phụ bảo tôi: "*Thầy nhận thấy con có những tính chất thích hợp của một người yogi. Con hãy làm việc hết lòng ở thế gian, nhưng đừng quên vẫn để tâm trí vào việc tu tập pháp môn này. Gia đình, cha mẹ, vợ con... con hãy sống tròn trách nhiệm với họ và nuôi dưỡng họ như những người thế gian gương mẫu. Nhưng hãy nhớ rằng, con rùa bơi lội trên mặt hồ mà tâm trí vẫn hướng về một nơi trên hồ mà nó đẻ trứng. Con hãy làm công việc ở thế gian, nhưng hãy đặt tâm trí vào việc tu tập.*"

Sau khi sư phụ từ trần, phần nhiều các đệ tử tình nguyện xuất gia, khoác áo vàng và đem truyền bá giáo lý của đức thầy ở khắp nơi trong xứ Ấn Độ. Riêng tôi, tôi không bỏ nghề nghiệp cũ và vẫn tiếp tục dạy học. Tuy nhiên, trong lòng tôi đã quyết định dứt bỏ cuộc đời trần thế, mặc dầu bề ngoài tôi vẫn sống như mọi người thế tục. Có nhiều đêm, tôi đi lang thang như kẻ không nhà, và ngủ trên các vỉa hè của thành phố, chung lộn với những kẻ ăn mày hành khất. Điều này đem đến cho tôi cái cảm giác, ít nhất là tạm thời, của một người cùng đinh không tài sản, không gia đình. *Ramakrishna* không còn nữa, nhưng nếu anh đi châu du khắp xứ Ấn Độ, anh sẽ thấy những công trình cứu tế xã hội, từ thiện, y tế và giáo dục được thực hiện

khắp nơi trong xứ dưới sự hướng dẫn của những vị đệ tử ngài thuở xưa, mà phần đông nay cũng đã qua đời. Điều mà anh không thấy một cách hiển hiện rõ ràng là những người đã hoàn toàn thay đổi tâm tính và xoay hướng cuộc đời của họ nhờ ảnh hưởng của đức tôn sư. Giáo lý của ngài đã được truyền khẩu qua các vị đệ tử. Những vị này về sau lại truyền bá rộng rãi trong dân chúng. Tôi đã được hân hạnh ghi chép những lời dạy của ngài bằng tiếng *Bengal*, những quyển sách giáo lý đó rất phổ thông khắp cả mọi gia đình trong tỉnh *Bengale*, và những bản dịch cũng được phát hành đi khắp các vùng ở Ấn Độ. Như thế, anh thấy ảnh hưởng của *Ramakrishna* đã phát triển rộng rãi như thế nào ngoài vòng các đệ tử trực tiếp của ngài.

Đức *Mahasaya* ngừng nói và đắm chìm trong im lặng. Tôi nhìn kỹ gương mặt ngài và lấy làm ngạc nhiên mà thấy rằng ngài có những nét mặt và màu da không giống như của người Ấn Độ. Dung mạo và cốt cách của ngài thật cao quí tuyệt vời. Lòng hảo tâm, thiện chí, đạo đức, từ bi và thành thật của ngài biểu lộ ra một cách rõ ràng. Ngài có đức tự tin của một người đã từng sống một cuộc đời hoàn toàn tuân theo tiếng gọi của lương tri. Tôi chợt hỏi:

- Không biết đức *Ramakrishna* sẽ nói thế nào với một người không thể chỉ sống bằng đức tin, mà còn đòi hỏi phải thỏa mãn lý trí?

- Ngài sẽ khuyên người ấy hãy quán xét nội tâm. Quán xét nội tâm là một phương pháp rất nhiệm mầu. Chính *Ramakrishna* đã quán xét nội tâm để đạt được đức tin và trí tuệ. Những người tự hào là có tri thức và đòi hỏi phải được thỏa mãn lý trí nhưng chưa có đức tin chỉ là vì họ chưa từng nhìn lại chính mình mà chỉ mải mê quan sát, phân tích ngoại cảnh. Một khi họ biết quay về quán xét nội tâm, họ sẽ thấy rằng trước đây họ thực sự chưa hiểu được gì cả. Nhờ đó mà họ phát khởi đạo tâm, và ngay sau đó sẽ có được đức tin chân chính.

- Nhưng nếu những người ấy không tin vào sự quán xét nội tâm, họ vẫn luôn cho rằng đã hiểu rõ được chính mình thì phải làm sao?

- Quán xét nội tâm là bước khởi đầu cơ bản nhất, là nền tảng cho bất cứ lý thuyết tâm linh nào. Nếu lý trí của anh ta thất bại ngay trong việc nhận biết tầm quan trọng của việc này thì mọi nỗ lực để cứu giúp một người như thế sẽ không bao giờ đạt tới kết quả.

- Nhưng nếu có người thực hành quán xét nội tâm mà không đạt được kết quả nào thì sao?

- Nếu vậy, người ấy nên thường tiếp xúc, gặp gỡ với những bậc chân tu đại đức đã từng có nhiều kinh nghiệm tâm linh. Sự tiếp xúc, gần gũi với những bậc ấy sẽ giúp anh ta khai mở được đạo tâm hãy còn tiềm

tàng, và giúp anh ta nhận ra một điều là tất cả mọi người đều có một khởi điểm giống nhau trên đường tu tập. Những vị đã chứng ngộ hoặc có trình độ tu chứng cao có thể giúp chúng ta cảm nhận được sự giải thoát mà các ngài đã đạt được, và qua đó phát khởi niềm tin, hướng tâm theo về những mục đích cao cả hơn là cuộc sống thế tục. Trên hết mọi sự, các vị ấy là những tấm gương chói sáng về đạo đức, tinh thần, nên có thể làm phát khởi nơi chúng ta có một sự khao khát mãnh liệt muốn sống một đời sống tâm linh. Bởi vậy, sự tiếp xúc giao thiệp với những bậc thầy tâm linh là một bước đầu tiên rất quan trọng, và cũng thường được duy trì mãi cho đến giai đoạn thành tựu cuối cùng, như đức *Ramakrishna* vẫn thường dạy.

Cứ như thế, chúng tôi đàm luận về những vấn đề đạo đức tâm linh trong suốt những ngày tôi còn lưu trú ở *Calcutta*. Những buổi chiều thường luôn có khách đến viếng thăm cho đến khi gian phòng chứa đầy những người Ấn Độ, đa số là đệ tử của đức *Mahasaya*. Họ đến thăm đều đặn để lắng nghe một cách chú ý mỗi một lời dạy của thầy.

Không biết từ bao giờ, tôi cũng hòa nhập hoàn toàn với những người đệ tử ấy. Tôi đến thăm đức *Mahasaya* đều đặn, tuy không hẳn là để nghe đức *Mahasaya* thuyết pháp, mà đôi khi chỉ để được trầm mình trong

bầu không khí tâm linh xán lạn nhờ có sự hiện diện của ngài.

Bầu không khí chung quanh ngài thật là tốt lành, êm đẹp, dịu dàng và đầy thiện cảm. Ngài đã tự mình tìm thấy sự an lạc tuyệt đối trong tâm hồn và sự an lạc đó tỏa ra quanh ngài một cách cụ thể, khiến người ta có thể dễ dàng cảm nhận được.

Tôi thường không nhớ hết những lời nói ngài nói ra, nhưng tôi không thể quên cái phong độ hiền từ, bao dung rộng lượng của ngài. Trước kia, đức *Ramakrishna* đã từng thu hút ngài như thế nào thì ngày nay có lẽ ngài cũng đang cuốn hút tôi giống như thế ấy, và tôi bắt đầu hiểu rằng nếu ngài có được một sức thu hút mãnh liệt như thế đối với tôi, thì vị tôn sư *Ramakrishna* của ngài chắc chắn phải có một ảnh hưởng mạnh mẽ và sâu rộng hơn gấp bội phần.

Đêm ấy là đêm cuối cùng tôi có mặt tại nhà đức *Mahasaya*. Tôi quên cả thời gian khi được ngồi cạnh ngài trên chiếc giường gỗ. Giờ khắc trôi qua một cách mau chóng cho đến khi chúng tôi đã dứt câu chuyện. Ngài cầm tay dắt tôi ra đứng trên nóc bằng của ngôi nhà để hóng mát.

Dưới ánh trăng rằm trong sáng, tôi nhìn thấy những cây kiểng và những khóm hoa trồng trong chậu sắp

thành hàng rất đẹp. Dưới chân chúng tôi đang tỏa chiếu muôn ngàn ánh đèn rực rỡ của thành phố *Calcutta*. Đức *Mahasaya* đứng im lặng cầu nguyện trong một lúc. Sau đó, ngài quay lại đưa tay lên làm một cử chỉ ban ân huệ và đặt nhẹ bàn tay lên trán tôi. Tôi cúi đầu một cách khiêm tốn trước mặt ngài, tuy rằng tôi vẫn chưa dám nhận rằng mình có lòng tín ngưỡng tôn giáo.

Sau một lúc im lặng, ngài nói với một giọng nhẹ nhàng:

- Sứ mạng của tôi đã gần chấm dứt. Thể xác này đã làm gần xong công việc của nó trong kiếp hiện tại. Anh hãy nhận lấy ân huệ của tôi trước khi tôi ra đi.

Ngài đã làm cho tôi xúc động một cách lạ lùng. Trên đường về, tôi đi bách bộ thẩn thơ qua nhiều đường phố và quên cả giấc ngủ. Tôi nghĩ rằng, nếu ở thế gian này có một người có thể làm cho tôi thoát khỏi sự hoài nghi và sống với một đức tin đơn giản, thì người đó chắc hẳn không ai khác hơn là vị danh sư *Mahasaya* này.



Bác sĩ *Bandyo*, giám đốc một bệnh viện tại *Calcutta*, là một trong những chuyên gia phẫu thuật tài ba nhất ở thành phố này. Ông đã thực hiện được tất cả sáu ngàn cuộc phẫu thuật, và tôi đã có dịp thảo luận với ông một số kiến thức về khoa *Hatha Yoga* mà tôi đã thâu thập được.

Tầm kiến thức rộng rãi của ông ta về Y học và Cơ thể học đã giúp tôi hiểu thêm rất nhiều về vấn đề *Yoga* trên bình diện khoa học. Bác sĩ nói:

- Tôi hầu như không biết gì về khoa *Yoga*. Đó là một vấn đề mới lạ đối với tôi. Tôi cũng chưa từng gặp một người *yogi* nào, ngoài *Narasingha Swami*. Người này đến *Calcutta* cách đây không bao lâu.

Tôi hỏi thăm về người *yogi* này, nhưng câu trả lời làm tôi thất vọng:

- *Narasingha Swami* đã đến *Calcutta*, gây ra một luồng dư luận sôi nổi, rồi sau đó đi đâu không ai biết. Hình như anh ta đã sống ẩn dật trong vùng nội địa trước khi đến thành phố này, như vậy có lẽ anh ta đã trở về nơi am thất của anh ta.

- Xin bác sĩ cho biết việc gì đã xảy ra?

- Anh ta đã làm cho cả thành phố bàn tán về anh ta

trong một thời gian ngắn. Người đã khám phá ra anh ta là bác sĩ *Neoghy*, giáo sư hóa học tại trường Đại học *Calcutta*, khoảng hai tháng trước tại *Madhupore*. Bác sĩ *Neoghy* tận mắt nhìn thấy anh ta liếm vài giọt chất cường toan rất độc, và để than hồng vào miệng ngậm cho đến khi hòn than tắt hẳn. Bác sĩ lấy làm ngạc nhiên và mời người *yogi* này đến *Calcutta*. Trường Đại học của thành phố này liền tổ chức một buổi trình diễn trước công chúng để cho *Narasingha* biểu diễn năng lực của anh ta trước một cử tọa bao gồm cả các nhà bác học và y sĩ. Tôi cũng có mặt trong số người được mời đến chứng kiến. Cuộc biểu diễn được tổ chức tại giảng đường Vật lý học. Chúng tôi là một thành phần gồm các nhà khoa học, có một khối óc phê bình chặt chẽ, và như ông đã biết, tôi ít chú ý đến các vấn đề tôn giáo, *Yoga*, và những vấn đề tương tự, vì tôi đã để hết thời giờ và tâm trí vào ngành Y khoa. Người *yogi* đứng ngay giữa giảng đường, và người ta đưa cho anh ta những thứ thuốc độc lấy từ trong phòng thí nghiệm hoá học của trường. Trước hết, chúng tôi đưa cho anh ta một lọ *acide sulfurique*. Anh ta rót vài giọt trên lòng bàn tay và đưa lưỡi liếm. Kế đó, người ta đưa cho anh ta một lọ *a-xít phenol* cực mạnh, và anh ta cũng làm như trên. Chúng tôi liền thử với một loại thuốc độc nhất là chất *Cyanure de Potassium*, nhưng anh ta nuốt luôn cả thứ này mà vẫn dửng dưng như không.

Sự kiện này thật là lạ lùng và thật không thể nào tin được. Tuy nhiên, chúng tôi vẫn phải chấp nhận sự thật hiển nhiên diễn ra ngay trước mắt chúng tôi. Anh ta đã nuốt một liều *Cyanure de Potassium* đủ mạnh để giết chết một người trong vòng ba phút đồng hồ! Tuy thế, anh ta vẫn đứng trơ trơ, nhăn răng cười và không hề hấn gì cả.

Sau đó, một chai thủy tinh dày được đập vỡ ra từng mảnh và tán thành bột. *Narasingha Swami* nuốt luôn cả thứ bột miểng chai này, là một thứ giết người một cách chậm chạp. Ba giờ sau khi anh ta đã nuốt trôi bữa ăn khác thường này, một vị bác sĩ trong nhóm liền đặt ống bơm vào bao tử của người *yogi* và bơm ra những gì còn lại. Những loại thuốc độc kể trên vẫn còn y nguyên trong bao tử.

Qua hôm sau người ta nhận thấy chất bột miểng chai trộn lẫn với phẩn của anh ta khi đại tiện. Cuộc thí nghiệm của chúng tôi đã quá rõ ràng.

Người ta thử lại cường độ của chất *acid sulfuric* thì thấy nó làm tan rã một vật bằng đồng. Trong số những người chứng kiến cuộc trình diễn có *Sir C. V. Raman*,[1] nhà bác học trứ danh đoạt giải thưởng *Nobel*. Ông này tuyên bố rằng cuộc trình diễn của người *yogi* là một sự thách thức lớn đối với khoa học hiện tại.

---

[1] Tức Chandrasekhara Venkata Raman (1888-1970), nhà vật lý học Ấn Độ đoạt giải Nobel Vật lý năm 1930.

Khi chúng tôi hỏi *Narasingha Swami* làm sao anh ta có thể bắt thể xác của anh ta chịu đựng được những sự thí nghiệm đó, anh ta nói rằng bằng cách tập trung tư tưởng anh ta có thể chặn đứng và hóa giải ảnh hưởng khốc hại của các thứ thuốc độc.

Tôi được biết rằng *Narasingha Swami* đã trở lại *Calcutta* sau đó ít lâu rồi sang *Rangoon*, thủ đô Miến Điện. Tại đây, anh ta cũng trổ tài trong một cuộc trình diễn tương tự.

Tôi bèn hỏi bác sĩ *Bandyo*:

- Bác sĩ có thể giải thích sự kiện này bằng lý thuyết y học được chăng?

Vị bác sĩ lắc đầu:

- Không, tôi không thể giải thích nổi. Việc này hoàn toàn làm tôi ngạc nhiên và không hiểu gì cả.

Khi tôi trở về nhà, tôi lục trong mớ tài liệu cất kỹ trong rương để tìm quyển sổ mà tôi đã ghi chép những cuộc nói chuyện của tôi với *Brama*, người đạo sĩ trên bờ sông *Adyar* ngày trước. Tôi lật qua vài trang và thấy những dòng tài liệu này:

> *"Những thuốc độc dầu mạnh đến bực nào cũng không thể làm hại được vị đạo sĩ đã thực hành giai đoạn Đại công phu. Giai đoạn này gồm có sự phối hợp một vài loại tư thế, phép khí công,*

luyện ý chí và tập trung tư tưởng. Khi đạt đến trình độ này, người đạo sĩ có thể nuốt vào bụng bất cứ vật gì, dầu là thuốc độc, mà không bị tổn hại đến sức khỏe. Đó là một phép công phu rất khó và phải được luyện tập một cách đều đặn, thường xuyên, nếu muốn có kết quả tốt đẹp.

Tôi có nghe nói về một người yogi sống ở thành Bénarès có thể uống rất nhiều thuốc độc mà không sao cả. Vị yogi này tên là Trailingya Swami, ông ta nổi tiếng ở thành phố này hồi thời kỳ đó, nhưng đã qua đời từ nhiều năm nay. Trailingya là một đạo sĩ có bản lĩnh rất cao cường về môn Hatha Yoga. Ông ta thường ngồi bên bờ sông Hằng suốt nhiều năm, gần như không mặc áo quần gì cả, nhưng không ai có thể nói chuyện được với ông ta, vì ông ta tịnh khẩu."

Tôi tưởng rằng sự kiện này thật không thể tin và không thể có được, thì những lời của *Brama* đã giải thích cho tôi rõ về vấn đề này. Đôi khi tôi đã lấy làm thắc mắc về những việc làm không thể tin và không thể hiểu được của những người đạo sĩ *Yogi*. Nhưng biết đâu, có lẽ họ nắm giữ được những bí quyết của đời sống mà người phương Tây đang cố gắng để khám phá bằng hàng ngàn cuộc thí nghiệm khoa học hay chăng?

CHƯƠNG 9

VỊ PHÁP SƯ THÀNH BÉNARÈS

Xe lửa vọt lên chiếc cầu sắt lớn bắc ngang qua con sông Hằng cổ kính và linh thiêng, phát ra những tiếng động ầm ầm càng biểu lộ thêm một bằng chứng xâm lăng của thế hệ cơ giới tân tiến đối với một xã hội cổ xưa và bảo thủ.

Con sông Hằng linh thiêng chắc sẽ không còn linh thiêng được bao lâu nữa, khi mà những người ngoại quốc vô tín ngưỡng bắt đầu phóng những đoàn hỏa xa gầm thét như sấm động vượt ngang dòng nước xám xanh và yên lặng của nó.

Thành *Bénarès*! Sách sử Ấn Độ chép rằng *Bénarès* là một thành phố đã có từ 12 thế kỷ trước Công nguyên. Người Ấn Độ xem thành phố này như một nơi thánh địa. Dù là người giàu hay kẻ nghèo, sang hay hèn, tất cả mọi người ở khắp nơi trong xứ đều muốn về chiêm ngưỡng thánh địa *Bénarès*, và cố gắng đi đến đây ít nhất cũng là một lần trong đời để được tắm mình trong

bầu không khí linh thiêng nơi đây. Những người đau ốm, hấp hối cũng tìm mọi phương tiện để được có mặt nơi đây trong những ngày cuối đời, vì họ tin rằng người chết ở đất thánh sẽ được vĩnh viễn siêu sinh lên cõi thiên đàng và thoát khỏi vòng luân hồi sinh tử.

Qua hôm sau, tôi đi thẩn thơ qua các đường phố nhỏ hẹp trong thành phố để tìm nhà của một vị pháp sư mà một người đệ tử ở *Bombay* đã cho tôi địa chỉ.

Tôi đi qua những con đường chật hẹp đến nỗi một chiếc xe không thể chui lọt vào. Tôi đi lần theo những phố xá buôn bán đông đảo tấp nập, tại đây người ta thấy nhiều sắc dân đủ mọi chủng tộc và đủ mọi hạng người chen chúc lẫn nhau.

Khu vực này gồm có nhiều đường quanh co khúc khuỷu. Khi đi vào đây, người ta có cảm giác như đi lạc vào một mê hồn trận. Thêm vào đám rừng người hỗn tạp đó là những con chó hoang chạy rông và những bầy ruồi nhặng bu ở các quầy hàng. Có những bà lão tóc bạc da mồi, mắt lòa chân chậm, những thiếu phụ còn trẻ, gương mặt nõn nà, mặc những chiếc *sari* màu mè sặc sỡ, những người đi hành hương tay lần xâu chuỗi bồ-đề, miệng lầm thầm tụng niệm những câu chân ngôn mà họ lặp đi lặp lại có lẽ đã đến năm bảy chục ngàn lần. Những tu sĩ khổ hạnh khoác bộ áo vàng, chống gậy

lê bước đi chẫm rãi, nét mặt trầm tư. Và còn bao nhiêu nhân vật khác nữa, tất cả cùng chen chúc nhau trên những con đường nhỏ hẹp từ khu mê lộ này đưa xuống tận bờ sông Hằng.

Tôi đi lần theo một khu phố náo nhiệt ồn ào, màu sắc rực rỡ. Vừa qua một khúc quanh, tôi đã đứng trước cổng ngôi đền Vàng, là một ngôi đền rất được sùng thượng trong các giới tôn giáo chính thống ở Ấn Độ. Có những người tu sĩ hành khất bôi tro đầy mình, ngồi xếp thành hàng ngoài cổng đền. Những người hành hương ra vào tấp nập không dứt, có người đem những tràng hoa vào đền, màu hoa tươi sặc sỡ trông rất vui mắt. Những người từ trong đền bước ra kính cẩn cúi đầu rạp xuống, lấy trán đụng vào bực thềm đá trước cổng rồi mới ra đi.

Hai mái bầu tròn làm bằng vàng khối rất dày, chói lòa dưới ánh nắng mặt trời. Những con kéc kêu vang bu lại rất đông trên một ngọn tháp gần bên. Ngôi đền Vàng này thờ thần *Shiva*, vị thần tối cao của Ấn giáo.

Tôi vẫn tiến bước, đến gần ngưỡng cửa của một ngôi đền khác và nhìn xem người ta đang lễ thần *Krishna*. Người ta đốt chất long não trước một tượng thần bằng vàng. Tiếng chuông trong đền ngân không dứt, tiếng tù và thổi vang tai. Một vị sư gầy gò khắc khổ bước ra và nhìn tôi với cặp mắt dò xét. Tôi liền bước đi chỗ khác.

Tôi đi xuyên qua những con đường tối tăm, chật hẹp, để tìm nhà vị pháp sư. Sau cùng, tôi đến một con đường có những ngôi nhà to lớn đồ sộ, trước nhà có sân rộng rãi khoảng khoát. Tôi đến một cửa bên ngoài có một tấm bia đá khắc chữ "*Vishudha*." Tôi bước vào cổng, vì đây đúng là ngôi nhà mà tôi tìm kiếm, và tiến đến gần một người đang ngồi ngoài hiên.

Đó là một thanh niên có vẻ mặt thông minh lanh lợi. Tôi hỏi thăm vị pháp sư và được đưa vào trong nhà. Trong một gian phòng rộng rãi, tôi thấy có một nhóm người Ấn Độ ăn mặc chỉnh tề, ngồi xếp bằng theo hình bán nguyệt dưới sàn gạch. Một vị trưởng lão có chòm râu bạc ngồi tựa trên một chiếc *divan* ở chỗ cuối phòng. Hình dáng khả kính và chỗ ngồi danh dự của người này cũng đủ cho tôi biết rằng đây là người mà tôi tìm kiếm.

Tôi chắp tay chào theo kiểu Ấn Độ, hai lòng bàn tay giao nhau đưa lên trước trán, và nói lời chúc thầy bình an bằng tiếng Ấn. Tôi tự giới thiệu mình là một nhà văn đi du lịch ở Ấn Độ để học hỏi về môn triết học và đạo học của xứ này. Tôi cũng nói rõ là người đệ tử mà tôi đã gặp có giải thích cho tôi biết rằng thầy anh ta không bao giờ biểu diễn những quyền năng ở nơi công cộng, và dầu cho ở chỗ kín đáo trong tư thất, người cũng không phô trương những quyền năng đó

trước mặt những người ngoại quốc. Tuy nhiên, vì lẽ tôi có một sự thích thú sâu xa đối với nền minh triết cổ truyền của họ, tôi yêu cầu họ thông cảm và đối xử với tôi như là một trường hợp ngoại lệ.

Những vị đệ tử giương mắt nhìn nhau và quay lại nhìn thầy họ như để chờ đợi câu trả lời. *Vishudha* có lẽ đã trên bảy mươi tuổi, người có một sống mũi ngắn và một bộ râu dài, đôi mắt lớn và sâu sắc; trên cổ có đeo một sợi dây thánh, biểu hiện của giai cấp *Bà-la-môn*. Người đưa mắt nhìn thẳng vào tôi, chẳng khác nào tôi là một vật thí nghiệm dưới kính hiển vi. Tôi cảm thấy có một cái gì lạ lùng làm thức động đến tâm hồn tôi. Quả thật, một mãnh lực huyền bí dường như đang phảng phất trong gian phòng này.

Sau cùng, vị pháp sư thốt ra vài lời bằng tiếng *Bengali* với một người đệ tử, người này bèn quay lại và cho tôi biết rằng thầy anh ta bằng lòng tiếp kiến tôi nếu tôi mời được bác sĩ *Kavir*, giám đốc trường Phạn ngữ của Chính phủ, để làm thông ngôn. Bác sĩ *Kavir* vừa biết tiếng Anh thành thạo, vừa là đệ tử thâm niên của pháp sư *Vishudha*, và sẽ là một người thông ngôn lý tưởng cho chúng tôi. Pháp sư nói:

- Anh hãy đến vào chiều mai. Tôi sẽ đợi anh vào lúc bốn giờ.

Tôi đành phải ra về. Ra đến đường cái, tôi gọi một chiếc xe ngựa đến trường Phạn ngữ. Nhưng ông Giám đốc không có ở đó, có người nói chắc ông ta đã về nhà. Tôi bèn ra xe đi thêm một chặng đường gần nửa tiếng đồng hồ nữa. Sau cùng, tôi gặp ông ta ở một ngôi nhà hai tầng.

Bác sĩ Kavir ngồi trên lầu, giữa những chồng sách và giấy tờ chất cao như núi ở chung quanh. Ông ta có một gương mặt sáng sủa và thông minh của một nhà học giả.

Tôi nói lý do cuộc thăm viếng của tôi, người hơi do dự nhưng sau cùng người bằng lòng cùng đi với tôi ngày hôm sau. Sau khi đã hẹn chắc, tôi bèn kiếu từ.

Tôi đi thẳng xuống bờ sông Hằng, bước trên những bậc thang bằng đá xây thành một dãy dài và cao đến mấy trăm bậc dọc theo bờ sông để cho những người hành hương xuống sông tắm. Trải qua nhiều thế kỷ, những bậc đá này cũng đã chịu sự tàn phá của thời gian, nhiều nơi đã sụp đổ và loang lỗ. Có những ngọn tháp đã ngả nghiêng và sụp xuống nước. Những đền đài dinh thự nguy nga đồ sộ ở ven bờ sông chen chúc nhau cái cao cái thấp, dường như đều muốn tranh lấy một chỗ đứng danh dự trên bờ sông Hằng linh thiêng.

Người Ấn Độ rất mực tôn sùng và xem sông Hằng như một vị nữ thần đem lại nguồn sống cho vùng đồng

bằng phì nhiêu của miền Bắc Ấn. Những tu sĩ, tăng lữ và người hành hương có mặt ở khắp nơi.

Tôi nhận thấy có vài vị thầy đang dạy học trò trong những gian phòng nhỏ để vách trống trải. Thầy ngồi giữa, trên những tấm nệm, học trò ngồi xếp bằng dưới đất ở chung quanh, đang cố gắng thâu thập những giáo lý từ nghìn đời của tôn giáo họ.

Một nhà tu khổ hạnh râu ria xồm xoàm làm cho tôi chú ý. Hỏi thăm người chung quanh thì nghe nói anh ta đã lăn mình dưới đất trên bốn trăm dặm đường trường, không quản bụi bặm chông gai, mưa nắng dãi dầu, để đến thánh địa *Bénarès*. Thật là một cách đi hành hương lạ lùng và hi hữu, có một không hai trên đời này!

Ở một góc khác, tôi gặp một nhân vật có bộ dạng rất dị kỳ: Anh ta đã đưa một cánh tay thẳng lên trời từ nhiều năm nay! Những gân cốt trên cánh tay đã rã rời khô kiệt, các bắp thịt như đã khô và teo lại, da cũng khô như tờ giấy. Làm sao có thể giải thích được những cuộc biểu diễn vô lý và kém mỹ thuật này, nếu không phải là mặt trời vùng nhiệt đới đã làm cho họ bị loạn trí?

Qua hôm sau, đúng bốn giờ chiều, bác sĩ *Kavir* và tôi cùng đến nhà vị pháp sư, bước vào gian phòng lớn

và lễ phép chào vị chủ nhân. Có sáu người đệ tử cũng đang có mặt tại đó.

Pháp sư *Vishudha* mời tôi ngồi xích lại gần. Tôi ngồi xếp bằng cách giường độ vài thước. Người hỏi tôi:

- Anh muốn xem một vài phép thuật của tôi, phải vậy chăng?

Tôi mừng rỡ đáp ngay:

- Nếu pháp sư vui lòng cho xem thì thật là vô cùng hân hạnh.

- Vậy anh hãy đưa cho tôi cái khăn tay của anh. Nếu khăn bằng lụa thì càng hay. Tùy ý anh muốn có một loại hương thơm nào, thì mùi hương đó sẽ được đem đến cho anh. Tôi chỉ dùng một cái kính hiển vi và ánh sáng mặt trời làm phương tiện.

Cũng may, lúc đó tôi có đem theo một chiếc khăn tay bằng lụa, tôi liền đưa cho vị pháp sư. Người lấy ra một cái kính hiển vi nhỏ và giải thích rằng người muốn tiếp lấy ánh sáng mặt trời, nhưng vì vị trí của mặt trời trong lúc đó bị mái nhà che khuất nên không thể thâu một cách trực tiếp. Tuy nhiên, người có thể vượt qua sự chướng ngại đó bằng cách cho một đệ tử ra đứng ngoài sân, dùng một mảnh kính thường và rọi ánh nắng vào phòng xuyên qua một cửa sổ. *Vishudha* tuyên bố:

- Bây giờ, tôi sẽ thâu mùi hương trong không khí. Anh muốn thứ hương thơm nào?

- Tôi muốn có mùi hoa lài.

Ông ta cầm cái khăn tay của tôi bằng tay trái, và tay mặt cầm cái kính hiển vi đưa lên. Trong khoảng hai giây đồng hồ, một tia nắng rọi trên góc chiếc khăn lụa. Kế đó, ông ta bỏ kính ra và đưa cái khăn cho tôi. Tôi đưa lên mũi ngửi thì rõ ràng là mùi thơm nồng của hoa lài đượm trên một góc của chiếc khăn. Tôi xem kỹ cái khăn, nhưng không thấy có dấu ướt mà cũng không có bằng chứng gì cho thấy rằng có một thứ dầu thơm lỏng đã được tẩm lên đó.

Tôi rất ngạc nhiên và nhìn vị pháp sư với vẻ hoài nghi và đề nghị biểu diễn lại một lần nữa. Lần thứ hai, tôi chọn mùi hoa hồng. Tôi chăm chú nhìn cuộc thí nghiệm lần này. Tôi dò xét tỉ mỉ mỗi cử chỉ của ông ta, và những gì xảy ra chung quanh. Tôi quan sát hai bàn tay và chiếc áo trắng của ông ta đang mặc với cặp mắt tò mò, nhưng không thấy có gì khả nghi. Ông ta lặp lại cuộc biểu diễn như lần trước, và tạo nên mùi hoa hồng thơm phức ở một góc khác của cái khăn.

Lần thứ ba tôi lại chọn một mùi hoa khác. Lần này ông ta cũng thành công như những lần trước.

Vishudha có vẻ rất thản nhiên với sự thành công này. Ông xem trò biểu diễn này dường như một việc rất tầm thường, xảy ra hàng ngày, thậm chí không đáng để nở một nụ cười.

Rồi bất chợt ông ta tuyên bố:

- Bây giờ đến lượt tôi chọn mùi hương. Tôi sẽ tạo nên mùi hương của một thứ hoa chỉ mọc ở bên xứ Tây Tạng.

Ông ta lại thâu ánh nắng mặt trời rọi lên góc cuối cùng của chiếc khăn tay. Lần này, ông tạo ra một mùi hương lạ mà tôi không biết là mùi hoa gì. Hơi ngạc nhiên, tôi bèn đút chiếc khăn tay của tôi vào túi. Việc này có vẻ như đúng là một phép lạ. Hay là ông ta đã giấu những loại dầu thơm này trong người chăng? Hoặc trong áo chăng? Nếu như thế thì hẳn là ông ta phải giấu rất nhiều thứ dầu thơm, bởi vì ông ta không thể biết trước tôi sẽ chọn thứ mùi hoa nào. Chiếc áo dài ông ta đang mặc không thể chứa đựng hết đủ những thứ dầu thơm cần thiết. Vả lại, ông ta không hề cho tay vào trong áo.

Tôi đề nghị ông ta cho tôi xem cái kính hiển vi thì thấy đó chỉ là một loại kính hiển vi thông thường, lồng trong một cái khung thép tròn với một tay cầm nhỏ cũng bằng thép. Tôi không thấy gì khả nghi. Ngoài ra,

không phải chỉ có một mình tôi dò xét từng cử chỉ của vị pháp sư. Chung quanh người còn có sáu người đệ tử. Vị bác sĩ đã cho tôi biết rằng tất cả bọn họ đều là những người có địa vị, có học thức rộng và chức nghiệp cao.

Vậy ông ta đã dùng thuật thôi miên chăng? Điều này có thể thử biết được, khi về nhà, tôi sẽ đưa cái khăn cho những người khác xem.

Vishudha còn định cho tôi xem một phép thuật khác kỳ diệu hơn, tuy rằng phép thuật này ông ta ít khi nào biểu diễn cho người khác xem. Ông ta cho biết thêm rằng, để biểu diễn trò thứ hai này sẽ cần có ánh nắng gắt. Khi đó mặt trời đã sắp lặn và trời sắp tối. Tôi phải đến lần sau vào lúc giữa trưa của một ngày cuối tuần và ông ta hứa sẽ biểu diễn phép thuật làm cho một sinh vật đã chết tạm thời sống lại.

Tôi bèn kiếu từ và trở về nhà. Tôi đưa cái khăn tay cho ba người xem. Mỗi người đều nhận thấy rằng nó vẫn còn tỏa ra những mùi thơm nồng nặc. Như vậy không có thể nói rằng tôi đã bị thôi miên, và tôi cũng không thể coi cuộc biểu diễn vừa qua như một trò quỉ thuật.

Tôi trở lại nhà vị pháp sư lần nữa. Ông ta cho tôi biết rằng có thể làm cho một sinh vật đã chết phục hồi sự sống trở lại được, nhưng chỉ với các loài vật nhỏ

mà thôi, và ông thường thí nghiệm với một loài chim. Người ta bóp chết một con chim sẻ và đặt trước mặt chúng tôi độ một tiếng đồng hồ, để chúng tôi thấy rõ là nó đã chết thật. Đôi mắt của nó không còn chớp, toàn thân nó đã cứng đơ không chút cử động, không còn thấy bất cứ dấu hiệu gì của sự sống.

Vị pháp sư lấy kính hiển vi và rọi một tia nắng mặt trời vào một mắt của con chim. Vài phút trôi qua, không có gì xảy ra. Pháp sư vẫn chăm chú làm việc, người mở đôi mắt lớn và tập trung nhãn lực vào con chim, nét mặt lạnh lùng và cương nghị. Thình lình, người mở miệng thốt ra những câu thần chú dị kỳ bằng một thứ tiếng nghe rất lạ tai. Sau đó một lát, thân mình con chim đã bắt đầu giật vài cái. Kế đó, cánh và lông của nó hơi giương lên, nó bắt đầu đập hai cánh, đứng dậy trên hai chân và nhảy vài cái trên sàn gạch. Nó đã sống lại, không còn nghi ngờ gì nữa!

Trong giai đoạn kế đó, con chim sẻ đã có đủ sức bay bổng và tìm chỗ cao để đậu. Thật là một chuyện khó tin đến nỗi tôi phải thâu thập tinh thần để biết chắc rằng tôi đang thức tỉnh chứ không phải nằm mơ. Cuộc thí nghiệm diễn ra độ nửa giờ. Thình lình tôi lấy làm ngạc nhiên mà thấy con chim ngả xuống không cựa quậy ở ngay trước mặt chúng tôi. Tôi nhìn kỹ thì thấy nó không thở nửa và đã chết thật. Tôi hỏi:

- Pháp sư có thể kéo dài sự sống của nó lâu hơn nữa được không?

Người đáp:

- Đó là tất cả những gì tôi có thể cho anh xem trong buổi hôm nay.

Vị bác sĩ kề tai nói nhỏ với tôi rằng pháp sư sẽ còn biểu diễn những phép thuật lạ lùng hơn nữa, nhưng chúng ta không nên lạm dụng lòng tốt của người trong lúc này. Pháp sư không phải là một nhà làm trò ảo thuật, và tôi hãy thỏa mãn với những gì tôi đã thấy.

Điều này làm cho câu chuyện càng trở nên bí mật thêm đối với tôi, và rốt cuộc tôi chẳng hiểu được gì cả. Tôi cũng được biết rằng pháp sư có thể làm xuất hiện những chùm nho tươi từ trong khoảng không, và làm ra những viên kẹo ngọt với hai tay không mà thôi. Người chỉ cần nắm trong lòng bàn tay một cái hoa đã héo cũng đủ làm cho nó tươi tốt thơm tho trở lại như cũ. Rốt cuộc, vị pháp sư này có cái bí quyết như thế nào? Tôi thử tìm hiểu vấn đề này, nhưng vẫn không tìm ra được câu giải đáp. Sự bí mật vẫn còn đó ở sau cái trán cao rộng và bí hiểm của vị pháp sư thành *Bénarès*. Người chưa hề tiết lộ sự bí mật đó cho ai, ngay cả người đệ tử thân tín nhất.

Sau một cuộc điều tra kín đáo về cuộc đời của người, tôi đã thu thập được những chi tiết như sau: Người sinh ra ở tỉnh *Bengale*, năm mười ba tuổi bị rắn độc cắn sắp chết. Người mẹ đã tuyệt vọng, và muốn cho người đến trút linh hồn ở bên bờ sông Hằng, bởi vì đối với người Ấn Độ thì không có cái chết nào tốt đẹp và thiêng liêng hơn nữa. Người ta trầm mình đứa bé xuống sông trong khi tất cả gia quyến đều tề tựu trên bờ sông để làm lễ tống táng. Sự mầu nhiệm xảy ra ngay khi đó. Mỗi khi xác đứa bé bị dìm xuống sông thì nước sông lại rút xuống. Dường như sông Hằng từ chối không chịu nhận lãnh xác đứa trẻ này trong dòng nước chảy siết của nó. Trong khi đó, một người đạo sĩ ngồi trên bờ nhìn thấy việc xảy ra như thế, liền đứng dậy và tiên đoán rằng đứa trẻ này sẽ có một định mệnh lớn lao, vì nó sẽ trở nên một người *yogi*.

Người đạo sĩ bèn thoa vết thương của đứa trẻ với một vài loại cỏ thuốc rồi mang đứa bé đi. Một tuần lễ sau, người trở lại và nói cho cha mẹ đứa trẻ biết rằng nó đã bình phục.

Quả nhiên, đứa trẻ hết bịnh và mạnh khoẻ như xưa. Nhưng trong tuần lễ đó, một chuyện lạ đã xảy ra: tánh tình dứa trẻ bỗng nhiên thay đổi. Nó chán ngán cảnh sống trong gia đình và chỉ muốn bỏ nhà ra đi để trở

thành đạo sĩ. Vài năm sau, người mẹ ưng thuận cho cậu ta rời nhà đi tu. Cậu bèn ra đi để tìm thầy học đạo.

Từ đó, cậu thiếu niên thẳng đường sang Tây Tạng để hy vọng tìm được một danh sư trong số những nhà đạo sĩ ẩn dật ở xứ này. Người Ấn Độ vẫn luôn luôn tin tưởng rằng người học đạo chỉ có thể tiến mau trên đường tu luyện bằng cách trở thành đệ tử của một vị danh sư đã có kinh nghiệm trên con đường này.

Người thiếu niên *Bengali* sau khi đã tìm tòi lục lạo khắp các nơi non cao động cả, đương đầu với những cơn bão tuyết dữ dội trên miền sơn cước tuyết phủ quanh năm, đành chịu thất vọng trở về tay không.

Nhưng nhiều năm trôi qua vẫn không làm giảm sút lòng nhiệt thành cầu đạo của cậu ta. Cậu lại ra đi lần nữa, và lần này đi băng qua những vùng sa mạc bao la ở miền nam xứ Tây Tạng. Tại đây, trong một chòi tranh ẩn khuất trong động đá của miền núi non hẻo lánh hoang vu không có dấu chân người, cậu ta đã gặp được vị danh sư vẫn hằng tìm kiếm.

Đến dây, tôi được nghe một chuyện mà vào lúc khác có lẽ tôi đã bật cười, nhưng lúc này tôi chỉ nghe mà không phản đối. Người ta quả quyết với tôi rằng vị danh sư Tây Tạng này đã sống lâu đến nỗi không còn nhớ được tuổi của mình. Họ nói điều này một cách tự

nhiên và bình thản cũng như chúng ta nói rằng một người kia đã bốn, năm mươi tuổi. Đây là lần thứ ba mà tôi nghe nói về những người sống lâu. *Brama* đã từng quả quyết với tôi rằng sư phụ của anh ta ở xứ *Nepal* có thể sống lâu tùy ý. Một vị tu sĩ khác mà tôi gặp ở miền Tây có cho tôi biết rằng những người chứng đạo có thể tùy ý quyết định việc sống chết của mình. Tôi đã gạt bỏ những chuyện trên đây như là những chuyện hoang đường, thì hôm nay người ta lại thuật cho tôi nghe một câu chuyện tương tự, và tin tưởng rằng những bậc thầy chứng đạo đều đã nắm chắc được bí quyết của sự sống chết.

Vị danh sư Tây Tạng ấy liền truyền dạy cho chàng thanh niên *Vishudha* pháp môn *Hatha Yoga*. Dưới sự chỉ dẫn của Thầy, người thanh niên này lần lần tập luyện và phát triển những khả năng thể xác và tinh thần đến một mức độ phi thường.

Trong mười hai năm, không quản thời tiết khắc nghiệt trên miền núi Tây Tạng, người gắng công tập luyện dưới sự dìu dắt của vị danh sư đã chứng ngộ. Sau thời kỳ huấn luyện, người được Thầy cho xuống núi trở về quê nhà, và đến lượt người trở nên một đanh sư của pháp môn *Yoga*.

Người đã lưu trú một thời gian ở tỉnh *Puri* và có một biệt thự ở tại đây. Những đệ tử của người đều thuộc về

thành phần thượng lưu trong xã hội, gồm những tay phú thương, nghiệp chủ, công chức cao cấp, trong số đó có cả một vị vương tước (*Rajah*). Nếu tôi không lầm thì hình như người ta không khuyến khích sự nhập môn của những kẻ bạch đinh tay trắng.

Thình lình tôi buột miệng hỏi:

- Pháp sư làm những phép thuật ấy bằng cách nào?

Vishudha thản nhiên đáp:

- Những điều anh đã thấy không phải là thuật *Yoga*, mà thuộc về một khoa học huyền bí gọi là khoa Thái dương học. Mục đích chính của khoa *Yoga* là phát triển ý chí và tinh thần, chứ không có dính dáng gì đến khoa Thái dương học. Khoa này gồm có những bí thuật mà sự thực hành không cần bắt buộc phải trải qua một sự huấn luyện đặc biệt nào. Người ta có thể học khoa này bằng những phương tiện giống như bất cứ ngành khoa học nào của Tây phương.

Bác sĩ *Kavir* giải thích cho tôi biết rằng khoa học này cũng gần giống như khoa điện học hay khoa vật lý học. Tôi vẫn không hiểu được bao nhiêu, thì vị pháp sư lại nói rõ thêm:

- Khoa Thái dương học của Tây Tạng thật ra không phải là mới lạ gì. Các đạo sĩ Ấn Độ đã từng biết đến nó từ những thời đại quá khứ xa xăm nhất, nhưng ngày

nay nó đã bị mai một và thất truyền. Những tia nắng mặt trời có chứa đựng những nguồn sinh lực rất mạnh. Nếu anh có thể chọn lọc và cô lập những nguồn sinh lực đó, anh sẽ làm được những phép thuật mà tôi đã làm. Trong ánh sáng mặt trời, cũng có những mãnh lực mà người nào biết cách sử dụng sẽ làm được những điều phi thường.

Tôi hỏi:

- Pháp Sư có dạy khoa này cho các đệ tử chăng?

- Chưa, nhưng tôi đang chuẩn bị việc đó. Tôi sẽ chọn lựa vài người đệ tử để truyền dạy những bí thuật của tôi. Hiện thời chúng tôi đang bận xây cất một phòng thí nghiệm lớn để làm giảng đường dạy về khoa này.

- Nhưng hiện giờ pháp sư dạy về môn gì?

- Pháp môn Yoga.

Trong phòng chỉ có vài ba người đệ tử còn ở lại, những người khác đã lần lượt kiếu từ. Bác sĩ *Kavir* ngồi bên cạnh tôi và chăm chú nhìn thầy một cách tôn kính. *Vishudha* nhìn tôi và rồi quay mặt sang chỗ khác. Gương mặt của người có một vẻ tôn nghiêm khác thường. Tôi thử tìm cách cảm thông với nét mặt nghiêm nghị đó, nhưng vô hiệu quả. Tâm hồn của người vẫn khép chặt đối với một người Âu như tôi, chẳng khác nào như thánh điện thâm nghiêm của ngôi đền Vàng

ở *Bénarès*! Toàn thân vị pháp sư toát ra một mãnh lực thần bí của phương Đông, và tôi cảm thấy rõ rệt rằng từ khi mới gặp nhau lần đầu, người đã dựng lên một bức rào cách biệt vô hình mà tôi không thể vượt qua. Những cuộc biểu diễn phép thuật mà người đã làm cho tôi xem chẳng qua chỉ là một phép xã giao lịch sự bề ngoài: ở đây không phải chỗ của những kẻ tò mò và những ngươi đệ tử Âu Tây.

Bỗng nhiên, pháp sư thốt ra mấy lời thật là bất ngờ đối với tôi:

- Tôi không truyền pháp cho anh nếu không có sự chuẩn y của Tôn Sư tôi. Đó là điều kiện cần thiết hơn hết.

Người đã đọc được tư tưởng của tôi chăng, hay là người muốn nói gì? Tôi không hề xin làm đệ tử của pháp sư bao giờ. Tôi cũng không hề có ý muốn làm đệ tử bất cứ người nào. Vả lại, tôi cũng biết rằng một sự yêu cầu như thế chắc chắn là sẽ bị từ chối. Tôi bèn hỏi:

- Nhưng làm sao ông có thể tiếp xúc với lịnh Tôn Sư trong khi người ở cách xa như thế?

- Chúng tôi vẫn giao tiếp thường xuyên với nhau bằng tư tưởng.

Tôi nghe rõ, nhưng tôi không tin tưởng cho lắm. Một câu hỏi khác đến trên môi của tôi:

- Thưa pháp sư, làm sao có được sự bằng an?

- Nếu không thực hành pháp môn Yoga, thì làm sao có được sự bằng an?

- Tôi nghe nói rằng Yoga là một môn học rất khó nếu không có thầy dìu dắt. Nhưng tìm thầy cũng là một việc không phải dễ.

Pháp sư thản nhiên đáp:

- Nếu người đệ tử sẵn sàng thì vị thầy sẽ xuất hiện.

Tôi bày tỏ sự nghi ngờ về điểm này. Người nói tiếp:

- Anh hãy tự chuẩn bị sẵn sàng, sau đó, dầu là anh ở đâu thì vị thầy cũng sẽ có ở đó.

- Nhưng tôi phải chuẩn bị như thế nào?

- Anh hãy dành riêng mỗi ngày một ít thời giờ để tập lấy thế ngồi rất giản dị mà tôi sẽ chỉ cho anh. Đồng thời, anh hãy tập chế ngự tánh nóng giận, giảm bớt những xúc cảm và thất tình lục dục.

Vishudha biểu diễn cho tôi xem thế ngồi "*liên hoa tọa bộ*" mà tôi đã quen thuộc. Điều mà tôi không hiểu là người nói rằng nó rất giản dị. Tôi nói:

- Đối với một người Âu đã lớn tuổi, tôi nhận thấy rằng thế ngồi này rất khó thực hành.

- Chỉ khó khi mới bắt đầu mà thôi, anh hãy thử tập mỗi buổi sớm mai và chiều, rồi anh sẽ thấy dần dần dễ hơn. Điều quan trọng là hãy chọn lấy một giờ khắc nhất định rồi cố gắng giữ đúng giờ mỗi ngày. Lúc đầu, tập năm phút cũng đủ. Sau một tháng, anh hãy tập ngồi mười phút; sau ba tháng, ngồi hai mươi phút, và cứ tiếp tục như thế. Xương sống phải giữ cho thẳng. Phép ngồi này sẽ giúp cho anh có được sự thăng bằng thoải mái của thể xác, rồi sau đó anh sẽ cảm thấy thần trí được yên ổn vững vàng.

- Chắc là pháp sư dạy môn *Hatha Yoga*?

- Đúng thế, nhưng anh dừng tưởng rằng môn *Raja Yoga* là cao hơn. Thể chất và tâm linh là hai khía cạnh khác nhau trong con người và cần phải luyện tập cả hai. Thể xác ảnh hưởng đến tinh thần và tinh thần cũng ảnh hưởng đến thể xác. Về phương diện thực hành, cần phải phát triển cả hai khía cạnh đó.

Tôi cảm thấy không còn lãnh hội được thêm điều gì nữa. Cuộc đàm thoại thiếu hào hứng, và tôi định kiếu từ, nhưng tôi còn hỏi thêm một câu cuối cùng

- Pháp sư đã khám phá ra thế nào là mục đích của đời người chăng?

Các đệ tử liền quên sự trang nghiêm của họ trong một lúc và bật cười vì sự đơn giản đến mức ngây thơ

của tôi. Phải là một người Âu vô tín ngưỡng và không biết gì cả mới dám đưa ra một câu hỏi như thế với một bậc thầy tinh thần.

Pháp sư không đáp lại mà đưa mắt nhìn bác sĩ *Kavir*. Ông này liền trả lời:

- Tự nhiên là đời người phải có mục đích. Mục đích đó, nói một cách đơn giản là đạt tới sự toàn thiện, mà nói một cách sâu sắc hơn là hợp nhất với sự sống của vạn hữu.

Tiếp theo đó là một sự im lặng hoàn toàn. *Vishudha* lật những trang của một quyển sách lớn viết bằng chữ *Bengali*. Những đệ tử ngồi yên lặng, dường như đã rơi vào giấc ngủ hay ngồi thiền. Một sức mạnh vô hình có ảnh hưởng lạ lùng đã xâm chiếm lấy tôi, tôi cảm thấy rằng nếu tôi ngồi nán lại thêm ít lâu nữa, có lẽ tôi sẽ ngủ gật hoặc rơi vào một cơn nhập định. Tôi bèn thu thập tinh thần, ngỏ lời cám ơn pháp sư và đứng dậy kiếu từ.

Một lần nữa, tôi lại đi bách bộ qua những con đường nhỏ hẹp quanh co của thành phố *Bénarès* màu sắc rực rỡ, trung tâm tôn giáo cổ kính và thiêng liêng hấp dẫn đủ mọi hạng người trong xã hội. Nếu ở đây không thiếu những người hành hương sùng tín, thì người ta cũng thấy không ít những kẻ bất lương, côn đồ và du đảng,

không kể đến vô số những kẻ sống cuộc đời ký sinh, ăn bám ở các đền chùa hoặc sống nhờ sự bố thí của khách thập phương.

Tiếng chuông đền ngân vang báo hiệu những cuộc lễ về đêm. Màn đêm rủ xuống rất nhanh dưới một vòm trời xám ngắt. Mặt trời lặn mang đến một tiếng vọng khác: từ trên đài cao của một ngôi đền Hồi giáo, các giáo sĩ ngân nga những lời kêu gọi tín đồ cầu nguyện vào giờ chiều.

Tôi ngồi trên bờ con sông Hằng linh thiêng ngắm nhìn cảnh vật và lắng tai nghe ngọn gió chiều thổi vi vu xuyên qua các ngọn cây. Một người hành khất bôi tro đầy mình tiến đến gần tôi. Đây chắc là một người hành hương thuộc loại đặc biệt, vì tôi nhận thấy trong cặp mắt anh ta chiếu một tia sáng lạ thường không phải là của người bình thường. Tôi vẫn chưa hiểu rõ hết tất cả những gì là huyền bí ở cái xứ ngàn năm văn vật này. Tôi vừa móc túi vừa tự hỏi rằng không biết cái hố sâu cách biệt giữa tôi với người hành khất này có thể lấp bằng được chăng? Ông ta nhận lấy của bố thí với một vẻ thản nhiên, đưa hai bàn tay lên trán để chào rồi rút lui.

Tôi nghĩ đến vị pháp sư có phép thuật rút hương thơm trong không khí và phục hồi được sự sống cho con chim đã chết. Sự giải thích về khoa Thái dương học của

ông ta không đủ thuyết phục được tôi, hay nói đúng hơn là tôi không hiểu được gì cả. Lẽ tất nhiên, người ta không thể cho rằng khoa học hiện đại đã biết hết tất cả về ánh sáng mặt trời và những khả năng tiềm tàng của nó, nhưng điều này cũng chỉ lùi thêm một bước trong việc làm sáng tỏ vấn đề.

Tôi có nghe nói về hai người *yogi* cũng đã rút hương thơm trong không khí như pháp sư *Vishudha*. Cả hai đều đã qua đời vào cuối thế kỷ trước, nhưng tôi có thể tin được chuyện này. Trong cả hai trường hợp đều có một chất dầu xuất hiện trên lòng bàn tay của người *yogi*, hình như là từ trong người họ tiết ra, cũng như chất mồ hôi. Chất dầu này có khi khá đậm đặc để có thể tỏa hương thơm ra khắp phòng. Nếu đó cũng chính là cái quyền năng của *Vishudha* thì chắc là ông ta đã chuyển hương thơm từ bàn tay của ông ta sang chiếc khăn trong khi ông ta cầm cái kính phóng đại. Nếu như thế, thì việc thâu ánh nắng mặt trời chỉ là một mánh khóe để che mắt người đời. Có một việc xác nhận giả thuyết này, là vị pháp sư chưa truyền cái bí thuật này lại cho ai.

Nếu vấn đề dùng kính phóng dại để thâu ánh nắng chỉ là một sự lừa dối thì vị pháp sư đã dùng phương pháp nào? Có lẽ đó là phép thuật *Yoga* chăng? Nhưng đây không phải việc của tôi. Tôi chỉ có phận sự trình

bày những sự việc mà tôi đã thấy, chứ không phải là giải thích căn nguyên của mọi vấn đề. Đây là một khía cạnh bí ẩn của đời sống ở Ấn Độ, vẫn còn khép chặt đối với chúng ta, vì dẫu cho vị pháp sư hay một đệ tử nào đó sẵn lòng biểu diễn trước công chúng và kêu gọi sự chú ý của các nhà bác học, thì sự bí mật kia cũng vẫn còn đó. Đó là tất cả những gì người ta có thể nói trong lúc này.

Nhưng còn chuyện kia: bằng cách nào ông ta đã phục hồi sự sống cho con chim đã chết? Những chuyện về khả năng kéo dài sự sống tùy theo ý muốn của người *yogi* có thật không? Phải chăng ở phương Đông quả thật có những người đã tìm ra bí quyết của vấn đề sống chết? Tôi đành phải bỏ qua những câu hỏi đó và không màng tìm câu giải đáp.

Chiều nay, nhìn không gian bao la vô tận, lòng tôi nao nao bồi hồi. Dưới vòm trời đầy sao mà đêm nhiệt đới càng làm tăng thêm phần tỏ rạng, tôi nhìn xem những tòa đền đài cung điện, dinh thự chùa chiền ở chung quanh cùng với bao nhiêu người đồng loại của tôi đang sống trong đó mà tự hỏi không biết có sức mạnh vô hình huyền bí nào làm vận chuyển tất cả những thứ ấy trong sự sinh hoạt thường xuyên hằng ngày? Những vật tầm thường nhất đêm nay cũng đượm một màu sắc huyền ảo, những hình người ẩn hiện chập chờn như

những bóng ma, những chiếc thuyền câu lấp lánh ánh đèn dầu lướt nhẹ trên sông trong đêm tối... Cảnh vật mơ huyền dưới ánh sao khi mờ khi tỏ làm cho người ta có cảm giác thoát ly ra khỏi cảnh đời thực tế để rơi vào cõi mộng.

Tư tưởng triết học Ấn Độ luôn cho rằng thế gian chỉ là một trò hư ảo đã xâm chiếm tâm hồn tôi trong đêm nay và càng gây cho tôi một cảm giác lâng lâng thoát tục. Phải chăng từ nay tôi đã sẵn sàng bước vào một kinh nghiệm lạ lùng nhất trên địa hạt tâm linh như có người đã tiên đoán?

Trong lúc đó, âm điệu mơ buồn của một bài dân ca Ấn Độ do anh lái đò cất tiếng hát văng vẳng trên dòng sông kéo tôi ra khỏi giấc mơ thoát trần, và lại đưa tôi trở về với cảnh đời hỗn tạp pha lẫn những thú vui giả tạm và những đau khổ bất ngờ mà không ai lường hết được!

CHƯƠNG 10

KHOA CHIÊM TINH HỌC

Những mái bầu trên các ngọn tháp chói rạng và phản chiếu ánh nắng ban mai. Những người hành hương xuống tắm gội dưới sông nô đùa vui vẻ, và cảnh tượng tưng bừng rực rỡ đầy màu sắc phương Đông của thành phố *Bénarès* bên bờ sông Hằng linh thiêng diễn ra trước mắt tôi. Tôi ngồi trên một chiếc thuyền lớn, lái thuyền chạm hình đầu rắn hổ mang, thả trôi theo dòng sông, do ba người chèo.

Người bạn đồng hành ngồi kế bên tôi là một thương gia ở Bombay. Ông ta cho tôi biết rằng ông ta có ý định giải nghệ về hưu khi trở về thành phố này. Ông ta là một người rất mộ đạo nhưng cũng là một người rất thực tế. Trong khi ông ta lo lập công bồi đức để tạo một kho tàng tâm linh quí báu trên cõi thiên đàng thì ông ta cũng không quên dự trữ một số tiền lớn trong ngân hàng. Tôi được biết ông ta từ một tuần nay, nhận thấy ông ta là một người tốt bụng và tánh tình cởi mở. Ông ta giải thích cho tôi nghe:

- Tôi sẽ về hưu đúng vào năm mà *Sudhei Babu* đã tiên đoán và cho tôi biết trước.

Tôi hỏi:

- *Sudhei Babu* là ai vậy?

- Ông không biết sao? Ông ta là một nhà chiêm tinh giỏi nhất của thành *Bénarès*.

Tôi nói với một giọng châm biếm:

- Chỉ có thế thôi à?

Tôi đã từng thấy những người thầy bói ngồi xổm trên lề đường ở khu *Maidan* tại *Bombay*, trong những lều quán ở *Calcutta*, và đón khách qua đường ở những thành phố nhỏ. Phần nhiều là những người có vẻ bẩn thỉu, đầu tóc rối nùi, gương mặt lộ rõ vẻ ngu xuẩn và mê tín. Đồ nghề của họ gồm một vài quyển sách bói cáu bẩn và một cuốn niên lịch chứa đầy những dấu hiệu bí mật, khó hiểu. Họ tự hào là có thể biết rõ và định đoạt vận mạng sang hèn của người khác, nhưng dường như không nhận thấy một điều là họ không định đoạt được vận mạng của chính mình!

Tôi nói thêm với giọng của người biết chuyện và khuyên răn kẻ khác:

- Ông làm tôi ngạc nhiên đấy. Một thương gia như ông sao có thể phó mặc cho các tinh tú trên bầu trời

điều khiển công việc kinh doanh của mình? Sao không dùng trí óc suy xét, phân biện, chẳng phải hay hơn sao?

Người bạn tôi lắc đầu và mỉm cười một cách khoan dung:

- Nếu vậy, làm sao giải thích được những gì ông ta đã tiên đoán về tôi? Làm sao ông ta có thể biết trước rằng tôi sẽ giải nghệ về hưu vào năm bốn mươi mốt tuổi?

- Có lẽ đó là do sự tình cờ.

- Được rồi, nhưng để tôi kể cho ông nghe một chuyện. Mấy năm về trước, tôi gặp một nhà chiêm tinh ở *Lahore* và mở một cuộc kinh doanh theo lời khuyên của ông ta. Hồi đó tôi đang chung vốn với một người khác, nhưng người này cho rằng công cuộc kinh doanh quá mạo hiểm, anh ta không chịu hùn và rút vốn lại. Tôi tiếp tục kinh doanh lấy một mình, việc này thành công bất ngờ và đem lại cho tôi một số tiền lời rất lớn. Tuy vậy, nếu không nhờ có lời khuyên của nhà chiêm tinh ở *Lahore*, thì có lẽ tôi đã không dám mạo hiểm thực hiện công việc đó.

- Như vậy, ông cho rằng...

Người bạn tôi liền tiếp lời nói luôn hết câu mà tôi định nói:

- Đời người là do số mạng định đoạt, mà số mạng của mỗi người giàu hay nghèo, sang hèn, hay dở đều được thể hiện rõ bởi vị trí của các ngôi sao.

Tôi nói với một giọng hoài nghi:

- Nhưng các tay thầy bói mà tôi đã gặp đều là những kẻ dốt nát và ngu xuẩn đến nỗi tôi không thể nào tin được những lời bói toán và tiên tri của họ.

- Có lẽ vậy. Nhưng ông đừng lầm lẫn giữa một nhà chiêm tinh lành nghề và xuất sắc như *Sudhei Babu* với những tay thầy bói kiếm cơm ấy. Ông đã gặp phải những tay bịp bợm. Nhưng đây là một người *Bà-la-môn* thượng lưu trí thức, anh ta sống riêng trong một biệt thự hẳn hòi. Anh ta đã từng khảo cứu công phu về khoa chiêm tinh từ nhiều năm nay và có nhiều bộ sách cổ xưa và rất hiếm.

Dầu sao, người bạn đồng hành của tôi cũng không phải là một người ngu dốt. Anh ta là một người Ấn Độ cấp tiến, có óc thực tế và biết sử dụng những phát minh khoa học mới mẻ nhất của Âu Tây. Anh ta còn cấp tiến hơn cả tôi ở một vài điểm: anh ta mang theo lên thuyền một máy quay phim rất đẹp, còn tôi chỉ có một máy ảnh *Kodak* bỏ túi. Tên gia nhân của anh ta mang đến một cái bình rất sang trọng và rót ra cho chúng tôi những ly nước cam mát rượi để giải khát,

làm tôi nhớ lại rằng tôi đã quên đem theo một vật dụng rất cần thiết trong khi đi đường.

Trong khi nói chuyện, tôi được biết ở *Bombay* anh ta thường dùng điện thoại còn nhiều hơn cả tôi khi còn ở châu Âu. Tuy thế, anh ta lại tin tưởng nơi khoa chiêm tinh! Tôi lấy làm ngạc nhiên về những điểm trái ngược và dị đồng trong tâm tính của anh ta. Tôi nói:

- Chúng ta hãy thử tìm hiểu nhau. Ông bạn thực sự tin rằng cuộc đời của mỗi người và mỗi diễn biến trên thế giới đều được định đoạt bởi các tinh tú cách xa trái đất hằng muôn triệu dặm hay sao?

Anh ta trả lời một cách bình thản:

- Phải, tôi tin như vậy.

Tôi nhún vai và không biết nói sao. Anh ta nói tiếp:

- Sao ông bạn không đi xem thử một lần cho biết? Tục ngữ xứ ông có câu: "Muốn biết bánh ngon hãy nếm thử." Ông bạn hãy thử nghe lời tiên tri của *Sudhei Babu* một lần xem thế nào. Chính tôi cũng không tin lời những ông thầy bói, nhưng tôi hoàn toàn tin tưởng vào tài tiên tri của ông này.

- Tôi rất nghi ngờ những kẻ sống về nghề bói toán hay tướng số. Tuy nhiên, tôi nghe theo lời ông. Vậy ông có vui lòng đưa tôi tới gặp nhà chiêm tinh này chăng?

- Tất nhiên là tôi vui lòng. Vậy mời ông bạn tới dùng trà với tôi chiều mai, rồi chúng ta sẽ cùng đi.

Chúng tôi cho thuyền đi từ từ trên dòng sông. Trên bờ, những tòa lâu đài, dinh thự, đền chùa nối tiếp nhau diễn ra trước mắt chúng tôi. Tôi nhìn xem những bậc đá dọc theo bờ sông, đầy những người hành hương xuống tắm gội, nhưng trí óc tôi vẩn vơ trôi về chỗ khác. Tôi nghĩ rằng, nếu khoa học có thể tự hào đã loại trừ sự dị đoan mê tín, thì một mặt khác, nó cũng không ngăn cấm sự tìm tòi khảo sát để tìm hiểu cặn kẽ mọi vấn đề. Nếu bạn tôi có thể đưa ra những bằng chứng cụ thể về sự thật của khoa lý số chiêm tinh đã làm cho phần đông người Ấn Độ tin tưởng vào cái gọi là định mệnh, thì tôi sẽ nghiên cứu vấn đề này với một tinh thần cởi mở và không thành kiến.

Qua hôm sau, ông bạn tôi đưa tôi đến một con đường cũ kỹ, chật hẹp, đi xuyên qua hai dãy nhà nóc bằng. Chúng tôi ngừng trước một ngôi nhà cổ xưa xây bằng đá. Ông ta dẫn đường cho tôi đi qua một hành lang tối tăm và thấp. Kế đó chúng tôi bước lên nhiều nấc thang bằng đá rất nhỏ hẹp, chỉ vừa một người đi lọt. Chúng tôi đi qua một gian phòng nhỏ và kế đó đến hàng hiên của một cái sân rộng ở chính giữa mà ngôi biệt thự được xây chung quanh đó.

Một con chó lớn sủa dữ dội khi nhìn thấy chúng tôi đến gần. Có những chậu kiểng sắp thành hàng dọc theo hàng hiên. Tôi tự hỏi, phải chăng nhà chiêm tinh này chơi kiểng để giải trí sau những giờ phút khảo cứu mệt nhọc về khoa lý số?

Ông bạn tôi cất tiếng gọi vào trong nhà, và chỉ được đáp lại bằng âm hưởng do những vách tường cũ dội lại tiếng gọi của anh ta. Chúng tôi đợi thêm vài phút. Con chó lại càng sủa dữ dội hơn trước, trong nhà vẫn im lặng dường như một ngôi nhà hoang vô chủ.

Tôi bắt đầu nghĩ rằng chuyến đi hôm nay chắc là vô ích thì bỗng nghe có tiếng chân người từ trên thang lầu bước xuống và tiến về phía cửa phòng chúng tôi. Một người mảnh khảnh, một tay cầm cái đèn cầy và một tay cầm xâu chìa khóa, hiện ra trên ngưỡng cửa. Sau vài câu chuyện trao đổi qua lại trong bóng tối, nhà Chiêm Tinh lấy xâu chìa khóa mở một cánh cửa khác và mời chúng tôi bước vào.

Ông ta lấy tay kéo hai tấm màn lớn và mở một cái cửa sổ ngó ra sân. Ánh sáng rọi qua cửa sổ chiếu vào gương mặt của nhà chiêm tinh. Đó là một người có gương mặt xanh xao, thiếu máu, dường như là người ở dưới mồ mới chui lên, chỉ có cặp mắt là chiếu sáng ngời, phản ảnh một đời sống nội tâm dồi dào. Cái hình dáng

như xác chết, sự gầy ồm khác thường, những cử chỉ rất mực chậm chạp của ông ta gây nên một ấn tượng rất lạ lùng cho người chung quanh. Tròng trắng trong mắt ông ta nhiều hơn tròng đen, và điều này lại càng làm nổi bật thêm cái ấn tượng nói trên một cách rõ rệt.

Nhà chiêm tinh ngồi bên một cái bàn lớn, trên bàn có rất nhiều giấy tờ. Ông ta nói tiếng Anh khá, và bằng lòng nói chuyện ngay với tôi mà không cần một người thông ngôn. Tôi nói ngay vào đề:

- Xin ông hiểu cho, tôi chỉ là một người sưu tầm chứ không phải là người tin vào khoa này.

- Được, tôi sẽ lấy lá số cho ông và ông sẽ cho tôi biết là có đúng hay không.

- Tôi phải trả ông bao nhiêu?

- Tôi không có giá nhất định. Những người có địa vị khá thường trả tôi sáu chục *ru-pi.* Những người khác trả tôi hai chục. Điều đó tùy ông.

Tôi nói cho ông ta biết rằng trước khi nói đến vận mạng tương lai, tôi muốn ông ta hãy nói thử đôi điều về quá khứ. Ông ta bằng lòng.

Trong một lúc, ông ta ngồi tính toán rất tỉ mỉ về ngày sinh của tôi. Sau vài phút, ông ta quay lại phía sau ghế ngồi và lục trong đống giấy tờ và những tài

liệu chép bằng bút tự trên lá buông đã ngả màu vàng. Sau cùng, ông ta lấy ra một mớ lá buông nhỏ, tròn dài và rất cũ, đã đóng lại hình như một quyển sách và vẽ trên một tờ giấy bức đồ hình rất lạ:

- Đây là bản đồ các tinh tú trên trời vào đúng giờ sinh của ông. Những tài liệu chữ Phạn này giải thích ý nghĩa của mỗi phần trong lá số. Bây giờ, tôi sẽ cho ông biết các tinh tú nói gì về ông.

Ông ta xem lá số lại rất kỹ, tra cứu tài liệu trong quyển sách cổ và nói bằng một giọng trầm trầm:

- Ông là một nhà văn từ châu Âu đến, có phải chăng?

Tôi gật đầu. Ông ta nói tiếp theo về thuở thiếu thời của tôi và kể thêm vài sự việc quan trọng đã xảy ra trong thời kỳ đó. Trong tất cả bảy điều quan trọng có năm điều đúng, còn hai điều kia hoàn toàn sai. Như thế, tôi đã có thể xét giá trị của ông ta tới đâu. Còn nói về sự thành thật của ông ta thì điều đó đã hiển nhiên, tôi dám chắc rằng ông ta không bao giờ có ý lừa dối ai cả. Một cuộc thí nghiệm đầu tiên với một kết quả mỹ mãn đến bảy mươi lăm phần trăm cũng đủ để kết luận rằng khoa chiêm tinh Ấn Độ đáng được người ta sưu tầm, nhưng nó cũng chỉ rằng đó không phải là một khoa học hoàn toàn chính xác.

Một lần nữa, *Sudhei Babu* lại lục trong đống giấy tờ rải rác của ông ta và miêu tả tánh tình của tôi một cách khá đúng. Kế đó, ông ta nói về khả năng trí thức của tôi đã giúp cho tôi theo đuổi nghề văn. Đến đây, ông ta ngẩng đầu lên và hỏi:

- Tôi nói có đúng không?

Tôi phải biểu đồng tình và không thể chối cãi những lời đoán số của anh ta. Ông ta lại nhìn vào lá số và nói về tương lai:

- Thế giới sẽ là nhà của ông. Ông sẽ đi du lịch khắp nơi, luôn luôn với cây bút trong tay, và sống với nghề nghiệp văn chương.

Ông ta nói luôn một hồi về những gì sẽ xảy ra trong tương lai. Nhưng tôi không thể xét đoán những lời này, và hãy để đó chờ thời gian xác nhận những điều đã được... viết trên tinh tú.

Sau khi nói xong, ông ta lại hỏi rằng tôi có được hài lòng hay chăng? Những lời ông ta đoán khá đúng về dĩ vãng và tánh tình của tôi đã làm cho tôi phải từ bỏ ý định thốt ra những lời hoài nghi bất nhã trước khi đến đây. Tôi tự hỏi: "Phải chăng ông ta chỉ nói càn, cầu may mà thôi? Phải chăng ông ta không làm gì khác hơn là phỏng đoán, rồi cứ nói bừa ra." Nhưng tôi phải thú nhận rằng những lời tiên tri của ông ta đã làm cho

tôi ngạc nhiên. Tuy thế, chỉ có thời gian mới có thể xác nhận độ chính xác của những điều đó. Còn thái độ hoài nghi của tôi đối với vấn đề định mệnh, phải chăng lần này sẽ sụp đổ như một lâu đài bằng cát? Tôi có thể nói gì về vấn đề này?

Tôi bước đến gần cửa sổ, đứng nhìn ra ngoài một lúc để tìm những câu hỏi mà tôi có thể chất vấn nhà chiêm tinh, nhưng ông ta đã nói trước:

- Hay là ông cho rằng các bầu tinh tú ở cách xa trái đất một quãng không gian quá lớn nên không thể có ảnh hưởng gì đối với chúng ta chăng? Nếu vậy, làm sao có thể giải thích ảnh hưởng của mặt trăng đối với nước thủy triều lên xuống, ảnh hưởng của mỗi chu kỳ mặt trăng đối với cơ thể của người đàn bà, và phải chăng ánh nắng mặt trời nhiều hay ít cũng ảnh hưởng đến tình cảm vui buồn của con người?

- Đúng vậy, nhưng bấy nhiêu đó cũng chưa đủ để chứng minh cho khoa lý số. Nếu tôi có bị đắm tàu chết đuối hay không, thì việc ấy có liên quan gì đến các vì sao?

Ông ta nhìn tôi với một vẻ mặt thản nhiên:

- Tốt hơn là ông hãy xem vị trí của các tinh tú như những biểu hiện mà thôi, không phải chúng gây ảnh hưởng đến chúng ta, nhưng chính là những gì ta đã làm

trong quá khứ có ảnh hưởng đến kết quả trong hiện tại của chúng ta. Ông sẽ không bao giờ hiểu được bí quyết của khoa chiêm tinh nếu ông không chấp nhận thuyết nhân quả trong luân hồi, theo đó con người tái sinh qua nhiều kiếp và nhận lãnh mọi kết quả đã gây ra bởi hành động thiện hay ác của chính mình. Nếu một người có thể chưa nhận lãnh hậu quả của những ác nghiệp đã gây ra trong một kiếp này, thì những nghiệp báo đó không mất đi mà vẫn sẽ theo đuổi người ấy trong một kiếp sau hay kiếp sau nữa; hoặc nếu một người chưa hưởng được phước lành do kết quả những thiện nghiệp đã làm trong kiếp này, thì chắc chắn người ấy sẽ gặt hái những kết quả tốt lành đó trong một kiếp khác. Nếu không có luật nhân quả luôn chi phối con người một cách khách quan, thì những điều họa phúc xảy đến trong đời người sẽ có vẻ như chỉ do sự ngẫu nhiên, tình cờ. Nhưng sự thật không phải vậy. Khi một người qua đời thì tánh tình cũng như mọi dục vọng, tư tưởng và ý chí của anh ta trong tâm thức vẫn tồn tại cho đến khi người ấy tái sinh trở lại trong một kiếp sống mới. Những hành vi thiện ác đã gây ra trong quá khứ nhất định phải mang đến kết quả trong kiếp hiện tại hay trong những kiếp sau. Nếu như tôi tiên đoán rằng có ngày ông sẽ bị đắm tàu và chết đuối, thì điều đó không có nghĩa là tôi quyết định điều đó, mà chính là những gì ông đã gây ra quá khứ dẫn đến kết quả đó, và tôi chỉ

là người nói ra sự thật ấy mà thôi. Vì thế, không phải các tinh tú làm cho ông bị đắm tàu, mà chính là hậu quả không thể tránh khỏi của những việc ác đã làm trong dĩ vãng. Những tinh tú chỉ có tác dụng là biểu lộ điều này theo một quy luật nhất định. Còn vì sao các tinh tú lại phản ánh được những sự kiện xảy ra trong đời người thì tôi thực sự không biết. Không một người nào có thể phát minh ra khoa chiêm tinh, nhưng khoa học này là sự tích lũy kinh nghiệm của con người từ thời cổ và chúng ta chỉ là người thừa hưởng những hiểu biết của người xưa mà thôi.

Tôi ngồi nghe những lời giải thích hữu lý của nhà chiêm tinh mà không biết phải đối đáp ra sao. Theo ông ta thì đời người thật ra không hề có một định mệnh cố định, nhưng chỉ là những diễn tiến nhất thiết phải xảy ra theo đúng luật nhân quả, tương ứng với những gì mà người ấy đã làm trong quá khứ. Nhưng tôi nghĩ, có một người Âu nào với một khối óc sáng suốt lành mạnh lại chịu tin rằng cuộc đời của mình hoàn toàn lệ thuộc vào một quá khứ xa xăm mà chính mình không nhớ biết được?

Tôi ngạc nhiên ngồi nhìn nhà chiêm tinh gầy gò với dáng vẻ một nhà tu khổ hạnh đang chăm chú tính toán tới lui qua lại trong các cung hoàng đạo một cách tự nhiên và quen thuộc như đi trong ngôi nhà của ông ta. Tôi nói:

- Chắc ông cũng biết rằng ở một vài vùng dưới miền Nam, các nhà chiêm tinh đứng vào hàng quan trọng chỉ sau các vị tăng lữ, và không có một việc quan trọng nào được thực hiện mà người ta không hỏi trước ý kiến của các nhà chiêm tinh. Nhưng người Âu Tây chúng tôi sẽ mỉm cười về điều đó, vì chúng tôi không hề tin tưởng nơi sự bói toán hoặc tiên tri. Chúng tôi tin rằng con người vốn hoàn toàn tự do và mọi việc xảy ra như thế nào phải do chính năng lực và trí tuệ của chúng tôi quyết định.

Nhà chiêm tinh nhún vai nói:

- Trong một bộ sách cổ của chúng tôi là sách *Hitopadesa* có nói rằng: "*Con người không thể đảo ngược những gì họ đã làm, mà chỉ có thể quyết định nên làm gì trong hiện tại mà thôi.*" Chúng ta phải gánh chịu hậu quả của mọi việc làm của chính chúng ta trong quá khứ, và điều đó không phải định mệnh, mà là một sự công bằng.

Tôi vẫn lộ vẻ hoài nghi. Nhà tiên tri bỏ ghế đứng dậy. Tôi hiểu ý và liền kiếu từ. Ông ta nói nhỏ dường như chỉ nói thầm một mình:

- Tất cả đều tuân theo luật nhân quả. Không một ai có thể thoát khỏi luật ấy. Có ai là người hoàn toàn tự do với gánh nặng nghiệp lực đã tạo ra trong quá khứ? Dầu cho có đi tận chân trời góc bể, chỗ nào mà tránh được nghiệp báo kia chứ?

Ra đến ngưỡng cửa, ông ta nói thêm một cách ngập ngừng:

- Nếu ông muốn trở lại đây lần nữa, chúng ta có thể nói chuyện thêm về vấn đề này.

Tôi cám ơn và bằng lòng nhận lời mời của ông ta. Ông ta liền đáp:

- Được, tôi sẽ đợi ông chiều mai vào khoảng sáu giờ.



Chiều hôm sau, tôi lại đến nhà *Sudhei Babu*. Tôi không có ý nhắm mắt nghe theo tất cả những gì anh ta nói, nhưng tôi cũng không có lý do để bác bỏ tất cả. Tôi đến để nghe, có thể là để học hỏi, nếu những lời nói của anh ta có thể được chứng minh rõ ràng. Tôi không từ chối một kinh nghiệm, nếu tôi nhận thấy nó có đủ lý do vững chắc. Lá số mà *Sudhei Babu* lấy cho tôi đã đủ thuyết phục tôi rằng khoa chiêm tinh Ấn Độ không phải là một điều dị đoan, và nó đáng cho ta khảo cứu, sưu tầm cặn kẽ. Thái độ của tôi tạm thời là như thế.

Chúng tôi ngồi ngang nhau nơi bàn viết của ông ta. Một ngọn đèn dầu chiếu ánh sáng lờ mờ trong gian phòng. Hàng triệu gia đình ở Ấn Độ thời ấy vẫn còn

thắp đèn dầu trong nhà vào ban đêm. Nhà chiêm tinh nói với tôi:

- Nhà tôi có tất cả mười bốn phòng, tất cả đều chứa đầy những pho sách cổ chép tay, phần nhiều là chữ Phạn. Đó là lý do vì sao tôi cần dùng đến một ngôi biệt thự lớn, mặc dầu tôi chỉ sống có một mình. Mời ông hãy đi xem kho sách của tôi.

Ông ta cầm lấy cái đèn treo trên vách và đưa tôi sang phòng kế bên. Những tủ lớn được sắp thành hàng chung quanh các vách tường. Tôi nhìn vào một tủ thì thấy chứa đầy những sách và giấy tờ. Trên sàn gạch cũng bày la liệt những giấy má, những bộ sách cổ mà bìa đã ngả màu vàng. Tôi cầm lên một bó lá buông nhỏ, mỗi tờ đều viết đầy những chữ khó hiểu và đã phai màu.

Chúng tôi đi từ phòng này sang phòng khác và phòng nào cũng chứa đầy những tủ sách. Kho sách của nhà chiêm tinh có vẻ như ở trong một tình trạng hỗn độn, thiếu trật tự, nhưng ông ta cho biết rằng ông đã quen thuộc với mỗi quyển sách, mỗi tài liệu và luôn biết rõ chúng nằm ở đâu mỗi khi cần đến. Tôi có cảm tưởng rằng tất cả kho tàng minh triết của Ấn Độ đều tập trung trong ngôi nhà này.

Sau khi đã xem khắp các phòng sách, chúng tôi trở về chỗ cũ. Nhà chiêm tinh cho tôi biết:

- Tất cả gia tài sản nghiệp của tôi đều tiêu dùng để mua những bộ sách và lá buông bút tự này. Nhiều bộ sách trong đó rất hiếm và phải mua với giá rất đắt. Vì thế nên bây giờ tôi mới nghèo như thế này.

- Những sách đó nói về vấn đề gì?

- Đó là những sách nói về các vấn đề đạo lý và minh triết cổ truyền, và có nhiều quyển nói về khoa chiêm tinh.

- Nếu vậy, ông cũng là một nhà triết học?

Ông ta mỉm cười đáp:

- Một người không hiểu về triết lý sẽ là một nhà chiêm tinh hạng tồi, hay chỉ là một anh thầy bói hạ cấp.

- Xin ông thứ lỗi cho, tôi thấy ông có vẻ mệt mỏi vì đọc nhiều sách quá. Tôi đã ngạc nhiên vì sắc mặt nhợt nhạt của ông khi tôi đến đây lần đầu.

Ông ta thản nhiên dáp:

- Không có gì lạ. Tôi không ăn gì đã sáu ngày nay rồi.

Tôi tỏ vẻ lo lắng và hỏi han ân cần. Ông ta nói:

- Không, đó không phải là vấn đề tiền. Chị bếp của tôi thường hay đau yếu luôn. Chị ấy nghỉ ở nhà đã sáu ngày nay rồi.

- Vậy sao ông không tìm một người bếp khác?

Ông ta lắc đầu đáp:

- Không. Tôi không thể dùng một người đầu bếp thuộc giai cấp hạ tiện. Thà rằng tôi nhịn ăn luôn một tháng còn hơn. Tôi phải đợi đến khi chị bếp của tôi bình phục trở lại, nhưng có lẽ chị ấy sẽ trở lại trong một hai ngày.

Tôi nhìn kỹ thì nhận thấy anh ta đeo ở cổ sợi dây Thánh, tiêu biểu cho giai cấp "*con của Brahma*". Sợi dây này kết ba sợi dính liền nhau, được tròng vào cổ mỗi người *Bà-la-môn* từ khi mới sinh ra, và anh ta phải đeo nó suốt đời cho đến lúc chết. Tôi hỏi:

- Sao ông lại chịu khổ thân vì một thành kiến giai cấp như thế? Sức khỏe của ông chẳng phải là quan trọng hơn hay sao?

- Đó không phải là một thành kiến dị đoan. Mỗi người đều có phát ra một thứ từ điện, tuy vô hình nhưng có thật, mặc dầu khoa học Âu Tây chưa khám phá ra. Người đầu bếp làm món ăn phóng từ điện của người ấy vào thức ăn, mặc dầu anh ta không hay biết chi cả. Một người bếp hạ cấp và tánh tình hèn hạ sẽ làm ô nhiễm thức ăn với loại từ điện xấu của anh ta, nó sẽ chui vào bụng của người nào ăn những thức ăn đó.

- Đó là một giả thuyết rất lạ lùng.

- Nhưng đó là sự thật.

Tôi nói qua vấn đề khác:

- Ông làm nghề chiêm tinh kể từ bao giờ?

- Đã mười chín năm nay. Tôi làm nghề này sau khi tôi lập gia đình.

- À, tôi hiểu.

- Không, tôi không phải góa vợ. Khi tôi lên mười ba tuổi, tôi đã ham học hỏi và tìm học với rất nhiều bậc thầy, đọc rất nhiều sách vở. Tôi ham học đến nỗi tôi thường ngồi đọc sách suốt ngày và thức đến tận khuya. Cha mẹ tôi cưới vợ cho tôi, nhưng chỉ vài ngày sau đám cưới, vợ tôi đã nổi giận với tôi và nói: "*Tôi không phải lấy chồng, mà lấy nhầm một quyển sách biết đi!*" Sau đó đúng một tuần lễ, cô ấy bỏ nhà trốn đi với người phu xe của tôi.

Nói đến đây, anh ta ngừng một lúc. Tôi không khỏi phì cười về câu nói thẳng thừng của bà vợ ông ta. Sự bỏ nhà ra đi của bà ấy chắc hẳn đã gây nên dư luận sôi nổi ở một xứ bảo thủ như Ấn Độ. Nhưng đàn bà thường có một tâm địa rất khó lường. Anh ta nói tiếp:

- Đó là một sự xúc động rất lớn cho tôi, nhưng sau một thời gian, tôi cũng nguôi ngoai dần và quên

hẳn việc đó. Tôi càng đi sâu vào việc khảo cứu khoa chiêm tinh và đạo lý cổ truyền. Chính lúc đó, tôi bắt đầu tham khảo môn học cao nhất của tôi là bộ sách *Brahma Chinta*.

- Sách đó nói về vấn đề gì?

- Tựa sách ấy có thể dịch là "*Minh triết thiêng liêng*". Bộ sách này có đến mấy ngàn trang, nhưng tôi chỉ khảo cứu một phần trong đó thôi. Tôi đã phí mất hai chục năm mới góp nhặt được bấy nhiêu đó, vì bộ sách ấy chỉ gồm những phần rời rạc lẻ tẻ, phải đi tìm ở khắp nơi mới mua được đủ bộ. Sách ấy gồm có mười hai phần chính và nhiều chương phụ, giảng về những đề tài như triết học, chiêm tinh học, *Yoga*, và những vấn đề thâm sâu khác.

- Sách ấy có bản dịch Anh ngữ hay chăng?

Ông ta lắc đầu:

- Tôi không nghe nói có bản dịch đó. Dẫu là người Ấn Độ cũng ít người được biết về bộ sách này. Từ trước đến nay nó vẫn được giữ gìn bí mật. Nó vốn xuất xứ từ bên Tây Tạng. Ở đó, nó được xem như một bộ sách thần, và chỉ có những vị môn đồ chọn lọc mới được phép học bộ sách ấy.

- Sách ấy được viết ra từ bao giờ?

- Bộ sách ấy được viết ra từ hàng mấy ngàn năm nay do nhà hiền triết *Bhrigu*, vị này sống vào một thời kỳ cổ xưa đến nỗi không ai biết vào năm nào. Sách ấy dạy về một môn *Yoga* hoàn toàn khác hẳn với tất cả những pháp môn khác tại Ấn Độ. Ông cũng thích khảo cứu về môn *Yoga* phải chăng?

- Sao ông biết?

Để đáp lại, *Sudhei Babu* lẳng lặng đưa ra lá số mà ông ta đã lấy cho tôi, và cầm cây bút chì chỉ vào những dấu hiệu lạ lùng, nó chỉ những vị trí các tinh tú và các cung hoàng đạo.

- Lá số của ông làm tôi ngạc nhiên. Nó thật là khác thường đối với một người Âu, thậm chí nó cũng khác thường đối với cả người Ấn Độ. Nó chỉ rằng ông có khuynh hướng rõ rệt về đường đạo, và ông sẽ được sự dìu dắt của các bậc hiền giả để tiến sâu vào vấn đề này. Tuy nhiên, không phải ông chỉ học *Yoga* thôi, mà còn rất ưu tú về các môn học siêu hình và thần bí khác nữa.

Ông ta ngừng một lúc và nhìn thẳng vào mắt tôi. Tôi có cái cảm tưởng rằng ông ta sắp sửa tiết lộ điều gì về đời sống nội tâm.

- Ở đời có hai hạng người: những người giữ bí mật kiến thức của họ một cách ích kỷ, và những người sau khi đã hiểu biết liền chia sẻ sự hiểu biết đó cho người

khác. Lá số của ông chỉ rằng ông đã bước đến gần cửa đạo và vì thế những lời nói của tôi sẽ không phải là nước đổ đầu vịt. Tôi sẵn sàng chia sẻ sự hiểu biết của tôi với ông.

Tôi lấy làm ngạc nhiên về câu nói lạ lùng này. Trước hết, tôi đến nhà *Sudhei Babu* để thử xem khoa chiêm tinh Ấn Độ là như thế nào. Tôi đến lần nữa để nghe ông ta bàn rộng thêm về nền tảng và bí quyết của khoa lý số và giải thích về phép đoán số của ông ta. Bây giờ, thình lình ông ta tự nguyện làm thầy tôi về môn *Yoga*!

Ông ta nói tiếp:

- Nếu ông thực hành những phương pháp của *Brahma Chinta*, ông sẽ không cần có thầy. Trí tuệ sáng suốt của bản tâm ông sẽ là thầy của ông.

Tôi liền thấy ngay rằng tôi đã hiểu lầm và tự hỏi phải chăng ông ta đọc được tư tưởng của tôi. Tôi nói:

- Ông làm tôi ngạc nhiên.

- Tôi đã chỉ dẫn cho vài người, nhưng tôi không bao giờ tự nhận là thầy của họ, mà chỉ là một người anh cả hay một người bạn. Tôi cũng không muốn làm thầy ông, theo ý nghĩa thông thường. Tinh thần của nhà hiền triết *Bhrigu* chỉ dùng tôi làm cái một công cụ để truyền những giáo lý ấy cho ông.

- Tôi không hiểu bằng cách nào ông có thể phối hợp việc xem số chiêm tinh với việc dạy pháp môn *Yoga*?

Ông ta đặt hai bàn tay gầy gò lên bàn và nói:

- Thì đây. Tôi sống trên thế gian và phụng sự thế gian bằng nghề nghiệp của tôi tức là xem số chiêm tinh. Tôi không muốn cho ai xem tôi như một ông thầy dạy *Yoga*, bởi vì trong môn phái *Brahma Chinta*, vị tôn sư duy nhất là trí tuệ. Đó là vị thầy duy nhất mà chúng tôi nhìn nhận. Với sự sáng suốt nhận biết được thật tánh của vạn hữu, trí tuệ chân thật luôn sẵn có trong tâm mỗi chúng ta và sẽ dẫn dắt chúng ta. Ông hãy xem tôi như một người huynh đệ nếu ông muốn, nhưng đừng xem tôi như một người hướng dẫn tinh thần. Những người có thầy thường hay ỷ lại và nương dựa vào vị thầy thay vì phải tự nỗ lực và chỉ đi theo sự dẫn dắt của trí tuệ bản tâm.

- Nhưng ông cũng dùng khoa chiêm tinh để hướng dẫn cuộc đời của ông, phải vậy chăng?

- Ông đã lầm. Tôi không bao giờ xem đến lá số của tôi nữa, Thật ra tôi đã xé bỏ nó từ nhiều năm nay.

Tôi lộ vẻ ngạc nhiên về lời tuyên bố này. Ông ta nói tiếp:

- Tôi đã tìm thấy ánh sáng chân lý và không cần đến khoa chiêm tinh để hướng dẫn cuộc đời tôi. Khoa

ấy chỉ hữu ích cho những kẻ hãy còn lần mò đi trong bóng tối. Tôi đã đặt cuộc đời tôi hoàn toàn trong sự nỗ lực hướng thiện của chính tôi, và đã đẹp bỏ mọi điều lo nghĩ ưu phiền về hiện tại hay tương lai. Bất cứ điều gì xảy đến cho tôi, tôi đều chấp nhận như là những kết quả việc làm của chính mình. Tôi đã thấu hiểu được rằng mọi sự việc ở đời không có gì là ngẫu nhiên xảy ra hay do sự sai khiến sắp đặt của bất cứ một đấng quyền năng nào, mà chỉ là một tiến trình gieo nhân và kết quả, với những biến dạng khác nhau do sự kết hợp của các duyên.

- Nếu ông bị một kẻ hung dữ tấn công và muốn hãm hại ông, đến nỗi tánh mạng ông bị lâm nguy, ông cũng cho rằng đó là kết quả phải nhận lãnh và không làm gì để tự vệ chăng?

- Ông đã hiểu sai về nhân quả. Sự gieo nhân không có thời điểm bắt đầu và kết thúc. Ngay trong lúc ông nhận lãnh một kết quả của hành vi từ trong quá khứ thì cũng chính là lúc ông tạo tác một nhân mới cho tương lai. Vì thế, tôi có nói đến vai trò của trí tuệ như một bậc thầy dẫn dắt chúng ta đi đúng đường. Nếu sự tu tập giúp ông khai mở được trí tuệ sáng suốt của bản tâm, tự ông sẽ biết phải làm gì để có được những kết quả tốt nhất. Đó là vấn đề nỗ lực tự thân chứ không phải là buông trôi theo hoàn cảnh hay trông chờ vào

một quyền năng đến từ bên ngoài. Sự tìm tòi học hỏi của ông chắc chắn rồi cũng sẽ đưa ông đến những hiểu biết chân chính như tôi đang trình bày với ông hôm nay.

Tôi tỏ vẻ nghi ngờ:

- Chắc là tôi phải có một sự thay đổi rất lớn lao trước khi đạt tới những nhận thức như ông nói.

- Đúng vậy, nhưng sự thay đổi đó chắc chắn sẽ đến với ông.

- Ông có chắc như vậy không?

- Tôi tin chắc điều đó. Khi người ta đã chịu nỗ lực vươn lên hoàn thiện thì họ sẽ đạt được những kết quả ngày càng tốt đẹp hơn. Vấn đề còn lại chỉ là thời gian mà thôi. Và nếu tôi không lầm thì đó chính là trường hợp của ông.

- Những điều ông nói thật là lạ lùng, ông *Sudhei Babu*!

Thật là một điều cực kỳ mâu thuẫn khi ý niệm về Chúa Trời hay Thượng Đế như một đấng quyền năng cứu rỗi lại ngự trị khắp các nước phương Tây, song song với những suy luận và chứng minh phức tạp của lý trí thiên về vật chất; trong khi ở phương Đông đầy những

lý thuyết huyền bí và siêu hình này thì các bậc hiền giả lại tuyên bố là không hề có bất cứ một đấng toàn năng nào cả, và tất cả vũ trụ này đều chịu sự chi phối vận hành của luật nhân quả!

Trong khi phương Tây dựa trên một nền tảng mà họ tự hào là khoa học và khách quan thì cuối cùng lại dẫn đến việc đặt niềm tin vào một đấng toàn năng mà họ chưa từng gặp mặt; còn phương Đông thì dựa trên những luận thuyết siêu hình và hoàn toàn không thể chứng minh bằng khoa học, nhưng lại giải thích mọi sự kiện trong đời người theo một cách hợp lý, khoa học hơn và chỉ đặt niềm tin vào sự nỗ lực hướng thượng của chính bản thân mình.

Khách quan mà nói thì quan điểm này rõ ràng là tích cực hơn và có thể tạo ra những chuyển biến cụ thể nơi mỗi con người, trong khi sự cầu nguyện với một đấng toàn năng thì hoàn toàn phụ thuộc vào sự hiện hữu của đấng toàn năng đó, mà điều này lại hoàn toàn chưa được xác nhận!

Nhưng vào lúc này tôi thấy dường như không thích hợp để nêu ra vấn đề Thượng Đế và bàn cãi với nhà chiêm tinh. Có lẽ ông ta sẽ tiếp tục nhồi sọ tôi với một tràng những lý thuyết siêu hình mà hiện thời tôi không có hứng thú muốn nghe chút nào. Tôi bèn xoay chiều câu chuyện qua những vấn đề khác ít phức tạp hơn:

- Có lẽ chúng ta nên nói sang vấn đề khác thì hơn, vì những gì ông nói dường như vẫn còn quá mơ hồ đối với tôi.

Ông ta nhìn thẳng vào tôi không chớp mắt, cặp mắt tinh anh của ông ta dường như tìm cách soi thấu cõi lòng tôi:

- Lá số của ông không nói sai bao giờ, vì nếu không phải như vậy thì tôi đã không thổ lộ những điều hiểu biết của tôi cho một người chưa chuẩn bị sẵn sàng. Nhưng sự vận chuyển của các tinh tú không bao giờ biểu hiện sai lệch. Những điều mà ông chưa hiểu rõ trong lúc này sẽ nằm trong tiềm thức của ông một thời gian, và sẽ xuất hiện trở lại vào lúc thích hợp với sức mạnh tăng gấp đôi. Tôi lặp lại lần nữa, là tôi sẵn sàng truyền pháp môn *Brahma Chinta* cho ông.

- Tôi cũng sẵn lòng muốn học pháp môn đó.



Từ đó, mỗi buổi chiều tôi đều đến nhà *Sudhei Babu* để thụ giáo về pháp môn *Brahma Chinta*. Ngọn đèn dầu leo lét chiếu ánh sáng lập lòe trên gương mặt khổ hạnh và trắng như sáp của nhà chiêm tinh, trong khi ông ta giảng giải cho tôi nghe những bí thuật của khoa *Yoga* Tây Tạng cổ

truyền. Ông ta không giờ lên mặt kẻ cả hay lên giọng thầy đời, mà trái lại ông ta là hiện thân của sự khiêm tốn, và luôn luôn mở đề mỗi bài giảng với câu:

- Trong pháp môn *Brahma Chinta* có dạy rằng...

Một hôm, tôi hỏi ông ta:

- Mục đích tối hậu của pháp môn này là thế nào?

- Mục đích ấy là đạt tới trạng thái đại định, vì chỉ có trong trạng thái đó hành giả mới khai mở được hoàn toàn trí tuệ sáng suốt của bản tâm, nhận thức được rõ ràng về bản chất thật sự của bản thân mình và vạn hữu, vốn không có sự khác biệt. Khi đó, hành giả mới xóa bỏ được sự phân biệt giữa bản ngã nhỏ hẹp với sự sống của vạn hữu, và sẽ thấy bản thân mình với tất cả mọi sinh linh khác đều cùng một thể tánh sáng suốt như nhau.

Tôi hỏi với một vẻ hoài nghi:

- Ông có chắc rằng tất cả những nhận thức như thế không phải là một hình thức tự kỷ ám thị hay chăng?

Trên miệng ông ta thoáng hiện một nụ cười:

- Khi một người mẹ sinh ra một đứa con, có khi nào bà ấy lại nghi ngờ rằng dứa con ấy không phải là thật? Và khi bà mẹ ấy hồi tưởng lại khi lâm bồn, có thể nào bà ấy cho rằng đó chỉ là một sự tự kỷ ám thị hay

chăng? Khi bà ấy nhìn đứa con càng ngày càng lớn, có thể nào bà ấy lại nghi ngờ không tin rằng đứa trẻ vẫn còn sống chăng? Giống như thế, sự giác ngộ tâm linh là một biến cố quan trọng trong đời của một người đến nỗi người ấy không thể nào quên được, vì nó làm cho người ấy hoàn toàn thay đổi và trở nên một người mới. Khi người hành giả bước vào trạng thái đại định thì một sự trống không vắng lặng xuất hiện trong tâm thức của anh ta. Khi đó thì tâm thức sẽ không còn bị sự che chướng bởi vô số những điều phiền nhiễu, sẽ trở nên sáng suốt một cách tự nhiên. Khi việc ấy xảy ra, hành giả cảm thấy tràn đầy một nguồn hạnh phúc vô biên và an lạc tuyệt vời không thể tả. Anh ta cũng cảm thấy tràn đầy một tình thương yêu bao la rộng lớn và nồng nàn đối với toàn thể chúng sinh trong vũ trụ. Lúc ấy, người ngoài sẽ nhìn thấy xác thân của người hành giả hoàn toàn bất động như đã chết, vì mọi sự sinh hoạt đều ngưng hẳn. Trong trạng thái nhập định rất sâu, cho đến hơi thở của hành giả cũng khó nhận biết được.

- Như thế có nguy hiểm gì không?

- Không. Vì hành giả thường phải chọn nhập định ở một nơi hoàn toàn vắng lặng. Bản thân tôi vẫn thường đi vào trạng thái nhập định ấy và luôn có thể trở về tùy ý muốn. Tôi thường nhập định mỗi lần khoảng hai hay ba giờ đồng hồ, và định trước lúc nào sẽ xuất định.

Đó là một kinh nghiệm rất diệu huyền, bởi vì tôi có thể thấu hiểu được toàn thể vũ trụ bên ngoài bằng cách chỉ nhìn sâu vào nội tâm của tôi, chứ không cần đi đâu cả. Vì thế nên tôi đã nói rằng tất cả những gì mà chúng ta cần học hỏi, đều có thể học hỏi ở tự tâm của mình. Sau khi tôi truyền pháp môn *Yoga* Tây Tạng này cho ông, ông sẽ không cần có thầy, và không cần có một sự dìu dắt hướng dẫn nào từ bên ngoài.

- Còn ông, phải chăng ông cũng không cần có thầy?

- Tôi không hề có ý đi tìm thầy từ khi khám phá được những bí thuật của pháp môn *Brahma Chinta*. Bởi đó, tôi lặp lại lần nữa rằng ông hãy tin cậy ở sự sáng suốt của trí tuệ bản tâm mình. Nếu chúng ta không tự nỗ lực để giải thoát bản thân mình thì không thể trông đợi ở bất cứ một quyền năng cứu rỗi nào từ bên ngoài cả.

Nói đến đây, nhà chiêm tinh im lặng trong vài phút và có vẻ đắm chìm trong một cơn trầm tư mặc tưởng. Tôi tôn trọng sự suy tưởng đó nên nhè nhẹ đứng lên kiếu từ ra về.



Rồi buổi học cuối cùng của tôi về những lý thuyết dị kỳ của khoa pháp môn *Brahma Chinta* cũng đã chấm dứt. Hôm chia tay, tôi thuyết phục nhà chiêm tinh hãy bước ra khỏi cửa đi dạo một vòng, điều mà ông ta ít khi làm vì ông ta không hề rời khỏi nhà.

Chúng tôi đi bách bộ xuyên qua những con dường hẹp và tránh những khu náo nhiệt ồn ào để đi xuống bờ sông. Mặc dầu thành phố có vẻ cũ kỹ, chật hẹp và kém vệ sinh, nhưng *Bénarès* lại dành cho du khách những cảnh tưng bừng rực rỡ và thay đổi liên tục, nhìn xem rất ngoạn mục.

Trưa hôm ấy, vị chiêm tinh gia của tôi mang theo một cây dù lớn. Hình dáng mảnh khảnh và cử chỉ chậm chạp có vẻ mệt nhọc của ông ta làm tôi e ngại nên phải đổi lộ trình để thâu ngắn đường đi.

Chúng tôi đi qua con đường hàng Đồng. Ở đây tiếng búa của các bác thợ rèn đồng đập nghe vang tai không dứt, và những vật dụng bằng đồng như nồi, xoong... chói bóng loáng dưới ánh nắng mặt trời. Người ta cũng thấy chưng bày nơi đây vô số những hình tượng nhỏ bằng đồng tiêu biểu của các vị thần trong Ấn giáo.

Một người hành khất già đi một cách khép nép dọc theo vách tường phía bên kia đường lộ. Ông ta nhìn tôi

với cặp mắt dò hỏi. Hình như cử chỉ của tôi làm cho ông ta được yên lòng nên ông ta bèn đánh bạo đến xin tiền.

Chúng tôi đi qua đường hàng Gạo. Tại đây người ta thấy các cửa hàng bày những đống gạo và thóc lúa màu đỏ, màu vàng. Người buôn thóc ngồi xếp bằng trước cửa hàng, liếc nhìn chúng tôi với cặp mắt tò mò, rồi lại kiên nhẫn ngồi đợi người mua.

Trên những con đường khác, những mùi vị pha lẫn một cách hỗn tạp xông vào mũi, thành một thứ mùi đặc biệt. Khi đến gần bờ sông, chúng tôi đi thẳng vào một khu hình như là nơi tập hợp của giới hành khất. Những người ăn mày gầy còm lê lết dọc theo con đường đầy cát bụi. Một người trong bọn đến gần tôi và nhìn tôi vào tận mắt như để thăm dò. Ông ta có một vẻ mặt rất đau khổ, làm cho lòng tôi se lại.

Cách đó một quãng, suýt nữa tôi đạp nhằm một bà già thân thể gầy ốm chỉ còn da bọc xương. Bà ấy cũng ngước mặt lên nhìn tôi. Trong cái nhìn ấy tôi không thấy lộ vẻ oán hận hay đau khổ, mà chỉ có sự an phận trong âm thầm. Tôi móc túi lấy cái ví tiền, cử chỉ đó làm nhen nhúm lại một tia sáng trong cặp mắt đã hết tinh thần của bà ta. Bà ấy đưa ra một cánh tay gầy gò và nắm lấy đồng tiền bố thí của tôi một cách sốt sắng. Tôi lấy làm ngượng thầm mà nghĩ đến số phận tốt lành

của tôi và tất cả những gì tôi sở hữu, cơm ăn, áo mặc, nhà ở và nhiều thứ khác...

Khi tôi nghĩ đến cặp mắt tuyệt vọng của những người bần cùng khốn khổ đó, tôi cảm thấy hình như có một sự hối hận: Tôi có quyền gì mà sở hữu bấy nhiêu tiền bạc, trong khi những kẻ khốn cùng kia chỉ có những mảnh giẻ rách che thân? Nếu như do một sự tình cờ của định mệnh mà tôi lại sinh ra làm một trong những người hành khất ấy thì sao? Tôi không dám suy tưởng lâu hơn nữa về cái ý nghĩ rùng rợn đó. Vì lý do nào mà một người lại tình cờ sinh ra trên vỉa hè lầm than cát bụi, trong khi số phận lại đặt một người khác trên nhung gấm ở một tòa lâu đài gần bên? Đời người quả thật là một bài toán bí hiểm. Tôi bất chợt nhớ lại tất cả những điều nhà chiêm tinh đã nói về nhân quả và bắt đầu thấy sáng tỏ hơn với lý thuyết này. Đúng vậy, không thể chấp nhận rằng mọi sự có thể được an bày bởi một định mệnh hoàn toàn vô lý, trong khi không ai có thể chứng minh được sự tồn tại của một định mệnh như thế. Mỗi con người sinh ra đều khác biệt nhau, và điều đó chỉ có thể giải thích là sự khác biệt do những hành vi mà họ đã thực hiện trong quá khứ.

- Chúng ta hãy ngồi đây.

Nhà chiêm tinh nói khi chúng tôi vừa đến bờ sông. Chúng tôi ngồi trong bóng mát và nhìn xuống sông,

trên bờ là những bậc thang đá nhiều nấc, có những nhóm người hành hương lên xuống không ngớt. Cách đó một quãng có hai ngọn tháp nhọn cao đến chừng một trăm thước, nhô lên một cách yểu điệu trên nền trời xanh thẫm. Đó là tháp của ngôi đền Hồi giáo mà nhà vua *Aurangzeb* đã xây cất tại đây thuở xưa, khi Ấn Độ bị quân Hồi chiếm đóng.

Nhà chiêm tinh có lẽ đã nhận ra nỗi buồn thương cảm và suy tư của tôi khi nhìn thấy những người hành khất, nên ông ta quay lại nói:

- Ấn Độ là một nước nghèo, dân tộc xứ này đã đắm chìm trong sự ngủ mê, bất động. Tuy nhiên, việc thịnh suy của thế cuộc nối tiếp nhau như ngày với đêm, âm dương vận hành theo định luật tuần hoàn. Lịch sử của các nước khác cũng không ngoài cái định luật đó. Ấn Độ đang hồi suy vong, nhưng có lúc nó sẽ quật cường, khi nào những hoài bão tinh thần cao cả thuở xưa được đánh thức dậy trong lòng người để mở màn cho một giai đoạn tích cực hoạt động và phục hưng xứ sở. Ngày nay, châu Âu đang sống mạnh với những hoạt động thực tế, nhưng sự phồn thịnh vật chất của nó có lúc cũng sẽ trôi qua và người phương Tây sẽ hướng về những lý tưởng tâm linh cao cả hơn. Phương Tây rồi sẽ có lúc đổ xô chạy theo những hoạt động tâm linh và những hoài bão tinh thần. Cả nước Mỹ rồi cũng sẽ đi theo con đường đó.

Tôi lẳng lặng ngồi nghe. Ông ta nói tiếp một cách trịnh trọng:

- Bởi lẽ đó, những tri thức cổ xưa về triết học và tâm linh của Ấn Độ rồi sẽ có lúc tràn qua Tây phương như một luồng sóng mới. Các nhà học giả đã phiên dịch vài bộ sách Phạn ngữ và Thánh kinh của Ấn giáo ra các ngôn ngữ Âu Tây, nhưng có nhiều sách vở tài liệu hãy còn được giữ kín trong những thư viện bí mật ẩn trong hang núi ở những vùng hẻo lánh thuộc Ấn Độ, Nepal và Tây Tạng. Những sách vở đó có ngày cũng phải được tiết lộ ra cho thế giới biết. Không bao lâu sẽ đến lúc mà nền triết học uyên thâm và đạo lý cổ truyền của Ấn Độ sẽ phối hợp với những môn khoa học thực tế của Tây phương. Những điều huyền bí của thời đại cổ xưa phải được phổ biến để đáp ứng với những nhu cầu của thế hệ này. Tôi không biết chắc là khi nào, nhưng tôi mong rằng điều đó sẽ sớm được thực hiện.

Tôi vừa ngồi nghe vừa nhìn dòng nước xám xanh của sông Hằng. Dòng sông yên lặng một cách lạ thường, đến nỗi nước sông đứng yên dường như không chảy. Mặt nước phẳng lặng phản chiếu ánh nắng mặt trời như một tấm gương trong. Nhà chiêm tinh lại nói tiếp:

- Mỗi dân tộc cũng có một nghiệp báo chung của nó, cũng giống như nghiệp báo riêng của mỗi người. Do sự

cộng hưởng nghiệp của tất cả những con người cùng sinh ra trong một chủng tộc, họ sẽ phải cùng nhau nhận lãnh những kết quả khác với những dân tộc khác. Các quốc gia cũng như các dân tộc sẽ không thoát khỏi cộng nghiệp mà tự họ đã tạo nên, nhưng họ có thể xoay chuyển được phần nào trong những cơn nguy biến.

- Làm sao con người có thể có được sự xoay chuyển đó?

- Bằng cách nỗ lực vươn lên hoàn thiện chính bản thân mình. Sự hướng thiện không chỉ là trong mỗi hành vi được thực hiện, mà còn phải xuất phát tự trong tâm của mình trước khi người ta bắt đầu làm một công việc nào đó. Người ta cần phải biết cách sống có ý nghĩa, thay vì chỉ buông trôi theo hoàn cảnh. Chúng ta hãy đón nhận mỗi ngày trong cuộc đời một cách vui tươi như một phần thưởng của cuộc đời, vì đó là một cơ hội thêm nữa để ta làm điều thiện và xoay chuyển những nghiệp xấu ác của mình. Chúng ta cũng phải biết đón nhận những đau khổ như một phương thuốc mầu nhiệm để cứu chữa những điều lầm lạc đã qua của mình, vì chúng nhắc nhở cho ta biết ta đã có những hành vi không tốt trong quá khứ và đừng bao giờ lặp lại. Chúng ta không có gì phải sợ sệt, vì nhân quả là một định luật hoàn toàn công bằng đối với mọi chúng sinh, không có ai được ưu đãi hơn ai.

- Như vậy, ông không tin rằng có một Thượng Đế ở cách xa chúng ta và sẽ cứu vớt những đau khổ của thế gian nếu ta cầu nguyện với ngài?

- Không, nếu thật có một Thượng Đế như vậy thì ngài quả là bất nhân, vì đã phớt lờ đi mọi nỗi khổ đau của những ai không cầu nguyện với ngài. Nhưng đó là một điều vô lý, vì chính các ông cũng tin rằng Thượng Đế toàn năng luôn thương yêu và che chở cho con người. Chúng tôi luôn đặt niềm tin ở chính bản thân mình, vì bản tâm mỗi người chính là cội nguồn của sự sống. Khi ông nhìn thấy cái đẹp trong thiên nhiên, như một phong cảnh đẹp chẳng hạn, ông đừng quên rằng sở dĩ nó đẹp là vì có ông đang ngắm nhìn. Sẽ không có gì gọi là đẹp nếu không có sự sống, mà cội nguồn của sự sống thì chỉ có trong tâm thức của mỗi chúng ta. Điều đó cho thấy cái tinh thần bên trong nó làm chủ động cho mọi hình thức sinh hoạt trên thế gian và cũng là cội nguồn của khổ đau hay hạnh phúc. Vì thế, chúng tôi tin chắc rằng nếu không có sự nỗ lực hướng thiện từ trong tự tâm mỗi người thì sự cầu nguyện với bất cứ ai cũng chỉ là một niềm tin mù quáng mà thôi.

- Tôi phải thừa nhận là ông có một lối lập luận rất đặc biệt, pha lẫn những lý thuyết siêu hình với những phán đoán rất thực tiễn, cụ thể. Điều này dường như quá lạ lùng đối với tôi.

- Sao lại lạ lùng? Những lý thuyết đó không phải do tôi nghĩ ra, mà nó được truyền lại từ cách đây hơn 25 thế kỷ, nên đã trải qua sự thẩm định của thời gian. Một bậc Toàn Giác đã đản sinh trên đất nước Ấn Độ này và phá vỡ mọi niềm tin sai lầm vào các đấng thần quyền hay thuyết định mệnh mù quáng. Ngài đã chỉ rõ rằng mỗi con người luôn làm chủ cuộc đời mình, tự mình tạo ra hạnh phúc hay chuốc lấy khổ đau, và không thể đổ lỗi cho bất cứ ai khác về những sai lầm của mình, cũng không thể kỳ vọng ở sự cứu rỗi nào ngoài sự nỗ lực hướng thiện của chính bản thân mình. Nhưng thuyết nhân quả cũng không do ngài nghĩ ra, mà chỉ là một sự thật phổ quát trong toàn vũ trụ, được ngài nhận biết và chỉ dạy cho mọi người mà thôi.

- Tôi nghĩ rằng ông nói có lý, và điều đó không chỉ là để an ủi những kẻ hành khất khốn cùng mà chúng ta vừa gặp khi nãy, nhưng nó còn có thể giúp họ phấn chấn hơn và nỗ lực làm một điều gì đó trong hiện tại để thay đổi tương lai.

- Đó là điều duy nhất mà tôi có thể trả lời cho ông. Nếu ông áp dụng cách "hồi quang phản chiếu" để đi sâu vào nội tâm thì những vấn đề đó sẽ tự nó giải đáp, vì mỗi một hành vi thiện hay ác đều có những ảnh hưởng nhất định trong tâm thức của ông.

Đến đây, tôi biết là mình đã chạm đến giới hạn của sự tranh luận bằng ngôn từ, nên sẽ không còn gì để nói nhiều hơn nữa. Từ nay tôi phải tự tìm hiểu con đường này bằng trí tuệ của chính mình.

Trong túi tôi đã sẵn có một vé của chuyến xe lửa sắp tới để lên đường. Tôi đề nghị nhà chiêm tinh hãy cho tôi chụp một bức ảnh kỷ niệm. Ông ta lễ phép chối từ. Khi tôi khẩn khoản thỉnh cầu, ông ta đáp:

- Để làm gì với một gương mặt gầy xấu và bộ quần áo xốc xếch này?

- Nhưng tôi muốn có vật kỷ niệm để nhớ đến ông khi tôi đi xa.

Ông ta đáp một cách dịu dàng nhưng dứt khoát:

- Vật kỷ niệm đáng giá nhất sẽ là những tư tưởng tốt lành và những việc làm vị tha. Khi ông thực hiện được những điều như thế, tôi mong rằng có phần đóng góp nhỏ nhoi của tôi trong đó, và vì thế ông sẽ nhớ đến tôi để nỗ lực nhiều hơn nữa.

Tôi đành phải chiều lòng ông ta và xếp lại máy ảnh.

Khi chúng tôi đứng dậy ra về tôi nhìn thấy gần bên có một vị tu sĩ ngồi kiết-già dưới bóng mát của một cây dù lớn. Ông ta đang đắm chìm trong một cơn thiền định và tôi nhận thấy, do bộ áo màu vàng sậm, rằng đó là một tu sĩ thuộc về một dòng tu khá cao.

Khi chúng tôi đến ngã ba đầu đường, tôi gọi một chiếc xe ngựa và chúng tôi chia tay.

*

Trong những ngày kế đó, tôi liên tục ngồi trên xe lửa. Ban đêm, tôi dừng chân nghỉ ở các lữ quán. Những quán trọ ấy thường không có tiện nghi gì đáng kể, ngoại trừ những đàn kiến rất đông. Sau hai tiếng đồng hồ thao thức trằn trọc và cố gắng đẩy lui cuộc tấn công của chúng nhưng vô hiệu quả, tôi đành phải bỏ giường và ngồi nghỉ trên một chiếc ghế bành.

Thời gian trôi qua một cách rất chậm chạp. Tôi suy nghĩ vẩn vơ và hồi tưởng lại câu chuyện triết lý về thuyết nhân quả của nhà chiêm tinh thành *Bénarès*. Đồng thời, tôi cũng nhớ lại những người hành khất đáng thương, lê lết tấm thân tàn trên con đường đầy cát bụi. Cuộc đời không để cho họ sống, nhưng cũng không để cho họ chết! Chiếc xe ngựa đẹp lộng lẫy của một phú thương vừa đi ngang qua, làm văng bùn vào mình họ, nhưng họ chấp nhận điều ấy một cách thản nhiên cũng như chấp nhận cái số phận lầm than của họ, không chút oán hận. Ai đã đẩy họ vào một hoàn cảnh bi đát đáng thương đến thế? Nếu đó là một đấng toàn năng, thì hẳn là đấng toàn năng ấy còn thiếu một trái tim nhân hậu. Trên dải đất nóng gắt này, cho đến một người phong cùi, phế tật... hình như cũng bằng

lòng chấp nhận số phận của mình mà không chút oán trời hận người. Thuyết nhân quả chắc hẳn đã mang đến cho họ một sự giải thích hợp lý, và tất cả những gì họ có thể làm được trong hiện tại là phải nỗ lực tránh điều ác, làm điều lành. Tôi vẫn chưa biết thuyết ấy có đứng vững ở phương Tây hay không khi người ta hoàn toàn bó tay trong việc đưa ra một sự chứng minh cụ thể về mối quan hệ giữa những hành vi trong quá khứ xa xăm với những kết quả đang xảy ra trong hiện tại này, nhưng tôi phải thừa nhận rằng ngoài tính chất hợp lý của nó, đây còn là một cách giải thích có tác dụng hết sức tích cực trong việc chuyển hóa con người hướng về điều thiện. Mà việc hướng về điều thiện thì dù ở phương Tây hay phương Đông, dù ngày xưa hay ngày nay cũng không có bất cứ một triết gia, học giả hay nhà lãnh đạo tôn giáo nào phản bác cả!

Thật nực cười khi một người Âu chủ trương duy vật không thể nào tranh luận được với một người Đông phương tin tưởng nơi thuyết nhân quả bất di bất dịch. Trong khi nền tảng của thuyết nhân quả là mối quan hệ giữa hành vi quá khứ và kết quả trong hiện tại không thể nào chứng minh được theo cách làm hài lòng những người duy vật, thì cách lập luận chặt chẽ và hợp lý của nó trong giải thích sự việc lại khiến người ta phải nể phục và không thể nào biện bác được. Hơn nữa,

nếu cho rằng việc tin vào thuyết nhân quả cũng mơ hồ như tin vào thuyết định mệnh hoặc tin vào một đấng sáng thế tối cao, bởi vì tất cả đều không đưa ra được những bằng chứng khoa học cụ thể, thì trong cả ba trường hợp này, chỉ có người tin vào thuyết nhân quả là có thể có những hành vi ứng xử tích cực và hợp lý nhất.

Khi người ta tin vào thuyết định mệnh hoặc vào một đấng toàn năng luôn can thiệp vào mọi chuyện của người trần thế, thì không hề có vấn đề tự do quyết định của cá nhân được nêu ra. Tất cả đều được quy cho định mệnh hoặc ý muốn của một đấng toàn năng tối cao, và đó là tất cả vấn đề, không còn gì phải nói thêm nữa! Nhưng có người Âu nào với đầy đủ kiến thức khoa học lại chịu nhìn nhận rằng mình chỉ là một con rối thụ động, hoàn toàn tuân theo sự độc đoán của định mệnh hay sự xếp đặt của một bàn tay vô hình nào đó?

Đến đây tôi liền nhớ lại câu nói bất hủ của *Napoleon* khi đạo binh của ông ta mở đường núi vượt qua dãy núi *Alpes*: "*Hai chữ "không thể" không có trong từ điển của ta.*"

Nhưng tôi đã nghiên cứu tiểu sử và cuộc đời ông ta, và tôi cũng nhớ cả những dòng chữ lạ lùng mà ông ta đã viết tại *Sainte Hélène* lúc bị đày ra hải đảo: "*Tôi vẫn luôn luôn tin tưởng ở định mệnh. Ngôi sao của tôi đã*

lu mờ, tôi cảm thấy tôi không còn quyền lực nữa và tôi cũng không làm gì khác được.” Vì sao một người luôn tự tin và quyết đoán lại có những ý tưởng và niềm tin trái ngược như thế? Hẳn là ông ta vẫn chưa thực sự giải quyết xong bài toán về ý nghĩa cuộc đời. Nhưng thật ra có ai đã giải quyết được điều bí hiểm ấy? Có hay không có một định mệnh riêng biệt dành cho mỗi người? Có hay không có một đấng tối cao chi phối đến mọi sự thành bại khổ vui của con người? Có hay không có một luật nhân quả mà tác dụng chi phối vượt qua mọi giới hạn về thời gian và không gian? Có thể rằng kể từ khi con người mới bắt đầu biết dùng bộ óc để suy gẫm thì những vấn đề này đã từng được tranh luận ở bất cứ nơi đâu trên mặt địa cầu. Những người dân chất phác đơn sơ không màng giải quyết vấn đề đó, họ chỉ chọn cho mình một niềm tin để nương tựa là xong. Còn những kẻ trí thức thì dường như vẫn luôn do dự không quyết định dứt khoát được giữa những tư tưởng trái ngược nhau trong đầu họ, như trường hợp của *Napoleon* chẳng hạn.

Vài ngày sau, khi tôi đã ở cách xa *Bénarès* đến vài trăm dặm thì được tin là có những cuộc nổi loạn và bạo động xảy ra ở đó. Đó là một trong những vụ xung đột giữa người Ấn giáo và Hồi giáo, thường bắt đầu bằng

những duyên cớ rất nhỏ nhặt không đáng kể nhưng thường bị xúi giục bởi những kẻ bất lương lợi dụng vấn đề tôn giáo để gây rối hầu dễ thi hành những thủ đoạn cướp bóc thủ lợi. Trong suốt nhiều ngày, thành phố *Bénarès* đắm chìm trong sự hỗn loạn và khủng bố. Người ta thường nghe nói đến những chuyện đầu rơi máu đổ và giết chóc.

Tôi lấy làm lo ngại cho sự an toàn của nhà chiêm tinh nhưng không thể nào liên lạc được với ông ta. Những người đưa thư quá sợ hãi không dám ra đường nên không có thư từ hay điện tín nào được phân phát trong những ngày loạn lạc đó. Tôi đành phải đợi cho đến khi tình hình tạm yên trở lại, và gửi một bức điện tín ngay trong số những bức đầu tiên nhận được ở *Bénarès* sau những ngày hỗn loạn. Vài ngày sau tôi nhận được thư trả lời cám ơn của nhà chiêm tinh, trong đó ông ta cho biết rằng ông ta được bình yên vô sự. Ở trang sau lá thư, ông ta cũng không quên chép luôn cho tôi mười điều qui luật về sự thực hành pháp môn *Yoga* của phái *Brahama Chinta*, như một lời nhắc nhở.

CHƯƠNG 11

MỘT CUỘC GẶP GỠ LẠ LÙNG

Tôi đã trở lại miền Tây một lần nữa, nhưng không có một chương trình nhất định. Tôi đã quá mệt mỏi vì những chuyến xe lửa nhiều bụi bặm và những cỗ xe bò thiếu tiện nghi nên thuê một chiếc xe hơi cũ và một người Ấn vừa làm tài xế vừa là bạn đường. Anh ta cũng là người sẵn lòng giúp tôi thực hiện những chuyện vặt vãnh khi cần.

Phong cảnh trên đường đi thay đổi liên tục. Khi xe đi qua một khu rừng, người tài xế phải ngừng xe khi trời tối, và nếu không tìm thấy làng mạc nào ở gần đó thì anh ta đốt lên một ngọn lửa lớn để làm cho thú dữ tránh xa. Dường như trong rừng có rất nhiều beo và mèo rừng, nhưng ánh lửa làm cho chúng không dám lại gần. Ngoài ra còn có loài sơn cẩu, phát ra những tiếng sủa rùng rợn trong cụm rừng gần bên. Ban ngày, loài kên kên ăn thịt bay lượn trên không, dưới một vòm trời nắng gắt.

Một buổi chiều đẹp trời, trong khi ngồi trên xe lướt êm trên đường, tôi nhìn thấy bên vệ đường có hai người

lạ lùng. Một người mặc áo tu sĩ ngồi tĩnh toạ dưới bóng cây, còn người kia là một thanh niên, dường như là đệ tử của người tu sĩ. Người tu sĩ già dặn hơn, vẫn ngồi điềm nhiên bất động, và có lẽ đang ngồi thiền định, vì anh ta không buồn chú ý đến chiếc xe vừa đi qua, mặc dầu người thanh niên đã nhìn thấy tôi. Có một điều gì đó hấp dẫn tôi đến gần người tu sĩ và tôi quyết định ngừng xe. Tôi bảo người tài xế hãy trở lại để hỏi thăm vài điều về hai người lạ mặt, và trong một lát tôi đã thấy người tài xế nói chuyện một cách sôi nổi với người thanh niên.

Khi người tài xế trở lại xe, anh ta cho biết hai người lạ mặt đó quả là hai thầy trò. Người thầy tên là *Chandi Das*, là một tu sĩ *Yogi* có nhiều quyền năng lạ lùng. Họ đi lang thang từ làng này sang làng khác, và đã vượt qua rất nhiều dặm đường, có khi đi bộ, có khi đi xe lửa. Họ khởi hành từ tỉnh *Bengale* là nơi quê hương của họ, từ hai năm về trước.

Tôi liền mời họ lên xe, và người tu sĩ nhận lời với một thái độ thản nhiên còn người thanh niên thì lộ rõ một tia mừng rỡ trong mắt. Chiếc xe ngừng lại một làng kế cận và chúng tôi định ngủ đêm tại đây.

Đường sá vắng tanh không một bóng người, trừ một chú mục đồng coi giữ đàn bò gầy ốm bên cổng làng. Ngày đã gần tàn nhưng trời còn nóng bức, chúng tôi

đến gần một cái giếng để uống nước, nước không được trong lắm nhưng uống rất mát.

Làng này không có vẻ gì hấp dẫn, chỉ có độ mươi gian nhà tranh dọc theo hai bên một con lộ duy nhất. Nóc nhà lợp bằng rơm, tường đắp bằng đất với hàng rào tre trông có vẻ nghèo nàn. Vài người dân làng ngồi trong bóng tối trước nhà của họ, một bà già bước đến gần giếng, nhìn chúng tôi với cặp mắt khô khan, múc đầy nước vào cái bình đồng và lẳng lặng bước đi.

Người tài xế sau khi đã pha trà xong liền đi tìm nhà người trưởng làng. Hai thầy trò người *Yogi* vẫn im lặng ngồi nghỉ trên bãi cỏ. Người *Yogi* chỉ biết một vài tiếng Anh, không đủ để trò chuyện, tôi định nhờ người tài xế làm thông ngôn để phỏng vấn ông ta khi đã lo xong chỗ ở.

Dần dần, một nhóm nhỏ gồm có đàn ông, đàn bà và trẻ con đến vây quanh chúng tôi. Dân chúng ở vùng nội địa ít khi thấy được người Âu, và nói chuyện với họ không phải là một điều vô ích vì họ rất hồn nhiên và có những ý kiến bất ngờ hết sức chân thật đối với cuộc đời.

Đối với trẻ con, tôi là một vật lạ, nhưng tôi chinh phục chúng dễ dàng bằng vài đồng xu. Chúng cũng tỏ ra hâm mộ cái đồng hồ reo của tôi, và lấy làm ngạc

nhiên khi tôi vặn cho nó reo vang để làm vui tai chúng. Một người đàn bà đến gần và cúi rạp đầu lạy người *yogi* ở ngay giữa đường. Bà ta lấy tay chạm nhẹ vào chân người *yogi* rồi đặt lên trán mình để tỏ dấu cung kính.

Người tài xế trở lại cùng với người trưởng làng và cho hay trà đã sẵn sàng. Anh ta đã tốt nghiệp Trung học nhưng phải làm đủ mọi nghề: phu khuân vác, tài xế, thông ngôn. Anh ta tọc mạch muốn biết về mọi sự việc của Tây phương, và hy vọng rằng có ngày tôi sẽ đưa anh ta sang Âu châu. Tôi đối xử với anh ta như một người bạn, vì anh ta thông minh và có nhiều thiện chí.

Trong khi chờ đợi, chắc có ai mời mọc hai thầy trò người *yogi*, vì họ đã biến mất. Những người dân làng quê thường hiếu khách hơn người thành thị.

Chúng tôi lên đường đến nhà người trưởng thôn khi mặt trời đã ngả hẳn về tây và sa xuống đỉnh các ngọn đồi ở tận chân trời màu đỏ thắm. Chúng tôi dừng chân trước một căn nhà tranh cao ráo sạch sẽ hơn những nhà khác. Tôi ngỏ lời cám ơn chủ nhà. Người này đáp một cách rất lịch thiệp:

- Sự hạ cố của quí vị là một điều hân hạnh cho tôi.

Sau khi dùng trà, mọi người còn ngồi lại chuyện trò một lát. Bóng hoàng hôn đã buông xuống khắp cánh

đồng, những người mục đồng đã đủng đỉnh dắt trâu về chuồng. Tôi nhờ tài xế đi tìm người *yogi* và xin ông ta dành cho tôi một cuộc hội kiến.

Một lát sau, người tài xế trở về và đưa tôi đến một căn nhà nhỏ và thấp, có vẻ nghèo nàn. Tại đây chỉ có người đệ tử trẻ tuổi đón tiếp tôi, còn người *yogi* vắng mặt vì được mời đi chữa trị cho một người bệnh nặng. Tôi phải ở đó đợi người *yogi* trở về. Một lát sau, ông ta trở về và vừa gặp tôi ông ta liền đưa tay phác một cử chỉ thân thiện và nói một câu mà người tài xế dịch lại là:

- Chào tiên sinh, cầu xin ơn trên phù hộ cho ông.

Nói xong, ông ta liền ngồi bệt xuống đất, hai chân xếp bằng sau khi từ chối một tấm mền vải của tôi đưa ra để làm nệm lót. Vì ông ta ngồi đối diện ngay trước mặt nên tôi có thể quan sát ông ta tỉ mỉ, bộ râu không chải chuốt làm cho ông ta hơi già đi, tuy thế có vẻ như cũng không quá năm mươi tuổi. Ông ta để tóc dài đến cổ, vành môi nghiêm khắc hình như không bao giờ cười. Điều đáng chú ý nhất là cặp mắt sáng quắc. Cái nhìn đó không phải là của một người bình thường. Tôi có cảm giác rằng nó sẽ ám ảnh tôi suốt nhiều ngày.

Người *yogi* mở lời trước:

- Ông từ phương xa đến đây?

Tôi gật đầu. Ông ta hỏi tiếp:

- Ông nghĩ sao về đại đức *Mahasaya*?

Tôi giật mình vì ngạc nhiên! Làm sao ông ta biết được rằng tôi vừa đến viếng tỉnh *Bengale* và gặp Đại đức *Mahasaya* ở *Calcutta*? Tôi lặng thinh một lúc rồi đáp:

- Đại đức đã chinh phục được tấm lòng tôi. Nhưng tại sao ông lại hỏi như vậy?

Người tu sĩ làm như không nghe câu hỏi của tôi, và tôi phải nói tiếp để phá tan sự im lặng:

- Tôi định sẽ gặp lại Đại đức khi tôi trở về *Calcutta*. Đại đức có biết ông không, và ông có muốn gửi lời chào Đại đức chăng?

- Không, ông sẽ không còn dịp để gặp lại Đại đức *Mahasaya*. Vào lúc này, Đại đức đang sắp sửa về với cõi vĩnh hằng!

Tôi lại sửng người trong một lúc, phân vân không biết có nên tin vào những lời vừa nghe thấy hay không. Sau một lúc im lặng, tôi chuyển đề tài:

- Tôi rất quan tâm đến pháp môn *Yoga* và đời sống của các tu sĩ. Ông có thể cho tôi biết nhân duyên gì đã khiến ông trở thành một người *yogi*, và trên đường

tu tập ông đã thâu hoạch được những kết quả gì hay chăng?

Nhưng *Chandi Das* dường như không muốn nói nhiều. Ông ta trả lời một cách lãnh đạm:

- Dĩ vãng là một đống tro tàn. Tôi không muốn đào bới dĩ vãng để tìm lại những sự việc nay đã không còn nữa. Tôi không sống trong dĩ vãng, cũng không sống trong tương lai. Những điều đó chỉ là là hư ảo, như những cái bóng chập chờn vô định. Đó là sự minh triết mà pháp môn *Yoga* đã mang lại cho tôi.

Điều này làm tôi ngạc nhiên. Tôi bèn phản đối:

- Nhưng chúng ta là những kẻ sống trong thời gian, làm sao có thể không biết đến thời gian được?

Ông ta thản nhiên hỏi ngược lại tôi:

- Sống trong thời gian ư? Ông có chắc rằng có một cái gì đó để gọi là thời gian hay không?

Thật là một câu hỏi hoàn toàn bất ngờ đối với tôi. Dường như tôi không thể hình dung được đề tài của cuộc tranh luận mà người yogi này đang dẫn tôi vào, nhưng đó sẽ là một cuộc tranh luận không có lối thoát. Người tu sĩ này quả thật có những năng khiếu lạ lùng đúng như đệ tử của ông ta đã tuyên bố chăng? Nhưng không kìm được sự tò mò, tôi đánh bạo hỏi:

- Nếu thời gian không có thật, thì dĩ vãng và tương lai hẳn phải hiện ra cùng lúc ngay trong hiện tại. Nhưng kinh nghiệm cho ta thấy là ngược lại.

- Cái kinh nghiệm mà ông nói đó, kinh nghiệm của thế gian, vốn dĩ đã là không thật. Làm sao nó có thể chứng minh cho một điều có thật?

- Nhưng đó là lẽ tự nhiên đối với tất cả mọi người. Phải chăng ông muốn nói rằng còn có một loại kinh nghiệm khác hẳn và đưa đến nhận thức trái ngược về vấn đề này?

- Đúng vậy.

- Nếu vậy, phải chăng tôi nên kết luận rằng tương lai cũng là hiện tại đối với ông?

Chandi Das thong thả đáp:

- Tôi không quan tâm đến điều đó. Tôi không cần biết trước những sự việc sẽ đến với tôi trong tương lai.

- Nhưng bằng vào nhận thức phi thời gian của ông, phải chăng ông có thể biết trước những điều sẽ xảy đến trong tương lai của người khác?

- Phải, nếu tôi muốn.

Tôi quyết định phải hỏi cho thật rõ:

- Xin ông nói rõ thêm. Phải chăng ông có thể tiên đoán việc tương lai?

- Không phải là tiên đoán, mà là nhận biết. Cũng đơn giản như ông nhận biết một vật gì đó mà ông nắm trong bàn tay, vậy thôi. Nhưng cũng có những giới hạn nhất định, vì không phải mọi sự kiện đều được sắp đặt trước một cách cố định. Cái mà ông gọi là tương lai đó cũng có thể thay đổi.

- Nhưng ông có thể biết được một phần nào về tương lai của tôi và nói cho tôi biết được chăng?

- Ông muốn biết để làm gì?

- Tôi đã từng bị ám ảnh giày vò bởi nhiều vấn đề nghiêm trọng về tâm linh. Vì muốn soi sáng phần nào những vấn đề đó mà tôi đến xứ này. Có lẽ những điều tiết lộ của ông sẽ có thể soi sáng con đường của tôi, hoặc cũng có thể cho tôi biết rằng bao nhiêu công lao khó nhọc của tôi đều là vô ích.

Người *yogi* ngước lên nhìn tôi với cặp mắt đen láy. Tôi bị hấp dẫn bởi cái phong độ ung dung tự tại và sự minh triết của người đạo sĩ này, dường như đang tỏa chiếu hào quang làm sáng rỡ cái chòi tranh nghèo nàn ẩn náu trong rừng thẳm. Sau cùng, *Chandi Das* cất tiếng nói:

- Tôi không được biết nhiều về khoa học Âu Tây, nhưng nếu ông sẵn lòng nghe tôi thì cuộc hành trình của ông sẽ không phải là vô ích. Ông hãy trở lại thành

phố đầu tiên khi ông bước chân vào xứ Ấn Độ, và trong tháng sau ông sẽ được như ý nguyện.

- Trở lại *Bombay* ư?

- Phải.

Tôi không hiểu gì cả! *Bombay*, một thành phố đã bị Âu hóa hết ba phần tư! Tôi còn có thể thâu thập được gì ở thành phố đó? Tôi nói:

- Tôi xin thú thật là ở *Bombay* tôi đã tìm nhưng không gặp được ai để dắt dẫn tôi cả.

- Tuy vậy, đó vẫn là con đường phải đi của ông. Ông hãy đi cho nhanh, đừng để phí thời giờ. Tốt nhất là ông hãy đi vào ngày mai.

- Đó là tất cả những gì ông muốn nói với tôi sao?

- Có thể nhiều hơn, nhưng chỉ bấy nhiêu đó là những điều có ích cho ông mà thôi.

Người *yogi* lại đắm chìm trong sự im lặng. Cặp mắt ông ta giống như mặt nước hồ trong vắt yên tĩnh... Sau thời gian nhập định đó, ông ta lên tiếng:

- Ông sẽ từ giã Ấn Độ để trở về phương Tây trước mùa thu tới đây. Ông sẽ đau nặng vào lúc ông sắp sửa rời khỏi xứ này. Tinh thần ông phải chiến đấu trong một thể xác tàn tạ, nhưng ngày giờ giải thoát của nó chưa đến. Ông sẽ được tìm thấy điều ông muốn chỉ sau

khi đã trở lại đất Ấn Độ tất cả là ba lần. Một vị tôn sư mà ông có nhân duyên trong quá khứ hiện nay đang chờ đợi ông.

Người *yogi* lại im lặng một lúc, đôi mí mắt ông ta đường như hơi cử động. Kế đó, ông ta nhìn thẳng vào cặp mắt tôi và nói:

- Đó là tất cả những gì tôi muốn nói với ông.

Chandi Das từ chối không chịu nói gì về đời tư của ông ta, làm cho tôi không biết nghĩ thế nào về những lời tiên tri lạ lùng đó, và tôi cảm thấy còn có nhiều điều khác nữa mà ông ta không chịu nói.

Trong khi câu chuyện đang tiếp diễn, tôi phải bật cười khi nghe người đệ tử hỏi tôi với một vẻ mặt trịnh trọng, hình như anh ta cũng tự hào về cái bản lĩnh cao cường của thầy anh ta:

- Những người *yogi* của Anh quốc có thể nói tiên tri được như vậy chăng?

Tôi phải khó nhọc một lúc mới làm cho anh ta hiểu được rằng ở Anh quốc không hề có các đạo sĩ *yogi*.

Trọn buổi tối diễn ra với những cơn im lặng kéo dài, và khi người *yogi* cho tôi biết rằng ông ta không còn điều gì muốn nói nữa thì người nông phu mời tôi ở lại dùng bữa cơm đạm bạc với anh ta. Tôi đáp rằng tôi đã

có đủ mọi thứ mang theo trong xe, và sẽ làm cơm tại nhà người trưởng làng rồi ngủ đêm tại đó. Người nông dân bảo rằng ông ta phải tuân theo tập tục cổ truyền là người chủ nhà phải tiếp khách từ phương xa đến, và khẩn khoản mời mọc hết lời, làm cho tôi không còn cách nào từ chối được.

Khi tôi vừa ngỏ lời đồng ý, người nông dân liền mang ra ngay trước mặt tôi một dĩa cơm rang nóng sốt.

Một vừng trăng khuyết hiện ra trong khung cửa sổ nhỏ hẹp. Tôi nghĩ rằng không một sự học vấn hay lịch lãm nào của những người thành thị có thể so sánh được với tấm lòng tốt đơn giản của những người thất học ở chốn thôn quê.

Khi tôi từ giã hai thầy trò đạo sĩ *Chandi Das*, người nông dân gỡ lấy cái đèn lồng treo trên trần nhà và tiễn đưa tôi ra tận đường cái. Anh ta đưa bàn tay lên trán để chào và đứng lại một lúc lâu nhìn khách lên xe. Kế đó, tôi trở về nhà người trưởng làng dưới ánh đuốc lập loè do người tài xế cầm nơi tay.

Tôi trằn trọc ngủ không yên giấc, và nghĩ đến những lời tiên tri của người đạo sĩ. Giấc ngủ của tôi bị khuấy động bởi tiếng kêu rùng rợn của những con sơn cẩu trong khu rừng kế bên, và những tiếng chó sủa trăng vọng lại không dứt từ đàng xa.

Tuy không thực sự có ý định tin theo lời khuyên của người đạo sĩ, tôi vẫn đi *Bombay* vì nhiều lý do khác. Nhưng vừa yên nơi yên chỗ xong thì quả nhiên tôi đau nặng.

Nằm trong bốn vách tường của một căn phòng khách sạn, mệt mỏi cả tâm hồn lẫn thể xác, tôi đã phải vất vả chiến đấu với sự nản lòng. Tôi đã bắt đầu cảm thấy chán ngán xứ Ấn Độ. Tôi đã vượt qua hàng ngàn dặm đường, dưới những điều kiện thật khó khăn, để rồi rốt cuộc phải nằm co một nơi trong khu sang trọng của một thành phố lớn. Tôi biết rất rõ rằng, không phải giữa những quán rượu, những vũ trường, những sòng bài và những cốc rượu mạnh pha *soda* sủi bọt mà tôi có thể khám phá ra cái huyền bí của Ấn Độ, điều mà tôi đang khắc khoải đi tìm. Sự la cà ở những khu bình dân bản xứ chắc chắn đã giúp tôi rất nhiều trong sự sưu tầm, nhưng điều đó lại ảnh hưởng bất lợi cho sức khoẻ của tôi. Còn nói về những cuộc phiêu lưu ở chốn non cao động cả, hay những vùng làng mạc xa xôi trong rừng thẳm, thì tôi đã phải trả một cái giá rất đắt là ăn uống thất thường, thiếu dinh dưỡng, thiếu vệ sinh, với những cuộc hành trình vất vả mệt nhọc lúc ban ngày và những đêm mất ngủ vì tiết trời nóng nực. Kết quả là nay tôi đang mang cái thể xác bệnh hoạn như một gánh nặng.

Tôi sẽ chịu đựng được một đời sống như thế này trong bao lâu nữa? Đôi mắt tôi đã nặng trĩu vì buồn ngủ. Sự mất ngủ luôn bám lấy tôi một cách chặt chẽ như một con mực khổng lồ bám lấy mồi, kể từ khi bắt đầu cuộc hành trình. Sự bắt buộc phải sống chung đụng với những người thuộc một nòi giống khác, phải luôn luôn giữ thế quân bình giữa một bộ óc xét đoán khoa học và một sự thụ cảm tâm linh, làm cho thần kinh hệ của tôi bị căng thẳng đến cực độ. Tôi đã phải thường xuyên cảnh giác phân biệt giữa những nhà đạo sĩ hiền triết chân tu với những kẻ điên rồ, lầm lạc giữa những điều ảo vọng với những cảm hứng thiêng liêng. Tôi cũng phải biết phân biệt những tu sĩ thần bí với những kẻ buôn thần bán thánh, và tôi phải học biết tất cả những điều đó trong một thời gian tối thiểu, vì dầu sao tôi cũng không thể bỏ phí nhiều năm của một đời người để chạy theo một sự tìm tòi như thế!

Nếu thể xác tôi đã kiệt quệ thì tâm hồn tôi dường như cũng không hơn gì: tôi có cảm giác như bị hoàn toàn thất bại cả về vật chất lẫn tinh thần. Dĩ nhiên là tôi cũng đã gặp được những người chân tu có một giá trị tâm linh cao khiết, tôi cũng đã gặp những người thực hiện được những điều lạ lùng, nhưng tôi chưa gặp được bậc chân sư mà tôi tìm kiếm, một bậc danh sư có thể làm thỏa mãn cả lý trí lẫn tình cảm của tôi.

Những vị đệ tử quá sốt sắng đã cố gắng lôi cuốn tôi theo về môn phái của họ. Tôi đã thừa hiểu rằng cũng ví như trong thời niên thiếu người ta lầm tưởng một chuyện tình ái vụn vặt là một mối tình lớn của cả một đời người, thì những người trẻ tuổi này đã lầm tưởng cái kinh nghiệm đầu tiên của họ là một sự khám phá tuyệt diệu, và điều đó thường ngăn trở không cho họ tiến tới nữa.

Có ích lợi gì mà nhồi vào bộ óc của tôi thêm một giả thuyết hư vô, thần bí, nếu đồng thời tự trong tâm tôi không xuất hiện một cái gì sống động, độc đáo, đặc biệt là của riêng tôi, một sự giác ngộ thiêng liêng là của tôi chứ không phải là một thứ ánh sáng mượn tạm từ bên ngoài?

Nhưng nghĩ lại, tôi là ai mà dám ước mơ những triển vọng cao cả như thế? Tôi có quyền lực gì mà dám ước mong đến những thành tựu tâm linh cao siêu đến thế?

Nhìn về khía cạnh nào của vấn đề, tôi cũng chỉ thấy toàn những lý do của sự chán nản, tuyệt vọng. Khi tôi đã thấy hơi khỏe để có thể bước xuống phòng ăn, tôi thấy ở bàn kế bên có một người sĩ quan. Người này nói chuyện với tôi về bà vợ của anh ta đang đau ốm trầm trọng chạy chữa thuốc thang không hết, về đơn xin nghỉ phép của anh ta bị từ chối... Điều này càng làm cho tôi chán nản hơn nữa.

Bữa cơm xong, vị sĩ quan vừa châm một điếu xì gà lớn vừa nói:

- Đời người phải chăng chỉ là một tấn bi hài kịch? Phải không?

Tôi cũng đáp buông xuôi lấy lệ:

- Ừ, một tấn bi hài kịch!

Nửa giờ sau, tôi gọi *taxi* đi đến đường *Hornby* và bước vào văn phòng một một công ty hàng hải. Tôi mua vé tàu với ý nghĩ rằng trong hoàn cảnh hiện thời không còn giải pháp nào khác hơn là lên đường trở về càng sớm càng hay. Sau đó, tôi trở về khách sạn mà không màng để ý đến những tòa lâu đài dinh thự đồ sộ nguy nga của thành phố *Bombay*.

Chiều đến, người phục vụ đặt trên bàn tôi một món *cari* ngon lành và thơm phức, nhưng tôi không thấy đói. Tôi chỉ uống một ly nước đá lạnh và gọi *taxi* ra đi.

Xe ngừng trước một rạp chiếu bóng, đèn *neon* chiếu sáng lòa cả một vùng chung quanh: đó là một món quà của phương Tây nhập cảng sang Ấn Độ.

Thỉnh thoảng tôi vẫn đi xem chiếu bóng, và đó là một nguồn lãng quên, ví như nước sông *Nại hà* ở cảnh âm ti có thể làm cho người ta quên đi tất cả chuyện quá khứ trước lúc đầu thai. Người ta không còn thấy cô đơn

khi mà trong bất cứ một thành phố nào của thế giới, người ta cũng có thể thuê một chiếc ghế bành êm dịu trong gian phòng ấm cúng để xem những chuyện phim kéo dài trong vài giờ.

Tôi bước vào và liền thấy trên màn bạc cảnh người vợ ngoại tình và người chồng chơi bời phóng túng trong một khung cảnh sang trọng quí phái. Nhưng cốt chuyện trên màn bạc làm tôi chán nản, tôi đã mất hẳn cái hứng thú đi xem chiếu bóng! Tấn bi hài kịch trên màn bạc không còn làm cho tôi cười hay khóc được nữa, vì tôi hoàn toàn dửng dưng với nó. Trong khi đó, cảnh vật chung quanh tôi, cả gian phòng lẫn màn bạc, đều như xóa mờ trong một thế giới huyền ảo và tâm trí của tôi lại quay về với cái vấn đề vẫn ám ảnh tôi từ trước. Bỗng nhiên, thần kinh và cân não tôi bị căng thẳng mãnh lệt, tôi cảm thấy dường như có một luồng điện chạy qua trong bầu không khí chung quanh và một sự thay đổi lớn đang diễn ra trong người tôi. Một tiếng nói từ trong nội tâm phát ra và bắt buộc tôi phải chú ý:

- Cuộc đời cũng chẳng khác nào như một chuyện phim, một ảo ảnh luôn luôn biến động, diễn ra từ vành nôi cho đến nấm mồ. Những sự vật trong quá khứ nay còn đâu nữa: ngươi có thể kêu gọi nó ra được chăng? Thay vì tiếp tục thẳng tiến đến cái chân thật, bền bỉ, trường tồn, ngươi lại dừng chân ở nơi đây và lãng phí

thời giờ với những hình ảnh còn hư dối hơn cả cuộc đời, với một câu chuyện tưởng tượng, một ảo ảnh nằm trong ảo ảnh!

Thật vậy, tôi đã chán nản những tấn bi kịch về tình ái của người đời. Tôi bèn đứng dậy đi ra để thở không khí mát mẻ ở bên ngoài, đi thẩn thơ vô định dọc theo các đường phố dưới ánh trăng êm dịu.

Đến một góc đường, một người hành khất đến gần tôi và thốt ra một tiếng kêu lạ lùng làm cho tôi ngẩng mặt lên: tôi lùi lại trong sự khủng khiếp vì gương mặt của người ấy bị một chứng bệnh quỉ quái gì làm lở loét đến tận xương. Nhưng lòng trắc ẩn còn mạnh hơn sự ghê tởm, tôi bèn cho hết những đồng tiền lẻ còn lại vào bàn tay lật ngửa của anh ta.

Tôi đi đến bờ biển để tìm một nơi hẻo lánh và tránh chỗ đông người, dưới vòm trời đầy sao. Tôi nghĩ đến cơn khủng hoảng vừa rồi trong rạp hát, và tự thả trôi theo những ý nghĩ triền miên không dứt.

*

Chỉ còn vài ngày nữa là tôi sẽ xuống tàu vượt biển trở về châu Âu. Thôi, hãy tạm ngưng việc học đạo. Tôi nghĩ đến tất cả những gì mà tôi đã hiến dâng như thời giờ, tiền bạc, trí não, công lao... Tôi không hy sinh thêm nữa để chạy theo những giả thuyết vu vơ. Khi ngồi trên

tàu, có lẽ tôi sẽ tiếp tục nghĩ như vậy. Nhưng trong khi chờ đợi, tiếng nói của nội tâm lại giằn vật tôi một cách ráo riết, không dung tha:

- "Đồ điên? Thì ra kết quả của bao nhiêu nguyện vọng thiết tha, của bao nhiêu năm tầm đạo, nay chỉ có bấy nhiêu đó thôi sao? Ngươi sẽ trở lại với cuộc đời tầm thường, bước theo con đường bằng phẳng của thế nhân, quên hết tất cả những gì ngươi đã học và nhận chìm viên ngọc tâm linh quí báu của ngươi xuống chỗ bùn nhơ của thất tình lục dục. Nhưng này, ngươi hãy coi chừng! Cuộc đời học đạo của người có thể thoát khỏi một cách dễ dàng những đòi hỏi của một nguyện vọng như thế hay sao? Ngươi đừng hy vọng thoát khỏi, vì đó là sợi dây trói buộc ngươi đã từ lâu."

Một mình đứng dưới vòm trời đầy sao, tôi không thể cưỡng lại được tiếng nói của nội tâm giằn vật tôi một cách thẳng tay, không chút tội nghiệp, làm tôi trở nên bất lực trước sự khủng hoảng. Tiếng nói vô âm thanh kia tiếp tục:

- "Ngươi có chắc rằng trong những người mà ngươi đã gặp không có ai đáng mặt là vị danh sư mà ngươi tìm kiếm hay chăng?"

Tôi hồi tưởng lại tất cả những người tu sĩ và đạo sĩ *yogi* mà tôi đã gặp. Tất cả những gương mặt rám nắng hoặc đen sạm đều lần lượt diễn lại trong trí tôi,

từ những nét mặt nhanh nhẹn vui tươi của người miền Bắc, thản nhiên của người miền Nam, linh hoạt và dễ cảm xúc của người miền Đông và im lặng trầm tĩnh của người miền Tây. Những gương mặt đó tuy khác nhau vì sự thiện cảm hay thù nghịch, khôn ngoan hay đần độn, có hảo ý hay có ác ý, nhưng tất cả đều có một điểm chung là bí hiểm, khôn dò. Tuy nhiên có một gương mặt tách riêng ra khỏi những gương mặt khác, mà đôi mắt không rời khỏi đôi mắt của tôi.

Tôi đã nhìn ra rồi: đó là Đức *Maharichi*, vị Tôn Sư ẩn dật trên ngọn Đồi Thiêng ở tận dưới miền Nam xa xôi của Ấn Độ. Không bao giờ tôi có thể quên Ngài, nhưng những sự thay đổi của cuộc đời cùng những điều lo nghĩ dồn dập đã xoá mờ dần cái kỷ niệm êm đềm của những ngày ngắn ngủi mà tôi đã sống ở đạo viện với ngài. Tôi nhìn nhận rằng không có một người nào ở trần gian đã từng hấp dẫn tôi một cách lạ kỳ như thế. Nhưng Ngài dường như quá cách biệt đối với một người Âu như tôi, và quá thản nhiên đối với những mục đích khiêm tốn của tôi.

Tuy nhiên, tiếng nói từ nội tâm lại vang lên:

- Thản nhiên ư? Ngươi có chắc không? Phải chăng ngươi đã bỏ ra đi quá sớm?

Lý trí của tôi cũng đáp lại để tự bào chữa:

- Phải, có lẽ tôi đã quá vội vàng ra đi, vì tôi nghĩ đến chương trình của tôi. Tôi có thể nào làm khác được chăng?

- Ít nhất có một điều mà ngươi có thể làm: hãy trở lại đạo viện!

- Như vậy, phải chăng tôi chỉ làm một điều miễn cưỡng?

- Điều đó không quan hệ, điều quan hệ là sự thành công. Ngươi hãy trở lại với đức Maharichi.

- Nhưng Ngài ở tận miền Nam, nơi tận cùng của xứ Ấn, mà tôi thì đau ốm, quá mệt mỏi để có thể lên đường.

- Điều đó cũng không quan hệ. Nếu ngươi muốn gặp Tôn Sư thì ngươi đừng quản công lao khó nhọc.

- Tôi đã quá mệt mỏi và chán nản nên không còn thiết đến điều gì nữa, và cũng không chắc rằng tôi còn có ý muốn đi tìm Thầy. Tôi đã giữ chỗ trên tàu và sẽ khởi hành trong ba ngày nữa. Muốn đổi ý kiến thì cũng đã muộn rồi.

- Không bao giờ là quá muộn. Ngươi hay xét đoán sự vật đúng theo giá trị của nó. Ngươi nói rằng đức Maharichi là người siêu việt nhất mà ngươi đã gặp, vậy mà ngươi bỏ ra đi khi ngươi vừa mới được biết Ngài. Hãy trở lại cho mau!

Lý trí đã chịu khuất phục và vâng theo tiếng nói của nội tâm, nhưng cái thể xác đau yếu còn chống cự lại. Tiếng nói bí mật kia lại tiếp tục:

- Ngươi hãy hủy bỏ chương trình đã định, và hãy trở lại với đức Tôn Sư.

Tiếng nói đó phát ra như một mệnh lệnh và vang rền trong tâm thức của tôi. Sự biện luận của lý trí và sự chống đối của thể xác mỏi mệt đều trở nên vô hiệu quả. Tôi như một đứa trẻ yếu đuối bất lực, không còn sức tự chủ. Vào lúc mà tiếng nói kia kêu gọi một cách mãnh liệt nhất, réo rắt thâm trầm nhất, thì hình ảnh của đức *Maharichi* hiện ra trước mắt tôi, một hình ảnh sống động và hấp dẫn, không thể nào kháng cự lại được nữa.

Tôi đành chịu thua và bỏ cuộc, như một kẻ chiến bại đành buông khí giới và rời khỏi chiến trường. Tôi sẽ trở lại đạo viện, và nếu Tôn Sư bằng lòng, tôi sẽ giao phó vận mạng tôi cho Ngài định đoạt. Thế là xong, tôi đã bị chinh phục, mặc dầu tôi vẫn còn hoang mang chưa hiểu ra sao cả, nhưng tôi mơ hồ cảm thấy như tôi không còn thuộc về tôi nữa!

Tôi trở về khách sạn, uống một chén trà nóng, tôi đã hoàn toàn thay đổi, và cảm thấy nhẹ nhàng như trút được một gánh nặng.

Sáng hôm sau, lần đầu tiên từ khi trở lại *Bombay* tôi cảm thấy vui vẻ và khỏe khoắn lạ thường. Người phục vụ của tôi trong bộ đồng phục trắng tinh, nịt thắt lưng vàng, khi vừa thấy tôi bước vào phòng ăn liền vui vẻ cười và nói:

- Có thư của ông đây.

Tôi mở thư ra xem thì lấy làm ngạc nhiên mà thấy thư gửi từ đạo viện *Arunachala*, trên ngọn Đồi Thiêng. Thư ấy là của một vị Thẩm phán trong Hội Đồng Lập Pháp tỉnh *Madras*. Người này vì một tấn thảm kịch gia đình đã quyết định đi tu và trở nên một đệ tử của đức *Maharichi*. Tôi đã từng làm quen với anh ta và thỉnh thoảng có trao đổi thư từ qua lại.

Trong thư, anh ta nói rằng tôi sẽ được hoan nghinh nếu tôi trở lại đạo viện. Câu cuối cùng trong thư lại nói:

- "Ông rất may mắn được gặp vị Tôn Sư mà ông vẫn tìm kiếm."

Bức thư đến với tôi như một điềm lành, tôi liền đến văn phòng Công Ty hàng hải để xin hủy bỏ vé tàu về Anh quốc. Một lần nữa tôi lại từ giã thành phố *Bombay* và vượt qua vùng cao nguyên *Décan* để trực chỉ miền Nam. Lần này tôi có cảm tưởng như đi đến ánh sáng và an lạc.

Qua hôm sau, tôi lấy làm sung sướng mà nhìn thấy lại những phong cảnh êm đềm và những ngọn đồi đất đỏ của miền Nam. Tôi càng phấn khởi hơn khi chuyến xe lửa đã qua khỏi vùng đồng nội khô khan và tôi bắt đầu thở cái không khí mùi gió biển của thành phố *Madras*, chấm dứt chặng đầu của cuộc hành trình.

Tại *Madras*, tôi phải đổi qua chuyến xe lửa khác và trong khi chờ đợi tôi đến viếng thăm nhà văn hào *Mani*, người bạn đồng nghiệp đã giới thiệu tôi với đức Tăng thống *Sri Shankara* độ nọ.

Nhà văn hào tiếp đón tôi một cách nồng nhiệt và khi được biết rằng tôi đang trên đường trở lại đạo viện của đức *Maharichi* thì anh ta nói rằng:

- Tôi không ngạc nhiên, vì tôi đã biết trước.

Tôi ngạc nhiên hỏi:

- Vì sao anh lại nói như vậy?

- Bạn ơi, bạn có nhớ chăng, khi chúng ta từ giã đức Tăng Thống ở *Chingleput*, khi ra tới hành lang, Ngài có quay lại nói nhỏ với tôi vài điều.

- À, bây giờ anh nhắc lại tôi mới nhớ. Vậy đức Tăng Thống nói những gì?

- Ngài nói với tôi như thế này: "Người bạn anh sẽ đi châu du khắp xứ Ấn Độ để tìm thầy. Anh ta sẽ gặp

nhiều vị đạo sĩ, nhưng sau cùng anh ta sẽ trở lại với đức *Maharichi*, vì đó là vị Tôn Sư duy nhất sẽ thích hợp với anh ta.”

Thật là lạ lùng! Phải chăng đức Tăng Thống *Sri Shankara* quả thật là một nhà tiên tri. Dầu sao, những lời này cũng xác nhận và củng cố thêm quyết định của tôi, rằng tôi đã tìm thấy đúng con đường để đi.

CHƯƠNG 12

ĐẠO VIỆN TRONG RỪNG THẲM

Có những giờ khắc mà người ta có thể ghi bằng chữ mạ vàng trong quyển lịch của đời mình. Đó là những giờ phút tuyệt vời nhất trong đời tôi khi tôi trở lại đạo viện của đức *Maharichi*.

Ngài vẫn ngồi trong tịnh thất như thường lệ, trên tấm da cọp rất đẹp. Những cây nhang nối tiếp nhau cháy một cách chậm chạp trên chiếc bàn nhỏ, tỏa ra khắp phòng một mùi hương thơm dịu.

Lúc đó, đức Tôn sư không ngồi nhập định, Ngài vẫn tỉnh táo như thường, đôi mắt nhìn tự nhiên và đôi môi Ngài nở một nụ cười tiếp đón khi tôi bước vào tịnh thất và nghiêng mình kính cẩn chào Ngài. Vài vị đệ tử ngồi cách xa Ngài một cách cung kính, một vị đứng gần kéo cái quạt tre treo trên trần để quạt cho mát khắp phòng.

Lần này tôi định trình bày cho Tôn sư biết rõ ý muốn của tôi, và chỉ yên lòng khi tôi biết được quyết định của Ngài. Nhưng tôi có nhiều hy vọng được Ngài

thâu nhận, vì cái tiếng nói trong nội tâm đã gọi tôi từ *Bombay* trở về đây và vang lên như một mệnh lệnh là một tiếng nói mãnh liệt mà tôi không thể cưỡng lại.

Sau vài lời giải thích, tôi trình bày lời thỉnh cầu của tôi một cách vắn tắt, gọn gàng, Đức *Maharichi* vừa nhìn tôi vừa mỉm cười, nhưng vẫn giữ im lặng. Tôi lặp lại câu nói của tôi, và lần này Ngài trả lời trực tiếp bằng tiếng Anh rất lưu loát:

- Cần gì phải nói đến quan hệ thầy trò? Những sự khác biệt đó chỉ có dưới quan điểm của người sơ cơ. Đối với người nào đã phản hồi nguyên tánh của mình, thì không có sự phân biệt giữa thầy với trò, mà chỉ có người với người mà thôi.

Tôi tự nghĩ phải chăng đó là một sự từ chối khéo léo? Tôi cố gắng trình bày yêu cầu của mình theo một cách khác và tôi được trả lời như sau:

- Anh phải tìm thầy ở tự tâm chứ không phải nơi một người khác. Tôi muốn nói ở nơi tự tánh hay chân như, Phật tánh của chính mình.

Tôi bắt đầu hiểu ý Ngài. Đức *Maharichi* không muốn trả lời trực tiếp câu hỏi của tôi, tôi phải tìm hiểu những lời nói của Ngài, nó rất sâu sắc và tế nhị. Tôi không nói thêm nữa về việc đó và chỉ nói chuyện với Tôn sư về chuyến du hành của tôi.

Kế đó, tôi trở về chỗ nghỉ dành riêng cho tôi trong đạo viện, và chuẩn bị ở lại trong một thời gian dài.

*

Trong tuần lễ kế đó, tôi sống một cuộc sống khá bất thường. Ban ngày tôi đến ngồi trong tịnh thất của đức *Maharichi* để nghe những lời vàng ngọc của Ngài và hy vọng nhận được câu trả lời mà tôi đang chờ đợi. Nhưng ban đêm tôi vẫn bị chứng mất ngủ, mặt dầu tôi nằm dưới đất một cách giản dị trong một cái chòi mới cất ở cách đạo viện chừng một trăm thước. Vách chòi làm bằng đất, nóc lợp tranh, chung quanh toàn là những bụi cây có gai, những loại cây xương rồng, là chỗ bắt đầu của khu rừng hoang rậm rạp, không hề có chân người bước đến. Phía bắc, khu rừng rậm trải dài đến tận chân ngọn đồi thiêng. Phía nam có một cái ao lớn, mặt nước phẳng lặng, trên bờ ao có nhiều chòm cây, thật nhiều khỉ vượn nhảy nhót trên cành.

Những chuỗi ngày như thế trôi qua một cách đều đặn. Mỗi ngày, tôi dậy sớm trước khi mặt trời mọc và xuống ao tắm. Tôi phải đập nước và làm nhiều tiếng động để cho loài rắn tránh xa. Kế đó, tôi uống một cách ngon lành ba chén trà thơm nóng, là món xa xỉ phẩm duy nhất của tôi ở đạo viện thâm nghiêm này.

Về những bữa ăn thì chỉ có duy nhất một người vừa lo việc bếp núc và đi chợ nấu ăn. Tuy thế, tôi cũng chỉ ăn một bữa trưa, còn buổi chiều thì tôi uống sữa hay uống trà.

Sau khi điểm tâm xong, tôi thong thả bước xuống tịnh thất, có khi tôi ngừng lại ngắm nhìn những bụi hoa hồng trong vườn, hoặc ngồi trầm tư trong chốc lát dưới những gốc dừa sai trái. Vì buổi sớm mai mặt trời chưa lên cao nên dạo chơi trong vườn để thưởng hoa như thế là một điều rất thích thú.

Kế đó tôi bước vào tịnh thất, cúi đầu chào Tôn sư và lặng lẽ đến ngồi xếp bằng dưới sàn gạch. Tôi được tự do đọc sách hay viết thư trong một lúc hoặc nói chuyện với các vị đệ tử, thưa hỏi Tôn sư về một vấn đề nào đó, hoặc tham thiền trong một giờ về một đề tài của Tôn sư đưa ra.

Buổi tối được dành cho giờ tham thiền chung. Nhưng dầu cho tôi mắc bận việc gì, tôi cũng cảm thấy cái ảnh hưởng tốt lành của bầu không khí chung quanh mình luôn tiềm tàng một niềm an tĩnh thiêng liêng, phảng phất trong đạo viện. Chỉ cần được ngồi bên cạnh đức *Maharichi* cũng đủ làm cho tâm hồn được tràn đầy một nguồn an lạc vô biên. Phân tách về điều này, tôi nhận thấy chắc chắn phải có một sự giao cảm nhất định được

tạo ra khi tôi với Tôn Sư ngồi gần nhau. Điều này tuy rất tế nhị, nhưng không thể nào lầm lẫn được.

Đúng mười một giờ, tôi trở về chòi dùng cơm và nghỉ trưa. Kế đó, tôi trở lại ngồi nơi tịnh thất. Thỉnh thoảng, để thay đổi không khí, tôi đi dạo trong vùng chung quanh hoặc xuống tỉnh để viếng ngôi dền Bà-la-môn vĩ dại và tôn nghiêm ở đó.

Đôi khi, đức *Maharichi* đích thân đến nơi chòi tranh để viếng tôi mà không báo trước. Lẽ tự nhiên, tôi không bỏ qua những dịp đó để thưa hỏi Ngài về nhiều vấn đề thắc mắc. Ngài nghe tôi một cách kiên nhẫn và trả lời tôi một cách vô tư tuy rằng chỉ với những lời rất ngắn ngủi, ít khi thành một câu trọn vẹn. Có lần tôi hỏi mà Ngài không trả lời. Cặp mắt ngài như đắm chìm vào hư không ở tận chân trời, Ngài im lặng như thế trong vài phút, không chút cử động, hình như Ngài không có ở đó nữa. Ngài thiền định suy tư hay mãi nhìn một vật vô hình nào giữa không gian mà chỉ riêng Ngài nhìn thấy? Ngài có nghe thấy tôi chăng? Dầu sao đứng trước mặt Ngài, tôi luôn cảm nhận có một sức mạnh nào đó xâm chiếm và chế ngự cả tâm hồn tôi. Việc ấy đã cho tôi một bài học. Có ích gì mà đặt ra những câu hỏi nọ kia và thảo luận dông dài khi mà tôi đã có tự nơi mình một kho tàng hiểu biết, chỉ cần tự đào xới lên để tìm thấy? Tốt hơn là hãy chấm dứt mọi suy luận, tranh

cãi và cố gắng khai thác những gì tiềm tàng trong bổn tánh chân như của mình. Vì thế, tôi vẫn giữ im lặng và chờ đợi.

Nửa giờ sau, đức *Maharichi* vẫn điềm nhiên bất động. Hình như Ngài đã quên đi sự có mặt của tôi, nhưng tôi vẫn cảm thấy rõ ràng rằng sự giác ngộ trong tâm tôi có một mối liên hệ chặt chẽ qua sự giao cảm với tâm hồn của ngài, một sự ảnh hưởng, tác động vừa rất cụ thể vừa huyền bí mơ hồ luôn bao trùm mối quan hệ giữa tôi với Ngài.

Có lần, trong một cuộc viếng thăm bất thần như thế, Ngài thấy tôi dang bị giày vò bởi một cơn khủng hoảng, buồn rầu. Ngài mới an ủi và khuyến khích tôi, và nói về cái mục đích huy hoàng hứa hẹn cho người nào thực hành pháp môn *Yoga*.

- Nhưng bạch Tôn sư, pháp môn đó là một con đường đầy những chướng ngại, và tôi tự biết rõ về sự yếu đuối của tôi.

- Điều đó thường là nguyên nhân chủ yếu nhất trì kéo ta trên đường đạo. Chính sự thiếu tự tin đó, cái tinh thần chủ bại đó, đã làm tê liệt ý chí tiến thủ của con người.

- Nhưng nếu sự chủ bại đó có căn cứ?

- Nó không có căn cứ gì cả! Điều lầm lạc lớn nhất của chúng ta là luôn tưởng rằng con người tự nhiên vốn yếu đuối, xấu xa, hèn kém... Đó là do những thói quen, lòng ham muốn và dục tình sinh ra, chứ không phải chính là của ta.

Những lời dạy của ngài có một sức kích thích rất mạnh. Có lẽ tôi sẽ gạt bỏ, nếu đó là những lời từ một người nào khác thốt ra, nhưng lương tri của tôi cho biết rằng lời Ngài thốt ra là đúng chân lý, rằng Tôn sư không phải là một triết gia chỉ biết phân tích chi ly từng mũi kim, sợi tóc, mà là một bậc hiền giả có đầy đủ kinh nghiệm thâm sâu và phong phú về nội tâm.

Một lần khác, trong một cuộc nói chuyện về đời sống ở phương Tây, tôi nói:

- Tôn sư không có gì khó khăn trong việc tìm thấy sự an tịnh ở một đạo viện yên tĩnh như thế này, vì ở đây Ngài không bị xao lãng hay xáo trộn tinh thần.

- Đó là anh tưởng như vậy thôi, nhưng một khi đã đi tới mục đích, một khi anh đã đạt được sự giác ngộ, thì dầu anh sống giữa chốn phồn hoa náo nhiệt của thị thành hay giữa sự im lặng của rừng thẳm, điều đó không có chi khác biệt cả.

Một lần khác, khi nghe tôi phàn nàn về việc người Ấn Độ không chú ý đến sự tiến bộ về vật chất, Ngài nói:

- Thật vậy, chúng tôi thuộc về một chủng tộc mà các anh gọi là lạc hậu. Nhưng chúng tôi quen sống đơn giản. Nhiều sự tiến bộ khoa học vẫn còn xa lạ đối với chúng tôi, nhưng chúng tôi lấy làm an phận và không có quá nhiều nhu cầu vật chất như các anh. Như vậy, tuy ít tiến bộ hơn, nhưng điều đó không có nghĩa là chúng tôi kém hạnh phúc.



Bằng cách nào đức *Maharichi* đã đạt tới cái trình độ tâm linh tuyệt vời và siêu đẳng như thế? Nhờ sự góp nhặt tài liệu về cuộc đời của Ngài, do các đệ tử thuật lại hoặc do chính Ngài thỉnh thoảng tự nói ra, mặc dầu thường thì Ngài không thích nói về đời tư của mình, tôi đã chép lại đại khái tiểu sử của Ngài như sau:

Ngài tên là *Ramana*, sinh năm 1879, tại một làng cách thành phố *Madura* độ ba mươi dặm. Thành phố này có một ngôi đền vĩ đại nổi tiếng ở miền Nam Ấn Độ. Cha ngài là một vị thẩm phán thuộc dòng *Bà-la-môn*, có tiếng là nhân từ, giàu lòng bố thí và hay cấp dưỡng cơm áo cho người nghèo.

Ngài được nuôi nấng và giáo dục tại *Madura*, tại đây ngài học Anh văn ở một trường đạo của các vị giáo

sĩ người Mỹ sáng lập. Lúc thiếu thời chàng thanh niên *Ramana* rất thích chơi các môn thể thao và điền kinh. Chàng tập chơi các môn vật, đánh quyền và bơi lội. Chàng không biểu lộ một sự thích thú đặc biệt nào về tôn giáo hay triết học. Có điều lạ là hồi đó chàng thường có những cơn mộng du, nửa đêm đứng dậy đi trong giấc ngủ (*somnambulism*) và tiếp theo đó là một cơn ngủ say li bì, không có tiếng động nào có thể đánh thức dậy.

Những bạn học cùng lớp kiêng sợ chàng lúc ban ngày vì chàng trả đũa lại rất mau chóng mọi sự khiêu khích của chúng. Nay chúng thấy vậy liền lợi dụng lúc ban đêm để trả thù. Chúng kéo chàng ra khỏi giường nằm, đưa chàng ra sân trường và đánh chàng nhừ tử rồi đem chàng để lại chỗ cũ trên giường mà chàng vẫn không tỉnh giấc. Qua ngày sau, chàng vẫn không hay biết chi cả.

Đối với các nhà tâm lý học phương Tây thì hiện tượng lạ lùng này hầu như không thể giải thích được, nhưng một đạo sĩ phương Đông sẽ cho biết ngay rằng đó là những dấu hiệu hiển nhiên của một cơn đại định, khi tâm thức tập trung hoàn toàn vào một đối tượng nào đó.

Ngày kia có một người thân đến viếng chàng và thuật lại rằng anh ta vừa đi hành hương ở *Arunachala* trở

về. Danh từ này vang dội một âm thanh lạ lùng huyền bí trong trí của người thiếu niên mà chàng không hiểu lý do vì đâu. Chàng bèn hỏi thăm về *Arunachala* và khi chàng biết được sự tích của ngôi dền lớn ở đó, chàng liền bị một sự ám ảnh kỳ lạ không sao giải thích được. Tuy Ấn Độ có đến mười hai thánh địa, nhưng tại sao *Arumachala* lại làm sao cho chàng say mê và thích thú nhiều hơn những nơi thánh địa khác thì chàng cũng không thể trả lời được.

Chàng tiếp tục sự học tại trường đạo nhưng không biểu lộ một khả năng đặc biệt nào, mặc dầu chàng là một học trò thông minh và chăm chỉ. Năm chàng mười bảy tuổi thì những chuyển biến lớn mới bắt đầu xảy ra. Chàng bỏ trường và thôi học mà không có lý do rõ rệt, cũng không cho các giáo sư hoặc gia đình biết trước. Sự thay đổi thình lình đó làm sụp đổ mọi triển vọng về tương lai của chàng, có một nguyên nhân nào chăng?

Cái nguyên nhân đó đối với chàng thật là hiển nhiên, nhưng nó làm cho gia đình chàng phải bóp trán nghĩ ngợi. Vì cuộc đời, vị Thầy học lớn nhất của ta, vừa đặt người thanh niên ấy trên một con đường mà các ông giáo sư của anh ta không hề nghĩ đến. Sáu tuần lễ sau, chàng rời khỏi trường, từ giã *Madura* và không hề trở lại nữa.

Ngày đó, chàng đang ở một mình trong phòng thì tự nhiên bị xâm chiếm bởi một cơn khủng hoảng lạ kỳ. Mặc dầu đang mạnh khỏe, chàng có cảm giác như người sắp chết. Bị ám ảnh bởi ý nghĩ đó, chàng chuẩn bị để đón tiếp tử thần, dường như là sự chết đã đến nơi. Chàng tự nghĩ rằng:

- "Thế là hết. Cái thể xác này sẽ chết, người ta sẽ đem nó ra thiêu ngoài đồng và nó sẽ thành một nhúm tro tàn. Nhưng còn tôi, tôi cũng sẽ chết với cái xác này chăng? Cái xác này có phải là tôi không? Cái xác này đã cứng đơ và im lặng, nhưng tôi vẫn còn tiếp tục cảm thấy cái tôi trong sức mạnh vô biên của nó."

Đức *Maharichi* đã diễn tả cơn khủng hoảng lạ lùng đó bằng những lời lẽ trên dây. Còn việc gì xảy ra sau đó thì rất khó hiểu, nếu không nói là khó thuật lại. Chàng dường như rơi vào một trạng thái đại định có ý thức, khi đó chàng đạt tới nguồn gốc của chân ngã, tức là tinh hoa của bản thể. Khi đó chàng nhận thức rõ rằng thể xác là một vật ở ngoài chân ngã, và chân ngã vẫn tồn tại không thay đổi trong khi chết. Chân ngã xuất hiện với chàng như là một sự chân thật tuyệt đối, nhưng bị ẩn giấu và chôn sâu trong chỗ tận cùng của tâm thức, đến nỗi cũng như bao nhiêu người khác, trước khi đó chàng không hề biết đến nó là gì.

Khi chàng Ramana tỉnh lại sau cơn khủng hoảng đó thì chàng hoàn toàn thay đổi. Chàng đã mất hết mọi

thích thú về sự học, sự chơi điền kinh, sự giao tiếp bạn bè, vì sự thích thú của đời chàng đã tập trung về cái ý niệm chân ngã vừa thình lình xâm chiếm lấy chàng. Mọi ý niệm về sự chết trước đây đã biến mất. Chàng đã chinh phục được, với một niềm an tịnh bên trong, một sức mạnh tinh thần không hề mất đi hoặc suy chuyển chút nào kể từ khi đó.

Xưa kia chàng phản ứng mãnh liệt như thế nào đối với những bạn học khi bị chúng nó phá phách, thì nay đối với chúng chàng chỉ có một lòng ưu ái và nhân từ. Chàng chịu đựng mọi sự bất công một cách thản nhiên và biểu lộ một sự khiêm tốn hoàn toàn trong mọi việc. Chàng từ bỏ những thói quen có từ xưa, tìm kiếm sự yên tịnh để lo việc tham thiền quán tưởng và sống đời sống nội tâm. Những sự thay đổi tâm tính như thế không khỏi làm cho người chung quanh chú ý.

Một hôm người anh cả của chàng bước vào phòng, thấy chàng đang nhắm mắt và đắm chìm trong một cơn thiền định, những sách vở nhà trường rơi rớt tản mát dưới đất, như là chàng vừa ruồng bỏ chúng một cách chán nản. Người anh cả liền trách móc:

- Mày đang làm gì đó? Nếu mày muốn trở nên đạo sĩ thì còn đi học để mưu cầu công danh làm gì?

Chàng *Ramana* cảm thấy thấm thía về những lời nói đó và quyết định rất mau chóng. Chàng đã mồ côi cha và biết rằng có thể nhờ cậy nơi người cậu và các em để nuôi dưỡng mẹ chàng. Dầu sao, chàng không còn phận sự gì phải làm ở nhà nữa. Ngay lúc đó, cái tên ngọn Đồi Thiêng bỗng xuất hiện như một tia chớp trong trí chàng, cái tên nó vẫn ám ảnh chàng từ một năm nay, và hiện ra một cách quyến rũ: *Arunachala*!

Đó chính là nơi chàng phải đi đến, mặc dầu chàng không nói rõ lý do tại sao. Nhưng chàng chỉ nghe theo một tiếng gọi mãnh liệt, không hề dự tính trước. Về sau này, chính đức *Maharichi* đã nói với tôi:

- "Hồi đó, tôi hoàn toàn chịu ảnh hưởng của một sự quyến rũ lạ lùng. Cái mãnh lực huyền bí dắt dẫn anh đến đây cũng giống như cái sức mạnh vô hình nó bắt buộc tôi từ giã *Madura*."

Như thế, chàng thanh niên *Ramana* rời bỏ tất cả sự học vấn, bạn bè và gia đình, và nhắm con đường đưa đến *Arunachala* theo tiếng gọi của nội tâm, như một bản năng kỳ bí. Chàng để lại cho gia đình một bức thư bằng chữ *Tamoul*, nay vẫn còn được lưu giữ tại đạo viện. Thư viết như sau:

- "Tôi nghe theo tiếng gọi của tự tâm để đi tim chân lý. Mục đích của tôi là tìm biết ý nghĩa quan trọng nhất

của cuộc đời. Vậy xin đừng ai lo ngại gì cả. Không cần tiêu phí tiền bạc để đi tìm tôi."

Chàng ra đi, hoàn toàn dứt bỏ thế gian, chỉ với ba *rupee* trong túi, và bỡ ngỡ trước một thế giới hoàn toàn xa lạ. Nhưng ngọn lửa thiêng bừng cháy trong lòng chàng, khiến chàng khinh bỉ của cải thế gian đến nỗi khi bước chân vào đền chàng chỉ mặc một bộ y phục đã rách bươm vì đường xa nhưng vẫn cúi rạp đầu lạy một cách hết sức cung kính. Một giáo sĩ trong đền bước tới và khiển trách chàng về cách ăn mặc lôi thôi, nhưng chàng không đáp lời. Một người khác dường như hiểu được sự việc và mang đến cho chàng một bộ y phục đơn sơ của tu sĩ. Từ đó, chàng không bao giờ khoác lên người bất cứ gì khác ngoài bộ y phục rất đơn sơ này, trong suốt sáu tháng trường sau đó.

Thỉnh thoảng chàng có rời chỗ ở, nhưng không bao giờ ra khỏi cổng dền. Một giáo sĩ mang cho chàng một ít cơm, mỗi ngày một lần, vì ngạc nhiên bởi lòng sùng tín quá sớm của chàng. Những ngày sống trong đền, chàng đều đắm chìm trong một cơn nhập định thâm sâu đến nỗi quên cả sự hiện diện của thế giới bên ngoài. Đôi khi, có những đứa trẻ nghịch ngợm quanh vùng kéo đến ném đá và bùn đất vào người chàng, rồi vừa chạy trốn vừa chế nhạo. Nhưng chàng không có một sự oán trách nào đối với những đứa trẻ ấy.

Những người đi hành hương hằng ngày đổ xô đến ngôi đền làm cho nơi đó không còn là một nơi yên ổn tịch mịch như chàng vẫn mong muốn. Vì lẽ đó, chàng từ giã ngôi đền và đến ở ẩn trong một cái miếu nhỏ giữa đồng, cách xa thành phố. Chàng ở nơi miếu đó một năm rưỡi, chỉ tự bằng lòng với một ít lương thực mà người hành hương sùng tín đặt trước mặt chàng mỗi ngày. Chàng không nói năng gì với ai. Thật ra, chàng không hề mở miệng trong ba năm đầu tiên của cuộc đời ẩn dật, không phải vì chàng có lời nguyện giữ giới tịnh khẩu, mà bởi vì chàng luôn tập trung mọi sự chú ý vào đời sống tâm linh. Khi chàng đã đạt được mục đích, chàng mới phá bỏ sự im lặng. Tuy nhiên, chàng vẫn không hề nói nhiều.

Chàng vẫn giữ kín tung tích, nhưng mẹ chàng lần hồi đã dò ra được chỗ ở của chàng, vừa đúng hai năm kể từ khi chàng bỏ nhà ra đi. Bà mẹ liền cùng với người anh cả đến tận nơi và cố gắng dùng nước mắt của bà để làm cho chàng phải xiêu lòng và trở về nhà, nhưng vô ích. Hết dùng nước mắt bà lại dùng lời oán trách, nhưng chàng cho biết là một khi mục đích tối thượng của đời chàng chưa đạt được thì không gì có thể làm lay chuyển được ý chí của chàng. Sau cùng, mẹ chàng phải nhượng bộ ra về.

Chuyện này đồn đãi gần xa, thế là ngày càng có nhiều khách hành hương đến viếng chỗ của chàng ẩn

cư, làm cho chàng lại phải dời chỗ một lần nữa và lên ngọn đồi thhiêng. Tại đây chàng sống nhiều năm trong một động đá.

Trên ngọn Đồi Thiêng có rất nhiều động đá, là nơi trú ẩn cho những nhà *yogi* và những nhà tu sĩ khổ hạnh. Riêng động đá của chàng *Ramana* có phần đặc biệt, vì nó chứa đựng ngôi mộ của một vị đạo sĩ ưu tú thời xưa. Người Ấn Độ vẫn theo phong tục hỏa táng, tức là thiêu xác người chết, nhưng đối với người *yogi* từ trần thì lại cấm thiêu xác. Người ta tin rằng, nếu một người *yogi* đã tu hành đắc đạo thì thân xác người ấy sẽ không tan rã như những người bình thường. Trong trường hợp đó, xác người *yogi* được tắm rửa sạch sẽ, ướp dầu thơm và đặt vào trong ngôi mộ với thế ngồi kiết-già hai chân tréo như khi ngồi thiền. Cửa vào ngôi mộ được đóng kín bằng một tảng đá lớn và trám chặt lại bằng xi-măng. Ngôi mộ này thường trở nên một nơi hành hương của dân chúng.

Còn một lý do khác làm cho người ta tin rằng thể xác của những vị ấy không cần phải tẩy uế bằng lửa, vì nó đã được tinh luyện bởi lối sống cao khiết và cuộc đời thánh thiện của họ thuở sanh tiền. Có điều đáng chú ý là những nơi hang động thường là những nơi trú ẩn của các nhà đạo sĩ *yogi* hay các bậc thánh nhân hiền triết. Thời cổ xưa, người ta dùng những nơi ấy để thờ thần.

Những nhà đạo sĩ *yogi* Ấn Độ có những lý do rất tốt để chọn lựa những hang động làm nơi trú ẩn, khi họ không tìm được nơi tránh mưa nắng dãi dầu hay những khi thời tiết thay đổi bất thường ở vùng nhiệt đới. Ở những nơi đó, ít có ánh sáng hay tiếng động có thể quấy rầy họ trong những lúc tham thiền và nhu cầu của thể xác được hạn chế đến mức tối thiểu.

Một lý do khác nữa đã hấp dẫn chàng *Ramana* đến cái hang đặc biệt này trên ngọn đồi thiêng là phong cảnh ngoạn mục của vùng chung quanh. Người ta có thể đứng trên một mô đá bên cạnh hang và nhìn xuống thành phố nhỏ dưới chân đồi, và ngôi đền vĩ đại nhô lên ở trung tâm thành phố. Bên kia vùng đồng bằng bao bọc chung quanh là một dãy đồi núi dài liên tiếp nhau đến tận chân trời.

Dầu sao, chàng *Ramana* đã sống tại hang đá này suốt nhiều năm, đắm chìm trong những cơn thiền định rất thâm sâu. Chàng không phải là một nhà *yogi* theo nghĩa thông thường, vì chàng không hề học qua pháp môn *Yoga* và cũng không hề thụ giáo một vị danh sư nào. Chàng chỉ được hướng dẫn bởi một nguồn cảm hứng thiêng liêng đưa đến sự hiểu biết và nhận thức được chân ngã.

Năm 1905, bịnh dịch tả xuất hiện trong vùng, do một người hành hương mang vào khi anh ta từ phương xa

đến viếng đền *Arunachala*. Dân chúng bị bịnh truyền nhiễm chết nhiều đến nỗi, trong cơn kinh hoàng, hầu hết mọi người đều bỏ thành phố, chạy sang những tỉnh hoặc làng mạc kế cận. Vùng này bị bỏ trống trở nên vắng vẻ đến nỗi cọp beo từ trong những sào huyệt của chúng bò ra đây và đi lại tự do ngoài đường. Nhưng mặc dầu chúng đã dạo chơi trên đồi nhiều lần và qua lại trước cửa hang của chàng đạo sĩ trẻ tuổi, chàng vẫn nhất định không dời chỗ, vẫn điềm nhiên ở yên không chút sợ sệt.

Lúc đó có một người tình nguyện đến xin làm đệ tử của chàng đạo sĩ trẻ tuổi, xin được ở cạnh để lo phục dịch và săn sóc cho chàng. Người ấy nay đã qua đời, nhưng người ta truyền rằng mỗi đêm có một con cọp lớn đi vào hang liếm hai bàn tay của chàng *Ramana*, trong khi chàng cũng đáp lại bằng cách vuốt ve bộ da của nó. Con cọp ấy ngồi trước mặt chàng suốt đêm và đến lúc gần sáng mới đi.

Ở Ấn Độ người ta tin rằng những nhà đạo sĩ *yogi* và thuật sĩ *Fakir* sống trong rừng sâu núi thẳm, giữa những loài thú dữ như hùm beo, cọp, sư tử, rắn rết và những loài thú rừng khác, đều không sợ bị thú dữ làm hại nếu họ đạt tới một trình độ cao trên dường tu luyện.

Người ta còn thuật lại một câu chuyện khác về chàng *Ramana*, rằng một buổi trưa chàng ngồi nơi cửa hang thì bỗng có một con rắn hổ mang lớn thình lình xuất hiện từ trong kẹt đá và ngừng lại ở trước mặt chàng. Con rắn vươn mình và phùng mang, nhưng chàng đạo sĩ vẫn ngồi yên không cử động. Chàng và con rắn đều lẳng lặng nhìn nhau trong vài phút. Sau cùng, con rắn rút lui và chàng vẫn bình yên vô sự.

Cuộc đời cô đơn và khổ hạnh của chàng thanh niên lạ lùng này kết thúc giai đoạn đầu tiên khi chàng đạt tới điểm thâm trầm cao siêu nhất trong phép tham thiền. Sự xa lánh trần tục và ẩn cư không còn cần thiết nữa, nhưng chàng vẫn tiếp tục sống trong hang cho đến khi có một nhà bác học *Bà-la-môn* ưu tú tên là *Ganapati Shastri* đến viếng chàng trong động đá.

Cuộc thăm viếng này đánh dấu một khúc quanh trong đời chàng, và chàng bắt đầu bước vào một thời kỳ nhập thế. Trước đó, nhà bác học có đến ở gần ngôi đền để tiện bề học đạo và tham thiền quán tưởng. Anh ta nghe nói đến một người yogi trẻ tuổi sống trên đồi, và do sự hiếu kỳ mới đi tìm xem cho biết.

Khi anh ta gặp *Ramana* thì chàng đang vận nhãn lực nhìn thẳng vào mặt trời. Chàng vẫn thường nhìn mặt trời như thế suốt nhiều giờ cho đến khi vầng thái dương khuất dạng dưới chân trời hướng tây. Một người

chưa từng kinh nghiệm về điều này không thể nào biết được sức mạnh của những tia nắng mặt trời Ấn Độ vào buổi trưa.

Tôi còn nhớ có một lần tôi trèo lên sườn đồi vào một giờ quá trễ và bận trở về tôi đi đầu trần vào đúng lúc giữa trưa. Tôi bị say nắng và đi loạng choạng như người say rượu trong một lúc. Người ta có thể hiểu rõ hơn cái bản lĩnh của chàng *Ramana* là như thế nào, khi chàng nhìn thẳng vào mặt trời như thế.

Nhà bác học nọ đã từng học hỏi những kinh sách Ấn Độ về nền minh triết cổ truyền trong hai mươi năm, và đã thực hành những phép công phu tu luyện khắc khổ để hy vọng đạt tới một vài kết quả thực sự về tâm linh, nhưng ông ta vẫn bị chướng ngại bởi những điều thắc mắc và nghi ngờ. Ông ta bèn đưa ra cho *Ramana* một câu hỏi và liền nhận được một câu trả lời đầy minh triết, làm cho ông ta phải hết sức ngạc nhiên. Ông ta đưa ra thêm nhiều câu hỏi khác cùng những điều thắc mắc về các vấn đề triết học và tâm linh, và càng ngạc nhiên hơn nữa khi thấy rằng những điều thắc mắc nghi ngờ vẫn giày vò anh ta trong bao nhiêu năm nay đã được giải quyết mau chóng. Ông ta bèn khấu đầu làm lễ trước mặt chàng đạo sĩ trẻ tuổi và trở nên một đệ tử của người từ khi đó.

Shastri cũng có riêng một nhóm đệ tử theo học đạo với ông ta ở tỉnh *Vellore*. Ông ta bèn trở về nói cho họ biết rằng ông ta đã gặp được một vị *Mahanchi* (tức là Đại Hiền hay Thánh Sư), vị này chắc chắn là người đã đạt tới một trình độ tâm linh siêu đẳng, và những giáo lý của Ngài thật là khác thường đến nỗi nhà bác học chưa từng thấy trong tất cả những kinh sách mà ông ta đã đọc.

Kể từ đó, giới trí thức Ấn Độ bắt đầu gọi chàng *Ramana* bằng danh hiệu *Maharichi*, còn giới bình dân thì lại quá tôn sùng khi họ được biết rõ đời sống và đạo hạnh của Ngài và tôn thờ Ngài như một vị thánh sống. Nhưng đức *Maharichi* triệt để ngăn cấm mọi sự biểu lộ lòng tôn sùng như thế trước mặt Ngài. Phần nhiều những đệ tử và những người trong vùng đều gọi Ngài là bậc Thánh trông khi họ nói chuyện với nhau hoặc trong những câu chuyện riêng với tôi.

Sau đó ít lâu, có một nhóm đệ tử qui tụ chung quanh Ngài. Họ xây cất một ngôi nhà bằng gỗ dưới chân đồi và thỉnh cầu Ngài sống chung với họ tại đó. Bà mẹ Ngài cũng đã nhiều lần đến viếng Ngài, và khi người con trưởng của bà cùng những người thân quyến khác đều đã qua đời, bà đến đây và yêu cầu Ngài để cho bà được ở đây với Ngài. Ngài vui lòng chấp thuận. Bà đã sống sáu năm cuối cùng của đời bà ở bên cạnh Ngài,

và sau cùng bà cũng trở nên một đệ tử của ngài. Khi qua đời, bà được an táng dưới chân đồi. Vài người đệ tử của đức *Maharichi* đã xây một cái miếu nhỏ nơi đó. Người ta đốt nhang đèn thường xuyên nơi miếu này để tưởng niệm công đức của người đàn bà đã đem đến cho nhân loại một vị thánh sống, và hằng ngày đều có người dâng hoa quả cúng trước bàn thờ.

Thời gian trôi qua, danh tiếng đức *Maharichi* được đồn khắp gần xa, và những người hành hương ở ngôi đền lớn thường hay trèo lên ngọn Đồi Thiêng để chiêm ngưỡng Ngài trước khi trở về.

Sau đó, đức *Maharichi* thuận theo lời thỉnh cầu của bá tánh và bằng lòng lưu trú tại ngôi nhà lớn của họ mới cất dưới chân đồi để làm chỗ ở cho Ngài và các đệ tử. Đức *Maharichi* không hề thâu nhận món gì của ai trừ ra lương thực vừa đủ dùng và luôn luôn từ chối không chịu nhận tiền bạc. Còn những thứ lễ vật gì đem đến cho Ngài đều là do kẻ khác tự nguyện hiến dâng và khẩn khoản thỉnh cầu Ngài chấp nhận.

Trong những năm đầu tiên, khi Ngài còn sống cuộc đời ẩn dật và đơn chiếc trên núi để tu luyện và tham thiền, Ngài thỉnh thoảng vẫn rời khỏi hang với cái bình bát trong tay để đi xuống làng xóm khất thực mỗi khi Ngài thấy đói. Có một bà già góa bụa thường cung cấp thức ăn cho Ngài mỗi ngày. Sau cùng, bà tự nguyện

đem thức ăn lên đến tận hang để Ngài khỏi phải đi khất thực.

Như thế, cái đức tin khiến cho Ngài bỏ nhà ra đi, từ giã cuộc đời khá giả của một gia đình trung lưu, đã chứng minh rõ rằng người dốc lòng cầu đạo không cần phải lo thiếu hụt về vật chất. Từ đó, ngày càng có nhiều lễ vật và quà tặng được đem đến cống hiến cho Ngài, nhưng Ngài luôn luôn từ chối.

Có một đêm nọ, một bọn cướp đột nhập vào tịnh thất và lục lạo khắp nơi để kiếm tiền bạc chôn giấu, nhưng chúng chỉ tìm được vỏn vẹn có vài đồng *rupee* trong túi người quản gia lo việc mua sắm đồ vật thực. Quân cướp lấy làm thất vọng, chúng bèn nổi giận và đánh đập đức *Maharichi* bằng gậy lớn làm cho thân thể Ngài có nhiều vết bầm. Ngài không những chịu đựng điều ấy một cách kiên nhẫn, mà còn mời chúng ở lại dùng cơm trước khi ra về. Kế đó, Ngài thực sự mang cơm vào thức ăn ra đãi chúng. Đối với chúng, Ngài không hề có một sự oán giận hay thù ghét nào trong lòng, mà chỉ có một lòng thương hại cho sự vô minh si mê của chúng. Ngài để cho chúng tự do ra đi, nhưng một năm sau chúng bị bắt trong khi đánh cướp ở một nơi khác và lãnh án tù chung thân.

Nhiều người Âu hẳn không khỏi cho rằng một cuộc đời như thế thật là lãng phí vô ích. Nhưng có lẽ chúng

ta cũng cần có một đôi người tách mình ra khỏi thế cuộc phù vân và thay chúng ta xét đoán về cuộc đời từ một góc độ khác. Khi đó, những ý nghĩa thật sự của cuộc đời mới có thể được nhận thức một cách rõ ràng sáng suốt hơn.

Ai dám bảo rằng một hiền giả sống trong rừng thẳm đã chinh phục được cái bản ngã của mình là thua kém những kẻ sống cuộc đời buông thả phóng túng để rồi rốt cuộc không tự biết được mình sẽ đi về đâu?



Mỗi ngày qua càng đem đến cho tôi những bằng chứng xác nhận về sự cao cả tâm linh của đức *Maharichi*. Trong số những người thuộc đủ các giai cấp đến viếng thăm đạo viện, một hôm có một người cùng đinh bị giày vò bởi một cơn đau khổ tinh thần rất lớn. Vừa bước vào tịnh thất vừa khóc kể và trút hết những nỗi đau thương của ông ta dưới chân đức *Maharichi*. Ngài không nói một lời, vì Ngài lúc nào cũng im lặng và kín đáo, và người ta có thể đếm được những lời của Ngài thốt ra trong một ngày. Ngài chỉ lẳng lặng nhìn một lúc vào người kia. Trong giây lát, những tiếng khóc kể của ông ta dần dần giảm bớt, và hai giờ sau, khi ông ta rời khỏi tịnh thất ra về thì

ông ta đã trở nên một người vui vẻ bình tĩnh và tinh thần phấn khởi hơn trước.

Tôi hiểu ra được rằng đó là phương pháp của Ngài để giúp đỡ kẻ khác, tức là sự giao cảm một cách chân thành có năng lực an ủi, xoa dịu vết thương của những tâm hồn đau khổ một cách hết sức mạnh mẽ và hiệu quả. Điều này vẫn còn là bí mật mà chắc chắn có ngày khoa học sẽ phải khám phá và giải thích.

Một hôm, có một người *Bà-la-môn* có học thức đến tịnh thất và trình bày tâm sự của ông ta kèm theo với nhiều câu hỏi. Người ta không bao giờ biết trước rằng nhà hiền giả sẽ trả lời hay không, vì nhiều khi Ngài rất hùng biện mà không cần phải thốt ra bằng lời nói. Nhưng hôm ấy Ngài có vẻ cởi mở và chỉ vài câu nói vắn tắt bao hàm những ý nghĩa sâu sắc thâm trầm cũng đủ hé mở những chân trời mới lạ về tư tưởng để giải đáp những nỗi thắc mắc cho người khách kia.

Mỗi buổi chiều, vào lúc mặt trời lặn là giờ tham thiền chung trong tịnh thất. Đức *Maharichi* thường bắt đầu giờ tham thiền bằng cách chính Ngài tĩnh tọa công phu và nhập định, hoàn toàn quên hẳn ngoại cảnh. Trong những giờ tham thiền hằng ngày bên cạnh Đức *Maharichi*, tôi đã học được phương pháp tập trung tư tưởng để quán chiếu vào nội tâm đến một mức độ sâu sắc nhất.

Trong những cuộc tiếp xúc thường xuyên với Đức *Maharichi*, người ta không thể không tự mình khơi dậy những tia sáng từ nội tâm và nhận thức được rằng chỉ có sự thiền quán mới soi sáng được tâm hồn.

Càng ngày tôi càng nhận thấy rõ rệt rằng Ngài đã thu hút tâm trí tôi vào cái vòng ảnh hưởng đặc biệt của Ngài trong những giờ ngồi thiền yên tịnh. Chính trong những lúc đó mà người ta mới bắt đầu hiểu rằng tại sao sự im lặng của Ngài lại hùng biện và hàm chứa nhiều ý nghĩa hơn cả những lời nói lưu loát nhất. Sự yên tịnh trầm lặng của Ngài có ẩn chứa một quyền năng mạnh mẽ phi thường, có thể ảnh hưởng mãnh liệt đến người khác mà không cần đến ngôn ngữ hay cử chỉ hành động gì cả.

Có những lúc tôi cảm thấy được quyền năng giao cảm đó một cách rõ rệt đến nỗi tôi nhận biết rất cụ thể rằng tâm thức của tôi và của Ngài cũng chỉ là một, cũng như hoàn toàn hòa nhập với tâm thức của vô số chúng sinh khác trong vạn hữu.

Đức *Maharichi* không phải là người bắt đệ tử vâng lời một cách mù quáng. Trái lại, Ngài luôn để cho mọi người được tự do phán xét và chọn lựa. Về phương diện này, Ngài khác hẳn với phần nhiều những danh sư và đạo sĩ mà tôi đã gặp ở Ấn Độ.

Những buổi tham thiền của tôi vẫn noi theo đường lối mà Ngài đã chỉ dẫn cho tôi trong cuộc thăm viếng đạo viện lần đầu, khi mà Ngài làm tôi ngạc nhiên vì những câu trả lời dường như mơ màng và bí hiểm của Ngài. Tôi đã bắt đầu nhìn sâu vào cái gọi là *"bản ngã"* của mình và tự đặt câu hỏi: "Tôi là ai? Phải chăng tôi là cái thể xác bằng xương bằng thịt này? Phải chăng tôi là cái trí óc với vô số tư tưởng tán loạn hay những tình cảm dục vọng phân biệt tôi với những người khác?"

Tôi chợt nhận ra là từ xưa nay tôi vẫn luôn chấp nhận một cách không phán xét theo tập quán từ lâu đời rằng "*cái tôi*" chính là những thứ đó! Nhưng đức *Maharichi* đã dạy tôi phải tự mình suy xét trước khi chấp nhận như thế, và sự suy xét đã đưa tôi đến một nhận thức hoàn toàn trái ngược. Tôi không thể tìm được "cái tôi" ở bất cứ nơi đâu trong thế xác này. Tôi cũng không thể tìm thấy "cái tôi" trong những tư tưởng, những tình cảm vốn luôn đổi thay bất chợt.

Tôi chìm sâu trong sự quán chiếu nhiều ngày về "cái tôi", và nhận ra sự sụp đổ của tất cả những quan điểm, khái niệm mà trước đây tôi vẫn cho là quen thuộc, dễ dàng chấp nhận một cách không cần suy xét. Từ sự tan rã của những "cái tôi" vô nghĩa dưới ánh sáng của sự quán chiếu, tôi cũng thấy mọi khái niệm buồn, vui, vinh, nhục, tốt, xấu, dài, ngắn... đều trở nên vô nghĩa

và giả tạo, chỉ do ý thức dựng lên trong những trường hợp nhất định và không hề có chút ý nghĩa chân thật nào.

Đức *Maharichi* không hề trực tiếp đưa ra những phán đoán tương tự như thế với tôi, mà chỉ dạy tôi phải đặt câu hỏi "*Tôi là ai?*" và hãy phân tích toàn bộ "cái tôi" hiện có. Ngài cũng dạy tôi hãy cố tìm xem cái "tư tưởng về bản ngã" bắt đầu từ chỗ nào? Và hãy tiếp tục tham thiền quán xét và tập trung tư tưởng vào nội tâm. Chính nhờ sự quán chiếu theo hướng đó mà những tia sáng trực giác đã dần dần hiện ra trong tâm tôi. Điều này giúp tôi có được những nhận thức mà trước đây tôi hoàn toàn không có, nhưng tôi nhận biết rõ ràng rằng những nhận thức mới đó là chuẩn xác và khách quan hơn nhiều so với những cách suy nghĩ trước đây của tôi. Tôi biết rằng mình có thể noi theo cái trực giác đó, loại bỏ hết mọi tư tưởng vô nghĩa và sau cùng tôi sẽ đạt đến mục đích sáng tỏ.

Tôi đã chiến đấu hằng ngày với những tư tưởng hỗn tạp của tôi và dần dần vạch một đường đi vào tận những chỗ thâm sâu kín đáo nhất của tâm hồn. Nhờ có Đức *Maharichi* ngồi gần bên, những lần tham thiền của tôi ngày càng trở nên ít mệt nhọc hơn và càng hiệu quả hơn. Sự dìu dắt của Ngài giúp khơi nguồn cảm hứng rất nhiều cho những cố gắng thường xuyên và liên tục

của tôi. Có những giây phút lạ lùng tôi ý thức được rõ rệt cái ảnh hưởng và quyền năng giao cảm thần diệu của Ngài, giúp tôi tiến sâu hơn vào lãnh vực huyền bí của nội tâm.

Sau buổi tham thiền chung, Đức *Maharichi* cùng với các đệ tử và các khách viếng thăm đạo viện đều rời khỏi tịnh thất và bước qua phòng ăn để dùng cơm tối. Vì không dùng được cơm Ấn Độ và cũng không muốn nhọc công nấu bữa ăn tối nên tôi thường ngồi lại một mình trong tịnh thất và chờ họ trở lại. Tuy nhiên, có một món ăn trong đạo viện mà tôi thấy ngon lành và ăn được, đó là món sữa chua.

Đức *Maharichi*, khi nhận thấy tôi thích món ấy, thường dặn người đầu bếp mỗi chiều đem cho tôi một bát lớn. Độ nửa giờ sau khi cả bọn trở lại, những người nội trú của đạo viện cùng quan khách ở lại ban đêm đều chen nhau nằm trên sàn gạch của tịnh thất, mỗi người đều quấn một cái chăn bằng vải mỏng và sửa soạn đi ngủ. Đức Maharichi thì ngủ luôn trên chiếc giường gỗ của ngài thường dùng. Trước khi Ngài đắp chăn vải mỏng lên mình, có một người tiểu đồng đến đấm bóp và xoa dầu lên tay chân của Ngài.

Còn tôi, tôi cầm chiếc đèn lồng rời khỏi tịnh thất và đi một mình về chòi tranh. Có vô số những con đom đóm bay lập lòe trong những khóm hoa bụi cỏ và các

bụi cây trong vườn. Có một đêm tôi về trễ độ chừng vài tiếng đồng hồ, lúc ấy có lẽ đến gần nửa đêm, tôi thấy tất cả đom đóm đều đồng loạt tắt hẳn những đóm sáng kỳ dị của chúng. Tôi phải rón rén cẩn thận và coi chừng kẻo đạp nhằm loài bồ cạp hay rắn rết khi đi trong đêm tối.

Có đôi khi, tôi vừa đi vừa đắm chìm trong sự trầm tư mặc tưởng và không cần chú ý đến những con đường mòn nhỏ hẹp đưa tôi về chòi tranh. Về đến chòi, tôi đóng chặt cánh cửa lớn và các cửa sổ để thú rừng hay rắn độc không đột nhập vào được lúc ban đêm.

CHƯƠNG 13

NHỮNG CHÂN LÝ DIỆU HUYỀN

Một buổi chiều, tôi nhìn thấy một người khách lạ bước vào tịnh thất với dáng điệu trầm tĩnh và ngồi xuống sàn, gần bên giường của Đức *Maharichi*. Người ấy có một màu da đen sậm và một gương mặt rất sáng sủa. Anh ta vẫn im lặng không nói gì, nhưng Đức *Maharichi* liền tiếp đón anh ta bằng một nụ cười thân mật.

Cái phong độ cốt cách của người này tạo ra một ấn tượng sâu xa trong lòng tôi. Anh ta giống như một pho tượng Phật tạc trong tảng đá, gương mặt biểu lộ một sự bằng an, trầm lặng khác thường. Khi bốn mắt chúng tôi gặp nhau, anh ta nhìn thẳng vào tôi một hồi lâu làm cho tôi phải thấy ngượng và quay mặt đi chỗ khác.

Suốt buổi chiều hôm đó, anh ta không thốt ra một lời nào cả. Qua ngày hôm sau, tôi lại gặp anh ta trong một trường hợp thật bất ngờ. Tôi vừa rời khỏi tịnh thất trở về chòi để nấu nước pha trà, vì người giúp việc của

tôi đã đi chợ vắng. Khi vừa mở khóa cánh cửa lớn, tôi sắp sửa bước vào thì có một vật cựa quậy dưới đất và ngừng lại cách chân tôi trong gang tấc. Những cử động im lặng của nó và một tiếng huýt nhỏ như tiếng sáo mà tôi nghe thoáng qua trong bóng tối trước khi tôi nhìn thấy rõ đó là vật gì, nhắc nhở cho tôi biết rằng có một con rắn ở trong chòi.

Trong một lúc, tôi cảm thấy trong lòng rối loạn vì sợ hãi và không biết phải làm thế nào. Thần kinh tôi bị căng thẳng đến cực độ. Tôi nhìn con rắn không chớp mắt, và nó cũng phùng mang giương mắt nhìn lại tôi.

Sau cùng, tôi định tĩnh tinh thần và hối hả rút lui. Tôi định đi tìm một cây gậy lớn để đập cho nó một gậy giập xương sống, thì bỗng đâu người khách lạ ngày hôm qua thình lình xuất hiện ở ngoài sân. Gương mặt trầm tĩnh và đôi mắt nhìn yên lặng của anh ta làm cho tôi bớt sợ hãi và lấy lại sự bình tĩnh. Anh ta đến gần chòi tranh, với cái nhìn thoáng qua anh ta đã thấu rõ tình hình và thản nhiên bước vào chòi. Tôi bèn la lớn để báo động nhưng anh ta không màng để ý đến tiếng kêu của tôi. Một lần nữa tôi lại băn khoăn sợ hãi, vì mặc dầu không có khí giới anh ta vẫn đưa hai tay về phía con rắn. Con rắn há miệng và le cái lưỡi dài như hình mũi chĩa thò ra thụt vào, nhưng có vẻ như không định mổ vào người kia.

Trong khi đó có hai người đang tắm dưới ao gần bên, nghe tiếng kêu của tôi bèn vội vã chạy tới. Trước khi họ đến gần chòi tranh thì người khách lạ đã khom lưng ngồi gần bên con rắn và lấy tay nhẹ vuốt trên lưng nó trong khi con rắn cúi đầu sát đất và nằm im lặng! Nó không còn phùng mang le lưỡi một cách dữ tợn như trước nữa, cho đến khi hai người kia bước đến và làm cho nó giựt mình. Khi ấy, nó bèn quẫy đuôi dường như sực tỉnh, và trước bốn cặp mắt của chúng tôi, nó nhanh nhẹn bò ra khỏi chòi tranh và trong khoảnh khắc đã biến mất dạng trong khu rừng rậm.

- Đó là một con rắn hổ mang!

Một trong hai người mới đến sau lên tiếng bình phẩm. Người này là một thương gia ở thành phố gần bên, thường đến thăm đạo viện để chiêm ngưỡng Đức Tôn Sư hoặc đàm đạo với tôi. Tôi bày tỏ sự ngạc nhiên về việc người khách lạ đùa giỡn với con rắn một cách không chút sợ sệt. Anh thương gia bèn giải thích:

- À, đó là đạo sĩ *Ramiah*. Ông ta là một trong những đệ tử cao nhất của đức *Maharichi*. Ông ta là một người có bản lĩnh khá lắm.

Tôi không thể trò chuyện với người *yogi* này vì tôi nhận thấy ông ta giữ giới tịnh khẩu, ngoài ra còn có những giới hạnh đặc biệt khác nữa mà ông ta tự nguyện

giữ theo. Hơn nữa, ông ta là người bản xứ, sử dụng thổ ngữ *Telugu* chứ không biết tiếng Anh. Tôi cũng nghe nói rằng ông ta là một người sống ẩn dật và rất kín đáo, thường không giao thiệp với ai. Ông ta sống trong một cái nhà nhỏ xây bằng gạch dưới bóng mát của một tảng đá khổng lồ bên cạnh bờ ao, và là đệ tử của Đức *Maharichi* đã mười năm nay.

Tuy nhiên, sau đó không lâu, sự cách biệt giữa chúng tôi đã được lấp bằng. Tôi gặp ông ta trên bờ ao khi ông ta cầm một cái bình nhỏ bằng đồng xuống ao để múc nước. Dáng điệu ung dung tự tại của ông ta làm tôi thích thú, lúc đó tôi sẵn có đem theo máy ảnh trong túi, tôi mới ra dấu hiệu đề nghị ông ta cho phép tôi chụp một bức ảnh. Ông ta không phản đối, và sau khi chụp ảnh ông ta còn theo tôi về chòi.

Tại đây chúng tôi thấy một người đệ tử già của Đức *Maharichi*, đã bảy mươi lăm tuổi, là một công chức sở Hỏa xa về hưu, đang ngồi đợi ngoài của chờ tôi về. Cũng do sự tình cờ, tôi được biết ông lão này biết tiếng *Telugu* khá giỏi cũng như tiếng Anh và ông sẵn lòng làm thông ngôn cho chúng tôi, tuy rằng chỉ bằng bút đàm.

Người đạo sĩ không thích nói nhiều và cũng không muốn bị ai phỏng vấn, nhưng tôi tìm cách gợi chuyện để được biết thêm vài điều về cuộc đời của ông ta.

Đạo sĩ *Ramiah* đã trên bốn mươi lăm tuổi, có sở hữu đất ruộng tại tỉnh *Nellore*, và mặc dầu không chính thức xuất gia, ông ta vẫn giao lại cho gia đình cai quản toàn bộ đồn điền tài sản để bản thân có thời giờ theo đuổi việc học đạo.

Ông ta có một nhóm đệ tử riêng ở tỉnh *Nellore*, nhưng mỗi năm một lần ông ta rời khỏi tỉnh này để đến viếng Đức *Maharichi* và ở lại đạo viện của Ngài chừng đôi ba tháng.

Thuở thiếu thời, ông ta đã từng đi châu du khắp miền Nam Ấn để tìm thầy học đạo. Ông ta đã học với nhiều vị danh sư và phát triển được một vài quyền năng đặc biệt. Đối với các phép luyện khí công và tham thiền, ông ta đều thực hành rất dễ dàng. Dường như ông ta đã vượt xa cả các vị thầy của mình, vì ông ta đã trải qua những trạng thái định mà các vị thầy của ông ta không thể giải thích được một cách thỏa đáng.

Sau đó ông ta tìm đến Đức *Maharichi*, Ngài liền giải thích cho ông ta nghe về những thành tựu mà ông ta đã đạt được trên đường tu tập và giúp đỡ ông ta tiếp tục tu tập tiến xa hơn nữa.

Đạo sĩ *Ramiah* cho tôi biết rằng lần này ông ta định ở lại đạo viện trong hai tháng nên có đem theo một

người tiểu đồng. Ông ta cũng bày tỏ sự vui lòng khi thấy một người Âu như tôi chú trọng đến nền minh triết cổ truyền của Đông phương.

Tôi đưa cho ông ta xem một tờ tạp chí Anh ngữ có in hình ảnh, và ông ta bình phẩm một cách lạ lùng về một bức ảnh trong đó:

- Chừng nào các nhà bác học thông thái ở phương Tây không còn tìm cách làm cho các động cơ chạy nhanh hơn, và bắt đầu quay nhìn vào nội tâm của họ thì chủng tộc các ông mới có thể tìm thấy hạnh phúc chân thật và vững bền hơn. Ông có chắc rằng người Âu Tây các ông sẽ được hạnh phúc hơn chăng mỗi khi họ phát minh ra được một thứ máy móc mới lạ để giúp họ di chuyển hoặc làm việc nhanh chóng hơn?

Trước khi từ giã, tôi hỏi ông ta về chuyện con rắn hổ mang hôm trước. Ông ta mỉm cười và viết câu trả lời như sau:

- Có gì mà phải sợ? Tôi đến gần nó với tấm lòng lành, không nuôi tư tưởng ác, và một tâm từ bi đối với tất cả chúng sinh.

Tôi nghĩ chắc hẳn còn có điều gì ẩn giấu sau những lời giải thích giản dị đó, nhưng tôi không hỏi gì thêm mà để cho ông ta trở về nhà.

Trong những tuần lễ sau cuộc gặp gỡ đầu tiên với đạo sĩ *Ramiah*, tôi đã có dịp biết thêm về ông ta nhiều hơn nữa. Chúng tôi thường gặp nhau hoặc ở chỗ đất trống chung quanh chòi, hoặc trên bờ ao, hoặc ở trước nhà ông ta. Tình bằng hữu đã nảy sinh giữa chúng tôi, nhưng đó là một mối tình câm, không lời, và một hôm nó được biểu lộ bằng cử chỉ, khi người đạo sĩ đặt một bàn tay lên đầu tôi để ban ân huệ và siết chặt hai bàn tay tôi trong tay ông ta.

Ngoài vài câu bút đàm mà người đệ tử già dịch lại cho tôi nghe, chúng tôi không ai nói với nhau một lời nào trong suốt thời gian kết bạn. Tuy nhiên, tôi cảm thấy giữa tôi và đạo sĩ *Ramiah* có một sợi dây liên lạc mật thiết không thể nào cắt đứtđược.

Thỉnh thoảng, tôi cùng đi bách bộ với ông ta trong khu rừng rậm. Có đôi lần chúng tôi cùng trèo lên sườn đồi giữa những tảng đá lớn dựng lên lởm chởm và đi một cách rất vất vả mệt nhọc trên đường núi gồ ghề. Mặc dầu vậy, ông ta vẫn giữ một thái độ ung dung tự tại mà tôi không khỏi lấy làm cảm phục.

Một lần cách đó không lâu, tôi lại có dịp thấy ông ta biểu lộ rõ ràng năng lực phi thường của ông ta. Tôi vừa nhận được thư từ quê nhà gửi sang với những tin chẳng lành. Tình hình tài chánh của tôi gặp cơn khủng hoảng bất ngờ, và bởi đó tôi sẽ không thể kéo dài chuyến du

hành của tôi ở Ấn Độ nữa. Lẽ tự nhiên là tôi có thể ở lại đạo viện thêm ít lâu, vì các đệ tử của Đức *Maharichi* sẵn có cảm tình với tôi và sẵn lòng dung nạp. Nhưng bản tính tôi không thích như thế. Tôi chỉ còn một cách là trở về xứ sở.

Việc này xảy đến cho tôi như một thử thách về sự tu luyện tinh thần mà tôi đã theo đuổi bấy lâu nay, nhưng vì bản lĩnh của tôi thật ra cũng chưa có gì đáng kể nên tôi không vượt qua nổi cơn thử thách đó.

Tôi cảm thấy trong lòng nao núng và chán nản vô cùng. Tôi không thể cảm nhận được sự giao cảm tâm linh với Đức *Maharichi* như mọi khi, và đành rời khỏi tịnh thất một cách đột ngột sau khi đến viếng Ngài chỉ có một lát.

Suốt ngày hôm đó, tôi đi thẩn thơ vô định một cách tuyệt vọng và nguyền rủa sự yếu đuối của chính bản thân mình. Tôi trở về chòi, nằm buông xuôi trên giường, cả thể xác lẫn tinh thần đều mệt mỏi.

Tôi nằm dã dượi và thiếp đi được một lúc, nhưng tôi giựt mình ngồi chồm dậy khi nghe có tiếng gõ cửa. Tôi mời khách vào và ngạc nhiên khi thấy người khách ấy không phải ai khác mà chính là đạo sĩ *Ramiah*.

Tôi ngồi dậy và khi ông ta ngồi xếp bằng dưới nền gạch, tôi cũng ngồi như thế trước mặt ông ta. Có lẽ ông

ta đã nhận biết được cơn xáo trộn và khủng hoảng tinh thần vừa qua trên nét mặt tôi, nên ông ta chăm chú nhìn tôi với một câu hỏi trong ánh mắt.

Mặc dầu chúng tôi ngôn ngữ bất đồng, nhưng có một cảm giác lạ lùng khiến tôi cứ nói chuyện với ông ta bằng tiếng Anh, hy vọng rằng ông ta sẽ hiểu được tư tưởng của tôi cho dù ông ta không hiểu được những lời tôi nói.

Với vài câu vắn tắt, tôi thuật lại những tin chẳng lành vừa xảy ra từ bên nhà, và phụ họa thêm bằng những cử chỉ, sắc mặt thất vọng và chán nản. *Ramiah* ngồi lẳng lặng nghe. Khi tôi đã nói xong, ông ta gật đầu đáp lại một cách trịnh trọng, ra dấu cho tôi biết rằng ông ta đã hiểu rõ được câu chuyện.

Một lát sau, ông ta đứng dậy và lấy tay ra hiệu mời tôi đi theo. Chúng tôi đi xuyên qua khu rừng rậm, nhưng chỉ độ một lát là đến một khoảng đất trống. Ánh nắng mặt trời xế trưa rọi thẳng vào người chúng tôi. Tôi tiếp tục đi theo ông ta độ nửa tiếng đồng hồ, đến một gốc cây đa lớn, chúng tôi ngừng lại và ngồi nghỉ dưới bóng mát.

Sau khi ngồi nghỉ được một lúc, chúng tôi lại đi bộ thêm nửa giờ xuyên qua rừng rậm, và sau cùng chúng tôi đi xuống một cái ao lớn theo một con đường tắt mà *Ramiah* có vẻ rất quen thuộc.

Chúng tôi ngồi trên bờ ao, dưới ao có rất nhiều hoa sen. Người *yogi* chọn bóng mát của một thứ cây lùn thấp và ngồi dưới gốc cây, tôi cũng ngồi bên cạnh ông ta. Ngọn cây với cành lá sum sê tỏa ra trên đầu chúng tôi như một cây dù lớn. Cảnh vật nơi đây hoàn toàn vắng lặng không có một bóng người, chỉ toàn là rừng rậm bao bọc chung quanh.

Ramiah ngồi xếp bằng, hai chân tréo, và ra hiệu bảo tôi ngồi xích lại gần. Kế đó, ông ta quay mặt về phía ao sen và trong giây phút đã nhanh chóng đi vào trạng thái nhập định.

Giờ phút trôi qua một cách chậm chạp nhưng *Ramiah* vẫn ngồi điềm nhiên bất động, gương mặt ông ta cũng yên tịnh như mặt nước hồ sen, thân hình ông ta ngay ngắn như một pho tượng đồng.

Nửa giờ trôi qua, ông ta vẫn ngồi yên như thế, gương mặt dường như biến đổi bởi một sự yên tịnh càng lúc càng thâm trầm hơn trước, đôi mắt nhìn thẳng vào hư không hay nhìn những ngọn đồi xa xa ở tận chân trời tôi cũng không biết được.

Sau một thời gian không lâu, tôi dần dần chịu ảnh hưởng của bầu không khí im lặng chung quanh và sự điềm tĩnh lạ lùng của người bạn này. Một sự bằng an tuyệt vời đã xâm chiếm tâm hồn tôi một cách từ từ, thấm thía, dịu dàng và chắc chắn. Một sự ung dung

tự tại và thản nhiên trước nghịch cảnh mà tôi chưa hề bao giờ đạt tới từ trước, nay đến với tôi một cách dễ dàng. Người đạo sĩ đã giúp đỡ tôi bằng một phương pháp bí mật và huyền diệu, tôi không còn nghi ngờ gì về điều đó nữa. Ông ta đã dùng sự giao cảm giữa hai tâm thức để ảnh hưởng đến tôi một cách mầu nhiệm như thế. Sự bằng an tuyệt vời tỏa ra từ ông ta trong trạng thái thiền định thâm sâu đã có sự ảnh hưởng rõ rệt đến tâm thức đang xao động của tôi.

Sức nóng mặt trời đã giảm bớt khi đến lúc xế chiều, bãi cát nóng gắt cũng đã nguội dần. Một vài tia nắng màu vàng sậm từ hướng tây chiếu thẳng vào gương mặt của người đạo sĩ, làm cho thân hình ông ta dường như tỏa hào quang sáng chói. Một niềm an lạc vô biên tràn ngập cõi lòng tôi, những sự thay đổi của cuộc đời, những nỗi thăng trầm của số kiếp nay không còn là điều quá ư quan trọng đối với tôi nữa, khi tôi bắt đầu sống với nội tâm thiêng liêng của chính tôi.

Trong lúc đó, tôi nhận thấy một cách rõ ràng rằng con người có thể thản nhiên và an vui trước nghịch cảnh nếu người ấy nhận thức được chân ngã của mình, rằng thật là một điều khờ dại khi cứ mãi bám víu lấy những sự vật phù du giả tạo giữa cuộc đời trần gian, mãi ôm ấp vun bồi cho một cái bản ngã hoàn toàn hư dối, không thật.

Tôi cũng nhận thấy rằng khi một người nhận biết và nghe theo tiếng nói của nội tâm, người ấy sẽ có thể trải qua những cơn phong ba chìm nổi của cuộc đời thế gian mà lòng không nao núng hay sợ sệt. Tôi cảm thấy rằng, ở một nơi nào đó sâu thẳm trong nội tâm luôn tồn tại những giá trị căn bản chân thật và bất di bất dịch của cuộc đời, và khi người ta nhận thức được những giá trị ấy rồi thì tất cả những sự lo âu phiền não của cuộc đời sẽ tự nó tan biến mãi mãi không còn nữa.

Nhờ sự chuyển biến tinh thần vừa diễn ra trong tâm hồn mà tôi đã trút hết được gánh nặng của sự thất vọng ưu phiền. Tôi không còn biết tới thời gian trôi qua trong khi tôi có được cái kinh nghiệm tốt đẹp tuyệt vời nói trên, và tôi cũng không biết làm sao có thể giải thích một cách mỹ mãn sự huyền diệu của nội tâm khi nó được hoàn toàn vắng lặng và không tùy thuộc ở thời gian hay không gian.

Bóng hoàng hôn đã buông xuống khu rừng rậm. Lúc ấy tôi không còn ý thức được cảnh vật chung quanh nữa, nhưng từ sâu thẳm trong tiềm thức, tôi nhớ lại rằng màn đêm sụp xuống rất mau chóng ở vùng nhiệt đới, và lúc đó tôi đang ngồi giữa rừng sâu hoang vắng cô liêu. Tuy nhiên, tôi lại không cảm thấy sợ sệt chút nào khi ngồi bên cạnh người đạo sĩ, nhất là khi người ấy lại đưa tôi đến thám hiểm vào nội tâm huyền bí để

được thấm nhuần trong bầu không khí an lạc tuyệt vời...

Sau cùng, khi người đạo sĩ sờ nhẹ vào cánh tay tôi để ra hiệu cho tôi đứng dậy thì chung quanh trời đã tối đen. Chúng tôi nắm tay nhau đi trong đêm tối xuyên qua khu rừng hoang để trở về nhà, không có đèn đuốc soi đường, nhưng người đạo sĩ dường như được dìu dắt bởi một thứ giác quan lạ lùng. Vào một lúc khác, khu rừng này có lẽ đã làm cho tôi phải sợ sệt, vì ban đêm là lúc mà các loài thú dữ rời khỏi sào huyệt của chúng để đi kiếm mồi, và chúng tôi thừa biết là có vô số độc trùng ác thú đang lởn vởn chung quanh trong rừng này.

Tôi nhớ lại con chó *Jackie* ở đạo viện vẫn thường đi chơi với tôi trong vườn hoặc chia sớt bữa ăn với tôi ở chòi tranh, một hôm đã trở về nhà với cuống họng bị xé toang, máu me đầm đìa vì vết cắn của một con beo gấm, và một con chó khác cũng bị cọp tha mất, không trở về. Biết đâu đêm nay tôi cũng sẽ thoáng nhìn thấy trong bóng tối cặp mắt xanh biếc và sáng ngời của một con beo gấm, hay vô ý dạp nhằm một con rắn hổ mang nằm khoanh tròn dưới đất, hoặc giẫm chân lên một con bồ cạp lửa mà nọc độc có thể làm chết người dễ dàng?

Nhưng ngay tức khắc tôi cảm thấy hổ thẹn vì những ý nghĩ đó bên cạnh người đạo sĩ không hề sợ sệt, và tôi

liền nép mình trong hào quang an tịnh che chở của ông ta mà lúc này tôi cảm nhận rõ là đang bao bọc quanh tôi.

Đêm càng khuya, khu rừng càng vang rền những âm thanh rùng rợn. Tiếng sủa của một con chó rừng văng vẳng từ đàng xa. Những loài thú hoang dã khác cũng rú lên để đáp lại, và khi chúng tôi về đến gần cái ao bên cạnh nhà thì tiếng ễnh ương, rắn mối, trùng dế, dơi chuột... đang hòa thành một khúc nhạc lạ lùng, bí hiểm.

Sáng hôm sau, khi thức giấc tôi cảm thấy tâm hồn hoàn toàn nhẹ nhàng thư thái, sẵn sàng chào đón một vũ trụ tràn đầy ánh sáng, nhộn nhịp tưng bừng...

Còn biết bao nhiêu chuyện mà tôi có thể viết về đời sống ở đạo viện và về những cuộc đàm thoại của tôi với Đức *Maharichi*. Tôi càng thấy rõ rằng Ngài là người nối nghiệp của một quá khứ huy hoàng xa xăm, khi mà người ta xem sự khám phá chân lý thiêng liêng cũng có giá trị không kém gì sự tìm ra một mỏ vàng. Từ nay, tôi biết chắc rằng tôi đã gặp ở nơi thâm sơn cùng cốc này một trong những bậc siêu nhân cuối cùng còn sót lại của xứ Ấn Độ.

Gương mặt trầm lặng của vị hiền giả này làm cho tôi cảm thấy gần gũi hơn với những bậc thánh nhân

hiền triết của xứ Ấn Độ thời xưa. Tuy nhiên, tôi vẫn cảm thấy rằng cái phần thâm sâu huyền diệu nhất của Ngài vẫn chưa được biểu lộ rõ ràng. Có khi Ngài vẫn sống cách biệt một cách lạ lùng, và những khi khác Ngài lại ban rải ân huệ thiêng liêng của Ngài cho tôi với một hảo ý tuyệt vời, và điều đó nối liền tôi với Ngài bằng những sợi dây nhân duyên bền chặt và trường cửu.

Tôi đã quen dần với cái phong thái bí ẩn của Ngài và chấp nhận hiểu về Ngài theo những gì tôi nhìn thấy. Tuy Ngài sống cách biệt với thế giới bên ngoài và không chịu tiếp xúc với người thế gian, nhưng người nào có đầy đủ nhân duyên sẽ được dắt dẫn đến sự giao cảm tâm linh với Ngài. Tôi càng yêu quí Ngài hơn nữa khi tôi thấy Ngài rất giản dị và khiêm tốn giữa một bầu không khí cao cả và thiêng liêng thật sự mà người ta cảm thấy rõ rệt ở chung quanh Ngài.

Ngài không hề tuyên bố về những năng lực thần bí hay một sứ mạng thiêng liêng nào đó, cho dù điều đó chắc chắn sẽ được những người Ấn Độ dễ dàng tin theo, vì họ là một dân tộc sẵn có sự tin tưởng nơi thần quyền, và sẵn sàng thánh hóa Ngài ngay trong khi Ngài đang còn sống, nếu Ngài không phải là một người hoàn toàn chân thật và cực lực phản đối những tư tưởng đó.

Nhưng tôi vẫn cảm nhận một điều rằng sự có mặt trên thế gian của những người như Đức *Maharichi* dường như không phải là do sự ngẫu nhiên tình cờ. Ngài như một vị sứ giả thiêng liêng tiếp tục công trình của những bậc hiền giả đã từng xuất hiện trải qua dòng lịch sử nhân loại để gìn giữ, duy trì sự sinh hoạt tâm linh trên mặt dịa cầu. Người ta phải chấp nhận sự kiện là những bậc hiền giả chỉ xuất hiện để chỉ ra cho chúng ta thấy được chân lý, chứ không phải để thảo luận đôi co gì với chúng ta.

Dầu sao, những giáo lý của Ngài có một tính cách hấp dẫn đối với tôi vì nó rất thực tế và đúng tinh thần khoa học. Ngài không sử dụng đến một sức mạnh thần thông siêu phàm nào và cũng không đòi hỏi một đức tin mù quáng. Danh từ Thượng đế cũng không hề xuất hiện trên đôi môi của Ngài. Ngài chỉ đưa ra một phương pháp giúp mỗi người tự phân tách bản ngã, và phương pháp đó có thể thực hành đối với bất cứ ai, cho dù người đó có những tín ngưỡng như thế nào. Nhưng phương pháp đó khi được thực hiện một cách đúng đắn và miên mật chắc chắn sẽ đưa con người đến sự nhận thức được chân ngã hay chân như, Phật tánh của chính mình.

Càng ngày tôi càng nhận thức được rằng có một phần sức mạnh tinh thần của Đức *Maharichi* thường xuyên

được chuyển sang cho tôi, cho dù chúng tôi không trao đổi với nhau một lời nào.

Tuy nhiên, ngày dự định lên đường sắp tới làm trở ngại những cố gắng của tôi. Tôi cố nán lại ít lâu, nhưng sức khoẻ của tôi lại giảm sút và làm cho tôi phải quyết định từ giã đạo viện càng sớm càng tốt.

Thật vậy, khi nghe theo tiếng nói của nội tâm và từ *Bombay* trở về đây, tôi đã có đủ ý chí gạt bỏ sự kháng cự của một thể xác đau yếu và một tinh thần mệt mỏi để lưu ngụ tại vùng nóng bức này. Nhưng sức người có hạn, mà cái thể xác vật chất này của tôi cũng có sự giới hạn chịu đựng của nó, cho nên không bao lâu thì cơn bịnh cũ của tôi đã bộc phát trở lại và sức khoẻ của tôi nhanh chóng suy sụp đến một mức độ đáng báo động. Sự thật là tôi chưa từng bao giờ cảm thấy suy yếu đến thế.

Vài giờ trước khi bước vào một buổi thiền định bên cạnh Đức *Maharichi* thì tôi bắt đầu run lên một cách dữ dội, khắp cả thân mình toát mồ hôi như tắm, triệu chứng của một cơn sốt nóng sắp đến.

Sau khi viếng thăm một nơi thánh điện thâm nghiêm ở ngôi đền lớn, tôi hối hả trở về và bước vào tịnh thất khi giờ công phu buổi chiều đã trôi qua hết nửa phần. Tôi lẳng lặng ngồi xuống sàn gạch và tréo chân theo

thế ngồi thiền như thường lệ. Trong vài giây đồng hồ, tôi định tĩnh tinh thần và tập trung tư tưởng vào một điểm nhất định. Đến lúc tôi nhắm mắt thì tâm thức của tôi đã chú ý hoàn toàn vào nội tâm và tập trung ở đó. Hình dáng Đức *Maharichi* ngồi nhập định hiện rõ ràng trong tâm trí tôi. Noi theo lời chỉ dẫn thường xuyên của Ngài, tôi cố gắng vượt qua hình bóng ấy để an trụ vào phần vô sắc tướng, tức là bản chất thực sự của thực tại.

Tôi ngạc nhiên khi thấy những cố gắng của tôi có kết quả rất mau chóng, và hình bóng ngài đã biến mất trong tâm trí tôi, tôi không còn cảm thấy gì khác hơn là một sự an tĩnh trống không trong tâm thức.

Những suy luận của lý trí trong những lần tham thiền ban sơ của tôi trước kia đã dứt hẳn. Tôi đã từng dò hỏi, cân nhắc và phân tích những ý thức của tôi về thể chất, về tình cảm và lý trí, nhưng khi nhận thức rõ đó không phải là chân ngã, tôi đã buông bỏ hết tất cả những điều đó.

Kế đó, tôi tập trung tâm thức vào việc quán xét chính nó, để tìm xem nguồn gốc của nó ở đâu. Đây là lúc tôi bước vào giai đoạn quyết liệt. Trong khi tôi giữ cho tâm thần yên tịnh, lý trí phân biệt đã tự rút lui, cảnh vật chung quanh bắt đầu lu mờ và đắm chìm vào

một sự vắng lặng hư không. Trong trạng thái đó, hành giả thường phải luôn duy trì sự tập trung tư tưởng, không để cho tâm thức bị xao động vì bất cứ lý do gì.

Cuộc đời thế gian với bao nhiêu sự cám dỗ, thử thách, vẫn luôn rình rập chung quanh người tu tập. Giữ gìn cho thân tâm vắng lặng, không bị xao động bởi ngoại cảnh thật là một điều khó lắm thay!

Đêm nay, tôi đạt tới trạng thái đó một cách rất mau chóng, sau khi đã loại trừ một loạt những tư tưởng vẩn vơ vẫn thường đột nhập vào tâm trí trước khi tâm thần được bình tĩnh yên lặng. Một sức mạnh mới mẽ và dồi dào bắt đầu tác động mãnh liệt trong tâm thức tôi và thúc đẩy tôi tiến sâu hơn vào nội tâm. Nỗ lực đầu tiên đã mang lại kết quả thật nhanh chóng khác thường, hầu như có phần quá dễ dàng, và sự căng thẳng của giai đoạn này được nối tiếp theo sau bằng một cảm giác khoan khoái, nhẹ nhàng và thoải mái.

Trong giai đoạn kế tiếp, tôi cảm nhận được sự tách rời ra khỏi hoạt động của lý trí và quán sát nó một cách khách quan. Một tia sáng trực giác dần dần tỏa chiếu cho tôi thấy rõ rằng mọi suy diễn và khái niệm của lý trí đều chỉ hoàn toàn dựa trên nền tảng của một cái tôi hư dối, không thật và không bền vững. Tôi quán xét những tư tưởng của chính tôi với một sự siêu thoát lạ

thường. Cái trí biện luận, suy diễn từ trước đến nay vẫn được xem như một khả năng quí báu mà người ta lấy làm tự hào, nay đã bộc lộ rõ sự yếu kém và sai lầm của nó. Nhưng rồi tôi cũng nhận thấy rằng cái trí suy diễn sai lệch đó thật ra cũng không nằm ngoài bản thể của tự tánh, nên ngay khi tôi vừa nhận biết được sự hư dối của nó thì nó không còn có khả năng dắt dẫn tôi đi vào những con đường sai lệch nữa.

Thật là một điều lạ lùng mà trước đây tôi không hề biết đến. Tôi không hề nghĩ rằng người ta có thể quan sát sự hoạt động của những tư tưởng trong tâm trí mình, như thể là của một người nào khác. Nhưng quả thật là trong trạng thái thiền định hiện thời, tôi đang quan sát được từng ý niệm, từng tư tưởng của chính tôi phát khởi lên như thế nào và chấm dứt, tan biến ra sao.

Dù vậy, tôi vẫn cảm thấy còn có một sự trói buộc, hạn chế bởi những tư tưởng rất tinh tế, mà khi thoáng nhìn qua không thể hoàn toàn nhận biết được. Nhưng càng ngày những tư tưởng vi tế ấy càng xuất hiện nhiều hơn và thực sự tạo thành một áp lực khó lòng dứt bỏ, giải thoát được. Tôi nhớ lại rằng đức *Maharichi* không bao giờ bảo tôi nên chặn đứng một cách quyết liệt những hoạt động của lý trí. Ngài luôn dặn dò rằng:

- "Con chỉ cần truy ngược dòng mọi tư tưởng cho đến lúc thấy được tận nguồn gốc sinh khởi của nó, và khi con nhận thức được bản chất thực sự của mọi tư tưởng thì tự chúng sẽ chấm dứt, tan biến như những bọt nước mà thôi."

Tôi liền buông bỏ mọi cố gắng kháng cự với sự sinh khởi của các niệm tưởng và tự đưa mình vào một trạng thái tỉnh giác nhưng hoàn toàn không phản kháng. Tôi có cảm tưởng rằng trạng thái tỉnh giác này rất giống như một con rắn đang lặng lẽ rình mồi.

Tôi duy trì trạng thái thiền định đó cho đến khi tôi nhận thức được rằng lời dạy của đức *Maharichi* quả thật không sai. Những đợt sóng niệm tưởng bắt đầu giảm bớt dần dần và ngày càng trở nên yếu ớt, trong khi sự tỉnh giác trong tâm thức tôi ngày càng sáng suốt hơn. Tôi bắt đầu kinh nghiệm được một trạng thái an lạc lạ lùng khoan khoái nhất từ trước đến giờ.

Thời gian dường như ngừng trôi khi tâm thức tôi tràn ngập trạng thái an lạc và sáng suốt đó. Những cảm xúc của giác quan thông thường dường như đã hoàn toàn mất hẳn, tôi không còn nghe, thấy, nhận biết hay nhớ nghĩ đến điều gì nữa. Và trạng thái an lạc này dường như có thể kéo dài bất tận mà không chịu bất cứ một sự giới hạn nào.

Trong trạng thái an lạc đó, tôi cảm thấy được một điều mới lạ là sự tự do tuyệt đối hoàn toàn. Một khái niệm tự do mà trước đây dù có ai mô tả cho tôi hẳn tôi cũng không sao hiểu được. Đó là sự thoát hẳn ra khỏi mọi chi phối và dẫn dắt của tư tưởng, thật chẳng khác nào thoát ra khỏi chốn ngục tù đen tối để thở hít bầu không khí tự do phóng khoáng bên ngoài! Và còn hơn thế nữa, đây là một sự tự do không còn giới hạn, cho dù giới hạn đó là không gian mênh mông hay thời gian vô tận.

Trong trạng thái an lạc đó, những đắng cay của dĩ vãng, những ưu tư phiền muộn của tương lai, thảy đều tiêu tan không còn chỗ đứng. Tôi đã đạt được một sự tự do thiêng liêng và một niềm hạnh phúc an lạc không thể tả. Tôi cảm nhận được mình đang mở rộng hai tay ôm lấy toàn thể vũ trụ và muôn loại chúng sinh với một tình thương bao la thâm trầm, vì tôi đã hiểu được một cách sâu sắc rằng: "Khoan dung không chỉ là tha thứ, mà còn là thương yêu tất cả!"

Con người không bao giờ có thể tìm thấy chân giá trị của cuộc đời khi chưa biết được giá trị của sự thương yêu. Do sự si mê đó, người ta điên đảo chạy theo những lý thuyết tà vạy, tìm kiếm hạnh phúc của chính mình bằng cách đánh cắp hạnh phúc của kẻ khác. Thật là hoang tưởng! Nhưng sự hoang tưởng đó đã ngự trị

trong nhân loại từ Đông sang Tây hàng bao nhiêu thế kỷ rồi! Tất cả những cuộc chiến tranh khốc liệt đã từng xảy ra trên mặt đất này đều nói lên điều đó. Chúng chẳng có ý nghĩa gì khác hơn là sự tranh giành hạnh phúc, vì người ta luôn tưởng rằng hạnh phúc là một cái gì đó có thể cướp lấy từ kẻ khác. Nhưng sự thật đã cho thấy điều ngược lại. Kẻ thắng và người thua trong một cuộc chiến đều phải nhận lãnh những mất mát khổ đau thay vì là sự an vui hạnh phúc như người ta mong đợi.

Ngược lại, khi người ta biết mở lòng thương yêu kẻ khác thì chính bản thân họ sẽ có thể tìm thấy lẽ sống chân thật trong sự an vui hạnh phúc thật sự, mà người được thương yêu cũng nhận được những niềm vui an ổn. Quả là một nhận thức có vẻ như đi ngược lại với những gì mà nhân loại đang theo đuổi, nhưng đó lại là một nhận thức hoàn toàn sáng suốt và chính xác. Con người chỉ có thể tìm được ý nghĩa đó khi chịu quay lại quán xét nội tâm của chính mình.

Con người từ xa xưa đã luôn khắc khoải đi tìm ý nghĩa đích thật của cuộc đời, nhưng không hề biết rằng cái ý nghĩa sâu xa và chân thật nhất của đời chỉ có thể được tìm thấy ngay trong nội tâm của mỗi người. Khi một người sống buông thả theo dục vọng thì sự sáng suốt trong nội tâm sẽ là một điều hoàn toàn xa lạ đối

với anh ta. Và một khi biết quay về với sự tĩnh lặng trong nội tâm, kiềm chế mọi dục vọng, thì trí tuệ sáng suốt chắc chắn sẽ tự nhiên được hiển lộ. Nguyên lý đơn giản này lại chính là những gì mà tất cả các bậc thánh nhân hiền triết đông tây kim cổ đều nhận biết.

Con người luôn hướng về những bậc hiền triết từ thời xưa để tìm học những tư tưởng cao siêu và những triết lý uyên áo, nhưng thật ra thì những sự tìm kiếm đó chẳng bao giờ mang lại cho chúng ta một tri thức giác ngộ thật sự. Chỉ khi nào ta nhận biết được bản tính chân thật của chính mình thì tâm thức ta mới được tắm tràn trong ánh sáng trí tuệ. Tất cả những gì là tốt đẹp cao cả về tư tưởng và tình cảm đều sẽ tự chúng hiển hiện trong tâm thức chúng ta một cách dễ dàng mà không cần phải tìm kiếm.

Sự giác ngộ tự tánh cũng sẽ đồng thời làm thức tỉnh một tình thương bao la rộng lớn đến nỗi có thể chuyển hóa được cả một đời người, và cũng chuyển hóa cả những người chung quanh. Không gì có thể làm thay đổi được chân lý cổ xưa này, mặc dầu có thể nó đã được biết đến qua nhiều thế hệ kể từ khi con người bắt đầu xuất hiện trên quả này; nhưng cũng không gì khó đạt được hơn chân lý giản dị này, bởi những dục vọng tiềm tàng trong mỗi con người luôn xô đẩy chúng ta đi về hướng ngược lại.

Mặc dù không còn một chút ý niệm nào về thời gian trôi qua, nhưng cuối cùng rồi tôi cũng ra khỏi trạng thái thiền định thâm sâu kỳ diệu đó. Tôi nhận thấy rằng tôi vẫn còn ngồi trong tịnh thất của Đức *Maharichi*, nhưng gian phòng giờ đây đã vắng lặng như tờ, làm tôi có cảm giác như không còn sự hiện diện của bất cứ ai khác. Đôi mắt tôi chợt nhìn lên chiếc đồng hồ treo tường và nhận ra rằng giờ này có lẽ tất cả mọi người đều đã đến phòng ăn để dùng cơm chiều.

Kế đó, tôi cảm thấy hình như vẫn còn có ai đó đang ngồi bên cạnh tôi. Đó là vị đệ tử già bảy mươi lăm tuổi vẫn còn ngồi cạnh tôi trên sàn gạch và chăm chú nhìn tôi một cách rất có thiện cảm. Ông ta cho tôi biết:

- Sư huynh đã nhập định được gần hai tiếng đồng hồ.

Tôi đưa mắt nhìn, gương mặt của ông ta đầy những vết nhăn, dấu tích sự tàn phá của thời gian. Ông ta vừa nói với tôi vừa nở một nụ cười rất tươi, dường như cũng nhận biết và muốn chia sớt niềm hạnh phúc vừa rồi của tôi. Tôi định mở lời để đáp lại, nhưng lấy làm ngạc nhiên mà thấy rằng tôi không thể phát ra tiếng nói được nữa! Phải mất gần mười lăm phút sau đó tôi mới thu hồi lại được giọng nói của mình. Trong khi đó, ông lão lại nói tiếp:

- Đức *Maharichi* đã theo dõi sư huynh một cách chặt chẽ trong suốt thời gian đó.Khi đức Tôn Sư trở lại tịnh thất, những người đi theo Ngài cũng vào ngồi lại một lúc trước khi sửa soạn đi ngủ. Ngài bước lên giường gỗ ngồi xếp bằng như thường lệ. Ngài ngồi trong tư thế nghỉ, khuỷu tay mặt chống lên đùi, bàn tay mặt đỡ lấy cằm, hai ngón tay đặt bên gò má. Bốn mắt chúng tôi gặp nhau, và ngài tiếp tục nhìn tôi một cách chăm chú.

Khi người tiểu đồng hạ thấp cái bấc đèn theo như lệ thường mỗi đêm, tôi lại ngạc nhiên khi nhận ra một tia sáng lạ thường trong cặp mắt yên lặng của đức Tôn Sư. Đôi mắt Ngài chiếu sáng ngời như hai ngôi sao giữa đêm tối. Tôi chưa từng gặp một người nào có cặp mắt lạ lùng như nhà hiền triết này. Nếu cặp mắt con người có thể biểu lộ một năng lực siêu nhiên thì hẳn đó chính là trường hợp của Đức *Maharichi*.

Khói trầm bay lên nghi ngút tỏa mùi thơm khắp phòng trong khi tôi vẫn nhìn vào đôi mắt không chớp của Ngài. Bốn mươi phút lặng lẽ trôi qua trong tình trạng đó, tôi với Ngài đều im lặng nhìn nhau mà không ai thốt ra một lời nào. Giữa lúc này, lời nói nào có ích gì. Bây giờ, chúng tôi hiểu nhau hơn trong im lặng, vì trong cái im lặng thâm trầm đó tâm hồn chúng tôi hòa hợp lẫn nhau một cách tuyệt diệu và chính trong sự

giao cảm âm thầm này mà tôi nhận được một thông điệp không lời nhưng rất rõ ràng.

Sau khi tôi đã nhận thức được quan điểm của Đức *Maharichi* về cuộc đời, từ nay đời sống nội tâm của tôi đã bắt đầu có thể hòa hợp với sống tinh thần của Ngài.

Trong hai ngày kế đó, tôi phải chiến đấu với cơn sốt sắp đến và cố gắng giữ vững tinh thần. Vị đệ tử già bước đến chòi của tôi vào một buổi trưa và nói:

- Thời gian chung sống của sư huynh với chúng tôi nay đã chấm dứt. Nhưng chắc có ngày sư huynh sẽ trở lại với chúng tôi chứ?

- Lẽ tất nhiên tôi sẽ trở lại.

Tôi đáp một cách tự tin. Khi anh ta ra về, tôi đứng trước cửa nhìn lên ngọn đồi thiêng, *Arunachala*, nói theo tiếng Ấn Độ. Nó đã trở thành cái bối cảnh linh thiêng của cuộc đời tôi. Bất cứ lúc nào, khi tôi đang làm gì, dầu là đang ăn uống, nói chuyện, đi bách bộ, hay ngồi thiền, tôi chỉ ngước mắt lên là nhìn thấy cái dáng hùng vĩ của nó nhô lên trước mặt, hoặc ở chỗ lộ thiên, hoặc xuyên qua khung cửa sổ. Người ta không thể quan niệm được rằng một nơi đạo viện thâm nghiêm như chốn này mà không có một ngọn đồi như thế, và tôi cũng đã chịu ảnh hưởng bởi cái sức hấp dẫn lạ lùng của nó.

Chiều đến, tôi chào từ giã tất cả mọi người trong đạo viện, trừ ra Đức *Maharichi*. Tôi cảm thấy nhẹ nhàng sung sướng bởi vì tôi đã thành công trong sự chiến đấu để đạt tới một kết quả chắc chắn về đường tâm linh, và cũng bởi vì tôi đã thắng trận mà không phải hy sinh cái thái độ hợp lý của tôi cho một đức tin mù quáng.

Tuy nhiên, khi Đức *Maharichi* cùng tôi bước ra đến sân đạo viện lần cuối cùng, tôi cảm thấy sự sung sướng của tôi thình lình biến mất và nhường chỗ cho một nỗi buồn man mác. Tôn Sư đã chinh phục được tôi một cách lạ lùng và tôi cảm thấy buồn vô hạn khi phải từ giã Ngài ra đi.

Ngài đã nối liền hai linh hồn chúng tôi bằng những sợi dây nhân duyên vô cùng bền chặt, tuy rằng Ngài không có ý muốn nào khác hơn là giúp tôi tự giải thoát. Ngài đã giúp tôi nhận thức được chân như, Phật tánh và tự mình biến những danh từ đó thành một kinh nghiệm sống động, độc đáo và vô cùng huyền diệu.

Tôi cố kéo dài giờ phút từ biệt, và không thể nào biểu lộ hết những nỗi xúc cảm thâm trầm trong lòng tôi.

Nền trời xanh thẫm chiếu muôn ngàn ánh sao lóng lánh, vầng trăng non mới mọc giống như cái lưỡi liềm bằng bạc treo lủng lẳng trên không trung. Hàng nghìn

con đom đóm lập lòe làm cho khu vườn trở thành một tấm thảm chói sáng rực được thêu bằng kim cương, và những chiếc lá dừa đẩy đưa một cách dịu dàng trước ngọn gió chiều hiu hắt.

Cuộc phiêu lưu kỳ diệu của tôi vào cảnh giới tâm linh đã mang đến cho tôi những kết quả tuyệt diệu không ngờ, nhưng giờ phút chia tay với nơi này cũng đã đến. Tuy vậy, biết đâu rồi thế cuộc xoay vần lại chẳng có ngày nào đó tôi sẽ trở lại chốn này?

Tôi chắp hai tay đưa lên trán theo phong tục bản xứ và thốt vài lời từ biệt. Ngồi trên chiếc giường gỗ, Tôn Sư không nói một lời. Dưới ánh đèn dầu leo lét, tôi còn thoáng thấy gương mặt trầm lặng của Ngài với màu da đồng bạch và cặp mắt sáng ngời. Một cái chắp tay vái chào cuối cùng, một cái vẫy tay nhẹ của Ngài đáp lại, và thế là hết.

Tôi trèo lên cỗ xe bò đợi sẵn ngoài sân, người phu xe vung roi quất mạnh. Cỗ xe từ từ lăn bánh, hai con bò dễ dạy lầm lũi tiến bước trong đêm khuya thơm ngát mùi hương của vùng nhiệt đới.

MỤC LỤC